
NHẬT LÁ BỒ-ĐỀ

NHẬT LÁ BỒ-ĐỀ

TẬP 1

LỜI ĐẦU SÁCH

Phật pháp là Thuyền từ đưa người qua bể khổ sang bờ giác mà cũng là vị thuốc hay, cứu lành trăm bệnh. Muốn thoát ly sanh tử ra khỏi luân hồi, là người con Phật phải cố gắng học hỏi lời Phật dạy để áp dụng cho đời sống tu tập - hầu đem lại lợi ích cho mình và mọi người trong hiện tại và mai sau... tập sách nhỏ này do các thiền sinh tại tu viện Chơn Không ghi lại các buổi nói chuyện của thầy Viện chủ trong những buổi chiều tại trai đường hoặc ở nhà khách. Những buổi nói chuyện này không cố định dài ngắn hay sắp theo thứ tự từ thấp lên cao hoặc một hệ thống giáo lý nào (Đại thừa hoặc Tiểu thừa), mà Thầy chỉ tùy căn cơ, tùy hoàn cảnh giảng nói miễn sao có được lợi lạc cho người nghe. Có khi do xem Kinh, đọc Sử, đọc Luận thấy có đoạn nào hay, bài kinh nào thích, Thầy thuật lại cho đại chúng nghe. Có khi trả lời những nghi vấn của Phật tử

các nơi tới hỏi. Hoặc có những trường hợp giải nghi và phá chấp cho thiền sinh v.v...

Xét thấy một số tăng ni và Phật tử có lòng hâm mộ Phật pháp nhưng ít được dịp nghe Thầy giảng dạy, chúng tôi cố gắng ghi lại một ít tài liệu cần thiết để giúp quý vị có phương tiện nghiên cứu, gọi là *Kiến hòa đồng giải* với nhau.

Vì ghi nhanh, chúng tôi chỉ ghi được đại ý hoặc những điểm trọng yếu của câu chuyện hay bài kinh mà không thể ghi hết từng chi tiết được

Sau bài kinh hoặc mẫu chuyện đạo, có thêm đoạn bình luận để làm sáng tỏ thêm ý kinh cho người đọc dễ nhận (bình luận này hoặc ghi lời bình của thầy Viện chủ, hoặc viết theo nhận hiểu của các thiền sinh).

Những bài được ghi vào đây phần nhiều trích ở Thiên Ký Sự về tu viện Chơn Không do các thiền sinh ghi lại, nhưng rất tiếc chưa đủ duyên xuất bản.

Suốt thời gian qua tại Chơn Không, thầy Viện chủ giảng nói rất nhiều. Chúng tôi chỉ ghi lại nơi đây một ít bài thiết yếu để tưởng nhớ lời dạy dỗ của Thầy, vì lòng từ bi vô hạn, không phút giây nào quên nhắc nhở tăng ni và Phật tử tinh tiến tu hành để ra khỏi sanh tử.

Viết tại tu viện Chơn Không
Ngày cuối thu năm 1985
Thay mặt các thiền sinh

THÍCH PHƯỚC HẢO

PHẦN I

TRÍCH GIẢNG KINH A-HÀM

1. Trả lời trong im lặng⁽¹⁾

Vua Ba-tư-nặc đến hỏi đạo Tỳ-kheo-ni Khema.

Vua hỏi:

- Sau khi Phật Niết-bàn có còn chăng?

Bà Khema đáp:

- Câu này Thế Tôn thường không trả lời.

Vua hỏi:

- Như vậy sau khi Phật Niết-bàn không còn chăng?

Bà đáp:

- Câu này Thế Tôn thường không trả lời.

⁽¹⁾ Mỗi đề mục đều do người ghi thêm vào.

Vua hỏi tiếp:

- Sau khi Phật Niết-bàn cũng còn cũng không còn chẳng? Chẳng phải còn chẳng phải không còn chẳng?

Bà Khema cũng đáp:

- Câu này Thế Tôn thường không trả lời.

Vua lại hỏi:

- Vì sao không trả lời?

Bà đáp:

- Ví như trong nước có nhà toán học giỏi, thử bảo toán xem cát trong sông Hằng là bao nhiêu, toán được không?

Vua đáp:

- Không thể toán được.

- Lại bảo toán xem nước biển đại dương là bao nhiêu đấu, toán được không?

Vua cũng đáp:

- Không thể toán được.

Bà nói:

- Cũng vậy, Thế Tôn đã dứt sạch sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không thấy có ta và của ta. Ngài đã vào chỗ thâm sâu không thể nghĩ lường được nên Phật không trả lời.

Vua lại đến hỏi Phật, Phật cũng đáp như vậy.
Vua khen:

- Hay thay! Hay thay! Phật và đệ tử Phật đều nói không khác.

Bình:

Sở dĩ hỏi Như Lai còn hay không còn, là bởi trong lòng còn chứa cái niệm ta và của ta. Vì chấp năm uẩn là thật ta nên băn khoăn thắc mắc sợ tu hành rốt sau rồi không còn gì để nương tựa nữa. Đó là còn nghĩ đến có thân để thụ hưởng. Rõ ràng người đặt câu hỏi này hoàn toàn chưa thoát khỏi năm uẩn. Người đạt năm uẩn không thật, chẳng còn có niệm ta và của ta thì sự còn mất của nó đâu còn quan trọng nữa!

Thí dụ có người đứng nơi bến tàu thấy kẻ lên người xuống tấp nập nhưng không hề ngó ngang gì tới cả. Bất chợt thấy có một người thân trong đó liền chạy đến hỏi han: Đi đâu? Bao giờ trở lại? v.v... Vì sao thế? Vì có liên hệ đến ta; còn thấy có ta là còn vương vấn. Trái lại bao nhiêu người khác vì không dính dáng gì đến ta nên mặc tình họ đi đâu thì đi không cần để ý.

Kết luận điểm này, hễ còn nghiệp là còn sanh, còn sanh thì còn có chỗ để nói. Như Lai đã hết nghiệp nên không chỗ sanh, không chỗ sanh nên không thể nói, do đó chỉ im lặng, dứt hết hý luận.

2. Kinh Rùa Mù Tìm Bọng Cây

Một hôm Phật ở Trùng Các giảng đường bên hồ Di Hâu, tôi nghe như vậy:

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ví như quả đất sụp thành bể cả, có một con rùa mù sống vô lượng kiếp, một trăm năm mới trồi đầu lên một lần. Trong biển có bọng cây nổi chỉ có một lỗ, trôi giạt trên mặt biển theo gió

sang đông tây, con rùa mù một trăm năm mới trời đầu lên tìm bọng cây, sẽ được gặp bọng cây này chẳng?

A-nan bạch:

- Không thể gặp, thưa Thế Tôn! Vì có sao? Vì con rùa này nếu đến bể Đông, bọng cây đã theo gió đến bể Tây, Nam, Bắc bốn phía, chung quanh cũng vậy, không thể gặp nhau.

Phật bảo A-nan:

- Con rùa mù tìm bọng cây tuy sai lạc, nhưng có lúc gặp nhau, kẻ phàm phu ngu si trôi dạt trong ngũ thú tạm được thân người rất khó hơn con rùa mù kia tìm bọng cây. Vì có sao? Vì chúng sanh kia không hành nghĩa, không hành pháp, không hành thiện, không hành chân thật, sát hại lẫn nhau, mạnh hiếp yếu, tạo vô lượng tội ác. Thế nên, Tỳ-kheo! Đối tứ thánh đế nếu chưa được vô gián đẳng, phải chuyên cần tìm phương tiện mong muốn tăng thượng, học vô gián đẳng.

Phật nói kinh này rồi, chư Tỳ-kheo nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Bình:

Qua câu chuyện rùa mù Phật dẫn trên, chúng ta xét có trái với tinh thần *vô ngã* của Phật giáo không? Vì chủ trương của Phật giáo là phá ngã, thấy thân ngũ uẩn giả hợp như bèo bọt không nghĩa lý gì, tại sao ở đây lại quý thân?

Thật ra ở đây nói thân này *khó gặp*, không phải quý thân và quan trọng nó tợ hồ một bảo vật để tôn thờ

như người ta lầm tưởng, mà ý nghĩa quý ở đây là muốn nói đến trong cuộc sống, thời gian sống, phải làm gì cho đúng ý nghĩa của nó.

Ở đời có hai hạng người lầm chấp:

- Hạng người thứ nhất quá bi quan đối với thân này, cho nó là bất tịnh, là xấu xa, đê tiện, tạm bợ v.v... rồi muốn phá hoại cho nó tiêu tan, như câu chuyện: Khi Phật còn tại thế, một hôm giảng đạo, ngài nói về pháp *Quán thân bất tịnh*. Sau đó ngài tuyên bố với chúng tăng để cho ngài ở yên một thời gian ba tháng, không ai được thăm viếng chỉ trừ một người thị giả thôi. Sau ba tháng trở ra, ngài thấy số Tỳ-kheo bỗng nhiên thưa thớt đi. Ngài hỏi lý do thì A-nan thưa rằng: Sau khi nghe Thế Tôn giảng về pháp *Quán bất tịnh*, các thầy Tỳ-kheo quán thấy thân này như nhớp quá nên một số các thầy muốn người giết đi để khỏi còn thấy nó nữa! Phật liền họp các thầy Tỳ-kheo lại, chế giới ngăn cấm: *Không ai được muốn người giết, nếu muốn giết là phạm giới*. Đó là hạng thứ nhất.

- Hạng người thứ hai thì trái lại, họ quá quan trọng thân này, quanh năm suốt tháng cứ một bề lo bồi bổ tưng tiu chiều chuộng cái thân, không dám dùng nó vào việc gì, mặc dù việc đáng làm và nên làm.

Hai hạng trên đều trái với tinh thần đạo lý của Phật dạy. Phật nói thân này là vô thường, bất tịnh v.v... là chỉ rõ lẽ thật cho chúng ta nhận thấy để khỏi đắm mê chạy theo dục lạc. Khi hiểu rõ rồi, chúng ta lại phải lợi dụng nó để tiến tu hoặc làm các việc lợi ích

cho mọi người... Chứ không phải hiểu lý vô thường để bị quan chán đời rồi đi tự tử, thật là một điều lầm lẫn!

Với cặp mắt giác ngộ của người tu Phật, vẫn thấy thân này là giả tạm vô thường, không đáng kể, nhưng họ vẫn giữ lấy thân này để làm phương tiện tiến tu. Như người muốn qua sông, vẫn biết khúc gỗ mục không đáng giá chút nào, nhưng lúc chới với giữa dòng vẫn phải dùng nó làm chiếc phao khi mình chưa đến bờ. Có ai dại dột gì, khi còn lênh đênh ngoài biển mà vội bỏ “bè” không? Cũng thế, khi chưa đạt đạo thì phải mượn thân này làm thuyền bè để đến bờ giác ngộ. Khi qua đến bờ lúc đó bỏ bè cũng không mượn gì. Nếu chưa đạt đạo mà vội hủy thân là một điều lầm lẫn đáng tiếc!

Trong kinh chép: Một hôm Phật khơi một chút đất dính đầu móng tay đưa lên hỏi trong chúng hội: “Đất đầu móng tay nhiều hay đất quả địa cầu nhiều?” Trong chúng hội đều đáp: “Bạch Thế Tôn, đất quả địa cầu rất nhiều, so với đất đầu móng tay có thấm vào đâu!” Phật kết luận: “Cũng thế, chúng sanh khi bỏ thân này rồi mà trở lại được thân người rất ít như đất đầu móng tay, còn đi vào các thú thì nhiều như đất quả địa cầu”.

Cũng nói ý này, cổ đức có câu: *Trăm năm cây sắt trở bông còn dễ, một phen mất thân này, muôn kiếp khó tìm* (Thiên niên thiết thọ khai hoa dị, nhứt thất nhân thân vạn kiếp nan).

Vì thế, chúng ta là hành giả đang đi trên lộ trình xa vạn dặm, phải có quan niệm chính xác đối với thân này để khỏi phải dờ dang giữa đường mà chưa đạt đến bờ kia!

3. Kinh Nhân Quả

Một hôm Phật ở nước Xá-vệ rừng Kỳ-đà vườn ông Cấp Cô Độc, tôi nghe như vậy:

Khi ấy vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật:

- Thế nào? Thế Tôn! Bà-la-môn chết rồi trở lại sanh trong dòng Bà-la-môn chẳng? Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la cũng thế chẳng?

- Đại Vương! Đâu được như vậy. Đại Vương nên biết có bốn hạng người:

1/ Có người từ tối vào tối.

2/ Có người từ tối vào sáng.

3/ Có người từ sáng vào tối.

4/ Có người từ sáng vào sáng.

Đại Vương! Thế nào là hạng *người từ tối vào tối*? Có những người sanh trong nhà ty tiện hoặc nhà Chiên-đà-la (Candala), nhà làm lưới bẫy, nhà đương đất, nhà thợ mộc và các nghề nghiệp hạ tiện, nghèo cùng, chết yểu, thân thể xấu xa, mà lại làm những nghề hạ tiện, cũng bị người sai làm việc hạ tiện, ấy gọi là tối. Ở trong chỗ tối, người kia lại thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, do nhân ấy thân hoại mạng chung sẽ sanh cõi ác đọa địa ngục. Ví như có người từ tối vào tối, từ nhà xí vào nhà xí, dùng máu rửa máu, xả ác thọ ác, người từ tối vào tối cũng như thế.

Thế nào là *người từ tối vào sáng*? Có những người sanh trong gia tộc ty tiện, cho đến làm nghề hạ tiện, ấy gọi là tối. Nhưng người kia ở trong chỗ tối này, thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, do nhân duyên ấy thân hoại mạng chung sanh vào cõi lành được hóa sanh lên cõi trời. Ví như có người bước lên chõng từ chõng cưỡi ngựa, từ ngựa lên voi, từ tối vào sáng cũng như thế.

Thế nào là *người từ sáng vào tối*? Có những người sanh trong gia tộc giàu sang hoặc nhà Sát-lợi giàu sang, hoặc nhà Bà-la-môn giàu sang, nhà trưởng giả và các gia đình giàu sang nhiều tiền của, tài tứ, nhiều trí thức, thân tốt đẹp, thông minh trí tuệ, ấy gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, thân hành ác, khẩu hành ác, ý hành ác, do nhân duyên ấy thân hoại mạng chung sanh cõi ác, đọa địa ngục. Ví như có người từ lầu cao xuống cưỡi voi, từ voi xuống lưng ngựa, từ ngựa xuống xe, từ xe xuống chõng, từ chõng xuống đất, từ đất rơi xuống hầm, từ sáng vào tối cũng như thế.

Thế nào là *người từ sáng vào sáng*? Có những người sanh trong gia tộc giàu sang cho đến hình tướng tốt đẹp. Ở trong chỗ sáng này thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, do nhân duyên này thân hoại mạng chung sanh cõi lành được hóa sanh cõi trời. Ví như có người từ lầu đẹp đến lầu đẹp, như thế cho đến từ chõng đến chõng, người từ sáng vào sáng cũng như thế.

Khi ấy Thế Tôn nói bài kệ:

*Người bạn cùng khốn khổ
Không tin thêm sân hận
Sân tham tưởng ác tà
Si mê không cung kính
Thấy Sa-môn, đạo sĩ
Người trì giới, đa văn
Chê bai, không khen ngợi
Chướng người trí kẻ thọ
Kẻ sĩ phu như thế
Từ đây đến đời sau
Sẽ đọa trong địa ngục
Từ tối vào nơi tối.*

*Nếu có người bạn cùng
Tín tâm ít sân hận
Thường sanh tâm tâm quý
Bố thí lìa xan tham
Thấy Sa-môn, Phạm chí
Người trì giới, đa văn
Thấp mình và thăm hỏi
Tùy nghi khéo giúp đỡ
Khuyên người khiến bố thí
Khen thí và người thọ
Người tu thiện như thế*

*Từ đây đến đời sau
Cõi lành sanh trên trời
Từ tối vào nơi sáng.*

*Có sĩ phu giàu vui
Không tin, nhiều sân hận
Sân tham, tật tưởng ác
Tà si không cung kính
Thấy Sa-môn, Phạm chí
Chê bai không khen ngợi
Chướng ngại người bố thí
Cũng đoạn người thọ thí
Sĩ phu ác như thế
Từ đây đến đời sau
Sẽ sanh địa ngục khổ
Từ sáng vào trong tối.*

*Nếu có sĩ phu giàu
Tín tâm không sân hận
Thường khởi tâm tâm quý
Tuệ thí lìa sân đố
Thấy Sa-môn, Phạm chí
Người trì giới, đa văn
Trước kính đón thăm hỏi
Tùy nghi cấp chỗ cần
Khuyên người khiến cúng dường*

*Khen thí và thọ thí
 Kẻ sĩ phu như thế
 Từ đây đến đời sau
 Sanh tam thập tam thiên
 Từ sáng vào nơi sáng.*

Phật nói kinh này rồi, vua Ba-tư-nặc nghe Phật nói hoan hỷ tùy hỷ làm lễ rồi lui đi.

Bình:

Đọc qua bài kinh Nhân Quả trên, chúng ta thấy lý nhân quả của đạo Phật rất rộng rãi và phóng khoáng. Bởi một số đông người trong thế gian lầm chấp: hễ người chết sanh cõi người, trời chết sanh cõi trời, thú vật chết sanh thú vật v.v... Họ đâu có biết cuộc sống của chúng ta là một dòng chuyển biến, chuyển biến liên tục từng sát-na. Từ khi mở mắt chào đời là đã chịu quả báo của nghiệp nhân quả quá khứ. Dần dần thành một con người là nó tạo thêm nghiệp mới. Nếu gặp duyên lành ở trong hoàn cảnh tốt, gần thiện hữu tri thức dạy điều lành, điều tốt thì nó sẽ tiến lên các cõi lành. Trái lại gần người ác, hoàn cảnh xấu xa nhiễm theo nghiệp ác, nó sẽ đọa xuống các cõi dữ. Như thế cứ tiếp tục thăng trầm từ đời này sang kiếp khác, không bao giờ dứt (gây nghiệp trả quả báo, trả quả báo rồi gây nghiệp v.v...)

Vì thế ở đây Phật nêu lên bốn hạng người:

- 1/ Người từ tối vào tối.
- 2/ Người từ tối vào sáng.
- 3/ Người từ sáng vào tối.
- 4/ Người từ sáng vào sáng.

- Hạng người thứ nhất là người kém phước đức. Đời trước đã gieo nhân bất thiện, nên hiện nay gặp quả báo sanh chỗ xấu ác. Thế mà cũng chẳng biết làm thiện để chuyển đổi nghiệp nhân đau khổ, họ đành chịu quả khổ mãi mãi như từ tối vào tối.

- Hạng người thứ hai, cũng ở trong hoàn cảnh xấu ác (do nghiệp quá khứ), nhưng họ biết chuyển nghiệp dữ thành nghiệp lành, tức họ hết khổ đau như từ tối vào sáng.

- Hạng người thứ ba là hạng người có phước đức, do đời trước tạo nhân tốt, đời này hưởng quả lành, nhưng họ không biết tu tiến, cứ tha hồ thụ hưởng dục lạc, gây tạo ác nghiệp để rồi phải gặt hái quả khổ đau như từ sáng vào tối.

- Hạng người thứ tư, người này vừa có phước đức lại biết huân tu nghiệp lành, tránh xa nghiệp ác. Người này mỗi ngày một tiến lên, tâm trí sáng ngời, tương lai họ sẽ lên quả giải thoát như từ sáng vào sáng.

Tóm lại trong bốn hạng người nói trên, có hai hạng biết cầu tiến (hạng thứ hai và hạng thứ tư) và có hai hạng không biết cầu tiến (hạng thứ nhất và hạng thứ ba). Như thế việc tu hành có tiến hay thối đều do chúng ta có chịu chuyển đổi nghiệp nhân hay không chứ không phải do ai định đoạt. Và nghiệp nhân cũng không phải cố định vĩnh viễn thiện ác... mà tùy chúng ta chuyển đổi đó thôi.

Biết được lẽ này, chúng ta mới nỗ lực tu thiện, đoạn ác và không kẹt vào hai chấp “thường” và “đoạn” của ngoại đạo.

4. Giữ gìn gia bảo

Một hôm Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: Nay các Tỳ-kheo! Trong hàng đệ tử ta có chia làm bốn hạng người. Thế nào là bốn?

1/ Hạng người ngoài chín trong sống.

2/ Hạng người ngoài sống trong chín.

3/ Hạng người ngoài sống trong sống.

4/ Hạng người ngoài chín trong chín.

Thế nào là *hạng người ngoài chín trong sống*? Tức là những kẻ tu hành bên ngoài thấy thanh tịnh nghiêm trang mà bên trong thì buồn lung, tư tưởng không thể điều phục.

Thế nào là *hạng người ngoài sống trong chín*? Tức là những kẻ bên trong thanh tịnh nhưng ngoài thì hạnh thô tháo phóng túng.

Thế nào là *người ngoài sống trong sống*? Tức là những kẻ trong ngoài đều không thanh tịnh.

Thế nào là *người ngoài chín trong chín*? Tức là những kẻ trong ngoài đều thanh tịnh.

Này các Tỳ-kheo! Chính hạng người sau cùng này mới là hạng thanh tịnh chân thật, xứng đáng là người giữ gìn gia bảo Như Lai.

Bình:

Đọc qua bốn hạng người trên, chúng ta mỗi người hãy tự kiểm điểm lại xem mình thuộc hạng nào?

- Chúng ta có phải là kẻ chỉ lo trau dồi cái hình tướng bề ngoài cho trang nghiêm thanh tịnh ra dáng tu hành tinh tiến lắm, nhưng trong lòng để rơm rác đầy dẫy, chất chứa bao nhiêu là tư tưởng xấu xa đen tối mà không hề có phút giây chiếu soi trở lại, điều phục lấy mình. Thật hổ thẹn xiết bao! Có biết đâu đối người thì đặng nhưng đối mình thì không thể được. Một khi nhân duyên chín mùi, chiếc áo đẹp bên ngoài rã nát thì những gì chứa ẩn bên trong lâu nay nó bày hiện ra cả, nhân nào quả nấy, chúng ta tự thọ khổ, che đậy được đâu? Ngoài chín mà trong sống là không thể dùng được.

- Hoặc kẻ bên ngoài thì buông lung phóng túng, hạnh lại thô tháo, có ai nhắc nhở cho thì bảo: “Tôi tự giữ bên trong.” Thật lắm to! Nếu đã bên trong được thanh tịnh thì cứ gì lại hiện ra tướng thô tháo? Trừ một vài trường hợp Bồ-tát hiện thân đặc biệt, vì cảm hóa một số người nào đó, còn ngoài ra e rằng chúng ta bị ma mê hoặc mà không hay. Dù quả thật chúng ta có được trong lòng như *thánh* chẳng nữa, song chung quanh ta bao nhiêu người họ còn đang sống với phàm tình, đâu hiểu thấu được bên trong chúng ta thế nào. Do vậy, thấy hành động chúng ta quá thô, họ đâm ra hủy báng chánh pháp, chê bai Tam bảo; vô tình chúng ta đưa họ vào con đường tội lỗi càng sâu. Như vậy chúng ta cũng chưa tròn được bản nguyện tự lợi, lợi tha. Cho nên dù chúng ta có được trong lòng vô sự chẳng nữa, nhưng vì lợi tha cần phải cẩn thận oai nghi không thể thô xuất. Đừng để trong chín mà ngoài sống.

- Còn kể cả trong lẫn ngoài đều chẳng thanh tịnh thì sao? Hy vọng chúng ta không thuộc hạng này!

- Hạng sau cùng, trong tâm sáng ngời với trí tuệ. Ngoài thân giới hạnh tinh nghiêm không chỗ kém khuyết gọi là *như ngọc lưu ly ngậm ánh trăng* suốt cả trong ngoài. Quả thật một bậc Trí và Hạnh tròn đầy, không để cho thế gian tìm thấy lỗi. Được vậy thì khỏi phải cầu Như Lai thọ ký nhưng Thế Tôn đã tán thán lắm rồi! Vậy chúng ta có phải là hạng này chẳng?

Xét kỹ lại, bốn hạng trên tuy nói riêng biệt, song nhìn lại trong mỗi chúng ta cũng tự có đủ cả, đâu lạ gì! Lúc ngoài thân thanh tịnh mà trong tâm thô động là hạng thứ nhất chứ gì! Lúc ngoài thân tuy thô động mà trong tâm giữ gìn được thanh tịnh là ở hạng thứ hai. Lúc cả trong ngoài đều thô động là ở hạng thứ ba. Lúc trong ngoài đều thanh tịnh là ở hạng thứ tư. Ba hạng trước, hai hạng thứ nhất và thứ ba thì thiếu thực tu, hạng hai có tu nhưng còn chỗ khuyết điểm, chỉ hạng thứ tư mới là chân thật tròn đầy.

Tóm lại, nếu chúng ta chưa hẳn như hạng thứ tư này thì phải cố gắng thêm lên cho được khế hiệp, sau này sẽ là bậc lợi lạc khắp nhân thiên.

5. Con vật nào mạnh hơn

Trong Tương Ứng Bộ kinh, Phật kể câu chuyện: Như có sáu con thú: khỉ, dã can, cá sấu, chim, chó sói, rắn. Người ta bắt sáu con thú này cột chung lại một chùm. Mỗi con đều dùng hết sức mạnh của mình

lôi mỗi hướng. (Khí lôi lên cây, cá sáu lôi xuống biển, chim bay lên hư không, dã can lôi vô gò má, rắn lôi vô hang, chó sói lôi vô bụi rậm). Trong trường hợp ấy nếu con nào mạnh sẽ kéo những con khác theo hướng của mình nhắm.

Cũng thế, mỗi căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của phàm phu, nếu căn nào huân tập chủng tử mạnh, nó sẽ lôi cuốn các căn khác chạy theo nó. Thí dụ như mắt bị nhiễm sắc, chạy theo sắc thì tai cũng ảnh hưởng nhiễm nghe những tiếng của sắc. Mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều như vậy.

Vì thế, Tỳ-kheo các ông phải dùng cây trụ Thiên quán để cột sáu con lại, khi vòng vầy mệt nó sẽ đứng yên.

Bình:

Phật nói sự tương quan của các căn. Căn đối với cảnh nó hấp dẫn tạo thành sức mạnh gọi là *nghiệp*. Bởi nghiệp mới có năng lực dắt dẫn chúng sanh luân hồi trong lục đạo.

Vậy muốn chặn đứng động cơ tạo nghiệp, người tu phải dùng Thiên quán làm cây cột trụ để cột nó dừng lại. Thiên quán cách nào?

Quán thân năm uẩn này do duyên hợp tạm có rồi không. Đã do duyên hợp thì đâu có gì thật có và thường còn. Quán thấy rõ như thế thì không còn niệm đấm trước, là cắt đứt dòng tham ái và không còn tạo nghiệp, tức là ra khỏi vòng luân hồi vậy.

Cũng trong Tương Ứng Bộ kinh, Phật kể câu chuyện: Có một ông vua, một hôm đang ngồi, bỗng nghe bên cạnh có người khảy đàn tỳ bà, tiếng kêu thâm trầm lạnh lốt. Vua bảo đem đàn lại cho vua xem. Người khảy đàn đem cây đàn lại để trên bàn trước mặt nhà vua. Vua hỏi: “Sao nó không phát ra tiếng hay.” Người kia giải thích: “Vì nó thiếu tay người khảy.” Vua bảo đem cây đàn ra chẻ từng mảnh và hỏi: “Tiếng đàn ở chỗ nào?” Và cuối cùng vua bảo: “Nếu không tìm được tiếng đàn thì hãy đốt nó đi!” Khi đốt cây đàn thành tro vua liền thổi tro bay theo mây khói, nói: “Chỉ có một chút đó mà làm mê hoặc bao nhiêu người.”

Thân ngũ uẩn giả hợp này cũng như cây đàn kia không khác. Đủ duyên thì giả hợp tạm có, khi duyên hết thì tìm lại có còn đâu?

6. Động cơ gây ra khổ

Thôn trưởng Na-ca-dà hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, nguyên nhân nào kích động các khổ?

Phật hỏi:

- Nếu trong thôn ông có người chết hoặc có người bị tai nạn, ông có buồn khổ không?

- Bạch Thế Tôn, có khi có buồn khổ, có khi không.

- Tại sao?

- Nếu những người chết hoặc bị tai nạn ấy là bà con thân quyến của con thì con buồn khổ. Trái lại là con không buồn khổ.

Phật kết luận:

- Gốc của sự buồn khổ là do lòng tham ái vậy.

Bình:

Động cơ chính của khổ đau là lòng tham ái. Mà cội gốc của tham ái là do chấp ngã mà ra. Từ chấp ngã nên có ngã sở, tức những liên hệ đến bản ngã như tài sản, vợ con, quyến thuộc v.v... Nếu được thì vui, cố tình giữ gìn không khi nào dám lơ lỏng, lỡ bị mất mát thì buồn bã, khổ đau v.v... Vì thế trong kinh Pháp Cú, Phật dạy:

Do ái sanh ưu	<i>Do ái sanh lo</i>
Do ái sanh bố	<i>Do ái sanh sợ</i>
Nhược ly ân ái	<i>Nếu lìa ân ái</i>
Hà ưu hà bố?	<i>Đâu lo đâu sợ?</i>

7. Quả có theo nhân không?

Một cư sĩ đến hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, con nghe ngoại đạo nói người sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối phải bị cảm thọ đau khổ có đúng chăng?

Phật đáp:

- Chưa đúng hẳn! Thí dụ: - Như có người ra trận giết được nhiều địch quân, khi về được vua phong thưởng. Như thế tuy sát sanh mà đâu có khổ. Trái lại nếu người ấy giết quan đại thần trong nước sẽ bị tội.

- Ví như có người đến đánh nước khác lấy được tiền của châu báu chở về nước mình, sẽ được vua phong thưởng. Như thế tuy làm việc trộm cướp nhưng đâu có khổ. Trái lại, nếu trộm cướp của vua quan sẽ bị bắt bớ tra tấn khổ sở.

- Ví như có người đến kẻ địch của vua đánh bắt gái đẹp đem về làm người hầu cho vua, sẽ được vua phong thưởng. Như thế tuy làm việc bất chánh cũng được vua khen thưởng đâu có khổ sở. Trái lại nếu tư tình với thê thiếp của vua quan sẽ bị hành phạt lưu đày.

- Ví như dùng mưu kế dối gạt nước khác để chiếm lấy đất đai về cho nước mình sẽ được vua khen thưởng. Tuy là dùng lời dối gạt nhưng đâu có khổ. Trái lại, nếu nói dối với triều đình sẽ bị trừng trị.

Bình:

Qua thí dụ Phật nói trên, chúng ta thấy người sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối đâu nhất định hiện đời phải chịu quả khổ (có kẻ khổ người vui). Như thế căn cứ lý nhân quả của Phật dạy có đúng chăng? Tuy nhiên lý nhân quả không sai một mảy, chẳng qua chúng ta chỉ nhìn trên hiện tại mà không biết quá khứ và thấy được vị lai. Hễ tạo nhân nào thì kết quả nấy, như sát sanh phải đền mạng, trộm cướp phải trả nợ oan khiên v.v... Kinh Nhân Quả, Phật nói: *Giả sử trăm ngàn muôn kiếp nghiệp không mất, nhân duyên đến quả báo tự mình chịu.* Vậy chúng ta phải có cái nhìn rộng rãi và thấu đáo lý nhân quả của Phật dạy để khỏi lầm lẫn trong cuộc sống.

8. Tai hại ngũ dục

Một hôm đức Phật kêu các thầy Tỳ-kheo nói:

Ví như trên núi tuyết, chỗ đất bằng người thú qua lại. Có kẻ lấy nhựa cây gài bên thức ăn để nhử đàn khỉ. Một vài con khỉ vì tham ăn, rời khỏi đàn tìm đến bên thức ăn lấy tay bốc. Ngờ đâu tay vừa bám vào liền bị nhựa dính cứng! Chú khỉ bèn lấy tay kia gỡ ra, thương thay! Lại dính luôn một tay nữa. Chú khỉ lại lấy chân mặt quào ra, và một chân nữa lại dính luôn vào nhựa. Tiếp theo chân trái đồng dính cứng cả. Khổ thay! Chú khỉ chỉ còn cái mồm, chú hy vọng dùng mồm để cạy may ra thoát khỏi. Nhưng than ôi! Nhựa cây kia cũng không chừa lại. Thế là hai tay, hai chân và cái mồm chú khỉ dính cứng vào nhựa cây. Thật đáng thương! Người thợ bẫy kia có thể xách chú đi đâu tùy ý.

Này các Tỳ-kheo! Nhựa cây kia ví như ngũ dục, còn năm bộ phận (hai tay, hai chân và cái mồm) dính vào nhựa ví như năm căn. Mắt dính sắc, tai dính thanh, mũi dính mùi, lưỡi dính vị, thân dính xúc. Như chú khỉ kia, khi năm bộ phận dính cứng vào nhựa cây thì tùy ý người kia đem đi. Cũng vậy, người nào năm căn dính cứng vào ngũ dục thì tùy ý ma dẫn đi.

Tóm lại, vì không chịu ở nơi địa vực của mình nên mới bị nạn khổ. Thế nào là ở nơi địa vực của mình? Tức là quán tứ niệm xứ. Người thường quán tứ niệm xứ thì không bị lôi, không bị dẫn. Cũng như chú khỉ kia nếu ở trong đàn thì không bị nạn.

Bình:

Ngũ dục vốn không hại người, chỉ tại người bỏ quên chánh niệm mà đắm mê ngũ dục. Như chú khỉ kia vì ham ăn mà tách ra khỏi đàn nên chịu khổ. Cho nên người tu không khó, chỉ đừng đắm mê ngũ dục. Nhưng ngũ dục vốn không lỗi, lỗi tại tâm dấy niệm. Mà dấy niệm tức là động, động thì chẳng phải chánh niệm. Trái lại, tâm nếu không thì cảnh vốn lặng, tuy ở trong ngũ dục mà thường giải thoát. Cho nên trong Tín Tâm Minh có câu:

*Muốn đến nhất thừa, chớ ghét sáu trần,
Sáu trần không ghét, hoàn đồng chánh giác.*

9. Hành động không cố định

Có một vị Ni-kiền Tử đến Phật nói rằng:

- Nếu sát sanh, trộm cướp, tà dâm v.v... thì phải đọa địa ngục. Và nếu làm việc gì ở thời gian dài thì ta sẽ hưởng điều đó.

Phật bảo:

- Ông nói như vậy không đúng. Tại sao? Vì nếu nói như ông thì trên thế gian này không mấy ai đọa địa ngục. Nếu làm việc gì thời gian dài sẽ hưởng điều đó, thì sát sanh, trộm cướp chẳng hạn, trong một ngày họ chỉ cần hành động chốc lát là xong, ngoài ra thời gian còn lại họ làm việc khác. Như vậy, thời gian sát sanh v.v... thì ngắn, thời gian làm việc khác dài, do đó họ sẽ hưởng cái thời gian dài kia.

Thứ hai nếu nói sát sanh, trộm cướp, tà dâm v.v... phải đọa địa ngục thì trên đời này không có ai tu được cả. Vì sao? Vì tu hay không tu cũng phải đọa địa ngục thôi. Do đó, ta chỉ nói chớ sát sanh, trộm cướp, tà dâm v.v... và nếu lỡ phạm thì hãy sám hối, sửa đổi.

Bình:

Chúng ta thường có cái lầm chấp là cái gì cũng cố định cả. Thiện cố định là thiện, ác cố định là ác, bất di bất dịch. Chấp như vậy thì không có ai tu hành được, nó cố định như vậy rồi, có tu đi nữa cũng không thay đổi được gì. Vô tình đưa nhau đến chỗ đánh liều, lỡ lầm cho lỡ lầm luôn, không còn hy vọng vươn lên. Vì vậy Phật, bác cái chấp tạo ác cố định đọa địa ngục, đem lại cho chúng ta niềm tin ở sự cải thiện. Hy vọng vươn lên, trở dậy, đâu cam chịu giam mình mãi mãi trong tối tăm, tội lỗi!

Còn nói nếu làm việc gì ở thời gian dài sẽ hưởng điều đó. Giả sử thời gian dài ta làm việc thiện, chỉ thời gian ngắn làm việc sát sanh, trộm cướp v.v... hỏi có phải đọa địa ngục không? Do đó hai câu này có điều mâu thuẫn nhau vậy.

10. Nguyên nhân có kiến chấp

Một cư sĩ hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, tại sao ngoại đạo có sáu mươi hai kiến chấp? Như họ chấp: Thế giới thường còn, thế giới vô thường, thế giới hữu biên, thế giới vô biên, thân này thật có, thân này không thật có, Niết-bàn còn có, Niết-bàn không còn có v.v...

Phật đáp:

- Do có thân kiến (chấp thân) nên có cái kiến chấp như thế. Vậy ông có biết thân kiến là gì không?

Cư sĩ thưa:

- Do chấp sắc uẩn là ta, là của ta, thọ uẩn là ta là của ta, tưởng uẩn là ta là của ta, hành uẩn là ta là của ta, thức uẩn là ta là của ta, đó là thân kiến.

Phật khen: - Đúng thế!

Bình:

Do chấp ngã (ngũ uẩn làm ta) nên có tranh tụng, từ đó sanh ra sáu mươi hai kiến chấp. Nếu thấy được thân ngũ uẩn giả hợp này như điện chớp, như bọt nước, như sương mai, thì các kiến chấp cũng theo đó mà dứt.

11. Kiết sử và bị kiết sử

Hai tôn giả cãi nhau về nghĩa kiết sử và bị kiết sử. Một vị bảo kiết sử và bị kiết sử tên tuy khác mà nghĩa đồng. Vị kia nói tên khác nghĩa khác. Hai vị cãi nhau nhưng không ngã lẽ đến cầu xin Phật giải quyết. Phật dạy:

- Dụ như hai con bò một đen, một trắng bị tròng vào một cái ách. Vậy con nào trói cột con nào, hay là tại cái ách trói cột cả hai con, làm cho mất tự do?

Cũng thế, mắt thấy sắc *niệm dấy khởi* tức trói cột (kiết sử), chứ mắt và sắc nguyên lai là vô sự. Năm căn kia: tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều như vậy.

Bình:

Căn trần không lỗi mà lỗi bởi *thức*. Thức có phân biệt tốt xấu v.v... mới khởi niệm yêu ghét, tham sân theo đó mà hiện. Do có tham sân nên mới tạo thành nghiệp dẫn đi trong luân hồi. Trái lại, nếu không khởi niệm yêu ghét thì tham sân không khởi, tham sân không khởi thì không tạo nghiệp, không tạo nghiệp tức là dứt sanh tử.

Để sáng tỏ ý này, xin dẫn bài kệ của cổ đức:

*Kiến sắc phi can sắc
Văn thanh bất thị thanh
Sắc thanh vô ngại xứ
Thân đạo Pháp Vương thành.*

Dịch:

*Thấy sắc không dính sắc
Nghe tiếng chẳng mắc tiếng
Sắc tiếng nếu không ngại
Thẳng đến thành Pháp Vương (Phật).*

12. Tạo cái vui nào là nhân tốt

Một vũ kịch sư đến hỏi Phật:

- Con nghe ngoại đạo nói: Ai vũ kịch hay làm cho nhiều người vui, sau khi chết sẽ sanh lên cõi trời “Hý tiếu” có phải vậy chăng?

Phật lặng thinh không đáp. Ông lặp lại câu hỏi trên ba lần. Phật mới nói:

- Người vũ kịch vui làm tâm người buông lung, ba độc (tham sân si) dấy khởi. Do tạo nhân ấy sẽ mắc quả báo sanh địa ngục “Hý tiếu”.

Bình:

Người ta dễ ngộ nhận, cứ nghĩ nếu làm bất cứ việc gì cho người khác vui thích là được phước lành. Nhưng họ đâu biết vui có nhiều thứ. Nếu vui trong tịch tĩnh trong sáng, dứt các vọng niệm, phù hợp với đạo lý là vui trong sạch, vui giải thoát. Trái lại, vui theo ngũ dục, chạy theo sắc đẹp, tiếng hay v.v... làm tâm thần dao động, phiền não phát sanh, là vui theo trần tục, kiết tập nhân sanh tử.

Như vậy, nếu người tạo nhân nào gây cho người khác cái vui nào, kết quả lên xuống rõ ràng không thể lầm lẫn.

13. Pháp vẫn còn đó

Ngài Xá-lợi-phất tịch, ông Cunda sau khi thiêu xong gom lấy xá-lợi cùng y bát của ngài đem đến trình Phật. Ngài A-nan trông thấy buồn bã thưa với Phật:

- Ngài Xá-lợi-phất là thầy giáo giới cho con, con thường tin tưởng nơi ngài, mà nay đã tịch rồi! Ôi chán ngán quá! Con không còn đủ tinh thần để tu nữa!

Phật hỏi A-nan:

- Xá-lợi-phất tịch, nhưng giới uẩn có đem theo chăng?

- Thưa Thế Tôn, không đem theo.

- Định uẩn có đem theo chăng?

- Thưa Thế Tôn, không đem theo.

- Tuệ uẩn... cho đến giải thoát, giải thoát tri kiến uẩn có đem theo chăng?

- Thưa Thế Tôn, không có đem theo.

Phật bảo:

- Như vậy, Xá-lợi-phất tuy đã tịch nhưng “pháp” vẫn còn đó, ông cứ y đó mà tu hành, có gì phải buồn chán?

Bình:

Chúng ta có thói quen hay trông cậy bên ngoài mà ít khi tin tưởng nơi mình. Trên đường tu hành còn xa, nếu không sáng suốt nhận ra chánh pháp để thực hành đem lại niềm tin vững chắc cho chính mình, cứ phải trông cậy nơi thầy bên ngoài mãi, e có lúc ta phải chới với giữa đường, không chỗ nương tựa. Vì thầy dù có thương xót giúp đỡ chúng ta, nhưng cũng giới hạn. Còn tự nhận ra “Pháp” mới chính là ông thầy chân thật giúp ta trên trọn quãng đường. “Pháp đó” ở đây Phật gọi là Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, chỗ khác gọi là trí tuệ Bát-nhã, pháp thân hay bản lai diện mục. Chúng ta khéo sống với cái ấy mới là chỗ nương tựa lâu dài; khỏi phải buồn lo mất mát, xa lìa.

14. Dễ quên hay dễ nhớ

Có ông Bà-la-môn tu Mật tông đến hỏi Phật:

- Con có khi có những bài chú chưa từng học mà bỗng nhiên nhớ cả, có khi có những bài chú đã học thuộc lòng mà lại quên, như vậy là sao?

Phật nói: - Có hai nguyên do:

1/ Khi quên, là bị năm món triền cái (tham, sân, thù miên, trạo hối, nghi hoặc) nó che đậy khiến tâm trí bị mờ đi, do vậy nên dễ quên.

2/ Khi nhớ, lúc rảnh rang tạm thời xa lìa năm món triền cái, nên tâm trí sáng suốt nhớ được nhiều việc.

Thí dụ như một bát nước trong, ta đem hòa vào màu xanh, vàng, đỏ... làm mất đi sự trong suốt, nên nhìn vào bát nước ta khó thấy được mặt mày. Cũng vậy, khi tâm có sự tham nhiễm thì làm mờ đi trí sáng suốt.

- Như bát nước trong đem đun sôi sùng sục, nhìn vào đâu thấy được mặt mày. Cũng vậy, lúc ta nổi sân thì tâm sôi động, bứt rứt, quên mất sáng suốt.

- Như bát nước trong bị rong rêu phủ, nhìn vào chẳng thấy được mặt mày. Khi thù miên, tâm trí mơ màng khó nhớ.

- Như bát nước trong bị lắc lư dao động, ta nhìn vào, mặt mày dao động khó thấy. Cũng vậy, khi trạo hối thì tâm không yên nên khó nhớ.

- Như bát nước trong, vừa quấy động vừa để chỗ tối, lúc nhìn vào ta cũng không thấy được mặt mày. Cũng vậy khi tâm nghi hoặc thì trí bị mờ, không nhớ được sự việc lâu xa.

Tóm lại, có năm món triền cái (triền: trói buộc, cái: phủ che) thì trí nhớ lu mờ, không nắm năm món triền cái thì trí nhớ sáng lẽ.

Bình:

Điều này cho chúng ta thấy cái sáng suốt vốn sẵn có nơi tâm thể bình thường, chứ không từ đâu đem lại, chỉ vì tâm khởi thất thường trở thành điên đảo vọng động nên cái sáng suốt ẩn đi như là tâm trong sáng bị che phủ bởi năm triền cái. Muốn trí tuệ sáng soi chúng ta cứ sống trở lại với tâm bình thường (như bát nước trong) thì năm món trói buộc kia không còn che phủ nữa, ngay đó trí tuệ hiện tiền không đâu xa cả.

15. Cái già sẵn trong trẻ

Một hôm Phật đi khất thực trong thành Xá-vệ trở về. Chiều hôm đó, nghe trong người hơi lạnh, ngài ra ngồi phơi nắng, vén y để lộ làn da lưng nhăn nheo. Thấy vậy, ngài A-nan xoa lưng Phật than rằng:

- Ôi! Da dẻ Thế Tôn không còn láng mịn như thuở xưa nữa! Lưng ngài đã hơi khòm tới trước, còn đâu những gì của thời trai tráng!

Phật bảo:

- Đúng thế, A-nan! Già nó sẵn ở trong trẻ, cái chết nằm trong cái sống. Thân ta rồi đây cũng hư hoại một lúc nào đó không tránh khỏi.

Bình:

Có sanh ắt có tử, có thành thì có hoại, sự vô thường hằng chi phối cả thế gian không chừa một ai. Dù Phật đi nữa nhưng nếu còn mang cái thân giả hiệp này thì cũng đồng chịu sự sanh, già, bệnh, chết, vô thường, biến hoại. Vì sao? Vì nó là cái từ duyên mà được.

Có một số người thắc mắc: “Đã là Phật sao còn già, còn chết?”

Quả thật chúng ta lầm lẫn quá lớn! Thành Phật phải đâu là thành cái da dẻ hôi thúi này. Mà thành Phật là thành cái tâm trí tuệ thấy đúng lẽ thật. Nếu nhận cái thân bầy, tám mươi năm này là Phật, tức là hủy báng Phật vậy. Rõ ràng người này chưa thấy được chân Phật.

Thân vàng trượng sáu, ba mươi hai tướng tốt nay thời còn đâu? Thế mà có kẻ lại muốn luyện phép này phép nọ, hy vọng ôm giữ cái thân bèo bọt này cho đến ngàn năm muôn thuở, há có phải mê muội lắm chăng?

Hiểu được lẽ này chúng ta cần phải nỗ lực tiến tu. Vì cơn vô thường hằng đeo đuổi chúng ta không rời một giây phút nào, và cái chết chực sẵn bên ta không hẹn ngày giờ, nếu cứ để đuôi thong thả qua ngày e có lúc phải hối hận!

Chúng ta còn có thì giờ để hẹn nay hẹn mai nữa sao?

16. Có pháp môn nào

Hôm nay tôi đọc trong Tương Ứng Bộ kinh thấy có một bài kinh chưa từng nghe. Bài kinh tựa là Có Pháp Môn Nào.

Phật nói rằng:

- Nay các Tỳ-kheo! Chẳng phải do niềm tin, chẳng phải do người truyền, chẳng phải do học vấn mà khi mắt đối với sắc, tai đối với thanh, mũi đối với hương v.v... biết có tham sân si, không tham sân si, thì cái biết ấy (biết có tham sân si, không tham sân si) là có pháp môn nào?

Bình:

Nói có pháp môn đó như là quán tứ niệm xứ, câu niệm Phật hay câu thoại đầu chẳng hạn, còn khi sáu căn đối sáu trần “biết” có tham sân si hay không tham sân si thì “cái biết” đó là pháp môn gì? Ai truyền? Do học mà được chẳng? Như thế cùng với Thiên có khác nhau gì? Như ngài Tuyết Phong sau khi ở Đức Sơn về, có vị tăng hỏi:

- Hòa thượng đến Đức Sơn được cái gì đây?

Tuyết Phong đáp:

- Ta đi tay không về tay không.

Thử hỏi ngài được cái gì? Cùng với trên có gì khác nhau? Cho nên Đức Sơn cũng nói:

- Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người.

Xưa nay chúng ta chỉ nghe tổ nói, bây giờ đây mới nghe Phật nói, mà đây là bài kinh của Phật giáo Nguyên Thủy. Chúng ta mới thấy rõ từ trước Phật đã nói như thế rồi, chứ đâu phải Thiên là cái gì bày đặt ra!

Giờ đây, qua cái biết vọng của chúng ta hằng ngày. Có vọng biết có vọng, không vọng biết không vọng, thì “cái biết” có vọng, không vọng đó là pháp môn gì? Ai truyền cho? Cùng với “cái biết” có tham sân si, không tham sân si trong kinh đâu khác! Kia nói tham sân si, đây nói là vọng tưởng hay vọng niệm vậy thôi.

Nhờ đọc trong kinh rồi chúng ta mới có thêm niềm tin sâu xa vững chắc nơi đường lối tu của mình, không thì

chúng ta cứ chạy đông chạy tây rốt cuộc không đi đến đâu hết.

Vậy thì, có vọng *biết* có vọng, không vọng *biết* không vọng. Cái *biết* này là pháp môn gì?

17. Kinh Ngũ Ấm Vô Thường

Một hôm Phật ở xứ A-tỳ-đà (Ayyojjhā) bên cạnh sông Hằng, tôi nghe như vậy:

Khi ấy Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ví như sông Hằng dòng nước chảy mạnh, kết tụ thành hòn bọt, người sáng mắt nhìn kỹ phân biệt, biết nó không thật không bền chắc. Vì có sao? Vì những hòn bọt kia bên trong không chắc thật như thế. Tỳ-kheo! Các sắc tướng, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, xa gần, Tỳ-kheo xem kỹ, suy xét phân biệt biết nó không thật, không bền chắc, như bệnh, như nhọt, như đâm, như giết, vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì có sao? Vì sắc không chắc thật vậy.

Chư Tỳ-kheo! Ví như mưa to bong bóng nước vừa hiện, chợt tan, người sáng mắt nhìn kỹ, suy nghĩ phân biệt biết nó không thật, không bền chắc. Vì có sao? Vì bong bóng nước kia không chắc thật vậy. Như thế Tỳ-kheo! Các thứ thọ, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, xa gần, Tỳ-kheo xem kỹ suy xét phân biệt nó không thật, không bền chắc, như bệnh, như nhọt, như đâm, như giết, vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì có sao? Vì thọ không chắc thật vậy.

Chư Tỳ-kheo! Ví như cuối mùa xuân, đầu mùa hạ trời không có mây, không chuyển mưa, khi mặt trời đúng trưa thấy ngựa năng chập chờn, người sáng mắt nhìn kỹ suy xét phân biệt nó không thật, không bền chắc. Vì có sao? Vì những con ngựa năng kia không chắc thật vậy. Như thế Tỳ-kheo! Các thứ tướng hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, xa gần, Tỳ-kheo xem kỹ, suy xét phân biệt biết nó không thật, không bền chắc, như bệnh, như nhọt, như đâm, như giết, vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì có sao? Vì tướng không chắc thật vậy.

Chư Tỳ-kheo! Ví như người sáng mắt đi tìm thứ gỗ rắn chắc, vác búa bén vào rừng, thấy cây chuối ngay thẳng, dài lớn, liền chặt gốc, trảy ngọn, rồi lột lần từng bẹ một, tron không thấy gỗ, nhìn kỹ suy xét phân biệt, biết nó không thật, không bền chắc. Vì có sao? Vì cây chuối không chắc thật vậy. Như thế Tỳ-kheo! Các thứ hành, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, xa gần, Tỳ-kheo nhìn kỹ, suy xét phân biệt, biết nó không thật, không bền chắc, như bệnh, như nhọt, như đâm, như giết, vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì có sao? Vì các thứ hành kia không chắc thật vậy.

Chư Tỳ-kheo! Ví như thầy huyền thuật ở ngã tư đường cái, thuật ra những thứ tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, người có trí sáng mắt, nhìn kỹ suy xét phân biệt, biết nó không thật, không bền chắc. Vì có sao? Vì những thứ huyền thuật kia không chắc thật vậy. Như thế, Tỳ-kheo! Các thứ thức hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, xa gần,

Tỳ-kheo nhìn kỹ, suy xét phân biệt, biết nó không thật, không bền chắc, như bệnh, như nhọt, như đâm như giết, vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì cố sao? Vì thức không chắc thật vậy.

Khi ấy Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa này nói bài kệ:

*Quán sắc như hòn bọt
Thọ như bong bóng nước
Tưởng như ngựa sóng nắng
Chư hành như cây chuối
Các thức như huyễn hóa
Bậc tôn quý đã nói
Chung quanh suy xét kỹ
Chánh niệm khéo quán sát
Không thật không kiên cố
Không có ngã, ngã sở
Đối thân khổ ấm này
Đại trí phân biệt nói
Người lìa ba pháp kia
Thân đã thành vật bỏ
Thọ noãn và các thức
Lìa các thân phần này
Bỏ luôn ngoài nghĩa địa
Như cây không hiểu biết
Thân này hẩn như thế*

*Dối trá gạt kẻ ngu
 Như giết, như trúng thương
 Không có sự bền chắc
 Tỳ-kheo cần tu tập
 Quán sát ám thân này
 Ngày đêm hằng chuyên tinh
 Chánh trí buộc niệm trụ
 Hành hữu vi thường dứt
 Hằng được chỗ thanh lương.*

Bấy giờ chư Tỳ-kheo nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Bình:

Đây là hình ảnh vô thường của ngũ ấm (hay ngũ uẩn) mà Phật diễn tả rất rõ ràng:

Trước tiên Phật dạy chúng ta quán sắc ấm như hòn bọt. Đã là bọt nước thì đâu có lâu bền. Bởi sắc ấm không thật có, do các duyên nhóm họp tạm có (dụ như trong thân ta, phần cứng thuộc đất, phần lỏng thuộc nước, hơi thở thuộc gió, nhiệt độ thuộc lửa). Bởi do duyên họp, nên đủ duyên tạm có, thiếu duyên nó tan hoại. Vì vậy Phật dùng hòn bọt để thí dụ cho sắc ấm.

Thứ hai, quán thọ ấm không thật như bong bóng nước. Thọ đâu có thật, do sáu căn tiếp xúc sáu trần sanh cảm thọ, như thọ vui, thọ khổ, thọ bình thường v.v... Nhưng những cái thọ này đâu có lâu dài, chỉ thoáng qua rồi mất. Dụ như bong bóng nước, một phen động đến liền tan.

Thứ ba là tướng ấm không thật như sóng nắng giữa trưa trên mặt đường thẳng trắng nhựa, do ánh nắng phản chiếu, ta thấy sóng nắng chập chờn như ngựa chạy v.v... Sóng nắng do ánh nắng phản chiếu mà có chứ đâu phải thật. Tướng ấm cũng vậy, do tâm duyên theo cảnh, dù cảnh đã qua... nhưng những bóng dáng tiền cảnh còn lưu lại trong tâm thức, mỗi khi nghĩ đến thì nó hiện ra. Cái bóng dáng làm sao cho là thật được.

Thứ tư hành ấm không thật. Hành là sự sanh diệt của tâm thức. Trong kinh Phật nói, mỗi sát-na (khoảng chớp mắt) có sáu mươi niệm sanh diệt. Nó như dòng thác chảy, thay đổi tiếp nối rất nhanh, không đứng yên một chỗ, nhưng chúng ta chỉ thấy trên giả tướng của hành ấm rồi cho là thật có (thí dụ như cây chuối).

Thứ năm thức ấm không thật như huyễn hóa. Ví như nhà ảo thuật kia hóa ra con cọp, nhưng thật ra con cọp đâu có thực, chỉ do thuật mà thôi. Thức là cái phân biệt. Sự phân biệt này nó cũng không thật có, tùy chủng tử nghiệp tánh của các loài chúng sanh mà hiện ra khác nhau. Dụ như cái bàn viết này, với ta là cái bàn để viết, trái lại với con mọt là thức ăn của chúng v.v... Vậy cái phân biệt nào là đúng? Vì thế Phật nói thức ấm không thật có.

Tóm lại Phật nói thân ngũ ấm (sắc, thọ, tướng, hành, thức) là vô thường để phá cái mê lầm chấp ngã ngàn đời của chúng sanh. Khi thấy rõ nó là vô thường, là giả có, là tạm bợ thì lần lần chúng ta sẽ nhẹ tâm si mê chấp ngã. Vì nó không thật mà chấp cái gì? Si mê chấp ngã

đã hết thì các phiền não tham sân si cũng theo đó mà hết. Đến đây vòng luân hồi đã dứt, mọi khổ ách tiêu tan. Điển hình cho phép tu này là đức Quán Thế Âm Bồ-tát khi dùng trí Bát-nhã quán sâu năm ấm đều không, liền được xa lìa khổ ách.

18. Không yêu ai hơn tự ngã

*Tâm ta đi cùng khắp
Tất cả mọi phương trời
Cũng không tìm thấy được
Ai thân hơn tự ngã
Tự ngã đối mọi người
Quá thân thiết như vậy
Vậy ai yêu tự ngã
Chớ hại tự ngã người.*

Mạt-lợi phu nhân và vua Ba-tư-nặc một hôm cùng luận đạo. Vua Ba-tư-nặc hỏi:

- Chẳng hay ái khanh thương ai nhất trên cõi đời này?

Phu nhân trả lời:

- Tiệm thiệp thương yêu bệ hạ nhất.

Và phu nhân hỏi lại:

- Chẳng hay bệ hạ thương yêu ai nhất trên cõi đời này?

Nhà vua trả lời:

- Trẫm yêu thương ái khanh nhất chứ còn ai nữa.

Bà Mạt-lợi lại nói:

- Nếu bệ hạ cho phép, thần thiếp sẽ nói khác đi một chút.

- Được, ái khanh cứ nói đi.

- Muôn tâu bệ hạ, thực ra trên cõi đời này, thần thiếp chỉ có riêng yêu thương thần thiếp nhất mà thôi.

Vua nghe qua chùng khó hiểu:

- Vậy là sao? Ái khanh hãy nói rõ hơn.

- Muôn tâu bệ hạ, chỉ vì thần thiếp thương yêu mình, nên muốn bệ hạ ban bố cho thân này được hạnh phúc. Muốn cho thân mình có được hạnh phúc, thần thiếp phải thương yêu bệ hạ. Có thế bệ hạ mới thương yêu lại thần thiếp và ban bố cho tình thương, thần thiếp được hạnh phúc. Vì yêu thương mình mà thần thiếp yêu bệ hạ.

Nhà vua nghe sự thật của *yêu thương* qua phu nhân sủng ái nhất của mình, nhà vua bàng hoàng. Một sự thật xem chùng quá trở trêu. Bà Mạt-lợi nói tiếp:

- Như bệ hạ, bệ hạ cũng thương yêu riêng có bệ hạ thôi. Để hiểu rõ việc này, như thần thiếp đây, nay lại đi yêu đương một người khác thì bệ hạ nghĩ sao? Có phải bệ hạ sẽ chém đầu thần thiếp không?

Đến đây nhà vua đã rõ ý hiểu được nội vụ vấn đề, ngài gật đầu:

- Phải chính thế, ái khanh nói rất đúng lý. Trẫm cũng chỉ yêu thương mình trẫm thôi. Ta chỉ có yêu thương tự ngã thôi.

Rồi sau đó vua Ba-tư-nặc và hoàng hậu Mạt-lợi cùng đưa nhau đến ra mắt đức Phật. Nhà vua muốn cầu Phật xác minh điều Mạt-lợi phu nhân đã nói.

Qua sự trình bày của nhà vua, đức Phật lắng nghe và đã gật đầu chấp nhận lời bà Mạt-lợi. Nhân đó đức Phật đã nói lên lời pháp như vậy.

Bình:

Thật là chí lý! Nếu thành thực nhìn lại tâm mình thì sẽ thấy tâm mình nó là như vậy. Cõi lòng thâm sâu, tiếng nói thâm trầm của con tim mình là như vậy.

Tâm ta đã đi cùng khắp, tất cả mọi phương trời, đạo qua mọi nơi, mọi cảnh, mọi người... nào tìm thấy được ai là thân thiết hơn chính ta, thân hơn tự ngã.

Trên đời này không gì thiết tha yêu thương bằng ái tình. Cái tình này nó còn có lúc lướt qua tình phụ mẫu. Trong ái tình, việc đầu ấp tay gối giữa vợ chồng đậm đà như vậy, yêu thương hạnh phúc như vậy - như vợ chồng bà Mạt-lợi, cặp tình nhân này thiên hạ mấy ai hơn? Thật là tâm đầu ý hợp. Việc yêu thương đủ cả hai mặt tinh thần và vật chất, xác thịt và tâm hồn, một cuộc tình thật trọn vẹn. Thế mà để lắng sâu hơn vào tiếng lòng, bà Mạt-lợi đã nghe ra tiếng nói trung thực của mình. Tiếng nói ấy đã núp sâu dưới bao nhiêu lời tình gối chăn với nhà vua qua bao nhiêu năm dài chung sống: Thần thiếp chỉ yêu thương mình thần thiếp thôi! - Ta chỉ yêu thương ta thôi! Một phát giác không kém phần phủ phàng! Sự thật nó là vậy.

Và đến lượt nhà vua cũng thế thôi. Nhà vua nghe được tiếng lòng mình. Từ tiếng lòng đó nó sẽ thôi thúc nhà vua sẽ tàn nhẫn hơn để chém đầu “ái khanh” mình, khi mà đương sự ngoại tình!

Đó là gì? Cái *tự ngã* mình bị đụng chạm, bị mất mát, thiếu sự vượt ve, thiếu sự thọ hưởng.

Như vậy sự thật của cái gọi là *yêu thương* trên cõi đời này là gì? Bên dưới, bề trái của tình yêu nó là như vậy, thì hỏi tình yêu là gì? Và mình có yêu được gì không?

Và để nói lên một sự khá chua chát như vậy, có thể nói: Tình yêu là một sự lợi dụng lẫn nhau qua thân xác và tâm hồn, nhằm thỏa mãn *tự ngã* mà thôi.

Không ai nhìn ra bộ mặt tình yêu. Không ai sờ đụng đến tình yêu. Vì sao? Vì nó không thật có, mà nó chỉ là sự phóng hiện của *tự ngã*. Nói yêu người, tức yêu *tự ngã*, yêu mình.

Như vậy *tự ngã* là cái duy nhất để mình yêu thương. Nói yêu, nói thương, nói gì gì đó, tất cả đều là tiếng nói vì *tự ngã*. Nên *tự ngã* đã thân thiết hơn bất cứ cái gì trên thế gian này.

Hãy suy cùng nghĩ cạn sẽ thấy cái *tự ngã* đã quá thân thiết với chính mình. Mình đã yêu *tự ngã*, muốn giữ gìn *tự ngã* mình, thì cũng phải tôn trọng *tự ngã* người. Vì người cũng yêu *tự ngã* của họ như mình. Vậy thì chớ có tàn hại *tự ngã* người. Một người muốn có đời sống cao thượng thánh thiện phải sống như vậy.

Tôn trọng *tự ngã* tức tôn trọng sự tự do, bình đẳng. Đời sống mình và người có được tự do bình đẳng trong nền tảng như vậy thì cuộc đời đáng sống biết chừng nào. Hạnh phúc không cầu mà tự có.

Nếu không như vậy, hạnh phúc trên cõi đời này chỉ là một cái bóng hấp dẫn vậy thôi. Mọi người cùng đổ tìm nó, và rồi chỉ chuốc lấy sự nhọc nhằn ê chề và niềm ngao ngán, bao nhiêu nỗi thống khổ doanh vậy.

Đây là một sự thật khá phũ phàng. Dù không đồng ý, chúng vẫn có mặt.

Cuộc đời vì thế có ra lắm chuyện. Và rồi hỏi ai đã đem lại nỗi khổ cho cuộc đời này? Có ai đâu! Chỉ có *cái ta* (*tự ngã*) làm khổ mình thôi.

Để tạo đời sống tương đối khá dễ chịu cho nhau thì hãy tập sống như lời khuyên này:

Vậy, ai yêu tự ngã

Chớ hại tự ngã người.



PHẦN II

TRÍCH GIẢNG KINH PHÁP CÚ

1. Khen chê không thật

*Xưa, vị lai và nay
Đâu có sự kiện này:
Người hoàn toàn bị chê
Người trọn vẹn được khen.*

Bình:

Người hoàn toàn bị chê xưa nay và mai sau chưa từng có.

Người trọn vẹn được khen xưa nay và mai sau chưa từng có.

Như kẻ uống rượu, được bạn rượu khen. Kẻ cướp, được đồng đảng khen.

Những kẻ xấu xa như vậy, vẫn có người khen, đầu hẳn đã hoàn toàn bị chê.

Rồi hiền như Phật, vẫn bị ngoại đạo chê. Như chúa Jesus rồi cũng bị đóng đinh trên thập tự giá.

Như vậy để thấy rằng việc khen chê ở giữa cuộc đời này không phải là chân lý. Người được khen nở lỗ mũi, người bị chê xụ mặt, là người ngu si, là kẻ khờ. Chớ vì sự khen chê mà lấy đó làm cuộc sống, hãy sống hợp lẽ đạo mà xa lìa khen chê.

Người Phật tử hãy giữ vững lập trường mà đừng lầm lẫn giữa khen và chê. Đừng để cái khen và chê nó xoay ta, chủ động đời ta. Ai khen ai chê cũng mặc, hễ biết mình sống hợp đạo lý thì thôi.

Mặc người chê, mặc kẻ gièm

Lấy lửa đốt trời nhọc xác thêm.

(Chứng Đạo Ca)

2. Si mê là gốc đau khổ

Đêm dài với người thức

Đường dài với kẻ mệt

Luân hồi dài, kẻ ngu

Không hiểu chân diệu pháp.

Bình:

Với người thức không ngủ được, thấy đêm sao mà dài lê thê.

Với người đi mệt, thấy con đường nó sao mà dài xa xôi diệu vợi.

Với kẻ ngu thì, thấy cuộc luân hồi dài dằng dằng không có ngày kết thúc. Bao nhiêu nỗi khổ đau đè nặng trên kiếp người. Ở trong cuộc luân hồi không tìm đâu được lối ra. Và khổ thay đã là kẻ ngu thì có biết đâu là cuộc “luân hồi”! Và có bao giờ nghĩ đến phải ra và tìm đường thoát ra. Nhưng thực trạng cái khổ đau niềm tủi nhục cứ khấn chặt con người họ, và họ phải tự thấy cuộc đời, cái dòng đời này, thật ê chề, thật ngao ngán. Sự thật đó chẳng khác nào kẻ thức khuya không ngủ trong đêm, thấy đêm dài lê thê, và kẻ lữ hành đang trên đường cảm nghe mình mệt mỏi và nhìn lại thấy đường hãy còn xa thăm thẳm, người mệt, thân nhừ, tất cả việc trước mắt thấy ê chề ngao ngán. Người ngu ở giữa cuộc đời này là như vậy đó!

Tội nghiệp thay! Con người nào hay, ngoài nỗi cơ cực của kiếp người, còn có đời sống siêu thoát, đời sống an lành. Đó là đời sống của người hiểu ngộ chân diệu pháp. Không hiểu “chân diệu pháp” con người sẽ khổ đau mãi mãi trong kiếp luân hồi. Chân diệu pháp chính là Phật pháp.

3. Biết được lỗi mình mới khó

*Dễ thay thấy lỗi người
Lỗi mình biết mới khó
Lỗi người, ta phanh tìm
Như tìm thóc trong gạo.
Còn lỗi mình che đậy
Như kẻ gian giấu bài.*

Bình:

Đễ thấy lỗi người, việc ấy không khó, chỉ cần nhìn sơ qua là mình thấy người đó có lỗi rồi. *Vạch lá tìm sâu, quét nhà ra rác* điều này quá rõ ràng. Thấy lỗi người không khó.

Thấy lỗi mình mới thật là khó. Vì thông thường mình vốn thương mình, thì có bao giờ mình chịu cho mình là xấu (có lỗi thì thành xấu), vậy nên có mấy người chịu trở lại tìm lỗi mình, mặt mình dính lọ thì có bao giờ mình thấy, nếu không có người chỉ, không biết xem gương.

Vậy đó mà với lỗi người thì ta phanh tìm không bỏ sót. Người ta có giấu mình cũng phải tìm bươi móc cho ra. Việc này giống như việc lượm thóc trong gạo. Gầm đầu lượm từng hạt, lượm thật kỹ. Cái tật này gần như muôn đời ở một con người. Đó là gần như bản chất, một thứ bản chất xấu xa tồi bại. Nó phải được coi là rất trái với thánh đạo.

Ngược lại, với lỗi mình thì bưng bít, che đậy giống như người cờ gian bạc lận, giấu đi con bài của mình v.v... để phòng thủ thắng kẻ khác. Một sự giấu giếm thật khéo léo thật tinh vi. Cái tật chúng sanh là như vậy. Mấy ai dám gan dạ phơi bày lỗi mình.

Đức Phật đã nói như vậy, là trước chỉ cho con người thấy rõ sự lầm lẫn của mình, thấy rõ ngõ ngách của tâm hồn mình. Thấy rồi để mà khéo chữa đi. Là một Sa-môn, một người tu chớ có thấy lệch lạc như vậy. Mà lúc nào người Sa-môn cũng phải biết rõ lỗi mình để phát lồ sám hối. Phát lồ tức phơi bày lỗi lầm, không giấu giếm,

mà đưa ra trình lên trước đại chúng, nhận khuyết, nhận lỗi cầu xin sám hối.

Ngài Huệ Năng đã dạy: Thường biết lỗi mình, chớ biết lỗi thế gian.

Tu là cốt để biết rõ mình. Muốn biết rõ mình phải *biết lỗi* mình. Tu mà không biết lỗi mình thì không bao giờ tu tiến được. Những lỗi hiện đời và lỗi từ vô thủy, biết bao lỗi, thế mà không biết, thì sao gọi là tu? Tu là sửa, sửa là sửa lỗi, sửa lỗi thành không còn lỗi nữa gọi đó là tu. Không như vậy, gọi tu là tu làm sao?

Vậy chớ có biết lỗi người, phải thường biết lỗi mình. Được vậy trong tương quan cuộc sống mình không bị thiên hạ ghét. Mình không nói lỗi người thì ai ghét mình. Và trong việc tu hành, ngày càng tiêu được tội lỗi, nghiệp chướng vơi đi, tâm trí ngày sáng thêm. Niềm an vui ngày rộng mở. Cuộc sống ngày đó được hạnh phúc. Không cầu mà được.

4. Tháp sáng trí tuệ

*Như giữa đống rác nhớp,
Quăng bỏ ngoài đường lớn,
Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch đẹp lòng người.
Cũng vậy, giữa quần sanh,
Uế, nhiễm, mù, phàm tục,
Đệ tử bậc Chánh giác
Sáng ngời với trí tuệ.*

Bình:

Trong chỗ nở nhớt mà sanh hoa sen. Hoa nở thơm sạch, đẹp lòng người.

Ở trong các pháp thế gian: vô thường, khổ, không, vô ngã, bốn điều này người thế tục cho là: thường, lạc, ngã, tịnh. Đó là bốn việc: vô thường không phải thường, vô ngã không phải ngã, khổ không phải lạc, nhớt không phải tịnh. Vậy mà họ thấy là thường, lạc, ngã, tịnh, cái thấy như vậy là không đúng sự thật. Như bàn tay trắng mà thấy là bàn tay đen. Thấy như vậy là cái thấy mù. Một cái thấy hoàn toàn không đúng sự thật.

Với các pháp giữa này, người phàm tục đều thấy như vậy, nên gọi là mù.

Từ cái thấy mù như vậy mà chấp lấy các thứ uesthiệm của thế gian làm sự sống. Chính vì bằng cái thấy mù tối như vậy, nên các pháp ấy đã trở nên trói buộc, làm thống khổ cho người. Đã dính mắc vào nó, mong gì thoát ra, càng giãy giụa nó càng khấn chặt. Như những con rắn đã quấn vào mình mà càng vùng vẫy thì nó càng siết cứng và cắn rút.

Ngược lại với đệ tử bậc Chánh giác, hàng Sa-môn, đối với các vật gọi là uesthiệm: khổ, không, vô thường, vô ngã thì thấy rõ là: khổ, không, vô thường, vô ngã. Thấy đúng như thật. Cái thấy ấy như dầu đen thấy là đen, bàn tay trắng thấy là trắng. Thấy như vậy là cái thấy của con mắt sáng. Thấy đúng như thật, cái thấy đó là trí tuệ.

Ở trên tướng uesthiem mà thấy đúng như thật, thì ngay đó đã được giác ngộ đúng đắn, tức được Chánh giác. Cái thấy đó là sáng ngời trí tuệ, đâu còn lầm lẫn nữa. Vì vậy mà giải thoát được ngay trên nó, giải thoát vươn lên tỏa rộng đời sống thanh tịnh ngay trên nó, có khác gì hoa sen mọc lên nở đẹp giữa nơi nhơ nhớp.

Từ cái thấy này, nếu ở trong pháp Đại thừa, tức thấy rõ *phiền não tức Bồ-đề*. Ngay chúng sanh tức là Phật. Ngay cảnh giới chúng sanh nhơ xấu, tức là cõi Phật thanh tịnh đủ bốn tánh thường, lạc, ngã, tịnh. Và để phân biệt bốn tánh thường, lạc, ngã, tịnh của chúng sanh (bốn cái thường không thật) gọi đây là chân thường, chân lạc, chân ngã, chân tịnh.

5. Cội gốc luân hồi

*Không có một pháp khác
 Quần sanh bị bao phủ
 Ngày đêm chạy luân chuyển
 Như bao bọc bởi si
 Và ai phá được si
 Đâm thủng khối u ám
 Chúng không lưu chuyển nữa
 Trong chúng, nhân không còn.*

Bình:

Tất cả chúng sanh sở dĩ bị luân chuyển trong sáu đường không có ngày cùng, đều bởi không thấy được

lẽ thật mà khởi tâm điên đảo chứ không có gì khác. Không thấy được lẽ thật tức gọi là si vậy. Cho nên đầu tiên Phật dạy hàng Tỳ-kheo phải thấy rõ tứ đế như thật. Tiến lên dùng trí Bát-nhã soi thấu năm uẩn đều không. Cả hai đều khởi đầu bằng trí tuệ, nghĩa là thấy mình đúng như thật, thấy sự vật đúng như thật tức phá được si, dứt nhân luân hồi.



PHẦN III

DIỄN GIẢNG

1. Đặt lại vấn đề tu cho hàng Phật tử tại gia

Tu là gì? Là sửa.

Vậy Phật tử có tu chưa? Phật tử đi chùa cúng Phật để làm gì? Việc ấy có gọi là tu không? Cúng Phật để xin cầu an hay cầu siêu? Đó là việc của Phật tử.

Từ việc này, hỏi lại Phật tử. Thí dụ Phật tử có con cái về thăm mình, cho tiền cho quà, rồi nó đòi hỏi mình phải đáp ứng lại việc này, việc nọ... thì hỏi mình có vui mà nhận quà của chúng không? Chúng là con cái mà lại đặt điều kiện buộc mình phải thỏa mãn cho chúng khi mình nhận tiền của, lễ vật của chúng?

Con cái như vậy có tốt đối với cha mẹ không? Phải là con hiền con thảo không? Một bậc cha mẹ nghiêm chỉnh

đúng đắn có chấp nhận yêu sách vô lối như vậy của con cái không?

Ở đây việc cúng kiếng của Phật tử cũng vậy. Cúng Phật một số lễ vật, tiền của nào đó rồi mong cầu Phật phải độ cho mình điều này điều nọ. Phật phải giúp cho thân nhân mình siêu, giúp cho mình an, thỏa mãn những việc muốn của mình trong cuộc sống. Mua may bán đất, tai qua nạn khỏi, gia đạo yên lành, con cái nên danh nên phận v.v... biết bao nhiêu việc mình đòi hỏi ở đức Phật với một mớ lễ vật như vậy?

Như vậy đó là mình đã tu chưa? Tu là sửa. Ở đây mình có sửa gì không? Mình chỉ có tham thôi, không có sửa gì cả, phải vậy không? Mà tham tức đã trái với sự tu rồi. Tu là sửa. Sửa là sửa tham sân si để lần hồi tham sân si không còn nữa. Như vậy mới gọi là tu! Chứ tu gì mà mỗi ngày lòng tham thêm nhiều.

Đem nải chuối, ộp nhang cúng Phật cầu được việc, mừng quá, sau đem thêm hai nải, hai ộp cầu thêm nữa... như vậy đó là mỗi ngày lòng tham thêm lớn. Và lúc nào việc cầu không còn linh nữa, thì sanh ra chán. Thôi, kiếm chỗ khác, chùa này không linh, Phật này không linh, kiếm chùa khác, Phật khác linh hơn.

Việc cúng kiếng đi chùa như vậy ở Phật tử, đó là cái duyên dễ bước vào tà đạo, bước vào mê tín dị đoan. Nghe ở đâu có gì linh thiêng hiển hách, có gì lạ một chút là rủ nhau kéo đến cúng lễ xin xỏ nọ kia v.v... gặp tà ma dẫn dụ là đi vào đạo tà, mất nhân chánh giáo.

Đó là chỗ đáng tiếc cho quý Phật tử. Đã có tâm tốt mà gieo nhân không chính xác, không cần hiểu Phật pháp là sao. Thành ra cũng đồng làm một việc mà người hiểu biết thì có kết quả tốt, còn người không hiểu biết thì kết quả chẳng ra gì.

Cũng chỉ một ộp nhang nải chuối mà người hiểu Phật pháp thì gặt được pháp lành an vui, còn người không hiểu thì chỉ có thêm sự rối rắm đau buồn, nếu không nói là hoài công vô ích.

Nói như vậy để Phật tử thấy rõ chỗ tu chứ không phải nhằm trách cứ gì Phật tử. Thiệt ra cái lỗi không phải ở Phật tử, mà nếu có nói thì đó là lỗi của những tăng ni nào đó. Các vị ấy đã vô tình hay cố ý đưa các Phật tử vào chỗ nhận thức lệch lạc.

Người Phật tử đến chùa xin cúng một trăm đồng. Vị trụ trì hay người có trách nhiệm thu tiền hỏi:

- Phật tử muốn cầu gì? (Hỏi và hướng dẫn) Cầu an hay cầu siêu?

Và lắm lúc vị đó còn tâm lý hơn, tìm hiểu về gia đình của Phật tử, biết có chuyện gì đó không ổn, thì gợi ý cầu nguyện cho v.v... Phật tử thiếu hiểu Phật pháp liền đó nghe mình được người thầy chăm sóc cẩn thận, bèn thích ý. Và cứ vậy, nhờ thầy giúp cho việc này, việc nọ qua cúng kiếng kỳ an, kỳ siêu...

Tại sao Phật tử khi cầm tiền, dâng lễ vật cúng kiếng, nếu người thầy có hỏi cầu gì? Phật tử lại không trả lời rằng: Con không cầu gì khác, chỉ cầu cho Tam bảo trường tồn để độ thoát chúng sanh trầm溺.

Vì vậy việc Phật tử đi chùa, cúng Phật, lễ Phật phải được đặt lại. Việc tu ở Phật tử phải được đặt lại.

Trước hết Phật tử đến chùa để cúng dường Tam bảo. Việc cúng dường này có nghĩa góp một phần tài lực để duy trì ngôi Tam bảo cho còn mãi mãi ở đời. Mà đại diện ngôi Tam bảo là Tăng bảo. Như vậy, cúng dường Tam bảo có nghĩa là cúng dường cho Tăng bảo. Khi cúng, lòng những mong sao cho ngôi Tăng bảo có được nguồn sống mà duy trì Phật bảo, Pháp bảo. Chư tăng có sống còn thì Tam bảo mới thường trụ ở thế gian và làm ngọn đèn sáng cho chúng sanh hướng tới để tiêu trừ bao nỗi vô minh hắc ám.

Phải biết việc khai mở đạo mầu là quý báu vô lượng, vì việc ấy mà cúng dường nên phước đức theo đó cũng vô lượng. Cúng dường như vậy là không vì việc riêng mà chung cho cả Tam bảo, cho cả chúng sanh, nên dù không cầu gì khác mà phước đức vẫn to tát. Việc cúng dường này không phải nhằm chuyển đổi lòng tham, không phải chuyển từ cái tham lệch lạc thành cái tham chính đáng, đã tham thì không cái nào chính đáng. Ở đây nói là nhằm hướng dẫn để xác định về sự nhận định chính đáng trong việc làm, nhằm xây dựng cho Phật tử có được chánh kiến, có được cái nhìn đúng đắn khi đi vào ngôi nhà Phật pháp.

Như đã nói: Trước là giữ vững ngôi Tam bảo, giúp Tăng bảo được sống còn để tiếp nối ngọn đèn chánh pháp của Phật. Kế đó, Phật tử phải chịu khó học hỏi nghe pháp.

Đến chùa, nếu chỉ một bề lo cúng dường cơm áo (tứ sự) không, chưa đủ. Người Phật tử phải trau dồi thêm Phật pháp với chư tăng ni nữa. Có vậy, việc Phật pháp mới sáng ra và việc tu theo đó mới có lối vào, khi hành không sai lạc.

Đó là việc chính yếu, Phật tử phải chú ý. Tu mà không học là tu mù. Vả lại đó cũng là trợ duyên cho tăng ni tự trau dồi để đáp ứng lại chỗ cầu học của Phật tử. Chứ không, không ai hỏi gì hết, khiến tăng ni có người cũng lơ là sự tu học kinh điển. Để rồi qua ngày đoạn tháng, chỉ làm một việc cúng kiếng lật vật có chừng. Như vậy uổng phí cho cả đời xuất gia học đạo.

Phật tử đến chùa, phải cầu học Phật pháp, và chỉ nên nói về những vấn đề Phật pháp, chớ nên đem việc thế sự lam bần. Chỉ mất thời giờ vô ích và làm rối tâm người tu.

Phật tử học tu là tu như thế nào?

Có ai hỏi: Là Phật tử, sau khi chết đi về đâu? Phật tử sẽ trả lời làm sao?

Nếu mình tu cầu về cõi Phật, mà đạo nghiệp chưa tròn, Phật và thánh chúng không rước thì mình về đâu?

Mình sẽ ú ớ về điều này! Vì vậy Phật tử chưa nắm vững đường lối tu.

Phải biết trong Phật giáo có chia ra làm ngũ thừa, là năm thừa, năm tầng bậc để người tu hướng đến. Năm thừa là: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ-tát thừa.

Với nghiệp nhân cho các thừa cũng phải biết qua. Thí dụ ở Nhân thừa, tu nhân gì sẽ được sanh về cõi người? Muốn sanh về cõi người phải giữ năm giới làm căn bản. Ở Thiên thừa, muốn được sanh về cõi trời phải tu nhân thập thiện v.v... Người Phật tử phải biết qua những điều như vậy để xác định hướng đi của mình, để biết rồi mình sẽ đi về đâu.

Như bây giờ mình không đủ điều kiện sanh về cõi Phật mà bình sinh mình khéo giữ được năm giới, thì biết chắc là sau khi chết mình sẽ sanh lại làm người. Và do tu pháp lành nên thành người có đức hạnh được vào hàng tôn quý, giàu có sang trọng v.v... Biết được vậy, không sanh tâm nghi ngờ, an tâm tu tập pháp lành.

Phật tử tu pháp lành của phần mình là tu làm sao? Đây là việc tu của người Phật tử tại gia. Phật tử đã thọ quy giới rồi. Giới thứ nhất, không giết hại, Phật tử phải vâng giữ không nên giết người, không nên giết các loài sinh vật bừa bãi. Phải giới hạn tối đa trong hoàn cảnh điều kiện của mình, cố tránh nợ sanh mạng càng nhiều càng tốt.

Giới thứ hai, không được trộm cắp, Phật tử đã vâng giữ rồi không nên tái phạm. Không được trộm cắp của người bằng bất cứ hình thức nào, hoặc gián tiếp hay trực tiếp cũng đều không nên.

Giới thứ ba, không tà dâm. Phật tử phải thể hiện đời sống hạnh phúc lứa đôi một cách chân chánh, tránh các trường hợp lang chạ ngoại tình.

Giới thứ tư, không nói dối, Phật tử phải thành thật, dù trong công việc mua bán đổi chác, không nên lừa lặn người. Buôn bán làm ăn thì phải có thịnh có lùi, nhưng đồng thời phải nhắm trên công sức trên mồ hôi trí tuệ mình. Tránh mọi trường hợp nhằm bóc lột tài lực, nhân lực người. Cắt giá ăn tiền, tráo trở mặt hàng, lật lọng giao kèo hợp đồng, bội tín trong công việc làm ăn v.v... Về mặt này Phật tử phải khá dè dặt. Uy tín người Phật tử được xác định phần lớn trên việc này.

Giới thứ năm, không uống rượu, điều này quan trọng đối với người nam. Người Phật tử nam phải khá chinh phục mình về việc này. Trong cuộc sống, không tránh khỏi giao tế, nhưng đối việc rượu chè, phải khéo linh động làm sao không phải vướng vào. Hay ít ra hoặc vướng vào cũng phải biết đường ra. Uy tín con người nằm trên chỗ tỉnh và say. Phật tử phải khéo chế ngự mình. Đã thấy rõ tác hại của rượu trên mọi mặt thì nên tránh xa càng tốt. Phật tử lúc nào cũng phải tỉnh sáng. Có tỉnh sáng mới thấy rõ được vấn đề phức tạp khác đang bao quanh cuộc sống của mình. Nhất là màn tối vô minh hãy còn dày đặc, Phật tử hãy thoát ra khỏi mọi sự nghiện ngập!

Là Phật tử, còn tại gia cư sĩ không phải tu gì nhiều hơn, nếu có đủ duyên tiến xa hơn càng tốt. Nếu không, chỉ giữ chừng ấy việc là đã quý lắm rồi.

Phật tử ngoài chiều tu tiêu cực (chỉ lo cho mình đừng phạm năm giới) còn phải phát huy trên chiều tích cực. Tức là nhằm giúp người, tạo duyên cho người cũng được như mình. Việc này cần phải khéo làm

trong tinh thần cởi mở, chân thành vì người, không một ý đồ vụ lợi riêng tư nào. Làm thế nào nơi nào có bóng dáng Phật tử là nơi đó có cuộc sống tươi mát, có sự ấm êm hạnh phúc.

Gia đình có Phật tử thì gia đình hạnh phúc. Láng giềng có Phật tử thì láng giềng thêm vui. Người đời có Phật tử thì có sự ấm áp, có được yên lành.

Phật tử phải là hiện thân Phật pháp sống, đi vào cuộc đời. Chớ nhìn Phật pháp trên hình tượng Phật, hãy nhìn Phật pháp ở nơi mình, và ở ngay trong lòng cuộc sống. Phật pháp phải là pháp sống, không thể là pháp chết được.

Phật tử muốn tuyên dương Phật pháp, hãy tự mình sống đúng như Phật pháp. Đó là sự cúng dường cao tột nhất. Chư Phật sẽ nhất tâm tùy hỷ người có trình độ sống như vậy. Và từ đó mọi rối rắm của cuộc sống sẽ lần hồi được giải quyết ổn thỏa. Đó là đã được pháp lực gia hộ. Một sự gia bị bất khả tư nghì. Ấy cũng từ nơi mình nỗ lực quyết sống vì Phật pháp mà thôi, không có gì huyền hoặc thần bí.

Phật tử đã có gan sống như Phật pháp, thì không cầu an mà được an. Vì đã là người Phật tử chân chánh thì thấy nguy nào khác là an. Nguy cũng là tướng, an cũng là tướng. Mà đã là “tướng” tức là hư vọng, thì an hay nguy thấy đều hư vọng. Thế nên Phật tử ngay đó mà bình an. Một sự bình an như vậy mới thật là bình an lớn. Và từ nơi niềm bình an ấy, Phật tử có đủ tỉnh táo sáng suốt chuyển nguy thành an theo cái nhìn của cuộc đời. Chuyển được hoàn cảnh xấu thành tốt.

Vô lý, tu hành là để chỉ có “cầu an”. Tu là đối kháng lại ma quân thì làm sao an được? Mà hễ không an thì thối lui, đó có phải là người tu chưa? Lui thì ai tiêu trừ ma quân? Ma quân mà còn thì làm sao an? Dù muốn an có được không?

Vậy nên người tu không thể chấp nhận được sự cầu an như vậy. Không thể cầu an bằng cách thối, không chiến đấu với ma quân, bằng cách làm nô lệ ma quân, hay bằng cách bám theo chân đức Phật, núp trong hào quang ẩn quanh cội bồ-đề.

Không! Người đã nghĩ đến chuyện tu không thể như vậy được. Phải biết, đức Phật cũng đã là người từng chiến đấu với ma quân. Nay ngài đâu chấp nhận lũ “hậu duệ” chỉ biết núp trốn doanh vây bên ngài.

Không được, dù muốn dù không cũng phải chiến đấu. Đã chấp nhận chiến đấu, quyết một mất một còn thì làm sao mà an được. Thế nên dù có cầu an cũng là điều vô ích. Ma quân có chịu cho ta cầu an không? Có thể nó chỉ chịu khi nào nó cảm thấy núng thế trước ta, tức có nghĩa ta phải trên đà thắng chúng mới chịu để ta an, mới chấp nhận sự cầu an.

Hãy chiến đấu! Là đệ tử đức Điều Ngự thì không có quyền chùn bước. Nguyện đời đời không chịu khiếp nhược để cầu an. Chỉ cầu an khi nào ma quân trở thành nô lệ dưới tay kiếm này.

Là Phật tử, tức là dòng giống của trí tuệ, là dòng kiếm Bát-nhã muôn đời. Người Phật tử hãy đón nhận lưỡi kiếm mâu, cầm vững trong tay linh hoạt tiếp đón

lũ ma quân. Sự cầu an trên ánh kiếm lướt qua đầu vạn lũ ma quân. Đó là sự cầu an đích thực nhất.

Việc tu hành như vậy ở một Phật tử thuần thành, biết tin tưởng Phật pháp đúng lẽ thật, sẽ thấy rõ điều ấy không phải một sớm một chiều mà được. Việc tu như vậy phải trải qua nhiều đời nhiều kiếp, cả ba đại a-tăng-kỳ kiếp.

Nói như vậy không phải nhằm gây chán nản một công trình có vẻ dài lâu. Mà ta thấy rõ một sự thật không phải đơn giản, không phải là một chuyện dễ dung gì. Một cái nghề nghiệp thông thường ở thế gian thôi, mà muốn đạt trình độ tinh xảo cũng phải đến cả đời người. Huống chi đây lại là một việc mờ mờ, ảo ảo, khó nghe, khó thấy, khó thực hiện thì hỏi với số thời giờ phù du của ba vạn lẻ ngàn ngày là mấy, sẽ dùng vào đâu được. Thật chẳng có vào đâu, chỉ trong một đời người.

Việc tu hành mà đem thời gian ba vạn sáu ngàn ngày để ấn định thì thiệt chẳng đáng gì!

Ở trong nhà thiền nói: Phải gắng đời này cho xong. Đây là một lời nêu cao ý chí, khích lệ kẻ trượng phu. Kỳ thực, làm sao xong được chỉ trong một đời. Có được chẳng là các bậc đã tu qua nhiều đời, đến đời này một nghe ngàn ngộ, thì gọi là xong. Xong là căn cứ đời này mà nói. Hay xong là quyết trong đời này, không còn lằm nữa. Đối chân lý đã sáng tỏ rõ ràng, chứ công hạnh làm sao mà tròn được. Và nếu có được, thì chỉ là xong phần nhân, thành Phật nhân. Đó là trường hợp của Long Nữ trong

kinh Pháp Hoa. Nàng vừa được ngài Văn-thù điểm hóa, thoát liền thành Phật. Phật ấy mới là Phật nhân thôi. Tuy là nhân quả đây mang tính đồng thời. Đồng thời là cùng lúc đồng lớn lên cả nhân và quả, chứ không phải liền đó nảy nở đúng mức. Cũng như hạt sen và gương sen, đồng có một lượt, cùng nảy nở, để rồi mới lớn lên; chứ không có nghĩa ngay khi có hạt, gương là liền thành quả lớn trọn vẹn đúng mức.

Vậy, phải hiểu điều này chớ có lầm lẫn. Không vì lâu xa mà nản, không vì mau chóng mà hấp tấp xem thường. Dù thời gian lâu hay mau, cũng không nên xem thường hay nản chí. Mà phải biết đây là một việc đòi hỏi một ý chí phi thường, một sự kiên tâm không bờ mé. Tuy vậy, đối với người khéo tu thì luôn luôn giữ được sự thanh thoi trong lúc dụng công. Cho nên dù chưa đạt được quả vị cuối cùng, cũng vẫn giữ được tính chất giải thoát an nhàn.

Phật tử khéo tu cũng vậy, dù chưa tới đâu, nhưng khi nhận đúng pháp, tu đúng đường lối thì việc tu cũng được nhẹ nhàng thư thới. Như nếu thật là ăn cơm, thì vừa ăn là vừa no, vừa khoan khoái. Cứ vậy mà ăn, càng ăn càng no, càng khoan khoái. Nếu khác vậy thì phải soát lại, xem đường lối mình có đúng như pháp không. Pháp Phật là pháp giải thoát thì từ đầu đến đuôi cũng phải mang tính giải thoát mới được.

Có những Phật tử khi tu không được hướng dẫn đúng pháp, khiến ra công trở nên trì trệ và có nhiều điều đáng tiếc cho cá nhân và người xung quanh. Thay vì

tu để có được sự an vui giải thoát thì lại sanh gắt gỏng vô lý, tạo nhiều nỗi bất an cho mình cho người, gây xáo trộn cuộc sống vô lối, tạo nhiều ràng buộc, những dính mắc không đâu.

Vậy nên Phật tử phải hiểu rằng tu theo Phật pháp là nhằm tạo cho đời sống giữa mình và người đồng được an vui. Hay ít ra chính mình phải được an vui đúng như pháp.

Vô lý, khi chưa biết đi chùa thì gia đình êm ấm. Đến chùng biết đi chùa, rồi vì sự đi chùa mà khiến cho gia đình mất hạnh phúc. Đó là một sự sai lầm lớn ở một Phật tử.

Làm thế nào khi chưa biết đi chùa thì gia đình lục đục, rối loạn. Đến khi biết đi chùa thì gia đình trở nên ấm êm hạnh phúc. Như vậy mới là một Phật tử tốt.

Người Phật tử như vậy là người khéo học đạo. Biết vận dụng đời sống đạo vào đời sống thế tục. Để tóm kết, người Phật tử tại gia cư sĩ phải nhận định rõ ràng về những việc của mình khi đến trong Phật pháp:

- 1/ Cần nhận định đúng đắn về việc cúng dường.
- 2/ Phải xây dựng nhân tu theo nhân quả. (Quả: vô tham. Nhân: phải là tham).
- 3/ Tu không phải để cầu an. Tu là chiến đấu với ma quân.
- 4/ Tu không phải một ngày một buổi.
- 5/ Tu là phải thành thoi.

2. Then chốt luân hồi và giải thoát

Mục đích của người tu hành là ra khỏi vòng luân hồi sanh tử, được giác ngộ và giải thoát. Người tu thì nhiều mà người giải thoát thì không được bao nhiêu. Vì sao? Vì pháp của Phật không đúng chăng? Vì chướng ngại quá cao chăng? Không, pháp của Phật là chân lý muôn đời, còn chướng ngại thì không cao không nặng, chỉ vì người tu hành không thực hành đúng lời Phật dạy hoặc không biết rõ then chốt của luân hồi và giải thoát để nắm giữ và hạ thủ công phu.

Phật dạy: Chúng sanh luân hồi trong ba cõi sáu đường là do vô minh tác động gây nghiệp hoặc rồi chịu quả báo. Muốn cho người tu hành hiểu rõ sự việc từ đầu đến cuối, Phật dạy lý mười hai nhân duyên:

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt... sanh diệt thì lão tử diệt.

Như vậy muốn hết luân hồi sanh tử thì phải diệt vô minh. Chúng ta hãy tìm hiểu vô minh là gì? Theo kinh A-hàm thì nếu không biết tứ đế như thật là vô minh. Theo kinh Viên Giác nếu còn thấy thân ngũ uẩn và lục trần có thật là vô minh. Theo tổ Hoàng Bá, nếu đem hạt bụi chia làm một trăm phần, nếu thấy chín mươi chín phần là giả, chỉ còn thấy một phần nhỏ nhất là thật có thì vẫn còn vô minh.

Làm sao diệt được vô minh? Rất khó, vì nó thuộc về nhân quá khứ làm sao diệt được? Như vậy chúng ta không thể chặt đứt vòng luân hồi ở chỗ vô minh được, mà phải tìm chỗ khác. Hành, thức, danh sắc, lục nhập cũng không thể được, vì làm sao diệt được hành là nghiệp quá khứ. Thức, danh sắc, lục nhập là bộ phận của thân thể con người, chẳng lẽ mang ra hủy hoại? Xúc thọ là những cảm giác ảnh hưởng tới chúng ta cũng không tu được. Chỉ còn ái là cái bộ phận cái khoen mềm yếu nhất trong cái vòng gồm mười hai cái khoen của sự luân hồi, chính nơi đây người tu hành nhắm vào để chặt.

Ái là thương yêu. Vì thương yêu nên muốn nắm giữ (thủ), nắm giữ cho ta (ngã), vật đó của ta (ngã sở). Diệt ái tức là phá trừ chấp ngã và ngã sở vậy.

Người đời được khen thì vui, đó là thọ lạc. Bị mất thì buồn, đó là thọ khổ. Nếu có tiếng nói không khen không chê thì mình không vui, không buồn, đó là vô ký. Trên đây là nói về tiếng. Nếu nói về sắc thì cũng vậy. Đẹp thì thích, xấu thì chán ghét. Người tu phải làm sao không còn cái tâm ưa thích, chán ghét, giận dữ, nghĩa là giữ tâm an tịnh chứ không phải gõ đá.

Có ái là thương yêu, thích thú, là có lòng tham (thọ lạc). Nếu điều gì có lòng ghét thì khởi lòng sân (thọ khổ). Làm sao đừng tham, đừng sân. Ái tương ứng với tham, trái lại ghét tương ứng với sân. Còn vô minh chính là tương ứng với si. Tham sân si là gốc của tam độc.

Si, thủ phạm gây ra tội lỗi, là tên khác của vô minh. Vì si mê lầm lạc mà chúng ta không phân biệt được điều hay lẽ dở. Không biết đâu là thật, đâu là giả, đường thẳng không đi, lại đâm quàng vào bụi rậm. Phải diệt si thì tham sân sẽ hết. Nếu không tìm ra si để diệt thì không bao giờ diệt được tham sân.

Như đã nói ở trên, người đời được khen thì vui thích, bị chê mắng thì chán ghét. Vậy nếu không thấy ghét thì làm sao mà dứt được? Đó là then chốt của sự tu hành. Đừng thấy khen chê là thật, thì sẽ dứt được vô minh. Các tổ dạy phải *quán thọ thị khổ*, thọ lạc cũng không thích, thọ khổ cũng không giận, thọ không lạc không khổ cũng không ưa. Phải bình đẳng đối với tam thọ mới được.

Những cái gì lãnh thọ, nhận chịu đều là khổ. Những cảnh khổ đau, những lời chê bai, những vị cay đắng ở đời là khổ đã đành, nhưng còn cảnh sung sướng những lời khen ngợi, những vị ngon ngọt thì có phải là khổ không? Theo giáo lý nhà Phật thì vui, buồn, khen, chê, ngọt, đắng... đều là khổ, là giả, là vô thường. Muốn giải thoát người tu hành phải giữ tâm bình thản, không còn thương ghét, như người gỗ ngấm chim vẽ, được vậy thì ở đâu cũng tu được, chẳng cần phải lên núi, vào cốc nhập thất làm chi. Nhưng phải biết việc đó rất khó.

Theo kinh A-hàm thì tiếng khen là vô thường hoại diệt vậy là khổ, tiếng chê cũng là vô thường hoại diệt cũng là khổ. Biết là khổ thì còn đại gì sanh lòng yêu ghét. Nếu không sanh lòng yêu ghét là đã diệt được tham và sân rồi. Chúng ta bị khổ vì chấp tiếng khen

cho là thật có, chấp lời chê cho là thật có, chấp hình ảnh đẹp cho là thật có rồi yêu thích, chấp hình ảnh xấu cho là thật có rồi sanh lòng chán ghét. Nếu biết tất cả là vô thường, là khổ, thì đừng ghét, đừng yêu. Tham sân hết, thì si cũng không còn, biết là vô thường thì không tham, vậy dứt được ái. Dứt si, dứt ái là phá được vòng luân hồi, được giải thoát.

Bây giờ chúng ta thử căn cứ vào kinh Bát-nhã xem sao? Quý vị tụng bất cứ kinh gì, cũng kết thúc bằng Bát-nhã Tâm Kinh. Bát-nhã là trí tuệ. Phương pháp tu nào cũng phải nhờ Bát-nhã. Người nào có trí tuệ sáng suốt thì phá trừ được vô minh. Ví như thắp đèn sáng lên thì bóng tối tự tiêu tan. Bát-nhã chủ trương ngũ uẩn giai không, biết tất cả là không, thì thoát tất cả mọi khổ ách. Mọi vật đều tự thể là không, do nhân duyên hòa hợp mà thành, đó chỉ là huyễn có, là giả hợp. Nếu biết tất cả là giả, thì còn tham đắm say mê, thương ghét, giận hờn làm gì? Tất cả đã là không, thì không có người, không có ta, không có vô minh, tội chướng, mà cũng không có nghiệp quả khổ đau. Nhưng tâm trạng này chỉ đến với những người đã chứng đến pháp *nhất thiết không*, trí người đó đã sáng, tâm người đó đã bình, chứ còn chúng sanh thì vẫn thấy có luân hồi, có giải thoát, có sanh tử, có Niết-bàn, có tội, có báo, có nhân, có quả.

Người có trí tuệ thì hiểu tiếng khen lời chê, sắc đẹp, dáng xấu, miếng ngọt vị cay... đều là nhân duyên hợp lại mà thành, là huyễn hóa, là giả, thì không còn ưa ghét, nhờ vậy mà dứt được ái, hết tham và sân. Giác ngộ thân tâm cảnh là giả, dùng trí tuệ chiếu soi

tất cả thì mới là giải thoát, dứt được vô minh, trừ được si.

Chúng ta sống ở đời quen coi ta, người và cảnh đều có thật. Nay nhờ trí Bát-nhã chiếu soi, chúng ta hiểu tất cả là giả có, in tuồng là có mà thôi. Ngay trong lúc thấy có, phải biết nó là không, tất cả các pháp tự tánh là không, đương thể tức không. Cái bàn trước mắt đây, bây giờ thấy có, nhưng nó hoại lần lần, rồi sẽ biến dịch thành không. Chỗ này rất dễ hiểu trước có sau không, theo luật vô thường. Đó là theo kinh A-hàm. Nhưng nói theo kinh Bát-nhã thì cái bàn tự tánh là không, do nhân duyên hòa hợp, đương thể là không. Cái bàn còn y nguyên chưa hoại mà đã biết nó là không, đó mới thật là chân không. Mà cũng chính cái không này lại phát sanh ra cái có, đó là *Sắc tức thị không, không tức thị sắc*.

Đừng thấy tất cả là giả, là không rồi chẳng chịu làm gì, ngồi im một chỗ, hoặc lên núi lên non ẩn mình. Thật ra, thấy ngũ uẩn giai không rồi là đã tỉnh giác, nhưng chỉ giác được một chút rồi lại mê. Phải làm sao cái giác thật lâu, mãi mãi tự giác rồi còn giác tha. Các bậc Bồ-tát sau khi chứng được chữ *không* đều phát lòng đại bi, lăn vào trong đời ác ô trược để cứu chúng sanh. Đứng về thể tánh thì không chấp một pháp nào, nhưng đứng về thực hành thì không bỏ một việc thiện nào mà không làm.

Chúng ta đã học hiểu rồi phải thực hành, tự thấp đước lên mà đi, ngọn đước tâm ta sáng thì được giác ngộ và giải thoát.

Tóm lại, then chốt của luân hồi và giải thoát, theo kinh A-hàm thì phải hiểu rõ tứ đế như thật, mọi vật là vô thường, là hoại diệt, vậy là không. Còn theo kinh Bát-nhã thì phải phát huy trí tuệ, phải giác ngộ biết vạn vật do nhân duyên hòa hợp, nguyên thể là không. Việc tu hành không có gì lạ, điểm trọng yếu làm sao có trí tuệ sáng suốt để được giác ngộ, mà hễ được giác ngộ là được giải thoát.



PHẦN IV
VẤN ĐÁP

1. Vọng không thật có

Biết vọng không thật liền hết vọng.

Kinh Kim Cang, Phật dạy: *Tam tâm bất khả đắc* (quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc). Ba thời tìm tâm không thể được.

Sơ Tổ dạy ngài Huệ Khả: “Đem tâm ra đây ta an cho...” Huệ Khả tìm tâm chẳng được. Liền đó Tổ nói: “Ta đã an tâm cho ngươi rồi đó”.

Mỗi lời dạy của Phật, tổ tuy khác nhau, nhưng đều có ý bảo là *vọng tâm* không thật có. Nếu hành giả khi tu thiền khởi tu *biết vọng không thật* tức liền hết vọng. Vọng tưởng do bóng dáng sáu trần, ngoài sáu trần tức tâm (vọng) không thật có.

Gốc mê lầm bởi nhận lầm vọng tưởng cho là tâm mình mà thôi.

2. Nghiệp nào nặng

Người hỏi:

- Nghiệp thân và nghiệp ý nghiệp nào nặng hơn?

- Nếu căn cứ nghiệp nhân thì ý nặng, căn cứ nghiệp quả thì thân nặng. Bởi ý là động cơ phân tạo nghiệp. Tuy nhiên nếu có ý nghĩ mà thân chưa hành động, chưa thành tội.

- Nếu nói ý nghiệp nặng, khi ý nghĩ chưa khởi hành động đâu thể thành tội? Thành tội khi nào phải có hành động của thân.

Căn cứ giới Tỳ-kheo (giới tướng) khi nào có hành động mới thành tội. Nếu căn cứ giới Bồ-tát, ý vừa nghĩ ác đã thành tội.

3. Tâm bình thường

Thế nào là *Bình thường tâm thị đạo*?

Bình thường tâm nghĩa là không thấy phải, thấy quấy, thấy thật thấy giả, thấy đây kia, phàm thánh v.v... Tóm lại không thấy hai thì tâm an nhiên lặng lẽ. Thấy như vậy tức có cái thấy bình thường. Cái thấy bình thường như vậy ấy là đạo. Khi có cái thấy như vậy, không phải dụng công tìm cầu. Muốn được tâm này chỉ đừng khởi vọng. Vì vọng là gốc của luân hồi trong ba cõi, không khởi vọng tức diệt gốc luân hồi.

4. Duy tâm và duy thức

Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức.

Tâm lành hiện cảnh giới lành. Ví như khi ta làm cho người vui, người đối xử với ta tốt.

Vạn pháp duy thức. Các pháp giữa này, có ra đều do thức phân biệt.

Ngài Động Sơn hỏi ngài Ma Cốc: “Gió khắp mười phương. Khi không gió tại sao không thấy?”

Ngài Ma Cốc cầm quạt quạt.

Gió khắp giáp nhưng phải tùy duyên, có duyên gió mới hiện.

Có phân biệt mới thành pháp.

5. Chăn trâu

Ngồi tu thế nào?

- Có để tâm không chẳng?

- Chăn trâu kia mà!

- Chăn thế nào?

- Tổ Quy Sơn dạy: “Khi trâu liếc ngó hai bên muốn ăn lúa mạ người phải kéo nó lại...”

Như thế lúc nào người chăn cũng nhìn chừng, đâu có rảnh rồi mà gọi là *vô ký* hay *hôn trầm*. Đâu để rơi vào không.

Căn cứ vào thập mục ngư đồ (mười bức chăn trâu), người chăn đến khi nào không còn thấy trâu và người nữa (dứt cả năng tri và sở tri) mà chỉ còn một vầng trăng tròn sáng rõ giữa không trung.

Tóm lại, trong khi ngồi tu phải dùng trí tuệ Bát-nhã thấy rõ vọng tâm sanh diệt làm đối tượng.

Khi có vọng luôn biết có vọng. Khi không vọng, vẫn biết không. Tâm luôn lặng lẽ và chiếu soi.

Theo pháp tu này, ban đầu có đối tượng, nhưng không có đề mục như Tiểu thừa. Vì có sự chiếu soi lặng lẽ, nên cũng coi như là lối tu mặc chiếu - Thiên mặc chiếu.

6. Có đọa địa ngục không?

Hỏi: - Ông Đề-bà-đạt-đa phá Phật nhiều đời, phạm tội ngũ nghịch. Nếu đọa tại sao mỗi đời đều còn theo phá Phật?

- Người tu đắc đạo có hai trường hợp: Nếu còn yếu phải nhờ hoàn cảnh thuận lợi để tiến lên. Trái lại khi đã mạnh rồi phải dùng nghịch cảnh để tiến.

Ông Đề-bà-đạt-đa tuy phá Phật nhưng là Bồ-tát nghịch hạnh, làm trợ duyên để Phật tiến đạo, nên không đọa địa ngục vì không có ác tâm. Tuy nhiên trên lý nhân quả, Phật vẫn nói ông đọa địa ngục Vô gián.

Câu chuyện ngài Mục-kiền-liên xuống địa ngục thăm ông Đề-bà-đạt-đa. Ngài hỏi: Ông ở đây có khổ không?

Ông trả lời:

- Tôi vẫn vui như Tỳ-kheo đạt quả đệ Tam thiên.
- Chừng nào ra khỏi?
- Khi nào Phật vào địa ngục.

Như vậy, Đề-bà dù ở địa ngục mà không thấy có địa ngục.

7. Chỗ khác biệt giữa Đại thừa và Tiểu thừa

- Đại thừa nhận tâm mình rộng lớn trùm khắp pháp giới, tức thể nhập pháp thân (thể đại, tướng đại, dụng đại) - Đại Thừa Khởi Tín luận.

- Tiểu thừa chỉ diệt *sanh diệt* của sáu thức rồi nhập *Diệt tận định* chứng A-la-hán. Đại thừa gọi đó là *trầm không trệ tịch, tiêu nha bại chủng* (không phát đại bi tâm độ sanh).

8. Chấp thiện thì ác liền sanh

Ở Hy Lạp một đạo có phong trào giết người khủng khiếp! Tại sao? Vì người đạo ấy cho rằng mọi người không chịu theo kinh Thánh để lên Thiên đường.

Sự thường, nếu ai không làm theo mình thì ghét. Nhưng chưa hẳn cái hiểu của mình là đúng, và khi cái mà mình cho là đúng là tốt mà kẻ khác không theo, thì coi như kẻ đó là kẻ “xấu số” sẽ bị cái “ác” đến với họ.

Nghĩ thiện, chấp thiện thì cái ác liền sanh. Nghĩ thương người nào thì muốn bảo vệ người ấy. Thấy người khác muốn hại người mình thương, liền có niệm phản đối (ác) và sẽ có ra hành động phản đối can thiệp bảo vệ.

Chấp cái thương, cái thiện là tai họa. Muốn làm thiện mà bị cản trở thì trở nên bực, tâm ác theo đó mà sanh. Vậy: *Không nghĩ thiện không nghĩ ác là hơn tất cả.*

Nếu là cái thiệt thì không thương giận.

Thương giận thì không phải thiệt.

9. Khác nhau trên một cái nhìn

Chúng ta sở dĩ phiền não là bởi do nhìn người bằng cặp mắt chỉ trích, hoặc cặp mắt khinh miệt tự cao... rồi thấy người xấu xa dở tệ... bởi thế mới sanh ra phiền não, như tâm tật đố, sân si...

Trái lại, nếu dẹp những lối nhìn trên mà nhìn mọi người với *cặp mắt bình đẳng* thì mỗi người đều tốt, đều có tánh đặc biệt của họ. Người ăn cướp vẫn có tánh tốt. Nhất là mỗi người đều có Phật tánh (như Bồ-tát Thường Bất Khinh nhìn) thì đâu có phiền não.

Đạo Phật nhìn bằng cái nhìn như vậy (tất cả bình đẳng trên thể tánh) nên phá hết các kiến chấp chủng tộc, nhân loại v.v...

Đạo Phật lấy chúng sanh làm đối tượng cứu khổ, để thực hành hạnh từ bi. Vì thế từ bi của đạo Phật cao tột, vượt ngoài tình gia đình, quốc gia, nhân loại. Nó là thứ tình chúng sanh. Tất cả chúng sanh đều bình đẳng.

Có cái thấy như vậy nên Phật mới thí thân cho cọp dúi v.v...

10. Biết chủ khách

Hỏi:

- Khi tu chỉ biết: Khách có biết có, không biết không, còn gì nữa không?

- Như người chủ nhà biết khách biết chủ, đó là giai đoạn thứ nhất. Ở địa vị chủ loại khách, khách hết,

sắp xếp việc trong nhà, làm đẹp nhà cửa. Đến lúc hư hoại muốn gỡ nhà phá nhà (nhà dụ cho thân ngũ uẩn) tùy ý.

Một thiền sư nói: “Sở dĩ ta không làm chủ được nhà mình là cứ để *tâm trộm* lén vào khuấy phá.”

Hỏi: - Người tu *Biết vọng* mà vọng cứ khởi có lợi ích gì?

- Lục Tổ nói: “Không sợ vọng khởi mà sợ giác chậm.” Vọng khởi mà tỉnh giác là đều có tỉnh giác hiển lộ. Một trăm lần vọng khởi có một trăm lần giác.

Biết sóng là nước, thì không sợ vọng, vì nó là chân.

Trong Pháp Bảo Đàn kinh, Ngọa Luân nói: “Niệm bất khởi”.

Lục Tổ nói: “Niệm sở khởi”.

Cần niệm giác, giác là Phật.

Nhớ mặt biển mà không ngại sóng dậy, vì sóng từ biển sanh.

Sống với bao nhiêu người mê mà mình vẫn tỉnh, chứ không phải đóng cửa không tiếp khách.

11. Hồ Hán đều hiện

Như tấm gương xưa, Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán. Người nào đến, vật nào đến đều hiện rõ mỗi thứ. Dầu hiện rõ muôn thứ mà mặt gương không thay đổi.

Như nhận bay trong hư không, không lưu lại dấu vết nào.

Như trăng soi dòng nước, mà nước và trăng không đến nhau. Nước chẳng dính trăng.

Người thấy tánh, gặp duyên liền khởi dụng, nhưng thể tánh chân thật không thay đổi. Ấy là tự tánh dụng.

12. Một câu tóm tắt

Hỏi: - Xin cho một câu tóm tắt nghĩa tu thiền?

Đáp: - Biết cái giả không theo, nhận cái thật thường sống.

13. Sống cái nào gọi là “ông chủ”

1/ Phân biệt tốt xấu, yêu ghét... Cái biết này thuộc về thức tình.

2/ Biết được cái phân biệt tốt xấu trên tức biết được cái thức tình. Cái này thuộc về Trí. Và Trí này thuộc về Trí dụng.

3/ Biết lặng lẽ trùm khắp không so sánh phân biệt. Trí này thuộc về Trí thể. Trí này cũng gọi là “ông chủ”. Người tu phải trở lại sống với Trí này.

Hỏi: - Kinh Kim Cang nói: “Tâm ba thời không thể dặng...”, tại sao lại dạy phải sống với ông chủ (có dặng).

- Kinh dạy phá ba thời vì tâm ba thời vọng không thật. Nhưng ông chủ hằng hữu, phi thời gian, lúc nào cũng vẫn hiện tiền.

14. Định nghĩa Chơn Không

Tên Chơn Không có 3 nghĩa:

1/ Y cứ kinh điển Đại thừa:

- Chơn không thể tịch tịnh của các pháp. Từ thể hiện bày diệu dụng, hay gọi là diệu hữu.

2/ Y cứ Thiên tông:

- Chơn không là tánh giác, tánh giác này *không một vật*. Lục Tổ nhận được tánh này nên nói kệ *Bản lai vô nhất vật...*

3/ Y cứ Thiên sử:

- Tên vị thiên sư Chơn Không đời Lý, Việt Nam.

15. Tu tập đừng đặt nặng thời gian

Hỏi: - Có người vừa phát tâm tu thì tính toán thời gian, tôi phải tu năm năm, bảy năm v.v... Tính toán như thế có hợp đạo lý không? Thử hỏi có hai người: một người làm cho hết việc, một người làm cho hết giờ, vậy người nào tốt?

Đáp: - Người làm hết việc tốt.

Vậy mà thường người tu học hay có quan niệm tu cho mau thành, chóng kết quả. Do vậy mà dễ bị gạt. Đúng ra chúng ta tu, không thể hẹn thời gian. Vì có ai biết bao giờ hết vọng tưởng đâu? Đặt thời gian là yếu đuối, là lười biếng! Tu ít mà muốn kết quả nhiều. Người mạnh, sẵn sàng làm bất cứ bao lâu, miễn xong việc là xong.

Tóm lại, chúng ta hãy nỗ lực tiến tu, đừng đặt nặng thời gian.

16. Tinh thần cầu nguyện

Hỏi: - Vì sao trong kinh Nhật Tụng lại chọn phẩm Phổ Môn làm kinh cầu an?

Đáp: - Vì phẩm này nói nhiều về cứu khổ cứu nạn, mà thường người ta hay cầu an và sợ khổ. Vì vậy chọn phẩm này làm kinh cầu an. Nhưng ít ai hiểu được tầm quan trọng của phẩm này.

Chúng ta thường cứ nghĩ tụng cho có phước chứ không hiểu được ý nghĩa thâm sâu của kinh.

Kinh Pháp Hoa đến phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn này là đến phần phá tướng ấm, mà con người có khổ là do tướng. Phá tướng thì hết khổ. Một viên đạn bất ngờ xuyên qua chúng ta đâu có sợ. Một nhát dao chém quá nhanh không làm ta sợ, nhưng nếu cứ khứa khứa từ từ thì ta tưởng tượng mà rợn mình! Để chứng tỏ cái sợ từ tướng mà có cho nên niệm Quán Thế Âm Bồ-tát là trở về tánh nghe. Trở về tánh nghe thì bật vọng tướng. Không chỗ tướng, thì khổ từ đâu mà có? Nên nói, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì qua khổ nạn. Đó là nói về “lý”.

Về “sự”, niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát hết khổ như thế nào?

Giả sử chúng ta đi đường sợ ma, lúc đó sợ quá, thành khẩn niệm Quán Thế Âm Bồ-tát. Bởi lo niệm Quán Thế Âm Bồ-tát nên một lúc hết nhớ đến ma, sợ cũng theo đó mà hết, tức là hết khổ. Bị tai nạn cũng vậy. Lúc gặp tai nạn, chúng ta mãi lo niệm danh hiệu

Quán Thế Âm Bồ-tát nên không còn thì giờ rảnh để tưởng nhớ đến sự việc xảy ra, do đó cũng quên hết khổ.

Hỏi: - Tôi thấy có nhiều chuyện niệm Quán Thế Âm Bồ-tát rất linh ứng đó là sao?

Đáp: - Vẫn biết đức Quán Thế Âm Bồ-tát rất linh ứng và sẵn sàng cứu khổ cho chúng ta, nhưng nó còn đòi hỏi ta phải tu nghiệp lành đúng với quả mong cầu thì việc cầu của ta mới có kết quả.

Bây giờ tôi hỏi lại: như gặp tai nạn thì bao nhiêu người niệm danh hiệu Quán Thế Âm, nhưng tại sao có người được khỏi, có người không khỏi? Đâu phải ai niệm cũng được khỏi hết? Như vậy thành ra Bồ-tát có lòng thiên vị người này, ghét bỏ người kia sao?

Điểm này chúng ta phải hiểu rõ. Tùy theo nghiệp tương ứng của mỗi người mà có. Người có phước lành thì niệm đến điều lành, cảm việc lành. Trái lại, người nghiệp ác quá nặng có thể không cảm nổi điều lành. Người có phước không nhất định họ niệm Bồ-tát thì Bồ-tát hiện, mà có thể họ niệm Chúa thì Chúa hiện, hoặc niệm Thần thánh thì Thần thánh hiện đều do phước lành của họ mà cảm nên. Còn người tạo nghiệp ác quá nặng, tuy có niệm đến điều lành, nhưng không đủ sức cảm hiện, nên vẫn bị khổ. Người xưa nói *Linh bất linh tại ngã* là như thế.

Tóm lại, cảm ứng chẳng phải không, nhưng có là do ở chúng ta chẳng phải ở Bồ-tát. Phật, Bồ-tát chỉ là cái duyên phụ thuộc bên ngoài thôi. Nếu chúng ta một bề

hương bên ngoài mà cầu sự linh ứng đó là bỏ gốc theo ngọn, trái với ý chỉ của kinh.

Hiểu vậy thì chúng ta niệm mới cảm ứng bất tư nghì.

17. Xin một chữ

Một người học Thiên từ phương xa gửi thư đến xin một chữ để tu. Đáp: Một chữ “Tĩnh” hoặc một chữ “Xả”.

18. Phật ở đâu

Đây là lời của ngài Phó Đại Sĩ nói về chỗ sở hành của mình:

Tâm Phật

*Dạ dạ bão Phật miên
Triêu triêu hoàn cộng khởi
Khởi tọa trấn tương tùy
Ngũ mặc đồng sở chỉ
Tiêm hào bất tương ly
Như thân ảnh tương tự
Dục thức Phật khứ xứ
Chỉ giá ngũ thanh thị.*

Dịch:

*Đêm đêm ôm Phật ngủ
Ngày ngày cùng Phật dậy
Ngồi đứng hằng theo nhau
Nói nín đồng chung ở*

*Mãi mãi chẳng xa nhau
 Như hình cùng với bóng
 Muốn biết nơi Phật đi
 Chỉ chỗ nói năng ấy.*

Muốn biết nơi Phật đi, chỉ chỗ nói năng ấy. Đây là chỗ ngài Mã Tổ trả lời với Huệ Hải: “Chính cái người hỏi ta đó!” Nhận ra được điều này rồi sống cùng như vậy.

19. Dừng tìm tâm và đoạn tư tưởng

Chỉ biết vọng không theo là đủ, dừng tìm tâm và đoạn tư tưởng (vì đoạn tư tưởng là pháp tu của Tiểu thừa). Tại sao? Vì tư tưởng như mây khói, đâu có thật mà phải đoạn trừ. Như bài kệ của Lục Tổ bác cái hiểu lầm của ông Ngọa Luân, trong kinh Pháp Bảo Đàn.

Lối tu chăm chăm nhìn vọng tưởng như mèo rình chuột là lối dạy tu của pháp tu công án dùng áp lực để tâm thành một khối, đủ duyên sẽ phát ngộ (bộc phát).

20. Nghiệp và vọng tưởng có đáng sợ không?

Một là sợ *nghiệp*, hai là sợ *vọng tưởng*.

- Nghiệp: đáng sợ với người thấy nghiệp là thật, không đáng sợ với người biết nghiệp không thật. Không đáng sợ mà làm chủ, nên chuyển được nghiệp.

- Vọng tưởng: nếu biết thì không sợ. Dừng sợ vọng khởi, chỉ sợ biết chậm. Nó khởi mặc khởi, mình chỉ giữ vững cái *Biết*, bám sát cái *Biết*. Mình tức *Biết*, biết tức tánh, không ngại.

Lại thêm trong giấc ngủ có nhiều mộng mị, là do nơi nghiệp thức chủng tử khởi hiện hành. Đây là do thiếu sự làm chủ, vì thiếu trí tuệ quán chiếu.

Muốn tiêu trừ mộng mị, thì gia tăng cường độ huân quán trí tuệ.

Hãy điềm đạm huân tu. Vọng, trước là thù, sau ấy bạn.



PHẦN V

TRÍCH GIẢNG THIÊN SỬ

1. Được danh và được thể

Có vị Thiên khách hỏi thiền sư Tánh Không:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Tánh Không đáp:

- Như có người bị té dưới giếng sâu ngàn trượng, không có một tác dây, đợi chừng nào người ấy lên sẽ đáp ông.

Ngưỡng Sơn Huệ Tịch nghe nói vậy thắc mắc đem hỏi ngài Đàm Nguyên:

- Người ở dưới giếng làm sao lên được?

Đàm Nguyên quở:

- Kẻ si! Ai ở dưới giếng?

Sau đến Quy Sơn, Huệ Tịch lại đem câu ấy hỏi:

- Người ở giếng làm sao lên được?

Quy Sơn liền gọi:

- Huệ Tịch!

Huệ Tịch đáp:

- Dạ!

Quy Sơn liền bảo:

- Ra rồi! Ra rồi!

Ngay đó Huệ Tịch liền ngộ. Ngài nói:

- Tôi ở chỗ Đam Nguyên được danh, ở chỗ Quy Sơn được thể.

Bình:

Vì sao ngài nói ở chỗ Đam Nguyên được danh?
Vì sao ở chỗ Quy Sơn được thể?

Bởi ngài Ngưỡng Sơn cứ định ninh rằng, có người ở dưới giếng lên, ngờ đâu bị gạt một cách đáng thương. Thấy vậy ngài Đam Nguyên bèn phá gỡ cho, liền bảo:
- Kẻ si! Ai dưới giếng? Huệ Tịch liền nhận ra lỗi trước, tuy nhiên chỉ mới nhận ra cái lý không người dưới giếng mà chưa thật thấy chính mình. Đến Quy Sơn gọi: Huệ Tịch. Đáp: Dạ! Bảo: Ra rồi! Ra rồi! Là chỉ rõ cái thể hiện tiền. Huệ Tịch ngay đó vỡ lẽ: chính mình vậy.

2. Trâu đã thuần chưa?

Một hôm Tề An Công đến hỏi đạo ngài Bạch Vân Nghĩa Đoan. Bạch Vân hỏi:

- Trâu đã thuần chưa?

Công thưa:

- Đã thuần, đã thuần.

Bạch Vân bèn mắng cho một trận. Công mặt đổi sắc, đang ngồi bèn đứng dậy khoanh tay. Bạch Vân hỏi:

- Thuần chưa?

Công im lặng.

Bạch Vân liền nói:

- Trâu ở trong núi đủ nước đủ cỏ, Trâu ra khỏi núi chạm đông chạm tây.

Bình:

Người tu ví như người chăn trâu giữ gìn chó cho ăn lúa mạ người. Lúc đầu nó còn hung hăng, sau lần lần thuần thực. Khi thuần buông roi, buông dây không phải chăn giữ mà nó vẫn không phạm lúa người. Người giữ tâm mình được đúng mức thì không bị thanh sắc (cảnh) làm chuyển lay. Để trải nghiệm trình độ, thiên sư đã hỏi người: Trâu đã thuần chưa, tức tâm ông đã yên chưa?

Ở đây Công thưa: Đã thuần, đã thuần (tâm tôi đã yên rồi).

Ngay đó thiên sư liền mắng cho một trận. Đây là để nghiệm xem Công đã thiệt chưa, tâm đã thực yên chưa? Tiếc thay Công chưa được yên thực sự nên mặt mày biến sắc, trong lòng có vẻ không vui.

Bạch Vân gạn lại: Thuần chưa?

Hỏi như vậy để đánh thức thực trạng trong tâm người. Nhưng Công lại cố chấp, khoanh tay im lặng. Ngài tiếp: Trâu ở núi đủ nước đủ cỏ, Trâu ra khỏi núi chạp đông chạp tây.

Khi tâm không duyên thì yên. Có duyên đến thì bị động, mất đi cái yên ổn, mà sân hận nổi dậy. Khác nào trâu ra khỏi chuồng thì báng bỏ quật đông quật tây.

Việc huân tu như vậy là chưa được thuần. Khi không duyên thì ngỡ mình đã thuần. Khi duyên đến, chạp duyên thì mới hay mình chưa.

Người tu không chỉ ở trong yên, mà phải ở ngay trong cái động mà vẫn yên, thế mới là thực.

Công khi không bị chửi thì ngỡ mình là yên. Khi bị chửi thì nổi sân, hết yên. Đây là chưa thật. Phải khi không có chửi, khi có chửi mà vẫn yên thì cái yên đó mới là thực.

3. Hái dưa cho người không vào vườn ăn

Thiền sư Thanh Phẫu ở nơi hội ngài Đại Dương. Một hôm Sư đang trồng dưa, Đại Dương vào vườn hỏi:

- Dưa đã chín chưa?

Sư thưa:

- Dưa đã chín.

Đại Dương bảo:

- Lựa một trái hái ăn chơi.

Sư thưa:

- Hái cho người nào ăn?

Đại Dương bảo:

- Hái cho người không vào vườn ăn.

Sư thừa:

- Chưa biết người không vào vườn có ăn không?

Đại Dương hỏi:

- Ông có biết y chưa?

Sư thừa:

- Tuy nhiên không biết mà đâu được chẳng cho.

Bình:

Đã có người hỏi xin, mà chủ vườn lại hỏi: - *Hái cho người nào ăn?*

Người chủ vườn muốn gì? - Ông trả treo khó dễ. Muốn người xác định cái kẻ “biết ăn”, kẻ ấy là ai?

Tại sao đương sự sờ sờ ra đấy mà lại hỏi quái như vậy?

Tuy vậy không thể trả lời rằng: - Hái cho tôi ăn.

Nói như vậy có được không?

Người xin xác định như vậy là đã nhầm, mắc bẫy kẻ trồng dưa rồi!

Đại Dương không thế. Ngài là người “lái buôn” sành sỏi, chỉ có lừa người, nào ai lừa được. Đâu dễ nửa câu lại bị mắc hợm! Đã là kẻ “lái” chuyên nghiệp nên trả giá đúng mức để thủ lợi, phải nắm chắc việc ấy trong tay. Ngài quật ngược lại người, đoạt cơ chủ rẫy: - Hái cho người không vào vườn ăn.

Một câu trả lời ma quái, hư ảo! Người vào vườn xin dưa cho kẻ “không vào” ăn. Một chuyện lật lọng ngược lại

chủ vườn trả treo. Đã vào, mở miệng xin, sao lại để cho kẻ khác? Ngài mắc cỡ chẳng? Không dám nhận kẻ ấy là mình? Không tự cho mình là kẻ ăn, lại đổ thừa kẻ khác!

“Kẻ không vào vườn” ấy là ai? Là kẻ nào? Có ai thấy hấn đâu! Có chẳng cũng chỉ là bóng ma.

Nhưng đã là một bậc đại nhân, ngài Đại Dương đâu thể chối quanh, nói vô nghĩa như thế.

Ngài đã nói một cách xác thực đó. Đã giới thiệu một khách quý với chủ vườn. Người đó là kẻ sành sỏi biết thưởng thức hương vị dưa ngon. Kẻ đó được đáng cho ăn. Người đó là “người không vào vườn”.

Nếu là kẻ khác, không phải Thanh Phẫu, người chủ vườn này, thì sẽ nhìn quanh quất kiếm người không vào vườn ấy là ai? Nhưng kẻ chủ vườn này không làm cái việc phí công vô ích ấy. Không bị lời lẽ ma mỵ của “ông già” lừa. Mà trái lại, còn làm khó dễ hỏi đon ren, không muốn hái dưa cho nữa là khác.

- Chưa biết người không vào vườn có ăn không?

Một lối hỏi để giữ dưa, không muốn mất một quả. Người chủ vườn thật lợi hại. Dù là tay đại bịp cũng khó mà qua. Lời nói ấy chứng tỏ người chủ dưa đã biết rõ con người “không vào vườn” kia. Lời nói ấy đã chặn trái dưa trước mắt Đại Dương. Người chủ vườn quả thật là kẻ đáo để. Kẻ “bỏn xẻn”.

Nhưng Đại Dương là một ông lái giỏi, đâu để mất món hàng xét ra lợi nhuận rất cao. Ngài lật ngang lời người, hất chân kẻ chặn: - Ông có biết y chưa?

Đây là lời quyết liệt, lời đoạt dưa. Lời này thật lợi hại, nếu không phải là Đại Dương, kẻ lái buôn chuyên nghiệp thì khó lòng, chỉ ngó dưa mà trừ, hối tiếc.

Đại Dương, một lời đã buộc người dâng hoa quả. Một xảo thuật “kiếm ăn” thật tài tình. Lời ấy đã đưa chủ vườn vào thế phải chấp nhận. Và chủ dưa đã hoan hỷ không còn trả treo nữa, mà nhất tâm tùy hỷ cúng dường lên con người “không vào vườn” ấy. Chủ dưa đã kính cẩn:

- Tuy nhiên không biết mà đâu được chẳng cho.

Người chủ vườn thật là hiếu khách, một kẻ thạo việc trồng trọt, lại thạo của thạo người. Một chủ vườn giữ dưa trọn vẹn, dâng dưa mà không mất một trái. Người không vào vườn ấy là ai?

4. Có mắt không mắt

Một hôm thiền sư Nguyệt Am đến chơi Phong Nguyệt Đình thấy có đề bài thi:

*Phong lai từng đánh thanh nan lập
Nguyệt đáo ba tâm đoạn dục trầm
Hội đắc phong từng nguyên ngoại vật
Thủy tri giang nguyệt tự ngô tâm.*

Đọc xong Sư liền nói:

- Ai làm bài thơ này là kẻ mù.

Bình:

Đây chỉ cần sửa hai chữ thôi tức được sáng mắt, mỗi người tự sửa xem?

5. Cái đánh không can dự gì đến việc kia

Ngài Minh đạo giả ở chùa Khai Phước đến tham vấn với Ngũ Tổ Pháp Diễn. Ngũ Tổ thấy Sư tính tình điềm đạm, thông minh, phong cách đặc biệt, thường khen ngợi hạnh Sư trước chúng. Vì thế, trong chúng có một số người sanh tâm đố kỵ, muốn làm nhục Sư cho bỏ ghét. Một hôm nọ rủ Sư đi dạo núi, rồi hè nhau đánh Sư một trận thương tích khắp mình. Về chùa, Sư nằm liệt luôn đến mấy hôm không đi thọ trai được. Sau Ngũ Tổ hỏi ra mới hay cơ sự, bèn đến bên thăm Sư. Ngũ Tổ bảo:

- Ông bị bọn vô lễ làm hỗn như thế sao không mách với lão tăng để lão tăng đánh đuổi họ đi.

Sư thưa:

- Con bị đánh thương tích thì con chịu, không can dự gì đến việc kia.

Tổ bảo:

- Sức nhẫn nhục của ông còn hơn lão tăng, về sau không ai làm gì ông nổi.

Bình:

Tuy là chốn đạo tràng, nhưng người tiểu tâm đầu phải không có. Ở đạo tràng Hoàng Mai, Ngũ tổ Hoàng Nhẫn khi trao y bát cho Lục Tổ, khiến ngài Huệ Năng thiếu điều mất mạng. Nay đến đạo tràng Ngũ Tổ Pháp Diễn, chỉ vì ngài Pháp Diễn đặc biệt chú ý đến người, khiến người bị kẻ xấu ác đánh đập tàn nhẫn. Việc đời là vậy. Trong tập thể thì có kẻ xấu người tốt là lẽ đương nhiên, như bàn tay

có năm ngón, ngón dài ngón vắn không đều; việc ấy không phải nói. Chỉ nói đến người thọ nạn.

Ngài Minh đạo giả đã bị kẻ xấu hành hung. Ngài có thân thế lớn (hòa thượng Pháp Diễn) thế mà không dựa vào để trả hận. Ngược lại ngài còn lặng lẽ không rĩ hơi. Bị đánh đau, liệt bại thì chịu, không kêu than, không thống trách tính toán trả hận. Một việc làm như vậy, có phải vì ngài sợ bọn kia hăm dọa sẽ hạ sát khi ngài thưa ra không?

Không! Chắc chắn là không. Ngài có thế lực lớn mà ngài một bề im lặng chịu đựng chỉ vì một dạ sống vì Phật pháp.

- Lấy ân báo oán.
- Tình thương xóa bỏ hận thù.
- Tứ đại giả hợp.
- Ngũ uẩn giai không v.v...

Nhưng ngài không phải vì những thứ ấy mà nhẫn chịu, để trở thành con người cao thượng, một con người có dạ từ bi, mà ngài đã thể nhận sâu sắc lẽ nhiệm mầu: không can dự đến việc kia!

Việc kia. Chính việc kia là pháp mầu rút ngài ra khỏi vòng ân oán, mà có được sự nhẫn chịu phi thường để ngài trở thành một kẻ có tâm hồn cao thượng, một kẻ biết đem tình thương xóa bỏ hận thù, một con người từ bi đại độ.

Việc kia là việc gì? - Ấy là việc không là ngũ uẩn, không ngoài ngũ uẩn. Là việc mà ở trong đó không một quả đấm nào có thể đấm được.

Có thể Ngũ tổ Pháp Diễn mới tán thán:

- Sức nhẫn nhục của ông còn hơn lão Tăng, về sau không ai làm gì ông nổi!

6. Một chiếc áo rách nát

Ngài Tuyết Đường lúc ở trong chúng ngộ đạo xong, Sư chỉ mặc duy nhất có một chiếc áo từ đông sang hạ trải qua nhiều năm nên rạn đầy cả áo mà Sư không gỡ bắt. Trong chúng có người chán ghét cái hạnh nuôi rạn của Sư.

Sư có ông thân làm quan, khi ấy đổi đến gần chỗ Sư đang ở. Một hôm, Sư đến thăm cha mẹ, nhưng lính gác thấy Sư ăn mặc dơ rách quá nên không cho vào cổng. Sư bèn cởi chiếc áo đưa cho lính nhờ đem vào trình quan. Bà mẹ nhìn áo biết của con mình bèn cho gọi vào. Thấy áo quá rách và đầy rạn bà mẹ đem dẹp và đổi áo khác cho Sư. Sư khóc nói:

- Là quyến thuộc ở cùng tôi đã lâu, nay chia tay lẽ đâu lại chẳng buồn.

Khi ấy bà con quyến thuộc hay tin Sư về mới hẹn hôm sau cùng đến thăm Sư. Đêm ấy Sư lẻn trốn đi và để lại một bài kệ:

*Mạc hiềm tâm tự thiết
Tự kỷ thương vi oan
Tảo tận môn tiền tuyết
Phương khai hỏa lý liên
Vạn ban hư cánh vấn
Nhất đẳng thị vong duyên*

*Cá sự tương ưng xứ
Kim cang chủng hiện tiền.*

Dịch:

*Chớ trách tâm như sắt
Chính mình còn chẳng ưa
Quét sạch tuyết trước cửa
Mới nở sen lò hồng.
Muôn việc thôi chớ hỏi
Bạc nhất là quên duyên
Việc này chỗ thích hợp
Giống Kim cang hiện tiền.*

Bình:

Người khi ngộ đạo, thấu lẽ chân không, mọi việc quanh thân đều được xem nhẹ. Ăn mặc cơm áo đã trở thành phụ thuộc. Có gì phải nghĩ tới. Một cái áo chân thật mặc hoài không cũ, trùm hoài không rách, mang hoài không hư hoại nhàu nát. Tung ra thì khắp sum la vạn tượng, thâu lại chừng mảy lông đầu sợi tóc. Có gì làm như nó? Bất cấu, bất tịnh. Có gì làm thay đổi, Bất tăng bất giảm. Có gì làm suy suyễn? Bất sanh bất diệt.

Chiếc áo như vậy đã khoác lên mình sơn tăng, thì còn chiếc áo nào đáng giá hơn nữa. Vì vậy việc áo xống chỉ là sở thuộc của sơn tăng. Sơn tăng đã dùng nó, làm chủ nó. Chứ nó không còn làm chủ, sai khiến sơn tăng nữa. Mặc và mặc mãi, mặc đến khi nào không mặc được nữa thì quăng, khỏi chăm sóc không luyện tiếc.

Để nói lên việc làm chủ sự ăn mặc khi thấy mình có chiếc áo bằng trân bảo lộng lẫy, ngài Tuyết Đường đã mặc hoài một chiếc áo suốt bao năm. Việc ấy đã làm ngứa mắt người có cái nhìn chỉ biết trên cái ăn cái mặc. Đáng tiếc thay cho người! Người trong tùng lâm còn vậy, huống là kẻ thế tục không hiểu đạo lý gì!

Từ một chiếc áo như vậy, đã hóa hiện biết bao chúng sanh. Loại rận mặc tình nảy nở. Dù có bị cắn rứt mà ngài vẫn xem như là bạn. Nỗi cắn rứt ngoài da thịt có là bao. Ngài rằng nỗi cắn rứt trong tim trong não kia. Ngài không có nỗi cắn rứt trong tim não thì coi việc cắn rứt trên da thịt có nghĩa gì. Nó hút máu ngài là hút dòng máu cam lồ. Với dòng máu ấy chúng sẽ “tu” theo ngài, sẽ là con cái ngài. Cũng như con cái nút sữa mẹ vậy.

Vì vậy khi các “lũ con” của ngài bắt buộc phải xa lìa ngài bởi bàn tay người mẹ thì ngài không làm sao mà không xót xa được.

Sự thể hiện đời sống đạo của ngài tuy cục bộ, nhưng rất gần gũi và xác thực với sinh hoạt thường nhật của cuộc sống.

Con người mãi bận rộn, cũng chỉ vì duyên. Duyên mà không dứt chỉ phí công tu. Người muốn rảnh rang thanh sạch phải lo quét dọn tuyết ngõ nhà mình. Duyên duyên phải cắt đứt. Ấy là yếu chỉ: Vạn duyên buông hết.

Duyên trong duyên ngoài đều bật đứt, đây là chỗ giống Kim cang nảy nở.

7. Thành cái gì

Vua Hiến Tông nhà Tống hỏi thiền sư Phật Chiếu:

- Đức Thế Tôn vào núi tuyết, sau thành đạo, hỏi thành cái gì?

Phật Chiếu đáp:

- Dám bảo đệ hạ đã quên.

Vua rất hài lòng.

(Vua Hiến Tông đã từng hỏi câu này với nhiều vị thiền sư khác nhưng câu đáp không được vua hài lòng lắm.)

Bình:

Đức Thế Tôn thành đạo là thành cái gì? Đây là một vấn đề trọng đại. Vua Hiến Tông đã từng hỏi câu này với nhiều thiền sư. Thành cái gì? Đã bao người học đạo thắc mắc điều này. Người ta nói “thành” tức chứng Bồ-đề, đạt cõi Niết-bàn. Nhưng ở đây ngài Phật Chiếu trả lời đơn giản:

- Dám bảo Đệ hạ đã quên.

“Có” mà không nhớ ra, tức đã “quên”.

Ngài Phật Chiếu rất khéo, vua hỏi việc Phật mà ngài từ Phật xoay lại vua, vì vua mà chỉ thẳng. Khác nào Đạt-ma tổ sư vì vua Lương mà chỉ cho. Ngài đã mạnh dạn nói: Đệ hạ đã quên.

“Quên” cái gì?

- Quên cái đã có.

Ở vị bệ hạ “có” cái gì?

- Có cái mà nhà vua đã quên.

Cái “có” đó là cái quý giá tột bậc ở một ông vua, ở một người. Nhưng rất tiếc ở nhà vua và con người đều quên.

Đức Phật đã thành đạo, nay ngài từ bi chỉ thẳng chỗ “thành” ấy. Đó là chỗ mà bệ hạ và bao người đã quên. Thành cái “có” mà đã “quên”.

Thật đơn giản biết là bao?

Nhà vua nghe qua mà bưng tỉnh. Tỉnh cái mình đã “có”.

Vua có, người có chăng? - Có.

8. Một tiếng nạt đáng ngàn vàng

Thiền sư Phần ở Kiếm Môn. Thuở nhỏ một hôm Sư bất thần hiểu đạo rồi tự cạo tóc, nhưng vẫn thường chạy rong chơi trong xóm làng, nên thiên hạ gọi Sư là “Tăng điên”.

Sau Sư xuất gia tham thiền và đến nương ngài Đại Huệ. Đại Huệ nghe nói “Gã phong điên” nên không cho Sư nhập chúng. Sư đành phải ra đi, đến sông Triết Giang, đứng bên bờ trạm, Sư tủi thân khóc than:

- Ta đã lang thang bao năm trời nay định nương ngài Đại Huệ mà cũng không được chấp nhận, chắc tại kiếp trước ta không có gieo hạt giống Bát-nhã. Trong khi đang khóc sụt mướt thì nghe lính nạt:

- Tránh ra, quan Thị lang đến!

Sư bỗng nhiên đại ngộ liền làm kệ:

*Kỷ niên cá sự quấy hung hoài
Vấn tận chư phương nhãn bát khai
Kim nhật can trường hốt nhiên phá
Nhất thanh giang thượng Thị lang lai.*

Dịch:

*Bao năm việc ấy chứa trong lòng
Hỏi hết các nơi mắt chẳng khai
Nay bỗng ruột gan tan vỡ hết
Trên sông một tiếng Thị lang lai.*

Bình:

Một con người đã thao thức trên lối về đại đạo. Nhưng hình tung kỳ quái, khiến người ruộng rẫy không chấp nhận. Hận mình một nỗi vô duyên, kém mâm Bát-nhã. Thề một quyết hy sinh thân mạng, dứt đi nghiệp chướng oan khiên. Mong sao đời khác tiếp nối trọn lành không oan oan ương ương như thuở này nữa.

Thời cơ đã đến. Lính mở đường quát nạt mở lối cho quan Thị lang tiến bước. Đang khi đau khổ bời bời, ruột gan rối loạn, nỗi lòng rã tan. Giữa cái lúc chỉ còn có ta và ta, niềm băng giá phủ lấp cõi hồn, thì tiếng quân thét.

Ngay đó băng tan giá rã, nỗi khổ cuốn trôi, phẳng phẳng một mối. Tâm hồn rộng rang nhẹ hững. Ngài đã sống lại từ bên kia cõi chết.

9. Buông xuống đi!

Nghiêm Dương tôn giả hiệu Thiện Tín là đệ tử của Triệu Châu. Một hôm Sư hỏi Triệu Châu:

- Một vật chẳng đem đến thì thế nào?

Triệu Châu bảo:

- Buông xuống đi!

Sư thưa:

- Đã là một vật chẳng đem đến buông cái gì?

Triệu Châu bảo:

- Buông chẳng được thì nên gánh đi.

Qua chuyện này, ngài Huệ Nam có làm bài tụng:

Nhất vật bất tương lai

Kiên đầu đảm bất khởi

Ngôn hạ hốt tri phi

Tâm trung vô hạn hỷ

Độc ác ký vong hoài

Xà hổ vi tri kỷ

Quang âm kỷ bách niên

Thanh phong du vị dĩ.

Dịch:

Một vật chẳng đem đến

Trên vai gánh chẳng kham

Qua lời chọt biết lối

Trong tâm vui vô vàn

*Lòng quên các độc ác
Cọp rấn làm bạn thân
Thời gian trăm năm lẻ
Gió mát vẫn còn nguyên.*

Bình:

Ngài Huệ Nam tuy người sau, cách nhiều đời mà vẫn tương thông người trước. Ngài đã biết rõ chỗ vì người của Triệu Châu. Kẻ hỏi đã mang gọng mà còn quấy môi lưỡi. Tiếc thay đương sự chẳng nhận ra. Ngài Huệ Nam qua lời chợt biết lỗi. Lỗi chỗ nào?

- Buông!

Lòng ngài Huệ Nam thư thái nhẹ nhàng. Ngài đã quên các loài độc ác, cùng cọp rấn làm bạn mình. Sao kỳ vậy?

Người đã thôi rồi đã mang nghiệp chướng ẩn chốn cùng cốc sơn lâm mà làm bạn với thú rừng. Ngày qua tháng lại thông thả huân tu.

Dù thời gian trên thế kỷ, giữa mình và người xưa, ngài vẫn thấy lời kia là làn gió mát. Lời ấy vẫn còn nguyên. Vẫn rõ ràng giữa hoa ngàn cỏ dại.

Lời gì? - Buông!

10. Đạo tại hành động

Cư sĩ Quách Đạo Nhân chuyên làm nghề thợ rèn. Một hôm ông đến chùa Cảnh Đức tham cứu với thiền sư Trung. Trung bảo:

- Ông bỏ hết những cái nặng đi rồi xoay lại ông mà tham cứu thì việc gì cũng xong.

Sau đó một thời gian, ông trở lại gặp thiền sư Trung. Trung bảo:

- Thiện ác như mây nổi, sanh diệt không chỗ nơi.

Ông nghe xong liền đại ngộ. Sau đó ông hay nói những lời lạ. Trước khi chết ông đi già từ bà con, bè bạn xong về nhà làm một bài kệ để lại rồi ngồi kiết già mà tịch.

*Lục thập tam niên đả thiết
Nhật dạ phiến bành bất kiệt
Kim triêu phóng hạ thiết chùy
Hồng lô biến thành bạch tuyết.*

Dịch:

*Sáu mươi ba năm đập sắt
Ngày đêm quạt lửa chẳng thôi
Hôm nay chùy sắt buông rơi
Lò hồng biến thành tuyết trắng.*

Bình:

Người cư sĩ hành nghề thợ rèn, vậy mà nghiệp chướng nhẹ. Một phen phỏng đạo liền chột tỉnh, quẳng hết sắt chùy ống bễ. Một phen tắt ngúm lò hồng, ngay đó trở thành tuyết trắng.

Thật một kẻ phi thường. Việc kiến đạo giải thoát đâu phải chỉ dành cho kẻ trí thức đạo gia. Một tay thợ rèn, khi quẳng búa tắt lò thì liền đó bễ lửa hóa thanh lương, rảnh tay đạo khúc vô sanh.

11. Tỉnh giác là đạo

Thiên sư Tư Nghiệp trước khi xuất gia làm nghề đồ tể. Một hôm đang thọc huyết heo bỗng chợt tỉnh liền đi xuất gia.

Ngài có làm bài kệ:

*Tạc nhật dạ-xoa tâm
Kim triều Bồ-tát diện
Bồ-tát dữ dạ-xoa
Bất cách nhất điều tuyền.*

Dịch:

*Hôm qua tâm dạ-xoa
Sáng nay mặt Bồ-tát
Bồ-tát cùng dạ-xoa
Chẳng cách một sợi tóc.*

Bình:

Một con người bị miệt thị là kẻ đồ tể. Thế mà ngay khi xuống tay thọc huyết heo, thì liền chợt tỉnh. Người đồ tể hôm nay khác nào người đồ tể thuở trước: Đồ tể Quảng Ngạch. *Phóng hạ đồ đao lập địa thành Phật* (Quăng dao mổ heo, ngay đó thành Phật).

Xưa nay chỉ một tâm. Xưa nay chỉ một hành động. Kẻ xưa và người nay không khác. Người bên cạnh Phật một thuở, người cách Phật nghìn năm vẫn không khác. Tâm và hạnh giống nhau, người nay vẫn đồng người xưa. Chánh pháp, mật pháp nào có quan hệ. Chánh mật chỉ ở tâm này.

Làm sao dựng lập thời gian trên một tâm mê hay tâm giác? Giác, mê, mê, giác bao nhiêu mặt, cách một thời gian nào? Mặt mũi dạ-xoa và Bô-tát, chỗ khác nhau được xác định bởi ranh vức nào? Ai biết rằng, chính đây, ngay đây.

12. Nghịch hạnh

Thượng tọa Pháp Minh là cháu trong tông Vân Môn. Sau khi ngộ đạo, ngài về quê và chuyên đi tụng đám, gặp ai mời ăn thịt uống rượu thì xáp vô nhậu đến say mềm, còn ai mời ăn chay thì nhất định từ chối.

Như thế trải qua mười mấy năm. Một hôm ngài bảo trong chúng:

- Mai ta tịch đây!

Chúng không ai tin cả.

Sáng hôm sau ngài la to:

- Ta đi đây, hãy đến nghe ta nói kệ:

Bình sanh túy lúy điên quyết

Túy lúy khước hữu phân biệt

Kim triêu tửu tỉnh hà xú

Dương liễu ngạn, hiểu phong tàn nguyệt.

Dịch:

Bình sanh trong say té ngã

Trong say lại có phân biệt

Sáng nay tỉnh rượu đi đâu

Bờ dương liễu, trăng tàn gió sớm.

Ngài nói kệ xong liền tịch.

Bình:

Một con người say khước đã bao nhiêu năm, công hạnh theo thông thường không có. Một người tu như vậy thật lạ. Vậy mà trước phút ra đi vĩnh viễn khỏi cuộc đời lại hẹn được ngày giờ, lại nói lên điều uẩn áo. Tâm hạnh thiên sư thật khó lường.

Phải nói sao cho phải? - Rằng say phải hay tỉnh phải? Thế nào là phải?

Nhìn trên hiện tượng quyết đoán bản chất đâu là chân lý?

Người như vậy còn say còn tỉnh nữa sao?

Phải nói với ngài thế nào cho phải? Chỗ về của ngài là đâu?

- Bờ dương liễu, trăng tàn gió sớm.

13. Hạnh kỳ đặc

Thiên sư Tu Diễn ở đời Minh, sau khi ngộ đạo ở Thạch Môn, ngài về trụ tại chùa Đông Sơn, chuyên tu hạnh đầu-đà. Đêm nào Sư cũng cởi trần để bố thí cho muỗi, có người thấy thế đem quần áo cúng cho Sư, nhưng Sư lại đem cho người khác. Như thế trải qua hơn bốn mươi năm, Sư không hề tắm rửa.

Khi tịch Sư ngồi kiết già, làm kệ xong rồi an nhiên thị tịch, đệ tử đem nhập tháp, một thời gian sau mở cửa tháp ra thấy Sư vẫn ngồi yên như trước.

Tứ thập niên lai thường tiến túc

Bất thể đầu hề bất tháo dục

*Quận quan vị ngã hoán y sam
Chỉ khùng bình sanh nguyện bất túc.*

Dịch:

*Bốn chục năm liền thường cõi trống
Đầu chẳng gọi chừ thân chẳng tấm
Quận quan vì ngã đổi chiếc y
Chỉ ngại bình sanh nguyện chẳng đủ.*

Bình:

Hạnh đầu-đà cần khổ nhọc xác thân. Người tu cõi áo phơi mình hiến muỗi xơi. Suốt mấy mươi năm liền như vậy, quả là một con người phi thường. Một việc làm không mấy ai làm được.

Do định lực, do trí lực, do nguyện lực, do gì mà ngài được như vậy? Việc làm của ngài thật khó nói. Ngài đâu không thông lý sự? - Ngài là kẻ ngộ đạo kia mà. Thì việc làm của ngài đâu phải là mù quáng. Ngài đã làm như vậy có mục đích gì, và đã được lợi ích như thế nào? Việc này thật bí mật. Không thể nói có làm như vậy mới gọi là tu (mục đích), và làm như vậy mới được an nhiên thị tịch (lợi ích) không thể y cứ như vậy. Vì với các vị khác thì sao?

Và dù sao đi nữa, thì một sự thật vẫn hiển nhiên, vẫn sờ sờ đó. Cho đến sau khi tịch một thời gian, Sư vẫn ngồi đó.

Trí thì không khác, hạnh thật khó lường. Trí hạnh không hai, diệu dụng bất tư nghì.

14. Ông là Huệ Siêu

Một thiền khách tên Huệ Siêu, hỏi thiền sư Pháp Nhãn:

- Thế nào là Phật?

Pháp Nhãn đáp:

- Ông là Huệ Siêu.

Huệ Siêu nghe xong liền ngộ đạo.

Bình:

Một lời chỉ thẳng đúng đích danh

Lột mặt nạ chân nhân rồi.

15. Ba cân gai

Một thiền khách hỏi ngài Động Sơn Thủ Sơ:

- Thế nào là Phật?

Động Sơn đáp:

- Ba cân gai.

Bình:

Chân nhân hiện tiền.

16. Thế nào là Phật?

Hòa thượng Đả Địa bình sanh ai đến hỏi đạo ngài cũng lấy gậy đập xuống đất. Một hôm có vị Thiền khách lên giấu gậy rồi hỏi ngài.

- Thế nào là Phật?

Ngài quơ tay tìm gậy nhưng không có liền há họng to.

Bình:

Muốn thấy mặt hồ phẳng, trước khi cá ăn móng.

17. Chỗ nào không phải là Phật

Nam Tuyền, Quy Tông và Ma Cốc đi tham vấn Quốc sư Huệ Trung, giữa đường Nam Tuyền vẽ một vòng tròn nói:

- Nói được thì đi, không nói được thì về.

Quy Tông liền vào trong vòng tròn ngồi kiết già, Ma Cốc giả làm người nữ quỳ xuống đánh lễ.

Nam Tuyền nói: - Thôi!

Xong cả ba đi về.

Bình:

Đêm rằm lễ sám hối

Trăng rằm sáng vằng vặc

Phật ngự trên tòa sen

Phật tử lễ sám hối

Công đức được vẹn toàn.

18. Khuôn thước người xưa

Ngũ tổ Pháp Diễn dạy ngài Phật Nhân khi đi trụ trì:

1/ Có phước không nên hưởng hết, hưởng hết thì họa sẽ đến.

2/ Có thế lực không nên dùng hết, dùng hết thì sẽ bị khinh lờn.

3/ Ngôn ngữ không nên nói hết, nói hết thì cơ chẳng mật.

4/ Quy củ không nên hành hết, hành hết thì chúng không ở được.

(Phải khéo linh động không nên quá chấp theo quy luật.)

Bình:

Người đi trụ trì nên nhớ lời dặn này.

19. Đồng hay khác

Một thiền khách hỏi thiền sư Ba Lăng:

- Tổ ý, giáo ý đồng hay biệt?

Ba Lăng đáp:

- Gà lạnh lên cây, vịt lạnh xuống nước.

Về sau ngài Bạch Vân Nghĩa Đoan phê bình lời đáp này, nói rằng Ba Lăng chỉ nói được năm phần, theo ngài sẽ đáp:

Cúc thủy nguyệt tại thủ

Lộng hoa hương mãn y.

Dịch:

Vóc nước trăng trong tay

Đùa hoa hương đầy áo.

Sau ngài Trung Nguyên lại nói:

- Nghĩa Đoan cũng chỉ nói được tám phần, theo ngài thì sẽ đáp:

- Nhân ngã vô minh xâu một chùm.

Bình:

Tổ ý, giáo ý đồng hay biệt? Ý Tổ ý kinh đồng hay khác?

- Gà lạnh lên cây, vịt lạnh xuống nước. Vịt và gà khác loài. Vịt không là gà, gà không là vịt. Mỗi thứ giữ phận mình. Gà lạnh lên cây, vịt lạnh xuống nước. Cái phận ấy nhằm ổn việc mình.

- Người Việt Nam đói ăn cơm. Người Tây đói ăn bánh mì.

Ngài Ba Lăng đã nói gà nói vịt như vậy không lầm. Ngài Nghĩa Đuan lại muốn làm khéo, dè người xưa, giành phần mình, nói:

Vóc nước trắng trong tay

Đùa hoa hương đầy áo.

Lời này bóng bẩy thi vị thay! Nước trắng trong tay, nắm mà không dính. Hương hoa đầy áo, vương mà không nhiễm. Cũng là những muốn làm thơm làm đẹp.

Và rồi, cũng là nghiệp quả. Ngài Nghĩa Đuan bị ngài Trung Nguyên dè xuống, nói:

- Nhân ngã vô minh xâu một chùm.

Loay hoay, đây cũng chỉ là việc nói trắng nói cuội. Cuội và cây đa vậy thôi.

20. Quý chỗ thực hành

Thi hào Bạch Cư Dị đến hỏi đạo thiên sư Ô Sào:

- Thế nào là căn bản Phật pháp?

Ô Sào đáp:

- Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành.

Bạch Cư Dị thưa:

- Câu này con nít ba tuổi cũng thuộc.

Ô Sào bảo:

- Con nít ba tuổi cũng thuộc, nhưng ông già tám mươi tuổi làm cũng không xong.

Bình:

Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành. Các ác chớ làm, điều lành vâng làm. Làm lành lánh dữ. Lời này quả là trẻ con ba tuổi cũng thuộc. Nhưng mà lời này, ông già tám mươi làm không nổi. Bảy mươi chín năm tạo ác, đến năm tám mươi mới làm thiện, liệu có trừ bảy mươi chín năm tạo ác kia được không?

Việc tu quý ở chỗ thực hành, hành được ít cũng tốt hơn nói nhiều mà không làm, nên cổ đức nói: “Nói một trượng không bằng làm một thước; nói một thước không bằng làm một tấc.”

21. Nêu gương bất khuất

Quốc sư Phật Quang Viên Mãn Thường Chiếu, năm Ất Hợi rũ áo về chùa Năng Nhân núi Nhạn Đăng, Ô Châu. Năm sau, quân Nguyên kéo đến, chúng đều chạy hết. Sư không đi, một mình ngồi trong chùa. Quân Nguyên lấy dao kề cổ, Sư ngửa cổ ra và nói kệ:

*Càn khôn vô địa trác hồ cung,
Hỉ đắc nhân không pháp diệc không,
Trân trọng Đại Nguyên tam xích kiếm,
Diễn quang ảnh lý trăm xuân phong.*

Dịch:

*Không đất cấm dùi khắp càn khôn,
Mừng được người không pháp cũng không,
Xin thỉnh Đại Nguyên ba thước kiếm,
Trong ánh chớp lòe chém xuân phong.*

Sư đọc kệ xong, thần sắc vẫn không thay đổi, khiến giặc hoảng hốt lạy tạ lỗi rồi rút lui. Sau Nhật Bản nghe danh thỉnh Sư sang giáo hóa và phong làm Quốc sư.

Bình:

*Ví gặp gươm đao thường thản thản
Phỏng nhằm thuốc độc vẫn nhàn nhàn.*

Con người bình an đến như thế là cùng. Gươm đưa vào cổ vẫn còn ngâm nga kệ xướng. Trước môn quan vẫn điềm nhiên xem như không có. Việc sanh tử thật chẳng bận lòng. Ngài thật xứng với tôn vị Quốc sư.

Kẻ đã không màng sống chết, thì việc danh lợi có sá gì. Quốc sư hay kẻ bần tăng cũng vậy thôi. Lá cờ rũ hay phát cũng chỉ là lá cờ. Việc khác nhau đó chỉ là duyên. Phải duyên ngẩng đầu cửa cổ thì ngẩng đầu. Phải duyên ngắt ngưỡng tòa cao thì ngắt ngưỡng. Thế nào cũng chỉ là dung nghi một vị chân tăng thôi.

Với cái kẻ “càn khôn vô địa” “nhân không pháp diệt không” thì còn gì để nói. Có kiếm cũng nên quăng, có lời cũng nên ném, dập đầu mà đánh lễ tôn vinh cúng dường.

22. Các khổ không thể đến

Một thiên khách đến hỏi một vị cổ đức:

- Khi lạnh nóng đến, làm sao tránh né?
- Trong chảo dầu lò lửa mà tránh né.
- Trong chảo dầu lò lửa làm sao tránh né?
- Các khổ không thể đến.

Sau ngài Phật Quang Viên Mãn quốc sư có làm bài bình:

*Lão khứ tha hương ngộ cố tri
 Điều điều huê thủ khước đồng quy
 Dạ thâm khả tận tôn tiên tửu
 Mạc thuyết thiên nhai cước thống thì.*

Dịch:

*Lão đến tha hương gặp cố tri
 Xa xôi tay nắm đất nhau về
 Đêm khuya đã cạn chén rượu trước
 Chớ nói trên đường gót chân đau.*

Bình:

Một việc tránh né nóng lạnh thật tuyệt diệu. Hãy ngay trong chảo dầu, lò lửa mà tránh né. Hay biết mấy!

Vì nơi ấy các khổ không thể đến (đến bị cháy sao). Thật lý thú biết bao!

Việc sanh tử hãy như vậy mà tránh né.

Quốc sư Phật Quang Viên Mãn có lời bình thật hay. Ngài đã chỉ rõ chỗ tránh né.

Người khách qua lại trên nẻo đường sanh tử, gặp lại bạn cố tri. Gặp lại rồi người bạn cố tri ngay trên đường sanh tử, thì hãy “đề huề” lưng túi gió trăng nhâm nhi mỹ tửu, thưởng thức hương nồng, bàn chi hành trình nhọc mỏi. Chuyện nhọc nhằn chỉ là chuyện trên đường. Nơi thảo luận chỉ có ta và ta - ly rượu với đầy - nốc cạn quần say mặc tình đất trời nghiêng đổ, chuyện nhọc nhằn có không.



NHẬT LÁ BỒ-ĐỀ

TẬP 2

LỜI ĐẦU SÁCH

Nhật Lá Bồ-đề tập 2 cũng do các thiền sinh ghi lại lời giảng dạy của thầy Viện chủ tại tu viện Chơn Không.

Tập này phần nhiều chúng tôi ghi tài liệu trích giảng trong các bộ kinh A-hàm. Lý do là sau mùa an cư năm 1985, nhân dịp rảnh rỗi thầy Viện chủ nghiên cứu tạng kinh Pāli của Phật giáo Nguyên thủy (do hòa thượng Thích Minh Châu dịch ra chữ Việt), sau những buổi chiều nghỉ ngơi, Thầy thường thuật tóm lược lại, nhân đó chúng tôi xin ghi vào đây để làm tài liệu nghiên cứu tu học.

Có người thắc mắc tại sao thầy Viện chủ nghiên cứu và giảng dạy kinh điển giáo lý Tiểu thừa? Chúng ta chớ có thành kiến như vậy. Bởi vì giáo lý Phật giáo Nguyên thủy gồm trong bốn bộ kinh A-hàm (Trường A-hàm, Trung A-hàm, Tạp A-hàm và Tăng Nhất A-hàm) đã nói lên đầy đủ căn bản giáo lý của Đại thừa và Tiểu thừa Phật giáo. Dụ như pháp Tứ đế, lý Nhân quả, lý Nhân duyên v.v... Chẳng những Phật dạy hàng Tiểu thừa

mà Đại thừa cũng từ đây mà đi đến giải thoát. Nghĩa là Đại thừa hay Tiểu thừa cũng từ nơi cảm nhận lẽ khổ của thế gian rồi truy tầm đến nguyên nhân của khổ từ đó diệt trừ nguyên nhân khổ với con đường Chánh trí tuệ. Nhân khổ đã hết tức là giải thoát. Thế nên khổ đế và tập đế là đi theo chiều duyên khởi, còn diệt đế và đạo đế là trở về tánh Không. Do đó tánh Không của Bát-nhã cũng là khai triển từ lý nhân duyên mà ra chứ không có gì lạ cả. Cho nên, mặc dù trong bốn bộ A-hàm, Phật không đề cập đến lý pháp thân, chân như, Phật tánh v.v... như các kinh điển Đại thừa, nhưng về căn bản xây dựng tinh thần giác ngộ giải thoát không thiếu. Phương pháp Phật dạy ở đây rất cụ thể và gần gũi với sự sinh hoạt hàng ngày của chúng ta. Do đó mà thầy Viện chủ nghiên cứu và giảng dạy những bộ kinh này.

Ngoài phần giáo lý kinh A-hàm, chúng tôi còn trích thêm những tài liệu Thầy giảng dạy qua kinh điển Đại thừa và Thiền tông trong những năm qua để bổ túc cho phần kinh trước.

Mong rằng tập sách nhỏ này sẽ giúp quý vị và chúng tôi một ít tài liệu nghiên cứu Phật pháp đúng với đường lối tu tập của tu viện qua sự hướng dẫn của thầy Viện chủ. Nhất là học được những điều kinh nghiệm tu tập hàng ngày Thầy đã từ bi chỉ dạy cho chúng ta.

Viết tại tu viện Chơn Không
Ngày trọng đông năm Ất Sửu 1985
Thay mặt các thiền sinh

THÍCH PHƯỚC HẢO

PHẦN I

TRÍCH GIẢNG KINH A-HÀM

1. Nhan sắc thù diệu

Trong Tương Ứng Bộ kinh chép:

Một buổi khuya, tại vườn ông Cấp Cô Độc, khi đêm sắp tàn, với dung nhan thù thắng một vị thiên đến ra mắt Phật và thưa:

- Bạch Thế Tôn, các vị Tỳ-kheo ngày chỉ ăn một bữa, do vì đâu mà dung nhan các ngài thù diệu như thế?

Thế Tôn nói bài kệ đáp:

*Không than việc đã qua,
Không mong việc sắp đến
Sống ngay với hiện tại
Do vậy, sắc thù diệu.*

*Do mong việc sắp đến
Do than việc đã qua
Kẻ ngu thân héo mòn
Như lau xanh rời cành!*

Bình:

Thế gian sở dĩ mau già trước tuổi là có gì lạ đâu, bởi lo nghĩ quá nhiều phải không? Những việc đã qua không chịu để cho qua đi, cứ ghi nhớ mãi rồi than thở nuôi tiếc. Những việc chưa đến lại cứ mong mỏi đợi chờ hồi hộp lo âu... Người ta cứ sống mãi với những bóng dáng viễn vông mà quên mất những gì hiện có. Quả thật chúng ta lâu nay chỉ sống với cái đã chết, cái mộng mị, mà chưa từng biết sống thực, trách gì thân chưa bao nhiêu tuổi mà đầu đã bạc! Cho nên hình ảnh đáng thương nhất, đức Phật đã diễn tả: *Như lau xanh rời cành!* Đáng lẽ lá vàng mới rụng khỏi cành, đó là đúng thời tiết. Còn đây tức là chín háp, già háp, như lá lau còn xanh tươi mà phải rụng đi, thật có đáng buồn chăng? Cho nên bậc Tỳ-kheo hiểu được đạo lý rồi sống rất là nhàn. Việc qua rồi không bận lòng nhớ đến, việc sắp tới chẳng để tâm đợi chờ, hiện tại tùy duyên sống, thì tuy ở trong sóng gió cuộc đời mà vẫn thường an ổn, nhan sắc tươi trẻ, lâu già, tinh thần trong sáng. Chúng ta thấy, rất là Thiên khởi phải tìm đâu xa!

*Ngày nay chỉ biết ngày nay
Còn xuân thu trước ai hay làm gì!*

Thiên Lão thiên sư đâu chẳng nhắc chúng ta như thế.

Tóm lại, người hiểu đạo khác với người thế gian là ở chỗ: Thế gian thì quên hiện tại mà sống với những chuyện dẫu dẫu, trái lại, người hiểu đạo sống ngay với cái hiện có, không nghĩ ngợi vu vơ. Hãy quán kỹ lại xem, thế gian này có gì đáng nhớ? Có gì đáng mong?

2. Không hoan hỷ không sầu muộn

Trong Tương Ưng Bộ kinh chép:

Một thời Thế Tôn ở tại Xá-vệ, rừng Kỳ-đà (Jetavana) vườn ông Cấp Cô Độc.

Rồi một vị thiên tử tên là Kakudha, khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên, bạch rằng:

- Thưa Sa-môn, ngài có hoan hỷ không?
- Ta được cái gì, này hiền giả mà ta hoan hỷ?
- Nếu vậy, thưa Sa-môn, có phải ngài sầu muộn?
- Ta mòn mỏi cái gì, này hiền giả mà ta sầu muộn?
- Vậy thời, thưa Sa-môn, ngài không hoan hỷ và không sầu muộn?
- Thật đúng vậy, này hiền giả!

Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Hoan hỷ chỉ có đến
Với người tâm sầu muộn
Sầu muộn chỉ có đến
Với người tâm hoan hỷ*

*Do vậy, vì Tỳ-kheo
Không hoan hỷ sâu muộn
Vậy nên, này hiền giả
Người phải biết như vậy.*

Bình:

Hỏi hoan hỷ hay sâu muộn là bởi trong lòng còn chứa cái niệm được mất. Vì nghĩ được nên hoan hỷ, vì nghĩ mất nên sâu muộn. Nhưng có hoan hỷ là do đã từng sâu muộn: cái gì bị mất mát khi được thì sanh tâm hoan hỷ. Trái lại, sâu muộn là do đã có cái hoan hỷ: cái đã được mà bị mất đi liền sâu muộn.

Thế gian chúng ta cứ mãi sống lẫn quẩn trong vòng được mất nên hết hoan hỷ rồi sâu muộn, hết sâu muộn đến hoan hỷ... như sóng chập chùng lên xuống không có ngày dừng. Thế nên người hiểu đạo, thấy rõ hoan hỷ và sâu muộn chỉ là cặp đối đãi nhau không thực thể, ngay đó tâm lặng lẽ như như. Mà lặng lẽ như như tức là đạo chứ gì? Cho nên chúng ta có phải nhọc nhằn tìm đạo đâu xa?

Chỗ này chúng ta mới thấy Phật nói, tổ nói không hai. Phật nói hoan hỷ là do tâm sâu muộn, sâu muộn là do tâm hoan hỷ tức hai bên nhân nhau mà có; lại bảo không hoan hỷ sâu muộn là dứt cả hai đầu được mất. Tổ thì thường bảo, còn thấy có hai là chưa thấy đạo; cho nên người hỏi đạo mà còn mắc kẹt hai bên thì các ngài liền đưa hai ngón tay.

Tóm lại, còn có tâm được mất là còn có hoan hỷ sâu muộn, tức còn dao động. Trái lại, không thấy có được mất tức không hoan hỷ sâu muộn, ngay đó là Đạo!

3. Chân nhân

Cũng trong Tương Ứng Bộ kinh, Phật nói có bốn hạng người:

Hạng người thứ nhất: Không ai hỏi về cái tốt của mình mà cứ nói, hướng là có hỏi.

Hạng người thứ hai: Có ai hỏi đến cái tốt của người cũng chỉ nói bập bẹ, nói ngập ngừng, hướng là không hỏi (tức chẳng nói).

Hạng người thứ ba: Không ai hỏi đến cái xấu của người mà cứ nói, hướng là có hỏi.

Hạng người thứ tư: Có ai hỏi đến cái xấu của mình thì che giấu, hướng là không hỏi (tức chẳng bao giờ nói).

Bình:

Thấy lỗi người, che giấu lỗi mình, khoe khoang cái hay của mình và che giấu cái hay của người là căn bệnh trầm kha của con người. Nó là bức tường kiên cố ngăn cách đạo giải thoát. Vì nòng cốt của đạo Phật là *vô ngã*. Người muốn giải thoát sanh tử phải phá tan ngã chấp. Nếu tâm chấp ngã còn nặng trĩu thì không mong gì giải thoát được. Sở dĩ che giấu lỗi mình, vạch bày lỗi người v.v... là gốc của si mê chấp ngã. Muốn dứt trừ bệnh si mê chấp ngã, điều kiện trước tiên phải dẹp trừ tâm lỗi lầm

thấy lỗi người, che giấu lỗi mình... Lục Tổ dạy: Người đời nếu thật tu hành, đừng thấy lỗi thế gian. Các việc muốn không ngại, thường phải thấy lỗi mình, như thế mới hợp với đạo.

Trên bước đường tu tập của chúng ta, muốn khỏi bị chướng ngại thì phải xoay lại chính mình, tự kiểm điểm từng tâm niệm để xét nét những lỗi lầm khi tâm niệm vừa dấy khởi. Nếu tu hành như vậy, chúng ta đâu có thì giờ rảnh rỗi để nghĩ đến lỗi lầm của kẻ khác. Người dụng tâm như thế tiến đạo không khó. Phật gọi người này là *người chân thật* (chân nhân). Trái lại, người ôm trong lòng chấp ngã, bươi móc lỗi người, che giấu cái hay, cái tốt của kẻ khác, chính là kẻ tà vạy, không phải người chân chánh (giả tu đạo nhân).

Vậy chúng ta nên đem những điều Phật dạy trên để làm cây thước đo lại lòng mình thuộc “chân” hay “giả”.

4. Ba thứ trí tuệ

Trong Tương Ứng Bộ kinh Phật nói có ba thứ trí tuệ:

1/ Trí tuệ lộn ngược.

2/ Trí tuệ bấp vế.

3/ Trí tuệ rộng lớn.

Thế nào là trí tuệ lộn ngược?

- Có người tới chùa, tịnh xá nghe pháp, trong khi nghe không rõ biết, không phân biệt được đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối; khi đi cũng không nhớ biết đoạn đầu,

đoạn giữa, đoạn cuối. Ví như cái bình để dựng ngược lên, dù đổ bao nhiêu nước cũng chảy ra ngoài không chứa đựng được chút gì. Phật nói người như thế gọi là *trí tuệ lộn ngược*.

Thế nào là trí tuệ bấp vế?

- Có người đến chùa, tịnh xá, trong khi nghe pháp cũng phân biệt biết rõ đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối; nhưng khi đứng dậy đi liền quên hết. Ví như có người ngồi ăn để bánh, kẹo v.v... trên bấp vế, khi đứng dậy liền đổ hết. Ấy gọi là *trí tuệ bấp vế*.

Thế nào là trí tuệ rộng lớn?

- Những người đến chùa, tịnh xá, khi nghe pháp hiểu biết, phân biệt rõ ràng đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối. Khi đi cũng nhớ biết và phân biệt rõ đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối. Phật nói ví như cái bình để dựng đứng, khi đổ nước vào tức chứa đựng lại, ấy gọi là *trí tuệ rộng lớn*.

Bình:

Chúng ta thử kiểm điểm lại mình xem là thuộc loại trí tuệ nào:

Là Phật tử đi chùa nghe pháp, chúng ta phải cố gắng nhận hiểu rõ ràng những nghĩa lý lời Phật dạy hoặc chư tổ nói mà chư tăng đã thuyết giảng để rồi sau khi ra về nhớ đó mà thực hành theo. Như vậy chúng ta mới có lợi ích, xứng đáng là người Phật tử biết đi chùa nghe pháp. Nếu đã đến chùa, lại về không thì chúng ta thiếu sót biết mấy, phí bao nhiêu thì giờ quý báu.

Cho nên chúng ta phải học trí tuệ rộng lớn chứ không thể trở thành trí tuệ lộn ngược hay trí tuệ bấp vế là điều đáng hổ thẹn!

Tiến lên một tầng, chúng ta có thể dùng cả ba loại trí tuệ trên. Nhưng dùng như thế nào?

1/ Chúng ta đến chùa nghe pháp mỗi lời mỗi câu đều xoay trở về bản tâm của mình chứ không ghi câu, ghi lời hay lấy cái hiểu của Thầy làm cái hiểu của mình. Khi đã nhận rõ sự thật nơi chính mình tức thì những điều thấy nghe từ trước đều rỗng suốt. Cũng như cái bình lủng đáy để dựng ngược khi đổ nước ở đáy bình thì chảy suốt qua miệng bình rồi ra ngoài, không giữ lại cái gì trong ấy, tuy nhiên bụi bặm trong đó đã bị tẩy rửa. Đó gọi là trí tuệ lộn ngược.

2/ Chúng ta khi cần phương tiện nghe pháp cũng phân biệt rành rẽ đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối, hiểu rõ từng câu văn, song khi không cần liền buông hết chẳng luyến tiếc. Như khi ngồi ăn thì tạm để đồ ăn trên bấp vế đến khi đứng dậy liền bỏ rơi hết. Đó gọi là dùng trí tuệ bấp vế.

3/ Chúng ta đến chùa nghe pháp, mỗi mỗi phân biệt hiểu biết rành rẽ nhưng không chấp lấy một điểm sở đắc, khi đi cũng phân biệt nhớ biết rõ ràng mà chính mình vẫn không một điểm. Ví như cái bình lủng đáy để dựng đứng. Khi đổ nước vào miệng bình thì chảy suốt tận đáy rồi ra ngoài, tẩy sạch bao nhiêu bụi bặm mà không giữ lại cái gì trong ấy. Đây là trí tuệ rộng lớn không bờ mé, chúng ta không thể quên.

Như vậy ba thứ trí tuệ Phật đã nói, chúng ta có thể nói xuôi mà cũng có thể dùng ngược. Nói xuôi thì trí tuệ rộng lớn nên học, trí tuệ lộn ngược và trí tuệ bấp vế chớ theo. Dùng ngược thì cả ba đều thông, đồng một thể giác. Mỗi người hãy tự xét lấy mà dùng cho xứng đáng là người con Phật.

5. Chọn bạn

Trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật dạy:

Người muốn chọn bạn lành, phải chọn những người có đủ ba điều khó có thể làm. Tức là:

- 1/ Dám cho những cái khó cho.
- 2/ Dám làm những việc khó làm.
- 3/ Kham nhẫn những việc khó nhẫn.

Bình:

Đây là Phật nêu ra ba nguyên tắc để chúng ta chọn bạn. Thông thường ở thế gian kết bạn, hay theo tình cảm cá nhân hoặc đoàn thể: Người làm thợ thích chọn bạn làm thợ, kẻ công chức thích kết bạn với người làm công chức, người thích văn nghệ thích chơi với người biết văn nghệ, kẻ rượu chè thường kết bạn rượu chè hoặc lựa người cùng một đoàn thể cùng một tổ chức v.v... mà kết bạn với nhau.

Ở đây Phật dạy kỹ hơn, ngài bảo: Người mà muốn kết nghĩa bạn thân phải chọn những người có đủ các đức tánh như sau:

1/ *Dám cho những cái khó cho*, tức là người rộng rãi, bao dung không keo kiệt, sẵn sàng hy sinh cho bạn chẳng tiếc của cái khi thấy bạn cần.

2/ *Dám làm những việc khó làm*, tức là người có ý chí, có lập trường vững chắc, khi ra làm một việc gì quyết làm cho kỳ được, dù gặp khó khăn thế mấy cũng không nản lòng, chùn bước.

3/ *Kham nhẫn những việc khó nhẫn*, tức là người có nghị lực mạnh, dù gặp những câu nói trái tai, những lời vô lý nhưng vẫn an nhiên bình tĩnh giữ thái độ hòa dịu trước mọi người không tranh hơn thua.

Người có đủ ba đức tánh trên, ta nên gần gũi họ nhất định sẽ được lợi ích lớn trong hiện tại và mai sau. Tổ Quy Sơn bảo: *Người gần gũi bạn lành như đi trong sương mù, tuy không thấy ướt áo, nhưng nó sẽ thấm dần* (Thân phụ thiện giả như vụ lộ trung hành. Tuy bất thấp y thời thời hữu nhuận).

6. Biết xả

Cũng trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật dạy có ba hạng người:

1/ Hạng người như chữ khắc trên đá.

2/ Hạng người như chữ viết trên đất.

3/ Hạng người như chữ viết trên nước.

Bình:

Đây là nói về người biết xả hay không biết xả. Xả là buông bỏ. Người mà biết buông bỏ thì đối trước

một việc gì thấy có tổn hại thân tâm liền buông bỏ không chấp giữ. Chẳng hạn khi gặp người nói trái tai, biết rõ lời nói không thật liền thông qua không cố chấp tức thì tâm tự nhiên mát mẻ. Nếu cứ khắc khoải trong lòng tất không khỏi phiền hận, từ đó có đấu tranh và đau khổ! Ví như chữ viết trên nước, đâu thành chữ? Trái lại nếu viết trên đất, chữ ấ thành, còn khắc vào đá thì càng nguy hại to. Cũng vậy, buông xả thì phiền não không thành, chấp thủ nhẹ thì ray rứt trong lòng, nặng thì phát ra hành động, hoặc nhẹ thì khổ trong đời này, nặng thì khổ trong nhiều đời về sau nữa.

Vậy chúng ta phải tập giống như chữ viết trên nước, dù viết bao nhiêu cũng không thành chữ, đó là chúng ta sống an vui đời này và đời sau...

7. Biết pháp

Cũng trong Tương Ứng Bộ kinh, Phật dạy:

Có ba hạng người biết pháp:

1/ Biết vị ngọt.

2/ Biết nguy hại.

3/ Biết xuất ly.

Thế nào là *biết vị ngọt*? Tức là ám chỉ người si mê chạy theo sáu trần sanh tâm tham ái nhiễm trước, đắm chìm trong ngũ dục.

Thế nào là *biết nguy hại*? Tức là biết rõ sự vật là vô thường biến diệt, là pháp đưa đến khổ đau và bất hạnh.

Thế nào là *biết xuất ly*? Tức là biết rõ các pháp vô thường biến hoại đưa đến khổ đau không phải pháp chân thật an lạc nên cầu xuất ly ra khỏi sanh tử luân hồi.

Bình:

Ở đây Phật nêu ra cho chúng ta thấy hạng người khi sáu căn tiếp xúc sáu trần là bị triền phược hay giải thoát.

Người mà không biết vị ngọt, không biết nguy hại, không biết xuất ly tức bị triền phược không thể giải thoát. Ví như khi ăn thức ăn ngon, chỉ một bề chạy theo mùi vị, tham cầu không thỏa mãn đó là người không biết vị ngọt, không biết nguy hại, không biết xuất ly.

Trái lại khi ăn thức ăn ngon, biết đây là pháp đắm nhiễm là biết vị ngọt; biết đây là pháp đưa đến khổ đau là biết nguy hại; biết đây là pháp không chân thật an lạc phải nên xa lìa, là biết xuất ly. Người mà đủ ba điều như thế tức sáu trần không thể nhiễm. Ngay đó giải thoát khổ đau.

8. Cô dâu mới về nhà chồng

Cũng trong Tương Ứng Bộ kinh, Phật nói:

Cô dâu khi mới về nhà chồng thấy chồng cũng hổ thẹn, thấy cha chồng, mẹ chồng, em chồng, cô bác bên chồng v.v... đều hổ thẹn rụt rè. Ở thời gian lâu hơi quen thuộc, nếu có ai hỏi gì thì nói: “Đi! Đi! Ông có hiểu biết gì!”

Cũng vậy, vị Tỳ-kheo mới xuất gia ở chùa hoặc tịnh xá, thấy trưởng lão, thượng tọa, hạ tọa A-xà-lê v.v... Thấy ai cũng hổ thẹn ngỡ ngàng. Ở thời gian lâu khi quen thuộc, nếu có thượng tọa, A-xà-lê hỏi liền nói: “Đi! Đi! Ông có hiểu biết gì!”

Phật bảo:

- Nay các Tỳ-kheo! Các người phải sống như cô dâu mới về nhà chồng.

Bình:

Khiêm nhượng và biết hổ thẹn là đức tính tốt với người vào đạo, vì thế Phật dạy người xuất gia phải lấy hạnh tôn kính làm đầu. Nếu vào đạo mà ôm lòng tự đắc ngã mạn cống cao là đi ngược với tinh thần đạo đức. Ngài Pháp Đạt đến lễ bái Lục Tổ mà đầu không sát đất. Tổ hỏi:

- Ông mang sự nghiệp gì đến lễ ta mà đầu không sát đất?

Pháp Đạt thưa:

- Bình thường con tụng ba ngàn bộ Pháp Hoa.

Tổ bảo:

- Dù ông tụng muôn bộ mà không dẹp tâm ngã mạn chỉ là nuôi lớn nhân sanh tử mà thôi!

Do đó, chúng ta thấy tâm ngã mạn là điều rất nguy hại làm chướng ngại thánh đạo. Bởi ôm lòng ngã mạn nên không cung kính bậc trên để học hỏi đạo lý. Cũng bởi ôm lòng ngã mạn nên không được người chỉ bảo

lỗi lầm để ăn năn sám hối. Đâu chẳng nghe tổ Quy Sơn quở: “Chẳng kính bậc thượng tọa, trung tọa, hạ tọa tụ họp thì không khác nhóm Bà-la-môn!”

Đây là đạo lý muôn đời mà một người cầu tiến không thể bỏ qua.

9. Quả báo không cố định

Trong Tương Ứng Bộ kinh chép:

Một hôm có vị Bà-la-môn đến hỏi Phật:

- Thưa Cù-đàm, có phải người tạo nhân thế nào phải cảm thọ quả báo thế ấy chẳng?

Phật nói:

- Không hẳn như thế! Tại sao? Vì khi tạo nhân và cảm thọ quả báo “dị thực” có sai khác. Ví như có người làm ác nhỏ mà thân phải bị đọa địa ngục chịu nhiều điều thống khổ. Cũng có người làm ác như vậy, nhưng họ không đọa địa ngục mà chỉ cảm thọ quả báo khổ chút ít, hoặc thấy hoặc không thấy, tại sao? Vì người ấy biết tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, tâm niệm rộng lớn, nên quả báo có sai khác.

Ví như có người dùng một nắm muối bỏ vào tô nước thì tô nước sẽ mặn không uống được. Trái lại nếu đem nắm muối ấy bỏ vào sông Hằng thì nước đâu có mặn.

Lại như có người thiếu nợ một trăm tiền, chủ nợ đến đòi người ấy, người ấy nghèo không thể trả nên bị ở tù. Trái lại cũng món nợ ấy, nếu là một phú gia thì đâu có ở tù.

Lại như có người ăn trộm dê, bị chủ dê bắt giết chết, vì người ấy nghèo. Trái lại một vị quan hoặc vua đến bắt dê thì đâu có bị bắt giết chết.

Thế nên, ta nói tạo nhân và cảm thọ quả dị thực cũng như thế.

Bình:

Qua những điều dẫn dụ trên, chúng ta thấy lý nhân quả của Phật dạy không cố định một chiều mà chuyển biến linh động. Như trái xoài, khi mới sanh ra trái nhỏ màu xanh vị chua, lớn lên màu vàng vị ngọt (nếu chín). Sự biến đổi của nó từng tích tắc, trong Duy thức học gọi là *Dị thực quả* (kết quả thuần thực sẽ đổi khác). Đây là luật biến hóa chung của vũ trụ và con người. Nhờ có sự chuyển biến, sự vật mới trở thành thế này hay thế khác. Một thửa ruộng hoang, nếu nhà nông phu biết gieo trồng, nó sẽ biến thành một khu đất hoa màu sung túc. Một cậu bé khi còn nhỏ ngu si dốt nát, nếu cha mẹ khéo dạy bảo, cho học hành, cậu bé sẽ trở thành khôn ngoan biết chữ. Một người tánh tình gian xảo trộm cắp, nếu gia đình biết giáo dục theo con đường lành, người ấy lần lần sẽ bỏ tánh trộm cắp mà trở thành người lương thiện v.v...

Từ nhân đến quả có chuyển biến nhiệm mầu như thế, nên nó mới làm cho con người và sự vật tiến bộ hoặc thoái hóa. Một con người khi mới sanh ra dù là kẻ mang nhiều nghiệp dữ, tạo các điều bất thiện, nhưng nếu họ biết hướng thiện trở về con đường lành, biết tu thiện, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thì tâm niệm độc ác trước kia

sẽ lần lần dứt sạch, tâm niệm rộng lớn phát sinh. Trái lại người có nhiều tâm lành nhưng không khéo tạo điều kiện cho nó tăng trưởng thì vẫn bị lui sụt sa đọa.

Do lẽ đó, người muốn an lạc hiện tại và về sau tức phải cố gắng nuôi dưỡng và bồi bổ nhân tốt, gần bạn lành tu tập hạnh tốt, cải thiện đời sống ngày càng tiến lên theo chiều thiện, chuyển lần từ tâm niệm phàm phu ngu mê đen tối, trở thành bậc giác ngộ thanh tịnh.

Thế nên nếu bảo làm nhân gì phải thọ quả ấy tức nhân quả trở thành cố định và thế gian không ai tu được. Ác cố định là ác, thiện cố định là thiện thì còn tu nổi gì? Nó đã như thế dù có tu hay không tu cũng chẳng thêm bớt được, vô tình đưa người ta vào con đường đen tối hết hy vọng cải thiện.

Do vậy, người Phật tử chúng ta phải nhận định cho thật kỹ lý nhân quả, không thì dễ lầm lẫn mà khó bề tu tiến.

10. Hiếu thảo

Trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật dạy:

Người nào biết kính thờ cha mẹ như kính thờ Phạm thiên và như kính thờ bậc đạo sư, người ấy hiện đời có phước lớn, sau khi chết sanh về cõi trời.

Phật nói kệ:

Cha mẹ gọi Phạm thiên

Bậc đạo sư hiện đời

Xứng đáng được cúng dường

Vì thương đến con cháu

Do vậy bậc hiền triết
 Kính lễ và tôn trọng
 Dâng đồ ăn đồ uống
 Vải mặc và giường nằm
 Xoa bóp khắp thân thể
 Tắm rửa cả chân tay
 Do sở hành như vậy
 Đối với cha và mẹ
 Đời này người hiền khen
 Đời sau hưởng thiên lạc.

Bình:

Trong Kinh, Phật dạy ở thế gian có hai hạng người đáng tôn quý:

- 1/ Hạng người biết ơn.
- 2/ Hạng người đền ơn.

Biết ơn là biết xét nét công lao khó nhọc của người ban ơn cho mình, dù là một việc rất nhỏ. *Đền ơn* là đền bù lại công khó nhọc trên cho cân xứng mặc dù người ban ơn không đòi đền trả, người như thế là người đáng tôn quý.

Trong tất cả công ơn, ơn cha mẹ là rất lớn, vì cha mẹ là người đã tạo nên thân ta và bảo dưỡng cho vuông tròn. Dù chúng ta có lấy mực bằng biển cả cũng không thể tả hết ơn ấy. Thế nên Phật nói: “Cúng cha mẹ là đã cúng dường Phạm thiên, cúng dường bậc Đạo sư hiện đời.” Vậy, người đối với bậc sanh thành ra mình,

không tôn kính và chẳng ngó ngang gì tới, thử hỏi trong xã hội có đáng quý hay không? Do đó Phật nói chỉ có bậc hiền triết mới có thể làm được các việc hiếu thuận. Nghĩa là người biết hiếu dưỡng cha mẹ, thờ kính song thân phải là người hiếu mới làm được. Vì thế người Phật tử tại gia muốn trở thành một Phật tử chân chánh phải lấy hạnh hiếu thảo làm đầu, khi làm xong bốn phận của người con đối với cha mẹ, chừng ấy, chúng ta mới nghĩ đến vấn đề tu giải thoát.

11. Việc chưa từng có

Cũng trong Tăng Chi Bộ, Phật dạy:

Ngài A-nan có bốn việc chưa từng có:

1/ Khi ngài A-nan thuyết pháp chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe đều hoan hỷ phấn khởi.

2/ Khi ngài A-nan im lặng không thuyết pháp thời chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đều buồn bã.

3/ Khi ngài A-nan thuyết pháp, cư sĩ nam, cư sĩ nữ đều vui vẻ phấn khởi.

4/ Khi ngài A-nan im lặng thời cư sĩ nam, cư sĩ nữ đều buồn bã.

Bình:

Trong hàng đệ tử lớn của đức Phật, mỗi vị đều có mỗi hạnh thù thắng như sau:

- Ngài Xá-lợi-phất trí tuệ đệ nhất.
- Ngài A-nan đa văn đệ nhất.

- Ngài Ưu-ba-ly trì luật đệ nhất.
- Ngài Ca-diếp đầu-đà đệ nhất.
- Ngài Mục-kiền-liên thần thông đệ nhất.
- Ngài A-na-luật thiên nhãn đệ nhất...

Riêng ngài A-nan ngoài việc học rộng nghe nhiều (đa văn). Ngài còn có bốn việc chưa từng có như Phật đã kể trên. Sở dĩ các ngài có những diệu dụng nhiệm mầu không thể lường được, đều do đã trải qua nhiều kiếp tích lũy công đức, tu tập các pháp lành, bòn mót từng công đức nhỏ, nên nay mới được kết quả như thế. Đọc lịch sử chúng ta vẫn còn nhớ đức Thế Tôn khi còn tại thế, có một lần ngài xỏ kim hộ cho ngài A-na-luật và ngài đến giặt giũ cho các Tỳ-kheo già bệnh. Điều này để chứng minh ngài không bỏ qua một hạnh lành nhỏ nào, nhờ đó mà người đời mới tôn xưng ngài là đấng Lương túc tôn (phúc túc, tuệ túc).

12. Mây mưa

Trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật có một thí dụ:

Ví như trên hư không bỗng có đám mây, có sấm nhưng không mưa.

Cũng trên hư không có mây, không sấm có mưa.

Lại có khi hiện có mây, có sấm có mưa.

Có khi hiện không mây, không sấm không mưa.

Phật hợp pháp:

- Hiện có mây có sấm không mưa, là dụ cho người nói được không làm được.

- Hiện có mây không sấm có mưa, dụ cho người không nói được mà làm được.

- Hiện có mây có sấm có mưa, dụ cho người nói được làm được.

- Hiện không mây không sấm không mưa, dụ cho người không nói được cũng không làm được.

Trong hàng Sa-môn cũng có bốn:

1/ Người có học giáo lý, đọc tụng giới nhưng không thực hành.

2/ Người không thuộc giáo lý nhưng đối với pháp tứ đế biết khổ như thật, biết tập như thật v.v...

3/ Người đối kinh điển thông suốt, thực hành chân thật.

4/ Người không thông suốt kinh điển cũng không thực hành.

Bình:

Bài kinh này Phật nêu lên bốn hạng người trong giới xuất gia của ngài để chúng ta xét lại coi mình thuộc hạng nào.

Nếu thuộc hạng người thứ nhất, thì chỉ có học suông vô bổ, như nói thức ăn mà bụng vẫn đói.

Hạng người thứ hai tuy không thuộc giáo lý nhưng gắng thực hành theo lời Phật dạy, mặc dù không quán triệt được giáo lý nhưng về mặt tự tu, tự độ họ vẫn có phần.

Hạng người thứ ba là hạng người ưu việt nhất, họ thông thuộc giáo lý lại thực hành theo lời Phật dạy, người này đủ điều kiện tự độ và độ tha, tự giác giác tha.

Hạng người rốt sau là hạng người vô phước nhất, đã không thông hiểu kinh điển lại không thực hành. Họ như chiếc xuồng lủng đáy, dẫy xuống nước liền chìm, người này không dự được một chút phần trong Phật pháp.

Vậy chúng ta hãy học theo hạng người thứ ba vừa thông suốt kinh điển, vừa thực hành chân thật, như thế mới xứng đáng bậc phước điền của nhân thiên.

13. Bốn thứ ánh sáng

Cũng trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật nói:

Có bốn thứ ánh sáng. Thế nào là bốn?

- 1/ Ánh sáng mặt trời.
- 2/ Ánh sáng mặt trăng.
- 3/ Ánh sáng của lửa.
- 4/ Ánh sáng của trí tuệ.

Phật kết luận: Trong bốn thứ ánh sáng, chỉ có ánh sáng của trí tuệ là tối thượng.

Bình:

Đọc qua bốn thứ ánh sáng Phật nói trên, chúng ta hồi tưởng lại truyền sử, Sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma khi còn làm thái tử, con thứ ba của vua Hương Chí, qua cuộc thí nghiệm bảo châu của tổ Bát-nhã-đa-la có điểm tương đồng.

Tổ Bát-nhã-đà-la đưa viên minh châu hỏi ba vị vương tử:

- Hạt châu này tròn sáng, có hạt châu nào sánh kịp không?

Vị vương tử thứ nhất và thứ hai đều đáp:

- Hạt châu này bằng bảy báu quý nhất trong đời, không có vật báu nào sánh kịp.

Vị vương tử thứ ba (tức Bồ-đề-đạt-ma) thưa:

- Đây là “cửa báu” thế gian chưa đủ làm trên, đối trong các thứ báu chỉ có “pháp bảo” là trên hết. Và ánh sáng của hạt châu này là ánh sáng trong thế gian, chưa đủ làm trên, trong các ánh sáng chỉ có “trí sáng” là trên hết. Lại nữa tác dụng chiếu soi của hạt châu này là chiếu soi trong thế gian, chưa đủ làm trên, trong các sự chiếu soi chỉ có “Tâm chiếu soi” là trên hết. Hạt châu này mặc dù nó sẵn có tánh sáng suốt chiếu soi, nhưng nó không thể tự chiếu mà phải nhờ “trí sáng” soi mới biết hạt châu này là báu.

Qua hai lối nhìn trên, chúng ta thấy ý Phật và ý tổ đều không khác, chỉ lấy “trí tuệ” làm trên.

14. Chứng ngộ

Trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật có chia ra làm bốn thứ chứng ngộ. Thế nào là bốn?

1/ Thân: Khi tu đạt đến quả cứu cánh sẽ chứng được *Bát giải thoát*.

2/ Niệm: Khi tu đến cứu cánh sẽ chứng được *Túc mạng minh*.

3/ *Mắt*: Khi tu đến cứu cánh sẽ chứng *Thiên nhãn minh*.

4/ *Trí tuệ*: Khi tu đến cứu cánh sẽ chứng *Lậu tận minh*.

Bình:

Bài kinh này Phật nói về kết quả tu chứng của hàng Nhị thừa do tu tứ thiên, tứ không mà được, khác hơn sự tu chứng của Thiên tông. Pháp tu này do định lực cạn sâu mà kết quả có sai khác. Xin giải thích bốn thứ chứng ngộ Phật nói trên:

Hành giả khi đạt được *Tứ thiên*, *Tứ không* sẽ có những diệu dụng:

1/ *Thân*: Đạt đến quả Bát giải thoát cũng gọi là Bát bối xả. Nghĩa là tám pháp thiên định có công năng xa lìa tất cả phiền não, được giải thoát những triền phược trong ba cõi, tức là thân được giải thoát.

2/ *Niệm*: Chứng được Túc mạng minh, biết được những việc sống chết của mình và của tất cả chúng sanh trong những kiếp trước, tức là niệm không ngăn ngại.

3/ *Mắt*: Chứng được Thiên nhãn minh, biết được sự sống chết của mình và của tất cả chúng sanh chết đây sanh kia, làm nhân gì phải thọ quả gì v.v... tức mắt được thông suốt.

4/ *Trí tuệ*: Chứng Lậu tận minh, biết được những khổ hiện tại, dùng trí tuệ dứt sạch phiền não, không còn rơi trở lại, tức trí tuệ thành tựu.

Đây là nấc thang cao tột trên bước đường tu chứng của hàng Nhị thừa vậy.

15. Biết Phật pháp có khác

Trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật nói: Người tu tập cũng cùng một quả vị, nhưng nếu biết Phật pháp thì kết quả có khác.

- Người tu tập sau khi chứng Sơ thiên, lúc tịch sanh cõi Phạm thiên. Trường hợp tu theo ngoại đạo hưởng hết phước, người ấy sẽ đọa xuống làm người. Nếu thông hiểu Phật pháp họ tu thêm sẽ chứng Niết-bàn.

- Người tu tập sau khi chứng Nhị thiên, lúc tịch sanh lên cõi Thiếu Quang thiên. Trường hợp tu theo ngoại đạo, hưởng hết phước, người ấy sẽ đọa xuống làm người. Nếu thông hiểu Phật pháp họ tu thêm sẽ chứng Niết-bàn.

- Người tu tập sau khi chứng Tam thiên, lúc tịch sanh lên cõi Biến Tịnh thiên. Trường hợp tu theo ngoại đạo, khi hưởng hết phước sẽ đọa xuống làm người. Nếu thông hiểu Phật pháp họ tu thêm sẽ chứng Niết-bàn.

- Người tu tập sau khi chứng Tứ thiên, lúc tịch sanh lên cõi Quảng Quả thiên (cũng gọi là Sắc Cứu Cánh thiên), trường hợp tu theo ngoại đạo, khi hưởng hết phước sẽ đọa xuống làm người. Nếu thông hiểu Phật pháp họ tu thêm sẽ chứng quả Niết-bàn.

Bình:

Bài kinh trên cho chúng ta thấy tuy đồng tu một nhân mà kết quả có khác. Bởi vì ngoại đạo không hiểu lý chân thật, chấp nhận tự ngã mà tu tập, mong cầu

có chỗ thọ sanh. Trái lại người tu Phật, quán lý tứ đế thấy rõ ba cõi chưa thoát luân hồi, nhưng công phu nửa chừng, thọ mạng đã hết nên sanh cõi trời. Tuy nhiên khi gặp duyên nhắc lại liền nhớ tu thêm mà chứng Niết-bàn. Chẳng hạn như nghe vị thiên tử nói pháp hoặc Bồ-tát hoặc người đồng tu khi trước, hóa sanh lên nhắc nhở. Phật có thí dụ như người biết đánh trống khi đi đâu chợt nghe tiếng trống liền hiểu rõ từng nhịp điệu và thuộc loại gì.

Lại như có hai đứa bé cùng chơi giỡn với nhau thuở nhỏ. Thời gian lớn lên mỗi người mỗi nơi, khi gặp lại nhau liền nhắc lúc trước đã từng chơi giỡn như vậy như vậy, tức thì nhớ biết ngày xưa đã cùng chơi giỡn những trò chơi như thế với nhau.

Cũng vậy, chúng ta đã có tu tập nhân Phật pháp mà chưa được viên mãn, thì khi khác nếu gặp duyên nhắc lại liền nhớ không mất (nếu có công phu mạnh). Vì thế chúng ta chớ bán khoán lờ tu tập giữa chừng rồi bỏ thân mạng thì không biết sẽ ra sao, có còn nhớ để tu tiếp hay không, điều cần yếu là chúng ta có công phu thiết thực và thẳng tiến thì dù kiếp này chưa xong, kiếp sau tu tiếp cũng chẳng mất. Chỉ trừ kẻ buông lung ngồi không chờ đợi thì không bảo đảm.

16. Một chiến sĩ giỏi

Trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật nói:

Ví như một chiến sĩ giỏi phải đủ bốn điều kiện sau đây:

1/ *Bắn giỏi.*

2/ *Nhắm xa.*

3/ *Chớp nhoáng.*

4/ *Có sức mạnh đâm thủng khối lớn.*

Cũng thế thầy Tỳ-kheo phải đủ bốn điều kiện như sau:

1/ *Bắn giỏi:* Nghĩa là giữ gìn giới cấm, đối với giới bốn thông thuộc gìn giữ nghiêm chỉnh.

2/ *Nhắm xa:* Nghĩa là đối với sắc uẩn biết rõ không phải là ta, của ta và tự ngã của ta. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

3/ *Chớp nhoáng:* Nghĩa là thấy rõ pháp tứ đế, thông suốt pháp tứ đế và chứng nhập được pháp tứ đế.

4/ *Có sức mạnh đâm thủng khối lớn:* Nghĩa là đâm thủng khối vô minh.

Được vậy mới đáng được tôn trọng cung kính cúng dường, là phước điền của tất cả chúng sanh.

Bình:

Bài kinh này Phật nêu ra bốn điều kiện của một chiến sĩ giỏi để so sánh với bốn điều kiện của một vị Tỳ-kheo chân chánh. Phàm là một chiến sĩ giỏi phải có tài thiện xạ, nghĩa là bắn giỏi, bắn xa, lanh lẹ và có đủ sức mạnh vững chắc. Cũng thế là một tu sĩ (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni), phải có thiện xảo đối với Phật pháp. Thiện xảo ở đây Phật dạy:

Trước tiên phải thông hiểu giới luật và giữ gìn giới cấm nghiêm chỉnh. Bởi giới luật là hàng rào để ngăn giặc phiền não không cho phát sanh, nhờ đó mà các hạnh lành được tăng trưởng.

Thứ hai là phải thấy rõ *ngũ uẩn* không thực thể, không phải là ta, của ta và tự ngã của ta, mà do nhiều nhân duyên hòa hợp tạm có. Do đó mà ta không còn chấp thân và ái trước vật sở hữu của thân. Nhờ không còn luyến ái và chấp trước nên phiền não lần lần nhẹ mỏng.

Thứ ba là đối với pháp *tứ đế* phải thấy rõ, biết rõ và chứng được rốt ráo. Nghĩa là đối với Phật pháp (chân đế) và thế gian pháp (tục đế) chúng ta chứng ngộ một cách cùng tột viên mãn.

Cuối cùng là phải dứt sạch vô minh, phá tan màn si mê đen tối che phủ trí tuệ của chúng ta trong nhiều kiếp, như người tráng sĩ dùng sức mạnh phá vỡ bức thành kiên cố. Bấy giờ trí tuệ chúng ta được tròn đầy chiếu khắp cả mười phương.

Như vậy hai điểm trước là dứt phiền não, hai điểm sau là thành tựu trí tuệ.

Được như thế mới đáng là bậc thầy của trời người và đáng cho mọi người tôn trọng cung kính cúng dường, để làm ruộng phước cho chúng sanh.

17. Ngựa của vua

Trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật nói:

Con ngựa quý của vua phải đủ bốn điều kiện:

1/ Đẹp.

2/ Sức mạnh.

3/ Tốc độ nhanh.

4/ Thân thể cân đối.

Cũng vậy, thầy Tỳ-kheo chân chánh cũng có bốn việc:

1/ Đẹp: Nghĩa là giữ giới hạnh trang nghiêm.

2/ Sức mạnh: Là diệt trừ các pháp ác, thực hành tất cả pháp lành.

3/ Tốc độ: Thấy rõ pháp tứ đế.

4/ Cân đối: Khi nhận của cúng dường biết điều hòa và vừa đủ.

Bình:

Bài kinh này Phật nói những điều kiện để trở thành con ngựa quý của nhà vua, cũng như điều kiện để trở thành một vị tu sĩ quý trong Phật pháp.

Con ngựa được nhà vua ưa thích phải là ngựa tốt, có sắc lông đẹp, có sức mạnh, tốc độ chạy rất nhanh và thân thể của nó cũng phải cân đối. Cũng thế, một vị Tỳ-kheo muốn được mọi người quý kính phải đủ các điều kiện:

1/ *Sắc đẹp*: Sắc đẹp ở đây không phải thân hình đẹp đẽ mà là gìn giữ giới cấm, có nghĩa thành tựu oai nghi. Bởi vì giới luật là chuỗi ngọc trang sức cho Pháp thân. Giới luật là thứ hương thượng diệu thơm nồng. Vì thế, thầy Tỳ-kheo lấy giới luật trang sức cho thân mình.

2/ *Sức mạnh*: Thầy Tỳ-kheo thực hành Tứ chánh cần. Điều ác chưa sanh ngăn ngừa không cho phát sanh, điều ác đã sanh khiến cho đoạn diệt, điều thiện chưa sanh khiến phát sanh, điều thiện đã sanh khiến tăng trưởng.

3/ *Tốc độ*: Thầy Tỳ-kheo phải thấy rõ pháp tứ đế. Lấy pháp tứ đế làm thuyền bè, lấy pháp tứ đế làm phao nổi để qua biển sanh tử.

4/ *Cân đối*: Thầy Tỳ-kheo khi nhận của cúng dường phải biết thời và chừng mực. Nghĩa là khi nhận phải đúng thời. Thời gian Phật tử có thể cúng vừa chừng và biết đủ, không được mong cầu tham thích, để cân nhắc cho sự sống.

Có đủ bốn pháp như thế vị Tỳ-kheo xứng đáng đứng trong hàng tăng bảo, là bậc tôn quý giữa trời người.

18. Phật tánh không khác

Một hôm trên đường đi Phật để lại những dấu chân in sâu trên đất. Có một vị Bà-la-môn tên Dona giỏi về tướng số, thấy dấu chân có xoáy ốc biết là tướng phi phàm liền theo dấu chân tìm đến gặp Phật.

Dona hỏi:

- Ngài có phải tiên không?

Phật bảo:

- Ta không phải tiên.

- Ngài có phải a-tu-la không?

- Ta không phải a-tu-la.
- Ngài có phải dạ-xoa không?
- Ta không phải dạ-xoa.
- Ngài có phải là người không?
- Ta không phải là người.
- Thế ngài là gì?

Phật bảo:

- Nếu tiên mà sạch hết lậu hoặc thì ta là tiên. Nếu a-tu-la mà sạch hết lậu hoặc thì ta là a-tu-la. Nếu dạ-xoa mà sạch hết lậu hoặc thì ta là dạ-xoa. Nếu người mà sạch hết lậu hoặc thì ta là người. Còn ta vì đã sạch hết lậu hoặc nên ta là Phật, là Thế Tôn.

Bình:

Đại ý bài kinh trên Phật dạy: Phật tánh (tánh giác) vốn đồng, do mê ngộ mà có khác. Như tấm gương vốn trong sáng, do bụi nhơ mà các hình tướng không thể chiếu vào, nhưng tánh sáng của gương không mất. Phật tánh vào trong lục đạo, nhưng Phật tánh vẫn không đổi thay, một phen hết mê thì Phật tánh hiện. Qua lời giải thích của Phật ở văn kinh đã làm sáng tỏ ý này.

- Sở dĩ tiên không phải là Phật vì còn lậu hoặc (còn mê đắm dục lạc cõi tiên). Nếu lậu hoặc sạch thì tiên sẽ là Phật.

- A-tu-la không phải là Phật vì còn lậu hoặc (nhiều sân hận ngang trái). Nếu sạch hết lậu hoặc a-tu-la sẽ là Phật.

- Dạ-xoa chẳng phải là Phật vì còn tâm bợn xén, keo kiệt (còn lậu hoặc). Nếu sạch hết lậu hoặc dạ-xoa sẽ là Phật.

- Người không phải là Phật vì còn thiện ác xen lẫn nhau (còn lậu hoặc). Nếu sạch hết lậu hoặc người sẽ là Phật.

Như vậy Phật là bậc hoàn toàn giác ngộ dứt sạch hết tập nhân trong ba cõi nên gọi ngài là bậc Thiên Nhân Sư hay cũng gọi là Thế Tôn. Trời, người, a-tu-la hay dạ-xoa mà hoàn toàn giác ngộ, dứt sạch tất cả lậu hoặc, tức cũng gọi là Phật chứ không ai khác. Thế nên nói: Phật là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành, ai ai cũng đều có thể là Phật, chỉ là giác hay mê, đã sạch lậu hoặc hay chưa sạch lậu hoặc. Vậy chúng ta muốn làm Phật hay không thì hãy xét lại nơi mình khỏi phải cầu cạnh đâu xa!

19. Nghiệp báo khó tránh

Trong Tương Ứng Bộ kinh chép:

Có vị Tỳ-kheo đem lời ác đến mạ nhục ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Phật ba lần can gián nhưng vị Tỳ-kheo này không biết cải hối.

Thời gian sau, vị Tỳ-kheo ấy thân bị ghẻ lở khắp mình đau nhức khổ sở rồi chết. Khi chết thân thức đọa vào địa ngục.

Phật dùng thiên nhãn nhìn thấy bèn họp chúng dạy: *Xét người ở đời búa để trong miệng. Sở dĩ giết người*

bởi do lời ác (Phù sĩ xử thế phủ tại khẩu trung, sở dĩ trảm thân do kỳ ác ngôn). Thế nên Tỳ-kheo các người phải tự răn dè!

Bình:

Bài kinh này Phật nhắc lại quả báo của lời nói ác để răn dạy các thầy Tỳ-kheo.

Lời nói ác độc hại hơn lửa dữ, hơn rắn độc, nó có thể gây khổ đau cho người ta hiện đời cũng như nhiều kiếp. Qua câu chuyện Phật vừa kể trên chúng ta thấy rõ.

Giờ thử tìm hiểu do nguyên nhân nào người ta lại nói lời độc ác. Sở dĩ bùng ra những lời độc ác là do nóng giận mà ra. Vì vậy muốn không khởi lời nói ác, Phật dạy chúng ta phải tu hạnh nhẫn nhục: nhịn chịu những lời nói trái tai, những hành động nghịch ý, những cử chỉ thiếu lễ độ... của kẻ khác để tâm ta luôn luôn mát mẻ dịu hiền. Phải luôn luôn nhớ câu Phật dạy “Lời nói ác như búa để trong miệng, sở dĩ giết người do lời nói ác” để tự răn mình.

Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật dạy: “Người ác hại người hiền như ngược gió tung bụi, bụi không đến người mà mình bị lấm. Lại cũng như ngược mặt lên trời phun nước bọt, nước bọt chẳng đến trời mà rơi xuống mặt mình.”

Xét lời Phật nói trên thật là chí lý. Lời nói ác chỉ tự chuốc họa vào thân mình mà thôi. Tục ngữ có câu “Ngậm máu phun người miệng mình dơ trước” là vậy.

Một điều lợi ích rất lớn khi người ta biết dần cơn nóng giận, không để thốt lên lời nói ác. Trong kinh Pháp Cú có câu: “Nếu bị người ta mắng mà không mắng lại là tự cứu mình và cứu người.” Tại sao? Vì nếu người ta cãi với mình mà mình làm thình, thì họ hết cãi (trái lại thì sanh ấu đả). Họ sân với mình mà mình không sân tức là mình đã chinh phục được họ.

Người thế gian không hiểu lý này, cho là ngu si hay yếu đuối. Sự thực đây là việc làm của kẻ có trí tuệ và đầy đủ nghị lực. Phải mạnh mẽ mới có thể nhẫn được, nếu yếu ớt nghe một câu trái tai tức nổi giận liền. Vậy muốn thân tâm mát mẻ, lời nói ra có đạo đức hiền từ, chúng ta phải dứt tâm phân biệt hơn thua, phải quấy, khi tâm hơn thua, phải quấy dứt thì lòng yêu ghét không còn, tâm nóng giận cũng theo đó mà hết. Hiện đời ta được an lạc và tương lai cũng tránh khỏi quả báo khổ đau, đó là người hùng trong đạo vậy.

20. Dòng suối yếu

Trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật dạy:

Người tu thiền bị năm triền cái (ngũ cái) làm lu mờ trí tuệ. Ví như sườn núi có một dòng suối chảy xuống biển, nếu để nó chảy một dòng thẳng ra biển thì sức chảy rất mạnh. Trái lại, nếu chia ra nhiều nhánh thì sức chảy yếu đi. Khi ấy nếu có ai dùng cây hoặc đá ngăn các ngã rẽ kỹ càng thì nó sẽ chảy bon bon ra biển.

Cũng vậy, người tu thiền định, nếu không bị *ngũ cái* che đậy thì sức định vững chắc và trí tuệ sáng ngời.

Bình:

Tâm chúng ta tròn sáng như hạt minh châu không một tỳ vết nhiễm nhơ, nhưng vì không khéo giữ gìn để bụi phiền não vô minh che phủ làm mất đi tánh sáng tròn của nó. Phiền não vô minh ở đây Phật nói chính là “ngũ cái” vậy. Ngũ cái là gì? Là năm thứ phiền não che đậy chân tánh chúng ta.

- 1/ Tham dục cái (tham đắm ngũ dục).
- 2/ Sân nhuế cái (giận tức, buồn phiền).
- 3/ Thùy miên cái (ngủ nghỉ, lười biếng).
- 4/ Trạo hối cái (ăn năn và dao động).
- 5/ Nghi cái (nghi ngờ do dự).

Trong năm món che đậy này, mỗi khi một món nào khởi lên đều làm cho tâm ta bàng hoàng xao xuyến, mất đi tánh bình thường, do đó mà trí tuệ không phát sanh được. Như trên Phật dùng dòng suối để thí dụ. Nếu để dòng suối chảy thẳng ra biển thì sức chảy rất mạnh, trái lại, nếu chia ra nhiều ngõ ngách thì dòng suối phải yếu kém.

Vậy người tu thiền định muốn đạt được kết quả viên mãn phải đoạn trừ ngũ cái. Một khi đám mây ngũ cái tiêu tan thì mặt trời trí tuệ xuất hiện sáng ngời vậy.

21. Voi quý của vua

Trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật nói:

Con voi quý của vua phải có đủ năm điều kiện:

1/ Biết nghe: Nghe theo tiếng điều khiển của thằng nài.

2/ Biết giết: Giết ngựa, giết người đối địch với nó.

3/ Biết phòng hộ: Giữ gìn ngà, mắt, thân thể và người trên lưng nó.

4/ Biết kham nhẫn: Biết nhẫn chịu trước làn tên mũi kiếm.

5/ Biết đi đến: Bảo đi phải đi nhanh và đến mục đích.

Tỳ-kheo cũng thế, muốn được người tôn trọng cung kính cũng phải đủ năm điều:

1/ Biết nghe: Nghe pháp biết tất cả đầu đuôi, manh mối, không thiếu sót.

2/ Biết giết: Niệm tham, sân, si, tất cả niệm xấu ác dấy lên đều giết sạch.

3/ Biết phòng hộ: Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng... biết giữ gìn năm căn không chạy theo năm trần.

4/ Biết kham nhẫn: Nhẫn chịu đói lạnh, cực khổ ruồi muỗi, rắn rết, khen chê...

5/ Biết đi đến: Biết hướng đi và đi thẳng đến cứu cánh Niết-bàn.

Thầy Tỳ-kheo có đủ năm điều kiện trên mới xứng đáng là phước điền của chúng sanh và đáng cho trời người cung kính cúng dường.

Bình:

Bài kinh trên Phật nêu lên năm điều kiện thiết yếu và căn bản mà một vị Tỳ-kheo chân chánh cần phải có. Phật lấy con voi quý của vua làm thí dụ:

Muốn trở thành con voi tài giỏi của nhà vua phải có đủ những điều kiện:

1/ *Biết nghe*: Tuyệt đối tuân lệnh theo người nài giữ nó.

2/ *Biết giết*: Gặp các loài khác đến xâm phạm quyết giết chết không tha.

3/ *Biết phòng hộ*: Luôn luôn gìn giữ phòng hộ thân thể và chủ nó được an toàn.

4/ *Biết kham nhẫn*: Nhẫn chịu sự thương tích kẻ địch đánh giết.

5/ *Biết đi đến*: Phải đi nhanh và đến nơi theo ý của chủ muốn.

Thầy Tỳ-kheo chân chánh cũng phải đủ năm điều:

Trước tiên phải biết nghe pháp: Thầy Tỳ-kheo khi nghe pháp phải biết đầu đuôi manh mối, biết một cách rõ ràng thông suốt. Nghĩa là phải học thông kinh điển không còn nghi lẫm.

Học thông kinh điển xong chưa đủ, mà phải thực hành theo lời Phật dạy để diệt phiền não tham sân si và tất cả sự mê lẫm trong nhiều kiếp.

Kế phải phòng hộ các căn gìn giữ cẩn thận không cho phiền não tiếp tục sanh khởi, như giữ mắt không

duyên sắc, tai không duyên theo tiếng v.v... không để năm căn chạy theo năm trần sanh tâm đắm nhiễm.

Đã phòng hộ các căn lại căn phải kham nhẫn mọi nghịch cảnh thử thách, như nóng lạnh, đói khát, muỗi mòng, lời khen, tiếng chê v.v... không để nó làm chi phối mà chướng ngại việc tu tập.

Cuối cùng là phải đạt thẳng đến mục đích cao tột là chứng quả Niết-bàn.

Vị Tỳ-kheo có đủ những điều kiện như vậy rất xứng đáng cho trời người và tất cả chúng sanh tôn trọng cung kính và cúng dường.

22. Năm điều thường nhớ

Trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật dạy các thầy Tỳ-kheo hằng nhớ năm điều thì tâm không buông lung:

1/ Già: Tất cả mọi người rồi cũng phải già yếu tàn tạ không ai tránh khỏi.

2/ Bệnh: Bệnh tật luôn luôn rình rập bên mình không phút giây lơ lửng.

3/ Chết: Chết là luật chung của mọi người, ai rồi cũng phải chịu luật vô thường, không thể tránh khỏi.

4/ Tất cả sự nghiệp đều vô thường: Cái gì có tạo ra rồi cũng hoàn không, không ai giữ mãi sự sản được.

5/ Mỗi người đều là chủ tạo nghiệp và trả nghiệp, không ai thay thế cho mình được.

Bình:

Bài kinh này Phật dạy cách tu rất đơn giản. Chỉ đổi một chữ “quên” thành chữ “nhớ”. Nếu quên năm điều trên thì tâm dễ buông lung đắm nhiễm gây nghiệp tạo tội. Trái lại nếu nhớ năm điều trên thì tâm hằng tỉnh giác, trong sạch và giải thoát. Thật là một phương pháp nhiệm mầu để đối trị bệnh buông lung vậy.

23. Hãy tin những gì?

Một vị Bà-la-môn đến hỏi Phật:

- Nghe nói Gotama ngài biết huyền thuật và dùng huyền thuật ấy để lôi cuốn những người ngoại đạo phải vậy chăng?

Phật liền nói với vị Bà-la-môn:

- Nay Bà-la-môn! Người chớ có tin điều gì do báo cáo đem lại, chớ có tin điều gì do tin đồn đem lại, chớ có tin điều gì do truyền thống để lại, chớ có tin điều gì do kinh điển để lại, chớ có tin điều gì do phù hợp với định kiến của mình, chớ có tin điều gì do người có uy quyền nói ra, chớ có tin điều gì do bậc đạo sư chỉ dạy.

- Nay Bà-la-môn! Người chỉ nên tin những gì do chính người thực sự chứng nghiệm cái đó có đưa đến an lạc hạnh phúc hay không?

- Ví như có người từ lòng tham sai khiến thì sẽ đưa đến an lạc hạnh phúc hay đau khổ bất hạnh?

- Bạch Cù-đàm! Đưa tới đau khổ bất hạnh.

- Ví như có người từ lòng nóng giận sai khiến thì đưa tới hạnh phúc an lạc hay đau khổ bất hạnh?

- Bạch Cù-đàm! Đưa tới đau khổ bất hạnh.

- Ví như có người từ lòng si mê sai khiến thì đưa đến an lạc hạnh phúc hay đau khổ bất hạnh?

- Bạch Cù-đàm! Đưa tới đau khổ bất hạnh.

- Vậy người tham, sân, si có ai khen không?

- Bạch Cù-đàm, không ai khen người ấy.

Phật lại hỏi:

- Nay Bà-la-môn, nếu người dứt lòng tham có làm ai đau khổ chăng?

- Bạch Cù-đàm, không.

- Nay Bà-la-môn, nếu người dứt lòng sân có làm ai đau khổ không?

- Bạch Cù-đàm, không.

- Nay Bà-la-môn, nếu người dứt lòng si có làm ai đau khổ không?

- Bạch Cù-đàm, không.

- Vậy người hãy nghe theo người ấy.

Ông Bà-la-môn nghe đến đây liền vui mừng thưa rằng:

- Lành thay! Tôn giả Gotama khéo dùng huyền nói huyền, nếu có ai nghe lời giải thích của ngài tức cũng đều an vui hạnh phúc. Cho đến cây sa-la kia nghe lời giải thích của ngài đây cũng phải an vui hạnh phúc.

Xin ngài nhận con làm đệ tử tại gia, từ đây đến suốt đời con nguyện quy y Thế Tôn, quy y chánh pháp, quy y chúng tăng.

Phật nói:

- Đúng vậy, cho đến cây sa-la mà nếu nghe lời giải thích của ta đây cũng an lạc hạnh phúc.

Phật chấp nhận cho ông Bà-la-môn làm người cư sĩ tại gia.

Bình:

Quả thật Thế Tôn hay khéo vô cùng! Nghe người bảo mình dùng huyền thuật để lôi cuốn kẻ khác, ngài không tức giận chỉ bình tĩnh bảo: Ông chớ nghe, chớ tin... những gì do người khác truyền lại, chỉ nên tin những gì do chính mình thực sự chứng nghiệm lấy, điều đó có đưa đến an vui hạnh phúc hay không? Nếu điều đó đưa đến đau khổ bất hạnh thì dù là lời nói của bậc Đạo sư cũng chớ vội tin. Điều này chẳng những đối với ngoại đạo mà chính trong hàng đệ tử, ngài cũng thường nhắc: *Các ông chớ vội tin theo Ta khi các ông chưa hiểu Ta. Chưa hiểu mà tin là kẻ si.* Cho nên giáo lý ngài rất thực tế và rộng rãi không bắt buộc một ai. Như ba môn học: văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ, đầu tiên chúng ta phải nghe và học với sự sáng suốt của chính mình. Kế đó dùng trí sáng suốt suy nghiệm phán đoán xem điều ấy đúng hay sai. Sau cùng thực hành trong sự sáng suốt. Chúng ta thấy cả ba môn đều kèm theo chữ Tuệ nghĩa là nếu thiếu trí tuệ thì sự học không thành. Nên nói đạo Phật là đạo của trí tuệ. Một điều gì mà chúng ta chỉ nghe nói rồi tin theo là kẻ

mê muội và thường rất dễ bị lừa gạt. Thế nên đức Phật gạn hỏi lại ông Bà-la-môn: Người mà từ lòng tham, sân, si thúc đẩy thì đem đến an vui hạnh phúc hay đau khổ bất hạnh? Và người dứt tham, sân, si có làm ai đau khổ bất hạnh hay đem lại an vui hạnh phúc? Điều này chúng ta thấy quá rõ ràng phải không? Những gì bắt nguồn từ lòng tham, sân, si tất nhiên là mầm mống đưa đến đau khổ bất hạnh không thể chối cãi. Trái lại, người đã dứt lòng tham, sân, si thì mầm mống đau khổ từ đâu sanh do đó không đem lại an vui hạnh phúc cho người là gì? Vì vậy, sau khi để chính ông xác định lấy, Phật liền bảo “hãy nghe theo người ấy”. Chúng ta ngày nay sống trong thời khoa học cũng phải thực tế như vậy không thể mù mờ nhắm mắt tin theo một cái gì chưa sáng sủa. Câu mà chúng ta không thể quên được là: “Chớ tin theo điều gì do báo cáo, chớ tin điều gì do tin đồn, chớ tin điều gì do truyền thống để lại, chớ tin điều gì do kinh điển lưu truyền, chớ tin điều gì do phù hợp với định kiến của mình, chớ tin điều gì do người có uy quyền nói ra, chớ tin điều gì do bậc đạo sư truyền dạy.” Chỉ tin điều gì do chính mình thực sự chứng nghiệm lấy, cái đó chân thật đưa đến an vui hạnh phúc! Được vậy là chúng ta thật sống đúng với tinh thần giác ngộ của đạo Phật vậy.

24. Sáu pháp vô thượng

Trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật dạy:

Thầy Tỳ-kheo chân chánh phải tu sáu pháp vô thượng. Những gì là sáu?

1/ Mắt thấy sắc không ưa thích, ghét bỏ, trụ tâm nơi xả, hằng tỉnh sáng.

2/ Tai nghe tiếng không ưa thích, ghét bỏ, trụ tâm ở xả, hằng tỉnh sáng.

3/ Mũi ngửi mùi không ưa thích, ghét bỏ, trụ tâm ở xả, hằng tỉnh sáng.

4/ Lưỡi nếm vị không ưa thích, ghét bỏ, trụ tâm ở xả, hằng tỉnh sáng.

5/ Thân xúc chạm không ưa thích, ghét bỏ, trụ tâm ở xả, hằng tỉnh sáng.

6/ Ý đối với pháp không ưa thích, ghét bỏ, trụ tâm ở xả, hằng tỉnh sáng.

Ai được sáu pháp như vậy, là bậc Vô thượng, là phước điền của chúng sanh, xứng đáng cho trời người tôn trọng cung kính cúng dường.

Bình:

Bài kinh trên Phật dạy chúng ta tu sáu căn khi duyên sáu trần. Nghĩa là khi mắt thấy sắc không ưa thích đắm nhiễm sắc mà phải trụ tâm ở xả, hằng tỉnh sáng. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều cũng tu như vậy. Tại sao? Vì sáu căn là đầu mối của luân hồi và giải thoát. Nếu sáu căn chạy theo sáu trần sanh tâm ưa thích tức khởi niệm tham ái đắm nhiễm liền bị sáu trần lôi cuốn trong luân hồi. Trái lại, nếu sanh tâm ghét bỏ tức khởi niệm sân, cũng là gốc của luân hồi. Thế nên chẳng sanh yêu ghét, trụ tâm ở xả, hằng tỉnh sáng, ngay đó là giải thoát, cũng gọi là Quán tự tại!

Ví như trong kinh Lăng-nghiêm, Phật dạy ngài A-nan: *Khiến ông lưu chuyển sanh tử bởi do sáu căn và làm cho ông an lạc giải thoát cũng từ sáu căn mà được.*

Sáu căn có tầm quan trọng như vậy cho nên người tu tập muốn được giác ngộ giải thoát phải chế ngự sáu căn không cho chạy theo sáu trần. Như người chăn trâu luôn luôn cầm cây roi và sợi dây mũi chằng giữ con trâu không cho buông lung xâm phạm vào lúa mạ của người. Mỗi khi trâu vừa liếc ngó hai bên thì phải kéo mũi trâu lại. Cũng vậy khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, chúng ta phải thấy rõ sáu trần không thật, tạm bợ, giả dối, như mộng ảo, như huyễn hóa, như bọt nước, như sương mai... tâm trụ ở xả, hằng tỉnh sáng, đó là Thiên vậy.

Trong kinh Kim Cang, ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật: “Làm sao an trụ tâm và làm sao hàng phục tâm?” Phật trả lời: “Muốn trụ tâm phải: *Không nên trụ sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên sanh tâm không chỗ trụ. Nếu còn chỗ trụ tức chẳng phải tâm an trụ rồi.*” (Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, nhược vi hữu trụ tức vi phi trụ.)

Như vậy chúng ta thấy Phật dạy muốn trụ tâm (tâm an định) phải không kẹt sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Nếu còn kẹt sáu trần thì tâm không thể an trụ. Không đả trước sáu trần thì tâm an trụ tự tại.

Khi tâm ta tự tại thì con đường giải thoát chúng ta khỏi tìm đâu xa.

Đây là con đường tu thiết yếu để chúng ta thoát ly sanh tử, không có con đường thứ hai nào khác. Vì thế mà Phật, tổ đấng miệng, cặn lời khuyên nhắc chúng ta phải cố gắng tu tập nhiếp phục sáu căn, gìn giữ tâm ý cho thanh tịnh hằng sống với trí tuệ sáng ngời. Được như thế mới đủ làm ruộng phước của chúng sanh và xứng đáng cho trời người tôn trọng cung kính cúng dường.

25. Phật nằm mộng

Khi chưa thành đạo (còn làm hạnh Bồ-tát) Phật có thấy năm lần mộng:

- Điềm mộng thứ nhất: Ngài thấy quả địa cầu là chiếc giường ngài nằm, đầu ngài gối trên núi Tuyết, tay phải gát qua biển Đông, tay trái gát ở biển Tây, hai chân để lên biển Nam. Điềm nằm mộng này ứng hợp sau khi Phật thành đạo giáo lý của ngài bủa khắp nhân gian.

- Điềm mộng thứ hai: Phật thấy nơi rốn có một loại cỏ tiriva (phên) mọc lên cao tận cõi trời. Đây là biểu trưng sau khi thành đạo Phật sẽ nói pháp bát chánh đạo.

- Điềm mộng thứ ba: Phật thấy từ đầu gối ngài trở xuống có một loài sâu mình trắng đầu đen bò ra lúc nhúc. Ngài bèn lấy vải dầy lại che chở. Ứng hợp với việc sau này các cư sĩ đến với Phật, ngài bèn đem Phật pháp dạy dỗ khiến họ được an ổn.

- Điềm mộng thứ tư: Phật thấy có các loài chim màu sắc khác nhau bay đến đụng vào chân ngài, rớt xuống và biến thành một màu trắng như nhau. Điềm mộng này ứng hợp sau này Phật giáo hóa ngoại đạo trở về tu đều được giải thoát.

- Điềm mộng thứ năm: Phật thấy đi qua một dãy núi toàn phân nhơ nhớp, nhưng qua rồi chân ngài vẫn sạch không một chút nhơ bẩn. Ứng hợp sau khi thành đạo Phật nhận tất cả tứ sự cúng dường nhưng ngài không nhiễm trước.

Bình:

Phật nằm mộng như thế, còn chúng ta thì mộng thấy thế nào? Thấy nào là chém giết, ăn chơi v.v... toàn là những điều xấu ác phải vậy không? Từ đây chúng ta mới thấy mộng cũng từ tâm mà ứng hiện. Người có phước đức, tâm tánh thiện thì thường mộng lành tốt. Trái lại người xấu ác thường mộng hãi hùng, la hét. Mộng tuy là cái không thật nhưng ảnh hưởng đến chúng ta ít nhiều. Nếu khi mộng lành mộng tốt tức tinh thần an ổn, khi thức giấc cũng nhẹ nhàng, còn mộng dữ ắt hồi hộp lo âu, khi thức giấc vẫn còn mệt nhọc. Thế nên chúng ta phải luôn luôn giữ gìn tâm niệm tốt bỏ đi những tâm niệm xấu ác để khi mộng có thể an lành hơn là hoảng hốt. Cho đến khi nằm mộng mà chúng ta cũng vẫn làm chủ được là công phu có phần đặc lực. Như ngài Đại Mai Pháp Thường ở bên núi có một pho đá tương truyền là chỗ để thuốc của thần tiên. Một đêm, Sư nằm mộng thấy có thần nhân đến bảo:

- Thầy không phải phạm phu, trong pho đá có quyển sách Thánh, người nhận được là chủ cõi này, chẳng thế cũng là bậc đế vương.

Ngay trong mộng Sư đáp:

- Xưa Tăng Trù không màng đến kinh tiên, thì quyển kinh ấy tự mất. Tôi lấy Niết-bàn tự vui, tuổi thọ kia đâu thể cùng trời đồng ư?

Như thế chúng ta thấy ngay trong mộng mà ngài vẫn làm chủ được và nói một câu đầy đạo lý!

Lại trong năm điềm mộng của đức Phật, vua Trần Nhân Tông có một lần cũng mộng tương tự. Ngài mộng thấy từ nơi rốn mọc lên một hoa sen thay vì ở nơi Phật là cỏ tiriva.

Vậy chúng ta có được điềm nào hay chưa?

26. Chừng ấy đủ rồi

Một thuở Thế Tôn trụ ở Vương Xá Trúc Lâm. Lúc bấy giờ ba mươi vị Tỳ-kheo xứ Pava, tất cả sống ở rừng, đi khát thực mang y phẩn tảo, chỉ dùng ba y và đang còn kiệt sử. Tất cả cùng đi đến Thế Tôn, sau khi đánh lễ xong rồi ngồi xuống một bên.

Thế Tôn suy nghĩ: “Ba mươi vị Tỳ-kheo này tất cả sống ở rừng, đi khát thực, mang y phẩn tảo và đang còn kiệt sử. Vậy ta hãy thuyết pháp như thế nào để ngay tại chỗ này, tâm của họ đều được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ.”

Thế Tôn mới gọi các thầy Tỳ-kheo nói như sau:

- Vô thủy là luân hồi này, này các Tỳ-kheo! Khởi điểm không thể nêu rõ, đối với chúng sanh lưu chuyển luân hồi, bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc. Các người nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo! Cái nào là nhiều hơn dòng máu tuôn chảy, do bị thương tích khi các người lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, hay là nước trong bốn biển lớn?

Các thầy Tỳ-kheo bạch rằng:

- Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là dòng máu tuôn chảy do bị thương tích khi chúng con lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, không phải là nước trong bốn biển lớn.

Phật bảo:

- Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo, người đã hiểu pháp ta dạy như vậy. Lại nữa này các Tỳ-kheo, dòng máu tuôn chảy do bị thương tích khi các người sanh làm bò, làm trâu, làm heo, dê, gà, vịt v.v... là nhiều hay nước trong bốn biển lớn?

- Bạch Thế Tôn, dòng máu tuôn chảy do bị thương tích khi chúng con sanh làm trâu, bò, heo, dê... nhiều hơn là nước trong bốn biển lớn.

Phật bảo:

- Này các Tỳ-kheo, như vậy là vừa đủ để được giải thoát đối với tất cả hành! Và trong khi lời dạy này được tuyên bố đối với ba mươi vị Tỳ-kheo xứ Pava, tám các vị ấy giải thoát các lậu hoặc không còn chấp thủ.

Bình:

Đọc qua bài kinh trên chúng ta có cảm nhận được những gì? Chúng ta có đủ để thống thiết khi nhớ đến cơn hải hùng mà chúng ta đã trải qua trong cuộc luân hồi dài dằng dặc này không? Bao dòng máu tuôn chảy! Bao chiếc đầu lặn lóc! Mà chúng ta đã từng thọ lãnh trong những kiếp làm trâu, ngựa, heo, dê v.v...! Nghĩ lại mà rùng mình! Với chừng ấy cũng đủ để cho chúng ta cảm niệm cơn thống khổ và nỗ lực vươn lên trong chánh pháp. Chúng ta đã ném đủ tất cả mùi vị của cuộc đời không thiếu một thứ gì, từ lạc thú tột đỉnh cho đến đau khổ cùng cực. Vậy ngang đây hãy chấm dứt cũng là vừa, có gì đáng tiếc ư? Thế nhưng chúng ta lại không chịu mở mắt quán cho kỹ, cứ để lặn lóc làm thân phong trần khách mãi, thật tự đáng thương biết mấy! Từ đó lại còn tranh hơn tranh thua, tranh từ lời ăn tiếng nói, từ miếng cơm manh áo để tạo thêm khổ cho nhau. Chúng ta thử xét lại một điểm nhỏ thôi, giả sử có người chỉ ta “đồ trâu!”, đúng lý mà nói, có đáng giận không? Quả thật chẳng có gì đáng giận. Ta đã từng làm trâu, giờ người ấy bảo là trâu, thì cũng chỉ nhắc lại một lần bất hạnh cho chúng ta nhớ để tiến tu. Chúng ta vẫn mỉm cười chớ có gì đáng phiền đáng trách. Có người chỉ ta “đồ ngu!” cũng thế ta đã bao lần làm kẻ ngu rồi, và chính giờ này được nhắc lại để bớt dễ duôi trên đường tu tập, thế là một điều đáng hoan hỷ và biết ơn hơn là đáng buồn.

Quán rộng ra một chút nữa, những kẻ chỉ ta, mắng ta có phải là ai xa lạ đâu? Chính những kẻ ấy đã

từng là cha ta, là mẹ ta, là anh em ta, bạn bè ta vậy. Như trong một bài kinh Phật nói: “Này các Tỳ-kheo, thật không dễ gì tìm được một chúng sanh trong thời gian luân hồi dài này lại không một lần đã làm cha ta, lại không một lần đã làm mẹ ta v.v... cho đến con cháu của ta.” Thế thì nay cha mẹ mà mắng chửi chúng ta, có lẽ nào lại giận! Hiểu như thế và quán như thế tức là chúng ta an ổn trước mọi sự mắng chửi hay đối nghịch, trái lại, một tình thương chân thật trời dậy nối liền giữa chúng ta với tất cả mọi loài. Do đó, chúng ta không còn nghĩ đến làm khổ cho ai!

Như vậy, với chừng ấy trí tuệ cũng đủ để chúng ta dừng tay tạo nghiệp, cắt đứt vòng xích luân hồi đã chôn vùi chúng ta từ vô lượng kiếp không thấy được sự thật. Phật thường nói: “Nước mắt chúng sanh nhiều hơn biển cả.” Nghĩa là chúng ta đã khóc quá nhiều rồi, đâu thể tiếp tục con đường nước mắt ấy nữa!

Hãy vươn lên với trí tuệ! Chấm dứt những gì đau khổ cho nhau! Một đời sống an vui giải thoát chúng ta đang sống!

*Ôi luân hồi dài dài
Bao lần máu tuôn chảy!
Bao lần giáo gươm đâm!
Khi ta làm giặc cướp
Bao lần máu tuôn chảy!
Bao lần giáo gươm đâm!
Khi ta làm heo, dê...*

Và đây tìm khắp chốn
 Không một chúng sanh nào,
 Chẳng phải cha mẹ ta.
 Không một chúng sanh nào,
 Chẳng phải con em ta.
 Không một chúng sanh nào,
 Chẳng phải bạn bè ta.
 Nay hỡi, các hiền hữu
 Chừng ấy đủ cho ta
 Cảm niệm bao thống khổ!
 Chừng ấy đủ cho ta
 Giải thoát tất cả hành!
 Chừng ấy đủ cho ta
 Thương xót hết mọi loài!

27. Hai cực đoan

Trong Tăng Chi Bộ kinh chép:

Một hôm Phật nói cho các vị Tỳ-kheo nghe một bài kệ:

*Ai biết hai cực đoan
 Giữa bậc trí vô nhiễm
 Ta gọi bậc đại nhân
 Đây vượt người dẹt vải.*

Sau khi nghe kệ xong các vị Tỳ-kheo bàn luận với nhau, nhưng không vỡ lẽ.

Sau cùng Phật mới giải thích: *Hai cực đoan* là xúc và xúc tập khởi. *Giữa* là xúc diệt tức thọ diệt. *Người dẹt vãi* là ái.

Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần do sự tập khởi này mà có xúc. Nếu ngay đó không ưa thích, không ghét bỏ, tức trụ tâm nơi xả, thì thọ diệt. Thọ diệt rồi thì đâu còn ái nhiễm mà kết nghiệp tức được giải thoát.

Đây Phật gọi là bậc Đại nhân vượt qua được sự đan dẹt của ái mà được Niết-bàn (vì Niết-bàn nghĩa là vô sanh mà cũng có nghĩa là không đan dẹt).

Bình:

Thường chúng ta quen quan niệm ái là đầu mối của luân hồi sanh tử nên diệt ái tức nhỏ gốc luân hồi. Nhưng trong bài kinh này đức Phật lại nói ngay xúc mà không cảm thọ tức *xúc diệt* mà cũng là *thọ diệt* thì sẽ không có sự ái nhiễm liền đó được giải thoát.

Những niệm yêu ghét của chúng ta giống như những canh chỉ tiếp nối nhau dẹt thành tấm vải, luân hồi miên viễn. Nếu không có chỉ (thọ) thì ông thợ dẹt (ái) lấy gì mà dẹt?

Dĩ nhiên trong cuộc sống chúng ta không tránh khỏi xúc được, nào là mắt phải thấy sắc, tai phải nghe tiếng, lưỡi phải nếm vị v.v... nhưng chủ yếu ở chỗ chúng ta có cảm thọ hay không cảm thọ. Nếu cảm thọ thì sanh tăng ái và bị ràng buộc. Nếu không cảm thọ thì không sanh tăng ái và được tự tại giải thoát.

Giống như khi người cho ta một vật quý mà ta không nhận. Vì không nhận của quý ấy nên tâm ta không dính mắc. Nếu chúng ta nhận tức chấp đó là của ta liền sanh ái nhiễm thì khi ấy muốn bỏ cũng không phải dễ. Và muốn được cái *thọ diệt* này chúng ta phải hằng *tỉnh giác* dùng trí tuệ quán chiếu tất cả pháp đều không thật có, chỉ do nhân duyên hòa hợp mà tạm thành, không thật có *cái Ta* và *cái của Ta* thì mới có thể không ưa thích, không ghét bỏ, trụ tâm nơi xả mà được Niết-bàn.

28. Đức Phật hàng ma

Như vậy tôi nghe: Một thời Thế Tôn ở tại Uruvelā bên bờ sông Neranjara dưới cây Nigrodha Ajapāla khi ngài mới giác ngộ. Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi ngoài trời trong bóng đêm tối và trời đang mưa từng hạt một.

Rồi ác ma muốn khiến Thế Tôn sợ hãi, hoảng sợ lông tóc dựng ngược, liền biến hình thành con voi chúa to lớn và đi đến Thế Tôn.

Và đầu con voi ví như hòn đá đen lớn, ngà của nó ví như bạc trắng tinh, vòi ví như đầu cái cày lớn.

Thế Tôn biết được “đây là ác ma” liền nói bài kệ cho ác ma:

Ngươi luân hồi dài dài
Hình thức tịnh bất tịnh
Thôi vừa rồi ác ma
Ngươi đã bị bại trận.

Rồi ác ma biết được “Thế Tôn biết ta, Thiện Thế biết ta”, buồn khổ, thất vọng liền biến mất tại chỗ ấy. (Tương Ứng Bộ kinh)

Bình:

Chúng ta thấy đức Phật với cái gì ngài thắng được ác ma? Với sức mạnh, với khí giới hay với bùa chú? Đây là điểm rất quan trọng chúng ta cần nhận định cho thật rõ ràng, không thôi tuy sống trong chánh pháp tuyệt vời mà trở thành yếu đuối. Thường người tu chúng ta hay có cái lo sợ bị ma quấy phá rồi nghe theo người này người kia mà học bùa niệm chú hoặc bắt ấn trừ ma ếm quỷ. Thế là chúng ta tự chôn vùi chính mình mà hướng về bên ngoài để nhờ vả những cái xa xôi mờ ảo. Quả thật chúng ta đã đánh mất những gì sáng ngời của chính mình thuở trước. Hãy nhớ kỹ lại, Phật đối với ác ma, ngài có dùng chú thuật gì đâu. Trước sự khùng bố thách thức của ác ma, ngài chỉ nhận rõ: “Đây là ác ma”, rồi nhẹ nhàng bảo: “Thôi vừa rồi ác ma, người đã bị bại trận.” Thế là ác ma thất bại rút lui. Ngài thắng một cách an lành. Ví như trong một ngôi nhà nếu người chủ mà mê mờ điên đảo, phán đoán sai lầm thì kẻ ngoài mới có cơ hội nhiễu loạn quấy phá. Trái lại, với người chủ sáng suốt, chánh trực, không ỷ lại, phán đoán đúng như pháp thì kẻ ngoài chẳng tài nào quấy phá. Cũng vậy, đức Phật với trí tuệ ngời sáng của chính mình không do ai đem lại, chẳng từ lòng tin đưa đến, cũng không do sách vở ghi chép, ngài tự thắng ác ma. Vì sao? Chúng ta nên nhớ rằng, ác ma có biến hiện trăm ngàn tướng trạng lạ lùng đi nữa cũng chẳng qua một thứ huyền hóa

hư vọng. Đã là cái huyễn hóa hư vọng thì không thể tồn tại! Chính vì vậy, khi ta biết được nó tức thì nó tự rút lui. Chúng ta hãy nghe kỹ câu này: Khi ác ma được biết “Thế Tôn biết ta, Thiện Thệ biết ta” liền buồn khổ, thất vọng bỏ đi. Không niệm một câu chú, không vẽ một chữ bùa. Nói một cách nôm na là nếu ông chủ sáng suốt thì khách phải tùy phục. Đức Phật đã như thế, chúng ta những hàng hậu thế đã sống dậy từ trong nguồn pháp ấy, lẽ nào lại yếu đuối làm mất đi cái dũng khí của thuở ban đầu! Chúng ta hãy mạnh mẽ rống lên tiếng rống oai hùng của dòng giống sư tử cho loài tà ma phải khiếp vía vỡ mật nát gan!

*Quý thay bậc Mâu-ni
Sống trong nhà không tịch
Biết chế ngự tự ngã
Tại đây vị ấy trụ
Sống từ bỏ tất cả
Với hạnh tu tương xứng
Nhiều loại thú bộ hành
Nhiều sự vật khủng khiếp
Nhiều ruồi muỗi độc xà
Không mảy may rung động
Sợ tóc bậc Mâu-ni
Sống trong nhà không tịch
Dầu trời nứt, đất động
Dầu muôn loài khủng bố*

*Dầu bị giáo đao tên
Quăng ném vào ngực ngài
Chư Phật không tạo nên
Những căn cứ sanh y.*

Nghĩa là với tâm lặng lẽ dứt mọi chấp trước ở đời thì không còn điều gì phải sợ hãi. Thế là một lần nữa đức Phật lại thắng ác ma (khi ác ma hiện hình con đại xà vương đến khùng bố ngài).

Rồi đến đệ tử ngài, một vị Tỳ-kheo-ni Uppalavannā, lúc bấy giờ ở Sāvattthi, bà Uppalavannā đứng dưới gốc cây sa-la có trở hoa. Ác ma đến nói lên bài kệ:

*Này nàng Tỳ-kheo-ni
Dưới gốc cây sa-la
Đang nở nụ trăm hoa
Nhan sắc nàng tuyệt đẹp
Không ai dám sánh bằng
Tại đây nàng đã đến
Trong tư thế như vậy
Nàng ngu dại kia ơi!
Không sợ cám dỗ sao?*

Tỳ-kheo-ni Uppalavannā liền trả lời ác ma với bài kệ:

*Trăm ngàn người cám dỗ
Có đến đây như người
Mảy lông ta không động
Ta không gì sợ hãi*

*Ác ma, ta không sợ.
 Ta đứng đây một mình
 Ta có thể biến mất
 Hay vào bụng nhà người
 Ta đứng giữa hàng mi
 Người không thấy ta được.
 Với tâm khéo điều phục
 Thân tức khéo tu trì
 Ta thoát mọi trói buộc
 Ta đâu có sợ người
 Này hiền giả, ác ma!*

Chúng ta thấy, là một người nữ mà đã từng bị coi là yếu đuối, bà Tỳ-kheo-ni Uppalavaṇṇā có đáng cho chúng ta kính phục hay không? Một mình trước sự cám dỗ của ác ma bà đã dũng dạc nói lên những lời mạnh mẽ khiến ác ma đành rút lui. Thế mà chúng ta ngày nay ở trong nhà kín một mình còn hồi hộp đêm không dám bước ra đi tiểu vì sợ ma, thật đáng hổ thẹn biết chừng nào!

Vì vậy với tinh thần người tu Phật, chúng ta phải gan dạ, dũng mãnh, tự mình sáng ngời với trí tuệ đập tan mọi bóng dáng đe dọa hão huyền. Hãy nhìn thẳng vào mặt thật của nó không rút rè không trốn tránh! Điều mà chúng ta phải nhận định cho thật kỹ là *Thắng ma không bằng thắng mình*. Nếu tâm chúng ta chứa đầy những tư tưởng điên đảo, đen tối thì dù có niệm chú thuật

gì cũng khó tránh khỏi bị nhiễu loạn. Tâm lặng, trí sáng dứt mọi điên đảo vọng tưởng thì vượt mọi thứ ma. Cho nên nói: “Quý thay bậc Mâu-ni, sống trong nhà không tịch. Biết chế ngự tự ngã”... nếu trong tâm không còn chỗ nào đấm trước sanh khởi, tức ma không còn chỗ để rình rập. Đâu chẳng nghe nói: “Ly tham vậy, tâm an, mọi kiết sử siêu thoát, dầu tìm mọi xứ sở, ma quân không gặp được.”

Do đó, ác ma với bảy năm theo dõi Thế Tôn để mong tìm được lỗi lầm của ngài, nhưng không tìm được, cuối cùng trước mặt Thế Tôn, ác ma trong nỗi niềm thất vọng nói lên bài kệ:

*Như quạ liệng hư không
Thấy đá như miếng mỡ
Tuởng rằng sẽ tìm được
Miếng gì mềm và ngon
Không tìm được gì ngon
Liên từ đó bay đi
Như quạ mổ hòn đá
Thất vọng ta bỏ đi
Giã từ Gotama!*

Như có vị tăng hỏi thiền sư Huệ Thanh ở Ba Tiêu: “Giặc đến cần đánh, khách đến cần xem, chợt gặp giặc khách đồng thời đến, phải làm sao?” Sư đáp: “Trong thất có một đôi giày cỏ rách.” Sở dĩ trong nhà có chứa chấp của cải nên mới bị giặc cướp; trái lại nếu trong nhà

trống không thì cướp cái gì? Cũng vậy, tâm nếu không thì vọng không chỗ khởi, ma từ đâu thấy được? Khác nào quạ mổ hòn đá, chỉ nhọc nhằn rồi bỏ đi. Ta đã chiến thắng!

Tóm lại hư vọng biết là hư vọng, chân thật biết là chân thật, thường tỉnh sáng luôn luôn, đó là diệu pháp hàng ma mà cũng chính là yếu chỉ tu hành. Vòng sanh tử từ đó mà cắt đứt, nhẹ nhàng vượt qua mọi khủng bố, lo âu, an lành chiến thắng tất cả loại ma ở trong tâm lẫn ngoài cảnh. Hãy tỉnh sáng và vươn lên!



PHẦN II

DIỄN GIẢNG

1. Những lẽ thật

Chúng ta thường nghe nói những điều Phật nói ra đều là lẽ thật (chân lý).

Lẽ thật này trước sau như một không thay đổi. Vậy những gì là lẽ thật? Trong kinh Phật nói: “Mặt trời dù có lạnh, mặt trăng dù có nóng, lời Phật nói ra không bao giờ thay đổi.”

Lẽ thật Phật nói ra rất nhiều, gồm trong các kinh điển, xin lược nêu vài điểm điển hình:

Đối với thân người:

Phật nói thân này giả dối: vì nó do các duyên đất, nước, gió, lửa hòa hợp, đã do duyên hợp thì hết duyên nó phải tan rã, chúng ta thử xét có thân ai chẳng do duyên hợp chăng?

Thân này vô thường: Sự còn mất của thân này không cố định thời gian, người mới sanh rồi mất, người sanh ra mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, cho đến tám mươi năm rồi mất, có khi thân mạnh, có lúc nó đau. Khi mới sanh ra thì trẻ, lớn lên rồi già v.v... luôn đổi thay sanh diệt. Trên thế gian này thử hỏi có thân ai chẳng hư hoại không?

Thân này bất tịnh: Bản chất của thân này vốn là bất tịnh, thế nên trong những chỗ bài tiết (mắt, tai, mũi, miệng, đường đại, đường tiểu, các lỗ chân lông) đều bài tiết ra những vật bất tịnh...

Đây là những lẽ thật về thân, những lẽ thật này có giá trị từ đời này qua đời khác không thay đổi. Tuy nhiên, quan niệm của mỗi người là trốn sự thật. Sự thật nó là như thế, nhưng mỗi khi nói đến sự thật thì họ nhăn mặt có vẻ phản ứng tự nhiên. Dụ như thân vốn là giả dối, nhưng nhắc đến cái giả dối thì họ cảm thấy không vui: Chẳng hạn gặp ai mình muốn xã giao nói anh chị còn trẻ quá, còn đẹp quá thì họ vui thích, trái lại nói anh chị già quá, xấu quá, họ cảm thấy buồn không thích mình ngay. Họ rất sợ nhắc đến những cái vô thường thay đổi, nên khi gặp nhau chúc tụng là chúc sống lâu chứ không bao giờ chúc chết sớm. Thậm chí đã chết, đi nhắc quan tài mà còn tránh né cử không dám gọi tên, bảo là nhắc “cái thọ”. Thân vốn nhớp nhúa như bản, nhưng nếu gặp ai nói thân anh hay chị như bản thì phản đối kịch liệt. Ngược lại có đa số người còn thích tô điểm vẽ vờ. Nhưng thử hỏi nếu bản chất nó là sạch sẽ thì có gì lại phải tô điểm nó để che lấp? Có gì nó lại bài tiết ra những thứ đáng nhèm đáng chán?

Đối với sự vật:

Phật nói tất cả sự vật trong thế gian đều bắt nguồn từ nhân mới thành quả. Chúng ta muốn trồng được cây cam, cũng phải tìm được giống cam để gieo trồng. Hạt cam là nhân, cây cam là quả. Muốn biết chữ phải đi học. Đi học là nhân, biết chữ là quả. Cho đến một câu nói hằng ngày của ta cũng nằm trong nhân quả, như nói: “Tôi muốn ăn cơm.” Vì sao muốn ăn cơm? Vì bụng tôi đói. Bụng đói là nhân, muốn ăn cơm là quả. Đó là những việc nhỏ hằng ngày bày ra trước mắt chúng ta đều không ngoài nhân quả.

Nói rộng ra cho đến quả địa cầu cũng thuộc nhân quả. Như các nhà khoa học nói: Ban đầu do những đám xoáy lâu ngày kết tụ lại thành quả đất. Thế nên nhiều hạt bụi là nhân, quả địa cầu là quả v.v... Tóm lại, muôn sự muôn vật đều nằm trong lý nhân quả.

Đối với tương sanh diệt của sự vật, ngoài lý nhân quả, chúng ta còn thấy lý nhân duyên. Phật dạy các pháp có ra đều do nhân duyên hòa hợp mới thành, không có một pháp nào có tự thể riêng của nó. Dụ như thân ta cũng phải do bốn đại: đất, nước, gió, lửa cộng với thần thức hợp lại mới thành. Sự vật bên ngoài cũng do duyên hợp mới thành, như muốn làm cái nhà cũng phải có đủ vật liệu như gỗ, tôn, vôi, cát, gạch, xi-măng, công thợ v.v... mà tạo thành cái nhà. Muốn trồng cây, cũng phải nhờ hạt giống, phân, đất, nước, ánh sáng, công chăm sóc mới thành cây. Như vậy tạo thành thân người hay sự vật, nếu thiếu một trong những điều kiện trên cũng không thể thành được.

Tóm lại lý nhân duyên và nhân quả nó bao trùm trong mọi vật và phổ biến suốt cả thời gian và không gian. Nên trong kinh Phật gọi là *Chân lý tương đối phổ biến*. Những chân lý (lẽ thật) này nó nằm sẵn trong con người và mọi vật. Đức Phật chỉ là người phát minh ra lẽ thật ấy mà thôi.

Thế nên người tu chúng ta phải thấy đúng những lẽ thật như vậy, đó là chúng ta đã thấy đạo.

Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật hỏi các thầy Tỳ-kheo mạng người sống bao lâu? Một vị Tỳ-kheo đáp: “Khoảng vài ngày.” Phật nói: “Ông cũng chưa thấy đạo.” Phật lại hỏi vị Tỳ-kheo khác, vị này đáp: “Khoảng trong bữa ăn.” Phật nói: “Ông cũng chưa thấy đạo.” Phật lại hỏi vị Tỳ-kheo khác và vị này thưa: “Mạng người sống chỉ trong hơi thở.” Phật liền gật đầu chấp nhận nói: “Ông đã thấy đạo.” Rõ ràng thấy đạo là thấy lẽ thật chứ không có gì khác. Tuy nhiên người ta dễ lầm thấy đạo phải có thần thông diệu dụng thần bí v.v...

Qua những lẽ thật trên, nếu chúng ta chịu khó nghiền ngẫm và dụng công tu tập quán chiếu thì tâm chấp trước về ngã pháp lần lần dứt sạch, phiền não cũng theo đó mà hết, tức là chúng ta đã sống với trí tuệ vậy.

2. Mời bạn đến...

Trong tạng kinh Pāli chép:

Trong những buổi thuyết pháp, Phật thường nhắc đến câu “Mời bạn đến để mà thấy, không phải đến để mà tin” để giảng dạy. Chúng ta nên tìm hiểu ý nghĩa câu kinh này thế nào.

Bình:

Phần nhiều chúng ta đến với đạo bằng “niềm tin” hơn là đến với “trí tuệ”, vì thế chúng ta có những hành động lệch lạc với đạo Phật.

Đạo Phật là đạo giác ngộ. Thế nên người tu Phật không thể thiếu trí tuệ.

Trong kinh Phật dạy: “Cái khổ thiêu đốt dưới địa ngục chưa gọi là khổ, cái khổ của con lạc đà, con lừa chở nặng chưa phải là khổ, chỉ có người si mê không trí tuệ mới là khổ.” Tại sao? Vì si mê chính là động cơ thúc đẩy chúng sanh lưu chuyển luân hồi. Si mê là trạng thái đen tối đưa chúng sanh đến cảnh giới mê muội khổ đau... Vì vậy mà trong mười hai nhân duyên, vô minh là đầu mối tạo thành nghiệp sanh tử. Từ đó mười hai vòng xích xoay vần buộc chúng sanh trong sanh tử. Phật dạy: Muốn cắt đứt vòng xích mười hai nhân duyên, đầu tiên phải dùng kiếm trí tuệ. Một khi trí tuệ đến đâu thì bóng tối vô minh tan biến đến đó. Như trong nhà tối, khi có đèn sáng đến thì bóng tối phải biến mất. Công dụng của trí tuệ lớn lao như vậy nên trong ba môn vô lậu học (văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ) sau mỗi môn đều có kèm chữ Tuệ.

Chữ Tuệ ở đây là dùng trí tuệ giản trạch các pháp, biết rõ một cách không sai lầm. Biết những gì?

1/ Dùng trí xét, biết rõ các pháp là *vô thường*. Từ thân ta, cho đến mọi vật đều là vô thường là huyễn hóa. Sự vật có ra đều do nhân duyên hòa hợp; đã do

nhân duyên hợp thì đủ duyên tạm hợp, hết duyên liền tan. Dù cho vật lớn như quả địa cầu rồi cũng phải hoại diệt, nếu thiếu duyên.

2/ Biết các pháp là *khổ*. Bởi sự vật bị vô thường chi phối, nên mới có các thứ khổ như: sanh, già, bệnh, chết, yêu thích mà xa lìa, oán hờn gặp gỡ, năm ấm hưng thịnh... Các khổ này không tha thứ một ai, nếu người ấy chưa hoàn toàn giác ngộ. Tuy nhiên chẳng phải không có vui, nhưng cái vui chỉ trong chốc lát tạm bợ nhất thời.

3/ Biết rõ các pháp là *không*. Kinh Kim Cang Phật nói: *Tất cả pháp hữu vi như chiêm bao, như huyễn thuật, như bọt nước, như điện chớp* (nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điển) và Phật cũng nói: *Phàm vật gì có hình tướng đều là hư vọng* (phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng). Vì thế các pháp dù có ngàn sai muôn khác, nhưng xét kỹ lại đều một tánh Không mà thôi.

4/ Xét biết các pháp *vô ngã*. Bởi tất cả các pháp do nhân duyên hòa hợp nên nó không có tự ngã. Nghĩa là sự vật không có một vật gì đứng riêng mà thành được. Ví như thân ta, phần vật chất do tứ đại (đất, nước, gió, lửa) hòa hợp mới có. Phần tinh thần do thọ, tưởng, hành, thức hợp lại mới thành. Nếu phân tích ra từng phần thì không có cái gì là ta, là tự ngã của ta. Nói rộng ra đến sự vật cũng do duyên hợp như cái bàn để viết này do gỗ, đinh, công thợ v.v... hợp lại tạo thành. Nếu chia ra từng phần, cái gì là cái bàn. Cây đào trồng trước sân

cũng phải do hạt giống, đất, nước, ánh sáng, nhân công... mới thành cây đào. Nếu thiếu các điều kiện trên, cây đào cũng không thể thành. Muôn sự muôn vật đều đồng như thế cả.

Dùng trí quán biết như vậy, trong kinh Phật gọi *Trí tuệ Bát-nhã*. Nghĩa là dùng trí xét rõ các pháp đúng với tinh thần giác ngộ.

Do dùng trí tuệ nhận rõ các pháp như thế lần lần chúng ta mới dứt hết mê lầm. Niết-bàn cũng nhân đây mà được. Vì thế hỏi chừng nào có Niết-bàn? Chúng ta có thể đáp: Khi nào hết mê lầm. Mà muốn hết mê lầm phải nhờ khả năng của trí tuệ. Vì vậy được Niết-bàn không nhất định thời gian chậm hay mau, mau chậm đều do ta có trí tuệ hay không mà thôi.

Như thế thì sự an lạc của Niết-bàn là từ diệu dụng nhiệm mầu của trí tuệ. Diệu dụng ấy tự ta phát minh ra nó, chứ đâu phải từ kiếm tìm mà được.

Xưa có vị Bà-la-môn đến hỏi Phật:

Nghe nói Gotama biết huyền thuật và dùng huyền thuật ấy để lôi cuốn người ngoại đạo phải vậy chăng?

Phật liền nói với vị Bà-la-môn:

- Nay Bà-la-môn, người chớ có tin điều gì do báo cáo đem lại. Chớ có tin điều gì do tin đồn đem lại, chớ có tin điều gì do truyền thống đem lại, chớ có tin điều gì do kinh điển để lại, chớ có tin điều gì do phù hợp với định kiến của mình, chớ có tin điều gì do uy quyền nói ra, chớ có tin điều gì do bậc đạo sư truyền dạy.

Này Bà-la-môn, người hãy tin những gì do chính người thực sự chứng nghiệm, cái đó có đưa đến an lạc hạnh phúc hay không?... (Tăng Chi Bộ kinh)

Đọc đoạn kinh trên chúng ta thấy chủ trương của đức Phật dạy chúng ta phải hoàn toàn sống với trí tuệ. Dùng trí tuệ giản trạch các pháp và thực sự chứng nghiệm nó qua sự nhận xét kỹ càng của trí tuệ chứ không phải do niềm tin. Dù niềm tin ấy của bất cứ một ai và ở đâu đem đến. Giả sử đức Phật nói ra điều gì cũng chớ vội tin mà phải dùng trí tuệ xét nét kỹ lưỡng rồi sẽ tin. Đức Phật dạy: “Tin ta mà không hiểu ta là bài báng ta.” Bởi vì lòng tin mù quáng sẽ đưa đến mê lầm, dễ bị người ta lừa gạt.

Ở thế gian này người ta rất dễ tin, nghe đâu có việc linh thiêng liền tin và tìm đến. Hoặc theo một tôn giáo nào thì cứ một bề theo tôn giáo đó mà không chịu tìm hiểu lời dạy của tôn giáo đó có phải chân lý hay không? Hoặc theo một học thuyết thì chấp cứng theo chủ trương của học thuyết mình là chân lý là cao tột, không chịu tìm hiểu cái hay cái đẹp của các học thuyết khác. Lại có khi vì cảm tình riêng, vì truyền thống lâu đời, vì một uy quyền một thế lực mà cúi đầu tin theo một cách mù quáng vô điều kiện! Vì thế nên đức Phật thường cân nhắc môn đồ: trước khi tin một điều gì phải xét nét kỹ lưỡng rồi sẽ tin, dù là một truyền thống để lại, dù do kinh điển lưu truyền, dù là một đấng đạo sư nói ra v.v... cũng chớ vội tin. Mà phải tin những gì do tự mình chứng nghiệm được, nó hợp với lẽ phải, đúng với chân lý và đem lại sự an lạc hạnh phúc cho mình, cho mọi người hiện tại và mai sau.

Chúng ta phải có cái nhìn đúng như vậy mới hợp với tinh thần giác ngộ của đạo Phật. Đó là chúng ta đến để mà thấy chứ không phải đến để tin, đúng như điều Phật thường nhắc!

3. Thấy biết như thật

Chúng ta những ai có đọc kinh Niết-bàn chắc còn nhớ câu chuyện “Những người mù sờ voi”. Phật nói: Ví như có người đem con voi lớn đến trong đám người mù bảo họ thử diễn tả hình dáng con voi như thế nào. Trong đó có kẻ sờ phải cái chân voi liền nói con voi giống như cây cột tròn lớn, kẻ sờ trúng lỗ tai nói con voi giống như cái ky, kẻ sờ trúng bụng nói con voi giống như cái lu, kẻ sờ trúng đuôi nói con voi giống như cây chổi, mỗi người nói mỗi cách tùy theo chỗ nhận của mình; người sáng mắt chỉ nhìn con voi mà cười.

Nghe qua câu chuyện, chúng ta thử nghiệm xem đức Phật muốn nói gì? Con voi là chỉ cho “lý rốt ráo chân thật”, đám người mù là chỉ chúng ta những kẻ đang bàn tán lằng xằng về lý ấy. Nghĩa là chúng ta đui mù không mất tuệ đối với lý chân thật tròn đầy của Như Lai, lại đem thức tình sai biệt để tự phán đoán rồi chấp trước theo chỗ nhận hiểu riêng tư, trở lại bài bác lẫn nhau khiến cho “Lý thật vốn không hai” mà thành cách biệt, nghĩa vốn tròn đầy lại bị chia chẻ đây kia. Ngờ đâu tự mình vẫn chưa thông, thêm làm rối loạn người sau. Phật nói những kẻ như thế giống như đám người mù sờ voi tranh cãi ồn ào mà tương thật con voi còn chưa thấy được. Với người sáng mắt, đứng trước con voi

tuy không lý luận dông dài nhưng toàn thể con voi hiện rõ không sai sót. Người ấy thấy đúng như thật con voi là con voi chứ không nói thêm là cái gì.

Cũng như thế người chân thật đạt đạo vốn không nhiều lời, nhưng mỗi việc mỗi việc đều sáng ngời không mê. Trái lại, kẻ thông minh nói thao thao bất tuyệt đến khi bị gạt lại thì trong lòng rỗng tuếch. Như Hương Nghiêm Trí Nhân bình thường hỏi một đáp mười, nhưng khi bị Quy Sơn gạt một câu: “Trước khi cha mẹ chưa sanh hãy nói cho một câu”, liền câm miệng. Cho nên không thể lấy trí thông minh ở đời mà đo lường pháp thật. Chỗ lý tột cùng chỉ nên im lặng thâm thông, đâu kham trình bày thế này thế nọ. Ví như câu chuyện tổ Đạt-ma, một hôm ngài gọi trong đồ chúng đến hỏi:

- Giờ ta trở về sắp đến, các người mỗi người nên nói chỗ sở đắc của mình.

Đạo Phó ra thưa:

- Theo chỗ thấy của con, chẳng chấp văn tự, chẳng lìa văn tự, đây là dụng của đạo.

Ngài bảo:

- Người được phần da của ta.

Bà ni Tổng Trì thưa:

- Nay chỗ hiểu của con như tổ A-nan thấy cõi Phật A-súc, chỉ thấy một lần, không còn thấy lại.

Ngài bảo:

- Người được phần thịt của ta.

Đạo Dục ra thưa:

- Bốn đại vốn không, năm ấm chẳng có, chỗ thấy của con, không một pháp có thể được!

Ngài bảo:

- Người được phần xương của ta.

Đến Huệ Khả bước ra đánh lễ rồi lui lại đứng yên.

Ngài bảo:

- Người được phần tủy của ta.

Đây chúng ta hãy nghe thêm câu chuyện của ngài Vân Môn. Một hôm ngài thượng đường cầm cây gậy đưa lên nói: *Phàm phu thấy nó là thật, Nhị thừa phân tích nói là không, Duyên giác thấy như huyễn, Bồ-tát thì đương thể tức không. Thiên gia thấy cây gậy gọi cây gậy, đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi, không được động đến.* Nghĩa là phàm phu si mê chấp trước cho là thật tức khởi phải nói. Nhị thừa phân tích thấy là không, tức chưa phải ngay đó thực thấy. Duyên giác thấy như huyễn vẫn còn có chỗ lý quán. Bồ-tát đương thể tức không chưa khởi chiếu soi, vẫn chưa tột lý. Chỉ thiên gia thẳng đó thấy đúng như thật nó là nó không thêm không bớt một chút gì, nên nói “đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi, không được động đến” là chỉ ngay cái thể hiện tiền. Đây là nói người còn kẹt trên lý sai biệt tức chưa tột lý thật, chớ có hiểu lầm thiên gia cao hơn Bồ-tát, Duyên giác mà trở lại sanh nghi ngờ!

Từ đó chúng ta mới thấy những kẻ còn bàn tán lưỡng xăng, bài bác người này người nọ mà nói rằng: Ta hội Thiên, ta đạt đạo thì biết ngay là thứ thiệt hay

thứ giả rồi. Con người chúng ta thường hay có cái bệnh chủ quan tức là những điều gì của mình thấy, của mình nhận, đều cho là đúng cả và đả kích chỗ thấy của người mà không biết lẽ thật tràn đầy khắp nơi và ai ai cũng có đâu được một bề cố chấp. Thế nên dù tu hành công phu mà chưa sạch kiến chấp ắt rơi một góc, một cạnh, không thể đạt thành viên mãn. Đó là nói về người tu.

Nói rộng ra ngoài thế gian cũng thế. Khi một vấn đề mà còn có giả thuyết này, giả thuyết nọ về vấn đề đó, tức chưa thấy được vấn đề. Thế mà chúng ta nhắm mắt dựa vào những giả thuyết để tranh cãi nhau thì có phải là quá thiên cận hay không? Dù cho thật đã phát minh ra, nhưng cứ chấp vào một điều phát minh đó thì cũng chưa thấu hiểu mọi mặt. Thí dụ một chậu nước, nếu riêng nhìn bằng cặp mắt của nhà hóa học thì chỉ thấy có H_2O , nhưng nếu nhìn thêm với cặp mắt nhà vi trùng học tức sẽ thấy có những vật li ti sống trong ấy. Hoặc với cặp mắt của ông Archimède, sẽ nhận ra một nguyên lý về sức đẩy của nước. Cho nên nếu chấp theo cái thấy riêng tư là không thấy toàn diện vấn đề.

Trong xã hội cũng vậy, chúng ta sở dĩ tranh cãi nhau thì có gì lạ đâu, bởi mỗi người thấy một mặt rồi chấp theo chỗ thấy của mình mà bác bỏ chỗ thấy của người, từ đó nên sanh chuyện. Chẳng hạn một người thấy phải kính trọng cha mẹ là đáng hơn hết, vì cha mẹ là đấng sanh thành dưỡng dục cho chúng ta nên người. Kẻ khác nói, kính trọng thầy mới là trên hết, vì có thầy dạy dỗ chúng ta mới trở thành người sáng suốt thành tài. Cứ thế hai người cãi nhau chứ có biết đâu mỗi người

chỉ thấy một mặt. Nếu có thầy mà không có cha mẹ thì làm sao có chúng ta để thành tài. Cũng như có cha mẹ mà không có thầy thì sự dưỡng dục làm sao trọn vẹn? Do đó nếu chỉ nhìn có một mặt, thử hỏi đến bao giờ mới hết tranh cãi? Hiểu được lẽ đó, chúng ta không còn gì để tranh cãi với nhau vì biết rằng mỗi người đều có một cái phải của mình, mỗi người có một cái hiểu biết riêng mà lẽ thật thì không có ranh giới; người thấy mặt này, người thấy mặt khác, chỉ nên thông cảm với nhau để cùng đóng góp, cùng vui sống trong lẽ thật tương đối của cuộc đời.

Tiến lên để đạt đến cứu cánh chân thật, chúng ta phải buông hết những cái thấy riêng tư, những suy nghĩ do thức tình đem lại cho đến mọi sở đắc do công phu đạt được. Bởi lý tột vốn không hai, mà cái hiểu biết nếu còn mang hình bóng của một cái Ta thì đâu tránh khỏi bị chia cách? Dụ như đứng trước một đóa hoa thấy là đóa hoa tức cái thấy đó vẫn còn nguyên vẹn chưa có gì và đóa hoa vẫn chưa bị xâm phạm. Vừa khởi nghĩ “Ta thấy hoa”, tức một bức màn ngăn cách giữa Ta và đóa hoa: Ta khác với đóa hoa. Thế là sự thật đã bị chia chẻ, vũ trụ đã bị phân đôi, cái thấy không còn nguyên vẹn mà đã có niệm chen vào.

Cũng một câu chuyện Thiền về đóa hoa. Thiền sư Quế Sâm, một hôm cùng Trường Khánh, Bảo Phước vào Châu thấy một đóa hoa mẫu đơn. Bảo Phước nói: “Một đóa hoa mẫu đơn đẹp!” Trường Khánh bảo: “Chớ để con mắt sanh hoa.” Quế Sâm bảo: “Đáng tiếc một đóa hoa.” Chúng ta thấy chỉ một đóa hoa bình thường vô sự

mà Bảo Phước, Trường Khánh lại cố làm sóng gió, tưởng đâu có thể mờ mắt Sư. Nào ngờ gặp Sư đầy đủ mắt sáng, ngay một câu, trả lại đóa hoa bình thường. Tâm nếu không thì vật từ đâu khởi? Thế nên muôn pháp vẫn thường như. Thấy như thế là thấy chân thật, nếu còn nói có, nói không là vẫn còn chạy nơi mé ngoài, chưa phải tâm bình thường như thật.

Đến đây chúng ta mới cảm thông với đức Phật, khi được hỏi Niết-bàn là có hay không, ngài vẫn giữ thái độ im lặng không trả lời. Vì với trí phàm phu của chúng ta khi chưa đạt đến thì khó mà nói cho hiểu được. Nếu bảo Niết-bàn là có tức chúng ta liền nghĩ: “Niết-bàn có một cảnh giới nào đó, như vậy Niết-bàn tất thuộc vô thường, vì có hình tướng!” Trái lại nếu nói quyết định là không, chúng ta lại nghĩ “Niết-bàn là không ngơ như hư không, không có một cái gì biết được là Niết-bàn.” Do đó, nói có nói không gì cũng đều kẹt, chỉ người đạt đến liền cảm thông không còn nghi ngờ.

Thế nên, nếu lấy tình thức mà đo lường cảnh giới thánh thì cảnh giới thánh cũng thành sai biệt. Các tổ đâu chẳng thường bảo: “Chỉ hết phàm tình, chớ sanh thánh giải.” Cần yếu là chúng ta phải chữa cho sáng mắt, chừng ấy toàn thể con voi bày ra rõ ràng khỏi nhọc nhằn bàn tán lằng xằng. Người còn bàn tán lằng xằng là kẻ chưa thấy đạo. Tóm lại, chỗ lý tột cùng không còn tranh cãi, người thấy chân thật im lặng thâm thông. Thật tướng con voi vốn không hai thể, chớ vì mù mắt bài bác kia đây. Ai là kẻ sáng mắt hãy tự giữ gìn, chớ để cho người kiểm điểm, thật đáng hổ thẹn xiết bao!

4. Quán vô ngã

Trong kinh Phật nói: “Thân này chẳng phải là Ta, chẳng phải của Ta, chẳng phải tự ngã của Ta”, vậy phải quán như thế nào để thấy được nó chẳng phải Ta, chẳng phải của Ta, chẳng phải tự ngã của Ta?

Đáp: Có hai phần:

1/ Về sắc uẩn: sắc uẩn do bốn đại hợp thành, giả hiện có thân tướng. Đã do bốn đại hòa hợp thành thì đất là của đất sao bảo là của Ta? Cũng thế, nước là của nước, gió là của gió, lửa là của lửa đâu thể bảo là của Ta? Còn thế nào là chẳng phải Ta? Bởi Ta là hữu tri, vốn có đủ tánh phân biệt hiểu biết, trái lại bốn đại là vật không tri giác làm sao gọi bốn đại là Ta? Vả lại bốn đại mỗi đại đều có tánh chất riêng, đất tánh cứng, nước tánh ướt, gió tánh động, lửa tánh nóng, mỗi phần riêng biệt hợp lại đâu thành một thể thuần nhất. Vì thế nên biết sắc uẩn cũng không phải tự ngã của Ta, vì tự ngã là một cái thể nguyên vẹn.

2/ Về tâm có bốn thứ: thọ, tưởng, hành, thức. Tức thuộc về phần tinh thần. Thọ: do căn trần tiếp xúc mà sanh khổ vui, hoặc bình thường (không khổ không vui). Tưởng: do nghĩ nhớ những việc đã qua, suy tưởng việc sắp tới, nghĩ việc hiện tại. Hành: do niệm sanh diệt tương tục trong từng sát-na, có thiện hành, ác hành, vô ký hành. Thức: do phân biệt lành dữ, tốt xấu, phải quấy... có thủ xả, không thủ xả.

Về thọ có phải là Ta chăng? Thọ do xúc mà có, không xúc thì thọ cũng không. Nếu bảo thọ là Ta như vậy

khi không xúc Ta cũng không nữa sao? Thế nên biết thọ chẳng phải là Ta. Nếu bảo thọ là của Ta cũng không được vì thọ do xúc mà có, là của xúc sao bảo của Ta? Thọ từ xúc sanh lại có khi thọ vui, thọ khổ, thọ không vui không khổ, chẳng phải một thể nguyên vẹn nên cũng chẳng phải tự ngã của Ta.

Về tưởng có phải là Ta chăng? Tưởng do nhớ nghĩ mà thành, không nhớ nghĩ thì tưởng cũng không. Nếu bảo tưởng là Ta thì khi không nhớ nghĩ Ta cũng không. Thế nên biết tưởng chẳng phải là Ta. Lại tưởng do nhớ nghĩ thành, thì tưởng là của nhớ nghĩ sao gọi là của Ta? Tưởng có tưởng về quá khứ, tưởng về vị lai, tưởng về hiện tại không một thể nhất định không phải tự ngã của Ta.

Về hành có phải là Ta chăng? Hành do niệm khởi, niệm diệt thì hành cũng không. Nếu bảo hành là Ta, như vậy khi niệm diệt Ta cũng không. Thế là hành cũng chẳng phải Ta. Hành do niệm khởi thì hành là của niệm sao được bảo của Ta? Hành có ác hành, thiện hành, vô ký hành, sanh diệt không dừng không có thể cố định nên cũng không phải tự ngã của Ta.

Về thức có phải là Ta chăng? Thức do phân biệt sanh, không phân biệt thì thức cũng không. Nếu bảo thức là Ta tức khi không phân biệt Ta cũng không. Thế nên thức chẳng phải là Ta. Thức đã do phân biệt sanh thì thức là của phân biệt sao được bảo của Ta? Thức có thủ có xả, có bình thường, không thủ không xả, chẳng có một thể cố định nên cũng chẳng phải tự ngã của Ta.

Như vậy, nếu quán cùng tột lẽ trên, chúng ta sẽ thông đạt lý vô ngã, khi tâm chấp ngã hết tức mầm mống sanh tử dứt, ngay đó là Niết-bàn vậy.

5. Niết-bàn là gì?

Hỏi: - Mục đích của người tu Phật lấy quả vị Niết-bàn làm chỗ cứu cánh. Vậy Niết-bàn là gì?

Đáp: - Trong các kinh điển có nhiều định nghĩa khác nhau nhưng chữ Niết-bàn (Nirvāṇa) không ngoài những nghĩa viên tịch (hoàn toàn vắng lặng), vô sanh (không còn sanh diệt) và giải thoát v.v... Những nghĩa này đều nhằm chỉ cho người đạt đạo sống trong trạng thái tâm thể hoàn toàn vắng lặng dứt hết vọng tưởng vô minh.

Do trình độ giác ngộ khác nhau nên trong kinh chia ra bốn thứ Niết-bàn:

1/ Niết-bàn hữu dư y: Niết-bàn đã dứt sạch phiền não vọng hoặc trong ba cõi, nhưng còn thân của nghiệp báo dư thừa.

2/ Niết-bàn vô dư y: Niết-bàn đã dứt sạch phiền não hữu lậu và không còn mang thân của nghiệp báo (dứt hết uẩn thân).

3/ Niết-bàn tự tánh: Niết-bàn tự tánh sẵn có của chúng sanh, nó vốn sẵn có tánh Niết-bàn không phải tu tập mới có. Như mặt gương tánh vốn sáng sạch không phải đợi lau chùi mới hiện.

4/ Niết-bàn vô trụ xứ: Niết-bàn không chỗ nơi. Các vị Bồ-tát khi giác ngộ, lao mình trong lục đạo giáo hóa chúng sanh, lấy sự sanh tử của chúng sanh làm cảnh giới. Tuy ra vào sanh tử nhưng lúc nào cũng tự tại vô ngại.

Hai thứ Niết-bàn trên là của hàng Nhị thừa, hai thứ Niết-bàn dưới chỉ riêng hàng Đại thừa mới có.

Hỏi: - Làm sao thể nghiệm để biết có Niết-bàn?

Đáp: - Như trên chúng ta đã hiểu căn cứ tự tánh Niết-bàn thì mỗi người chúng ta đều sẵn có thể tánh thanh tịnh sáng suốt tròn đầy, nhưng vì phiền não ngăn che mà không hiển lộ. Muốn tánh Niết-bàn hiển lộ là phải diệt trừ phiền não. Phiền não ở đây chính là sự mê lầm “chấp ngã”. Mê lầm chấp ngã hết, tức là Niết-bàn. Vậy thì hỏi khi nào có Niết-bàn? Chúng ta phải đáp: - Khi nào tâm “chấp ngã” hết, hoặc tham sân si sạch chính khi ấy tức Niết-bàn. Khởi phải hỏi đâu xa.

Chúng ta hãy đọc một đoạn văn trích trong tạng kinh Pāli của tác giả “Cái Ta nguy hiểm” - Buddhadasa sau đây:

Trong câu Phật ngôn: “Nếu chư Tỳ-kheo hành theo chánh hạnh thì cõi thế gian không vắng bóng các bậc A-la-hán.” Chữ chánh hạnh có ý nghĩa sâu xa quan trọng. Sống chánh hạnh ngụ ý sự vắng mặt của ý tưởng Ta và của Ta. Chúng ta sống hết ngày này qua ngày khác, nhưng sống một cách không chân chánh cho nên cái tà kiến “Ta” và “của Ta” mới sanh và mỗi ngày nó vọt lên nhiều lần, khiến cho cái Niết-bàn viên mãn bị đứt đoạn,

không có dịp tốt để xuất hiện, và vì thế chúng ta không thành bậc Vô Sanh (A-la-hán). Sống chánh hạnh là sinh hoạt đúng với bát chánh đạo. Vậy điều cần yếu là ta phải dùng tri kiến chân chánh và hành động chân chánh sao cho cái ý niệm “Ta” và “của Ta” không thể nổi dậy, ngõ hầu không có sự sanh. Khi không có sự sanh nào cả thì không có khổ nào cả và đó là chân hạnh phúc như lời đức Phật đã thuyết.

Đọc qua đoạn văn ngắn này, chúng ta thấy Phật dạy điều kiện muốn được Niết-bàn phải có chánh hạnh (sinh hoạt đúng với bát chánh đạo). Khi nào có chánh hạnh thì khi ấy có Niết-bàn. Khi nào không có chánh hạnh thì không có Niết-bàn. Vậy muốn đạt được Niết-bàn phải có chánh hạnh, tức là không còn khởi dậy cái ý niệm “Ta” và “của Ta”. Một giây phút nào cái “Ta” và “của Ta” không khởi dậy trong tâm thức thì phút giây đó ta có Niết-bàn (Niết-bàn được trong thời gian ngắn là Niết-bàn nhân, sống với Niết-bàn vĩnh viễn là viên mãn Niết-bàn). Vậy muốn kéo thời gian Niết-bàn của ta ra dài hay ngắn đều từ tâm thức có khởi vọng tưởng chấp ngã hay không chấp ngã mà thôi. Nếu sống được một phút không vọng tưởng là một phút Niết-bàn, sống được hai phút là hai phút Niết-bàn, sống một giờ, một ngày là được một giờ, một ngày Niết-bàn cho đến nếu sống trọn vẹn là được Niết-bàn viên mãn.

Trong Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn chép:

Có người hỏi:

- Làm sao được Đại Niết-bàn?

Thiền sư Huệ Hải đáp:

- Chẳng tạo nghiệp sanh tử.

Khi nào chẳng tạo nghiệp sanh tử tức là Niết-bàn, chứ không phải tìm Niết-bàn nơi nào khác và cũng không phải đợi thời gian nào mới đạt Niết-bàn. Vì vậy đạt Niết-bàn sớm hay muộn, thời gian có Niết-bàn lâu hay mau đều tùy chúng ta cả.

Có một cư sĩ đến hỏi Phật:

- Bạch đức Thế Tôn, như Phật nói Niết-bàn hiện tại đến để mà thấy có thời gian chẳng?

Phật bảo:

- Như người ý vừa nghĩ “tham”, miệng nói điều tham, thân làm việc tham thì ngay đó ưu bi khổ não liền khởi.

- Như người ý vừa nghĩ “sân”, miệng nói lời sân, thân làm việc sân thì ưu bi khổ não ngay đó liền khởi.

- Như người ý vừa nghĩ “si”, miệng nói lời si, thân làm việc si thì ưu bi khổ não ngay đó liền khởi. Người nào nếu thân miệng ý dứt được tham, sân, si thì ưu bi khổ não không có. Chính ngay lúc đó là Niết-bàn hiện tại (Tương Ứng Bộ kinh).

Hỏi: - Khi đạt Niết-bàn rồi còn có hay không còn có?

Đáp: - Vấn đề còn có hay không còn có đặt ra ở đây đã sai rồi. Để trả lời câu hỏi này, tôi xin dẫn lời hỏi của một vị Bà-la-môn đến hỏi Phật (Tập A-hàm):

- Thưa Thế Tôn! Thế giới hữu biên hay vô biên? Thế giới hữu thường hay vô thường? Niết-bàn còn có hay không còn có? Cả ba câu hỏi đức Phật đều im lặng không đáp. Tại sao Phật không đáp? - Bởi vì người đời phần nhiều hễ nói không thì họ chấp hoàn toàn không, khi nói có thì chấp hoàn toàn có (chấp một chiều) vì vậy mà Phật không đáp. Nghĩa là nếu nói không thì họ chấp là không ngơ (ngoan không) như lông rùa sừng thỏ; nói có thì chấp thường còn mãi mãi (vĩnh viễn không thay đổi), mà nghĩa có và không ở đây “không cố định” không hẳn là có, không phải hoàn toàn không. Hơn nữa nghĩa Niết-bàn, nó ly khai nghĩa có và không. Tại sao? Vì nếu có thì phải có hình tướng chỗ nơi có thể chỉ được, nhưng Niết-bàn đâu có hình tướng và chỗ nơi. Nếu nói không ai biết có chứng đắc Niết-bàn? Vì vậy không thể nói có hay không. Lấy một việc rất gần gũi làm thí dụ. Như khi ngồi thiền, tâm ta buông xả tất cả vọng niệm không còn một chút dấy động, tâm lặng lẽ thênh thang trùm khắp, lúc bấy giờ còn có gì hay không còn có gì? Nếu nói còn có gì tại sao không thấy tướng mạo? Nếu nói không còn gì thì cái gì tỉnh sáng biết là không? Vì nó không phải thật có và thật không nên nếu trả lời là “có” là “không” đều không đúng lẽ thật. Thế giới hữu thường vô thường, hữu biên vô biên cũng vậy, nó không phải thật có thật không mà tùy duyên biến đổi. Vì thế nên Phật không trả lời.

Khi Phật còn tại thế có một vị Tỳ-kheo chứng A-la-hán tịch, các thầy Tỳ-kheo đến hỏi Phật: “Thầy Tỳ-kheo tịch sanh về đâu?” Phật trả lời: “Như củi hết lửa tắt.” Nghĩa là còn duyên thì hiện, hết duyên thì ẩn, chứ không về đâu!

Nhân ngày kỵ Mã Tổ, Nam Tuyền hỏi chúng:

- Cúng trai Mã Tổ vậy Mã Tổ có đến hay chẳng?

Cả chúng không đáp được. Động Sơn Lương Giới bước ra đáp:

- Đợi có bạn liền đến (tức là đủ duyên liền đến).

Qua hai câu chuyện trên chúng ta hiểu nghĩa tùy duyên là như vậy.

Hỏi: - Người đã trở về sống với tự tánh Niết-bàn hằng ở trong thể tịch tịnh bất động hay còn gì khác nữa?

Đáp: - Thể của tự tánh Niết-bàn tuy tịch mà thường chiếu, hằng vắng lặng mà vẫn chiếu soi. Vì thế chư Phật và các vị Bồ-tát khi thành đạo các ngài có tam thân (pháp thân, báo thân, hóa thân), tứ trí (thành sở tác trí, diệu quan sát trí, bình đẳng tánh trí, đại viên cảnh trí), ngũ nhãn (nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn), lục thông (thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông, lậu tận thông). Vô số diệu dụng thần biến v.v... giáo hóa muôn loài. Tuy hiện muôn loài nhưng tánh thể bất động.

Thế nên cảnh giới Hoa Nghiêm đã diễn tả nào là mây, ánh sáng, tàn lọng ánh sáng, cho đến đồ ăn, đồ mặc, núi sông v.v... hết thảy đều trở thành ánh sáng cả. Chúng ta lấy làm lạ không biết ý kinh muốn nói gì không thể hiểu nổi, chẳng ngờ chính là để nói diệu dụng bất tư nghì của đức Phật sau khi đã đạt Niết-bàn.

Nghĩa là sau khi đạt đến Niết-bàn thì đâu đâu cũng là cảnh giới bất tư nghi, chứ không phải đạt đến đó rồi không còn gì hết. Đó là điều chúng ta chớ lầm lẫn.

6. Con mắt thứ hai

Thường thường mỗi người chúng ta ai cũng có hai con mắt nhưng chúng ta có biết cái nào là con mắt thứ hai chẳng? Nếu chỉ mắt bên phải hoặc mắt bên trái đều không đúng, vì cả hai đồng thời sanh thì làm sao bảo cái nào là thứ nhất, cái nào là thứ hai? Vậy ai có thể chỉ ra được?

- Đây chúng ta hãy nghe câu chuyện đức Phật khi ngài còn làm Bồ-tát. Thuở ấy ngài sanh làm một vị vua trị vì thiên hạ. Một hôm, do túc duyên nhiều đời ngài bổng chán ngai vàng và những lạc thú thế gian, vua liền trốn khỏi hoàng thành đi vào rừng sâu để tìm bậc đạo sư chuyên tu thiền định. Hoàng hậu hay tin vội đuổi theo tìm vua và bà gặp ngài trên đường đi. Vua hết sức khuyên bà trở lại, nhưng bà quyết một mực theo ngài. Trời Đế-thích thấy vua có chí siêu xuất thế gian, để thúc đẩy ngài thêm, mới hiện ra một người thợ mộc ở gần bên đường. Vua vừa đi tới chợt trông thấy anh ta đang cầm thanh gỗ nhắm xem đã thẳng mực hay chưa? Trong khi đó anh nhắm bốt một mắt lại, vua thấy lạ mới đến hỏi: Vì sao phải nhắm bốt một mắt như vậy? Người thợ mộc đáp: Vì nếu có con mắt thứ hai thì hai con nó tranh nhau khó nhìn chính xác. Vua nghe nói chợt tỉnh, nghĩ rằng: Cũng thế, ta đã chán cảnh đua chen của thế gian để vào rừng chuyên tu thế mà còn có con mắt thứ hai là

hoàng hậu bên cạnh thì làm sao tránh khỏi tâm bị chi phối. Nghĩ như vậy, vua từ giã anh thợ mộc, đi đến một ngã tư đường, vua bẻ một cành lau đưa trước hoàng hậu hỏi: Như cành lau này có thể dính trở lại với thân cây chẳng? Bà thưa: Tàu bẻ hạ, không thể được. Vua nói: Cũng vậy, chừng nào cành lau này dính trở lại với thân cây chừng ấy chúng ta mới có thể sống lại với nhau, giờ chúng ta phải chia tay. Tức thời vua bỏ bà ở lại và phóng thẳng vào rừng.

Như thế chúng ta đã thấy con mắt thứ hai chưa, nhất là đối với những người xuất gia? Cứ nhắm đi một mắt thì sẽ thấy những gì là con mắt thứ hai! Giờ chúng ta hãy nghiệm lại câu nói của thợ mộc: *Nếu có con mắt thứ hai thì hai con nó tranh nhau khó nhìn chính xác.* Người tu đã phát nguyện từ bỏ gia đình, cắt đứt những gì thân ái từ trước để sống đời phạm hạnh, thực hiện hoài bão cao cả của người xuất gia; thế mà thiếu tinh thần dứt khoát làm sao đạt thành sở nguyện? Chúng ta hãy quán kỹ lại xem, tất cả thế gian này có gì quan trọng đáng để lưu ý? Ngay cái thân sống hằng ngày đây ta cũng không thể lo lắng giữ gìn được, huống là những cái bên ngoài! Nó già ta bảo nó đừng già cũng không được. Nó đau ta bảo nó đừng đau, nhưng nó vẫn đau, cho đến ta bảo nó đừng hư hoại, song rốt cuộc rồi nó cũng phải hư hoại! Thế thì, cái theo sát một bên mà chúng ta còn không thể giữ gìn sắp xếp gì được, thì những việc xa vời đâu đâu mà cứ vương vấn mãi, thử hỏi có sáng suốt hay không? Vậy mà đa số vẫn không bỏ được! Người tu chúng ta là người sống theo trí tuệ, lấy chánh giác làm đầu

không thể đi theo con đường u ám! Với trí tuệ quán sát kỹ, cái đáng làm chúng ta sẵn sàng làm, cái đáng bỏ chúng ta sẵn sàng buông bỏ, như thế mới đúng với ý nghĩa cao đẹp của người xuất gia. Đẳng này, vừa mới phát tâm xuất gia liền nghĩ: “Gia đình rồi đây ai chăm sóc?” Vừa cạo tóc, liếc thấy những sợi tóc đen huyền óng ánh lại nghĩ: “Ta hãy giữ nó để làm kỷ niệm.” Vừa khoát chiếc áo ca-sa lại nhớ đến: “Mấy đứa bạn hôm qua sao chẳng đến thăm?” v.v... Như vậy có xứng đáng với tâm xuất gia chưa hay đã rong về trần tục mất rồi? Do đó ngay từ bước ban đầu phải sẵn sàng bẻ gãy những gì còn vương vấn có thể đưa đến tâm sai biệt, vươn lên khỏi vòng vây con mắt thứ hai. Phải can đảm dứt khoát như vị vua bẻ gãy cành lau không chút luyến tiếc.

Chúng ta còn nhớ bài kệ khi ba nhát dao cạo của bậc thầy thế độ lên đầu và ba lọn tóc bắt đầu rơi khỏi mái tóc thân yêu:

Hủy hình thủ chí tiết

Cát ái từ sở thân

Xuất gia hoàng thánh đạo

Thệ độ nhất thiết nhân.

Hủy hình là phá đi cái đẹp của hình sắc diện mạo để giữ gìn cái chí siêu trần, cắt đứt sợi dây ân ái, xa lìa những chỗ thân yêu. Quyết một bề bỏ nhà ra đi hoàng truyền đạo thánh tức là đạo giải thoát, đưa hết mọi người đồng qua biển khổ, đó là lời thề của ta vậy. Thế nhưng chúng ta có giữ đúng chẳng hay là mấy hôm sau

trên đầu đã thấy lấm tẩm bụi trần trở lại? Nếu không khéo chúng ta cứ buông xuôi theo đó ắt không lâu tóc đen phủ kín da đầu như cũ. Cho nên phải dứt khoát ngay từ đầu, sẵn sàng con dao bên cạnh, một lần cạo là cạo mãi, chớm lên liền cạo, cạo cho đến hơi thở cuối cùng quyết không dừng tay ngó lại con mắt thứ hai! Chúng ta đâu chẳng nghe hòa thượng Triệu Châu, sau khi được Nam Tuyền ấn khả, Sư trở về Tào Châu thăm Bốn sư. Những người quen thuộc hay tin Sư về đều muốn đến thăm, Sư nghe được nói: “Lưới ái trần tục không có ngày dứt được, ta đã từ bỏ xuất gia không muốn gặp lại.” Sư liền mang bát, cầm gậy ra đi. Phải một con người dứt khoát như vậy mới hay làm nên việc lớn. Đâu thể yếu đuối để cho các duyên lôi cuốn mà phai mờ chí nguyện cao đẹp của buổi ban đầu! Đó là nói về con mắt thứ hai đối với duyên bên ngoài tức thuộc về tình.

Đến bên trong nói về lý thì hình ảnh con mắt thứ hai có phần tế nhị hơn. Nghĩa là còn tương ứng một pháp thứ hai là còn có hình ảnh của nó. Chẳng hạn khi chúng ta đang ngồi thiền tâm lặng lẽ không vọng tưởng, chợt khởi nghĩ: “Còn cái gì nữa chẳng?” Thế là lọt vào con mắt thứ hai, vướng víu trong cái sai biệt! Đâu chẳng biết, chính ngay lúc tâm lặng lẽ tỉnh sáng rõ ràng không một bóng dáng gì chen vào làm rối loạn, như vậy tức thanh thoi quá rồi, lại còn đòi hỏi cái gì thêm nữa? Đòi thêm cái nữa thì cái này bỏ đi đâu? Nếu có hai cái đến bao giờ mới được thoi dứt? Thế nên nói: Sáng không chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng còn; sáng, cảnh đều quên, lại là vật gì? Sáng là tâm, cảnh là duyên. Tâm không

chỗ chiếu, cảnh từ đâu khởi? Tâm cảnh đều dứt, còn gì lại nghi? Chúng ta đọc kinh Viên Giác có một đoạn cũng ứng hợp chỗ này: “Ở tất cả thời chẳng khởi vọng niệm, ở các vọng tâm cũng chẳng tắt diệt. Trụ cảnh vọng tưởng chẳng thêm rõ biết, ở không rõ biết chẳng phân biệt chân thật.” Ở tất cả thời chẳng khởi vọng niệm là *tâm không sanh*. Ở các vọng tâm cũng chẳng tắt diệt là *trí chẳng dứt*. Trụ cảnh vọng tưởng chẳng thêm rõ biết là *chiếu không nơi*. Ở không rõ biết chẳng phân biệt chân thật là *năng sở đều dứt, rõ ràng không nghi*.

Đến đây chẳng bảo chúng ta nhắm con mắt thứ hai mà phải thấu suốt cả hai mắt không còn nhắm mở, đó mới là chỗ cứu cánh giải thoát. Trái lại, còn dính bên nhắm hoặc bên mở đều chưa tránh khỏi vòng vây con mắt thứ hai, khó đạt đến kết quả viên mãn. Chúng ta hãy nghe câu chuyện ngài Đạo Ứng. Sư cất am ở nơi Tam Phong, trải qua tuần nhật không xuống trai đường. Động Sơn thấy lạ hỏi: Mấy ngày nay sao không thấy người đến thọ trai?

Sư thưa:

- Mỗi ngày có thiên thần cúng dường.

Động Sơn bảo:

- Ta bảo người là kẻ vẫn còn kiến giải, người rảnh chiều lại.

Chiều Sư đến, Động Sơn gọi:

- Ứng am chủ!

Sư ứng thanh: Dạ!

Động Sơn bảo:

- Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác là cái gì?

Sư trở về am ngồi yên lặng lẽ. Thiên thần tìm mãi không thấy, trải ba ngày như thế mới thôi cúng dường.

Chúng ta thấy, vì sao Đạo Ứng bị Động Sơn quở? Chính bởi Sư tuy đã từng đạt lý thật mà còn một chút niệm thiện chưa quên, bị thiên thần xem thấy nên Động Sơn quở là *Kẻ vẫn còn kiến giải* tức chưa sạch hết dấu vết, nếu chấp trước nơi đây ắt công phu khó viên mãn.

Do đó người tu phải sẵn sàng buông bỏ, can đảm dứt khoát những gì còn liên hệ níu kéo ngay từ buổi đầu cho đến rốt sau, từ cái bên ngoài cho đến trong tâm thức. Nói cho dễ hiểu là dứt bặt hết các duyên không để một chút gì còn vương vấn như người buông tay đi trong không. Đó là hình ảnh con người thật dứt khoát và tự tại.

Nên nhớ rằng sở dĩ chúng ta bị dẫn đi mãi trong luân hồi không có ngày ra là cũng tại *mê chỗ duyên sanh* chứ không có gì lạ. Mê duyên khởi là sanh tử, ngộ duyên khởi là Niết-bàn. Bởi vì tự tâm vốn không sanh, do duyên mà khởi, nếu khi khởi mà chẳng giác biết tức bị cuốn trôi, trái lại, ngay lúc vừa khởi liền tỉnh giác tức thành vô sanh. Cho nên các tổ thường nói: *Chính khi sanh tức chẳng sanh* (Đương sanh tức bất sanh) nghĩa là thẳng đó liền dứt bặt chẳng thể tiếp nối. Được vậy mới xứng đáng là người xuất gia giải thoát, tình và lý đều vô ngại.

Đến đây kết luận bằng bài kệ của tổ Hoàng Bá:

*Trần lao quỳnh thoát sự phi thường
 Hệ bả thằng đầu tổ nhất trường
 Bất thị nhất phiên hàn triệt cốt
 Tranh đắc mai hoa phốc tỹ hương!*

Dịch:

*Vượt khỏi trần lao chẳng phải việc tầm thường
 Đầu dây nắm chặt giữ lập trường
 Chẳng phải một phen xương lạnh buốt
 Hoa mai đâu được ngửi mùi hương!*

Muốn vượt khỏi trần lao chẳng phải việc tầm thường, phải nắm giữ lập trường vững chắc, phải dám chịu một cái lạnh thấu xương của mùa đông, nếu không làm sao có thể ngửi được mùi thơm hoa mai?

Vậy có ai dám bẻ gãy cành lau chưa? Người có tâm thoát tục hãy khéo nhận cho kỹ!

7. Thân người đáng yêu hay đáng chán

Chúng ta vẫn thường nghe đức Phật quả trách thân này là hư dối, là vô thường biến hoại như gẻ lở, như ung nhọt, như đâm như chém không chút gì đáng ưa thích. Lại đức Phật cũng nói, thân người khó được như chuyện “Rùa mù tìm bông cây”. Phật nói: Ví như trong biển lớn sóng mạnh, có một khúc cây bông bị gió thổi sóng đánh hoặc trôi bên đông, hoặc trôi bên tây. Dưới đáy biển có con rùa mù cứ một trăm năm mới trôi lên

mặt biển một lần tìm bông cây ấy để chui vào nhưng biển cả mênh mông, khúc cây thì theo sóng trôi giạt đông tây, rùa lại mù, thử hỏi đến bao giờ mới tìm được bông cây? Cũng vậy, chúng sanh lăn lộn trong các thú một phen được thân người rất khó như rùa mù tìm gặp bông cây.

Như thế chúng ta thấy có mâu thuẫn hay không? Ở trước, Phật hết sức quả trách thân này, sau Phật lại khen bảo là khó gặp. Vậy chúng ta phải nhìn như thế nào đối với thân này cho đúng lẽ thật?

Bởi phàm phu mê mờ không có mắt tuệ, điên cuồng chấp ngã, nhận lầm thân này là Ta và thật của Ta, rồi một bề quý trọng cung dưỡng nó, tự đó tạo tác không biết bao nhiêu nghiệp ác, gây biết bao đau khổ cho người cho vật xung quanh! Để đối trị cái chấp sai lầm tai hại ấy, đức Phật bảo thân này là cái vay mượn của đất, nước, gió, lửa, là sự hòa hợp của năm uẩn và được hình thành bởi vô minh khát ái. Do vậy, thân này phải chịu vô thường biến hoại, là pháp thống khổ, không là Ta và của Ta. Vì nếu thân này là của Ta thì nó phải thuộc quyền Ta sai khiến. Vậy Ta hãy bảo nó đừng già xem có được không? Nhưng nó vẫn già! Ta hãy bảo nó đừng đau, nhưng nó vẫn đau! Khi nó đau, ta hãy bảo nó đừng đau! Khi nó sắp chết ta hãy bảo nó đừng chết! Nhưng nó vẫn đau vẫn chết! Thế thì lấy gì bảo đảm là của Ta. Còn nếu thân này là Ta thì nó với Ta phải là một nhưng có là một được chăng? Thể của nó là hư hoại, còn Ta là cái thường còn làm sao bảo nó là Ta được? Lại nữa nếu phân tích kỹ hơn thì trong thân này cái gì là Ta? Đất là Ta chăng?

Đất là vô tri, nếu đất là Ta thì Ta thành cái vô tri sao? Cũng vậy, nước, gió, lửa, là cái vô tri đâu thể bảo là Ta! Là Ta không được, vậy có phải là của Ta chăng? Đất là thuộc của đất, nước là thuộc của nước, gió là thuộc của gió, lửa là thuộc của lửa, cái gì bảo là của Ta? Đó là Phật chỉ rõ cái bản chất hư dối tạm bợ của thân để cho chúng ta nhận rõ lẽ thật của nó mà thức tỉnh xa lìa các chấp điên đảo về thân. Chính khi thấy cái lẽ không thật của thân, những chấp trước về thân dần dần bị phá vỡ, một đời sống thánh thiện trở lại với chúng ta. Đó là lý do đức Phật chê trách thân người.

Tuy nhiên có kẻ cạn cợt khi nghe nói thân này xấu xa như nhớp, đáng nhàm đáng chán, không kịp nhận định kỹ, vội khởi lên tư tưởng hủy hoại hay hành hạ đối với xác thân. Chẳng hạn có lần Phật thuyết về tứ niệm xứ, ngài nói đến sự bất tịnh của thân, thật không còn gì để nhàm chán hơn nữa. Sau đó Phật tuyên bố với chúng Tỳ-kheo hãy để cho ngài ở yên một chỗ trong ba tháng, không ai được thăm viếng, trừ A-nan làm thị giả đem cơm nước. Sau ba tháng ngài trở ra, chợt thấy trong chúng Tỳ-kheo thưa giảm đi quá nhiều. Đức Phật liền hỏi tôn giả A-nan lý do vì sao? Tôn giả A-nan thưa: Sau khi nghe Thế Tôn thuyết giảng về pháp tứ niệm xứ nói đến sự bất tịnh của thân, chư Tỳ-kheo quán thấy quá nhàm chán, ghê sợ nên đã cùng nhau mượn người giết đi. Nghe xong, Phật rất quả trách, sau đó ngài cho nhóm chư Tỳ-kheo lại và tuyên bố từ nay không ai được mượn người giết, nếu mượn người giết là phạm luật. Cho nên hành hạ thân này cũng là một cực đoan.

Bởi vì sao chẳng được hủy hoại? Vì thân này tuy là hư dối tạm bợ nhưng không vì thế mà ta lại hủy hoại nó khi chúng ta còn chưa đạt thành sở nguyện. Nghĩa là khi còn đang trên đường đi tất phải mượn nó làm chiếc bè để qua sông. Trong kinh Phật có thí dụ người bị chìm đắm giữa sông lớn không có gì để bám, chột nắm được khúc gỗ mục thì người ấy phải làm sao? Mặc dù biết là khúc gỗ mục không có chút giá trị nhưng giữa lúc này thật là đáng quý vô cùng. Người ấy quyết phải nương khúc cây mục đó mà vô đến bờ, khi vô đến bờ rồi chùng ấy liền bỏ đi không luyến tiếc? Cũng vậy, khi chúng ta chưa đạt đến đích, phải mượn thân này làm phương tiện để thực hành chân diệu pháp. Tiến xa hơn nữa dùng nó để làm lợi ích chúng sanh, khi công phu viên mãn liền bỏ lại ra đi không luyến tiếc! Được vậy mới là người biết dùng đúng chỗ dùng của thân. Trái lại, chê nó là khúc củi mục không chịu dùng hoặc ở trên khúc củi đó mà tô điểm, sơn phết tưng tiu để rồi đành phải chết chìm ở giữa dòng, Phật nói như vậy đồng một hạng ngu si!

Chúng ta có biết chăng, “thân người khó được, Phật pháp khó nghe” trong cuộc lưu chuyển luân hồi, chúng ta đã từng bao lần lên xuống làm trùng kiến, làm trâu, làm ngựa cho người chà đạp, leo cưỡi, hôm nay may mắn thay chúng ta được thân người lại gặp chánh pháp Như Lai. Thế thì chúng ta phải làm sao để khỏi bỏ lỡ cái cơ hội tốt lành này! Thí dụ “Con rùa mù tìm bông cây” tức là chỉ bọn chúng ta đây vậy. Ai đã thấy được?

Ôi luân hồi dài dài
 Biết đâu là khởi điểm?
 Trăm năm vải lau đá
 Kiếp dài biết là bao?
 Máy lần đã đi qua
 Bao lần uống sữa mẹ
 Ôi! Bể cả khôn lường
 Lại như sông Hằng, cát!
 Chừng ấy đủ cho ta
 Chịu đựng cơn thống khổ!
 Chừng ấy đủ cho ta
 Giải thoát tất cả hành!

Phật từng nói trong cuộc luân hồi từ vô thủy của chúng ta không thể tìm thấy đâu là khởi điểm, ví như một hòn núi đá lớn có người cứ một trăm năm đến đó với tấm vải kasi lau một lần, lau đến mòn hòn đá ấy cũng chưa sánh được kiếp luân hồi của chúng ta. Trong ấy chúng ta đã biết bao lần uống sữa mẹ cho đến còn nhiều hơn là nước biển cả. Thế mà hôm nay chúng ta lại không thức tỉnh tiến tu, mượn thân này mà giải quyết cơn mộng vô minh, một phen qua rồi bao giờ gặp lại cơ hội tốt như thế. Như một lần đức Phật ở tại thành Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn ông Cấp Cô Độc, ngài khơi một chút đất trên đầu ngón tay đưa lên hỏi chư Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo, các ông thấy đất trên đầu ngón tay ta nhiều hay đất quả địa cầu nhiều?” Các thầy Tỳ-kheo đáp:

“Bạch Thế Tôn, đất quả địa cầu rất nhiều so với đất đầu ngón tay Thế Tôn gấp trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn lần cho đến khó mà tính kể được.” Phật nói: “Cũng vậy, ta thấy chúng sanh ở thế gian này sau khi bỏ thân người phần đông đi vào các thú nhiều như đất quả địa cầu còn kể trở lại làm người rất ít như đất đầu ngón tay.”

Thế nên đức Phật mới nói được thân người rất khó, trăm lần, ngàn lần khó để nhắc nhở chúng ta phải khéo tu học chánh pháp, khích lệ thêm niềm tin và sự phấn khởi. Đó là ngài nói về lợi ích của thân trên đường tu học. Còn một điểm mà chúng ta ít người biết đến là chính ngay cái thân giả dối này đã có sẵn cái chân thật bất sanh bất diệt mà chư Phật hằng khen ngợi. Ấy là điều mà những người tu Phật chúng ta thường ao ước muốn gặp và đã từng tốn bao công phu đeo đuổi tìm cầu nhưng không ngờ nó ở ngay thân này. Ngài Triệu pháp sư nói: “Trong càn khôn, giữa vũ trụ có hòn ngọc quý ở tại hình sơn.” Hình sơn là chỉ thân năm uẩn này vậy. Do đó chúng ta có đủ niềm tin nơi mình sẵn sàng vươn lên, trong cái sanh diệt mà sống với cái bất sanh bất diệt.

Như vậy, đối với thân này có hai điểm, một điểm đáng chê trách, xa lìa; một điểm đáng khích lệ vươn lên, chúng ta phải quán cả hai mặt. Để phá chấp, chúng ta phải quán thẳng vào bản chất hư dối không chắc thật của thân thể để phá trừ cái si mê chấp ngã, đã dắt dẫn chúng ta đi mãi trong luân hồi sanh tử; thứ hai để tu tiến chúng ta phải lợi dụng thân này để làm lợi khí vượt qua vòng sanh tử mà đạt đến cứu cánh giải thoát.

Thêm một điểm nữa, ngay cái thân không thật này khéo nhận ra cái chân thật bao nhiêu công đức sẽ từ đó đầy đủ tất cả, cho đến cứu cánh thành Phật không còn nghi ngờ gì hết.

Tóm lại, quá yêu mến quý trọng thân này để rồi tha hồ cho nó thụ hưởng lạc thú là một cực đoan, mà hành hạ hủy hoại nó cũng là một cực đoan. Phải tránh hai cực đoan này mà sống theo trung đạo, đó là đi đúng đường chư Phật đã đi, chớ để một thời qua suông, dịp may không đến hai lần, về sau ắt phải ân hận! Hãy xét kỹ! Hãy xét kỹ!

8. Giá trị cái thật

Thuở trước có vợ chồng một ông vua đã lớn tuổi mà không có con trai chỉ sanh được một công chúa. Vua cùng hoàng hậu mới bàn nhau kén hoàng tử. Một hôm vua cho rao khắp thần dân trong nước ai có con trai hãy đến ra mắt ngài. Thế là bao nhiêu cậu trai trong nước đều tụ về trước cửa triều đình. Vua mới trao cho mỗi người một gói bảo: “Đây là những gói hoa giống, mỗi người hãy đem về ươm trồng cho kỹ càng rồi đem đến dâng cho ta, nếu hoa của ai đẹp nhất ta sẽ chọn làm hoàng tử”. Các chàng trai vâng lệnh đem về chọn đất tốt, phân bón hết sức kỹ lưỡng, đến hạn định mỗi người cùng nhau đến dâng lên vua những chậu hoa thật là xinh xắn. Vua cùng hoàng hậu đi giáp một vòng xem tất cả những chậu hoa. Phải nói có nhiều chậu đẹp không thể chê, tuy nhiên vua cùng hoàng hậu đi tới đi lui lắc đầu ra vẻ buồn bã.

Chợt có thằng bé ôm một chậu đất không vừa chạy đến vua khóc. Vua mới hỏi vì sao con lại khóc? Nó mếu máo thưa: “Thưa ngài, hôm trước ngài đưa cho con một gói hoa giống, con đem về tìm đất tốt, phân bón chăm sóc hết sức kỹ lưỡng nhưng rốt cuộc không lên một cây nào! Hu! Hu!” Vua bỗng sáng mắt lấy tay xoa đầu thằng bé nói với mọi người: “Đây là hoàng tử của ta.” Tất cả ai nấy đều ngạc nhiên và có ý phản đối, vua mới bảo: “Hôm trước ta đưa cho các người những hoa giống đó là ta đã đem hấp chín hết rồi thế mà mọi người đem về đổi lấy những giống hoa khác thay vào nên mới có được những cây bông đẹp này, đó là các người chưa thành thật, chỉ có thằng bé này mới là người thành thật, rất xứng đáng là hoàng tử của ta.” Vua liền chọn thằng bé làm hoàng tử.

Bình:

Ở thế gian ít có mấy ai dám nhìn sự thật và nói lên sự thật. Do vậy đa số sống với nhau toàn bằng cái hình thức giả dối bên ngoài, rất khó tìm được một người chân thật hoàn toàn. Giả sử chúng ta làm cái gì sai, có người hỏi: “Ai làm cái này?”, tức chúng ta liền nói: “Không biết ai làm à?” Hoặc có nói thật thì mười phần chỉ nói một hai không bao giờ dám nói hết. Trong Cổ Học Tinh Hoa có kể một câu chuyện: Có một anh chàng rất hung bạo và thô lỗ, một hôm ở trong buổi tiệc, một số anh em đang ngồi nói chuyện, có liên quan đến anh, một người xen vào nói: “Cái anh chàng đó mà nói làm gì, thật là hung bạo và thô lỗ...” Bất chợt anh ta đi ngang qua, vừa nghe chưa hết câu liền bạt anh bạn kia

mấy bặt tay nói: “Chú mày nói ai thô lỗ?” Như vậy có tức cười không? Chẳng chịu nhận mình là thô lỗ lại bặt tay người, vậy cái hành động ấy phải nói là gì? Thế nên chúng ta có bao giờ dám nhìn thẳng vào sự thật!

Đến trong đạo cũng vậy, chúng ta đã chán những cái giả dối ở thế gian, vào đạo để mong tìm một đời sống chân thật. Nhưng rồi cũng lại bày ra cái giả với nhau mà cái thật đâu thì không thấy. Chẳng hạn một số người tu hành bình thường không chịu, trái lại làm ra những cái lạ đời, nào ăn rau, uống nước lạnh, nhịn đói v.v... để chi vậy? Có phải chẳng để cho người chú ý đến ta? Nếu ta thật sự chân tu thì người biết đến hay không có can hệ gì? Thế là đã sống với cái giả rồi mà không hay! Tại sao chúng ta không dám thành thật với chính mình, sống ngay cái bình thường chân thật, cũng ăn cũng uống như bao nhiêu người nhưng mỗi một niệm hư dối, tà vọng vừa dấy lên tức liền tỉnh giác buông xả, mỗi một sự trái ý nghịch lòng đưa đến đều vui vẻ thông qua, đó là đã sống trong đạo lý rồi đâu phải nhọc nhằn bày ra những việc kỳ đặc như thế? Như thằng bé sẵn sàng ôm chậu đất đến trước nhà vua để trình lên sự thật chứ không dối đem những thứ hoa này hoa nọ trồng vào để mong được khen ngợi.

Chúng ta nên biết, thân này vốn từ cái nhân hư vọng mà thành thì dù cho có khen ngợi, che đậy bao nhiêu kết cuộc rồi nó cũng lộ ra cái bản chất hư dối của nó, tức là tan rã hư hoại! Người có trí phải thấy rõ điều đó, không thể ở trên cái hư dối lại dựng thêm cái hư dối để rồi gặt găm lẫn nhau. Nói thẳng ra cho đến

bè bạn anh em cũng mấy khi thành thật với nhau. Sở dĩ ta thân với người bạn này là vì anh ta biết chiều ta, giúp ta, thuận theo chỗ muốn của ta. Nếu trái lại, thử hỏi ta có còn thân nữa chẳng? Giả sử một người bạn thân nhất, ta muốn gì bạn đều giúp cả, nhưng lỡ một lần vì bận việc không giúp ta được, ngay đó đã bớt thân rồi, nếu vài lần như vậy ắt không còn thân nữa! Vợ chồng với nhau cũng vậy. Mới xem qua tưởng chừng thương yêu nhau lắm nhưng xét kỹ lại, giả sử người vợ hoặc người chồng bị ho lao hoặc bị cùi hủi, thì hỏi có còn đủ cái tình nghĩa ban đầu nữa chẳng, hay đã lợt lạt đi rồi và có thể hất bỏ là khác! Như vậy có thương yêu chân thật chưa hay chỉ thương trên bóng dáng của một cái Ta? Nói rộng ra, trên thế gian này gần như tất cả đều sống trên cái giả nhiều hơn là cái thật. Trách gì chúng ta không khỏi hồi hộp lo âu từng phút giây, khổ nhiều mà vui ít. Vậy cho nên muốn sống đời sống cao quý, chúng ta phải can đảm sống thẳng với sự thật, chấp nhận sự thật để vươn lên chứ không thể vì một chút bản ngã thấp hèn mà đem cái giả phủ lên cái thật để rồi kết cuộc đành phải hổ thẹn!

Hãy sẵn sàng thành thật như thằng bé ôm chậu đất trình trước vua.



PHẦN III

VẤN ĐÁP

Nhân khách đến tu viện hỏi đạo, thầy Viện chủ trả lời, chúng tôi ghi vào đây những câu hỏi chúng ta thường thắc mắc.

Hỏi: - Phật có trước hay pháp có trước?

Đáp: - Nếu căn cứ pháp duyên khởi, pháp có trước Phật có sau. Vì pháp ấy xưa nay vẫn như vậy (như thị) dù có Phật ra đời hay không ra đời pháp ấy vẫn không thêm không bớt (pháp đó là lẽ thật của muôn đời). Kinh nói: “Pháp này là mẹ của chư Phật trong ba đời.” Chư Phật do ngộ pháp này mà thành đạo.

- Y cứ lời Phật nói: Phật có trước, pháp có sau. Do đức Phật tu hành thành đạo mới nói ra mười hai bộ kinh, nên Phật có trước pháp có sau.

Hỏi: - Thế nào thuyết pháp như dã can? Thế nào là thuyết pháp như sư tử rống?

Đáp: - Đem giáo pháp cứu cánh dạy cho người tức thời thấy đạo, đạt lý vô sanh trong hiện tại thẳng đó dứt nghiệp hết khổ, sống với Niết-bàn tự tánh, nghĩa là trở về với tánh thường nhiên. Như người nghiện rượu khổ sở, biết rượu là hại liền bỏ trở lại tánh bình thường. Người dạy pháp ấy gọi là *sư tử rống* (tiếng hét oai hùng của sư tử, trăm thú đều khiếp sợ kinh hoàng).

Trái lại đem những pháp phương tiện dạy người tu theo tiệm thứ, sanh đây sanh kia còn trong vòng nhân quả hữu lậu. Người dạy pháp này gọi là thuyết pháp như *dã can* (chỉ kêu rè rè).

Hỏi: - Tại sao thể tánh *chân không* lại sanh ra có sơn hà đại địa?

Đáp: - Không phải chân không sanh sơn hà đại địa, mà do mê chân không hiện có sơn hà đại địa...

Hỏi: - Trong kinh Lăng-nghiêm nói:

Nhất nhân phát chân quy nguyên

Thập phương thế giới tận thành tiêu diệt.

Như vậy một người trở về nguồn chân thì thế giới này đâu còn nữa?

Đáp: - Mười phương thế giới không còn là không còn với người trở về nguồn chân. Còn đối với chúng sanh khác (còn mê) thì thế giới vẫn nguyên vẹn. Nếu không phải như thế thì khi Phật thành đạo thế giới này hẳn đã tiêu mất đâu còn đến ngày nay?

Hỏi: - Người tu Tịnh độ sau khi lâm chung tùy theo sức tu mà sanh về Cực lạc có cử phẩm liên hoa. Còn người tu Thiền nếu chưa được giác ngộ giải thoát sau khi lâm chung về đâu?

Đáp: - Người tu Thiền nếu chưa hoàn toàn giải thoát thì khi lâm chung nên giữ tâm thanh tịnh, không khởi niệm thì cũng được tùy nguyện trong khi tu mà sanh về những cảnh giới tốt để tiếp tục tu nữa.

Hỏi: - Kinh Lăng-nghiêm nói: Một người thể nhập pháp thân thì trùm khắp cả pháp giới, thế còn chỗ đâu cho người sau thể nhập.

Đáp: - Trong kinh Viên Giác, Phật thí dụ như trong một ngôi nhà lớn, người ta đem vào một ngọn đèn, thì ánh sáng ngọn đèn tràn đầy khắp cả căn nhà. Có một người lại đem thêm một ngọn đèn nữa thì ánh sáng cũng tràn khắp căn nhà và nếu đem thêm nhiều ngọn đèn nữa, ánh sáng vẫn trùm khắp mà không ngăn ngại nhau. Cũng như thế nếu ai thể nhập pháp thân thì sẽ thấy trùm khắp và hòa trong pháp giới chứ không ngăn ngại chi cả.

Hỏi: - Thế nào là kiến tánh khởi tu?

Đáp: - Tức là trước nhận ra được tánh giác rồi theo chỗ thấy đó, tu cho đến cứu cánh giải thoát.

Hỏi: - Còn kiến tánh khởi tu là sao?

Đáp: - Đó là trường hợp của đức Lục Tổ.

- Chưa kiến tánh phải tu thế nào?

- Như trong hồ nước có hòn ngọc, người thấy ngọc đưa tay nắm lấy (dụ cho người kiến tánh khởi tu). Người chưa thấy, quơ tay mò một lúc lấy được nắm lấy giữ gìn (dụ cho người chưa kiến tánh). Tuy chưa thấy nhưng tin chắc rằng trong ấy quyết định có hòn ngọc.

Hỏi: - Trong kinh Kim Cang, Phật dạy trì bốn câu kệ. Vậy trì bốn câu nào?

Đáp: - Văn kinh nói rõ ràng: “Hoặc trì nhẫn đến bốn câu kệ v.v...” Như vậy tùy hoặc trì cả bộ kinh hoặc trì bốn câu, hai câu cũng được, đâu nhất định câu nào. Đó là không vấn đề mà đặt thành vấn đề thêm việc rắc rối.

Hỏi: - Trong kinh Phật nói: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.” Làm sao chứng minh được điều này?

Đáp: - Ví như có người đào đất được mấy tấm gương, người ấy đem một tấm lau chùi sáng, liền biết mấy tấm kia thế nào? Tức cũng có sáng, nếu chịu khó lau chùi.

Đức Phật là một con người do tu mà được giác ngộ thành Phật, chúng ta cũng là con người như ngài tức cũng có tánh giác, cũng sẽ thành Phật không nghi.

Hỏi: - Thế nào là Niết-bàn trong sanh tử?

Đáp: - Tâm niệm sanh diệt là sanh tử. Hết tâm niệm sanh diệt là Niết-bàn (ngay nơi tâm thể mà có Niết-bàn).

Hỏi: - Phong tục cử đi đường ngày mồng năm, mười bốn, hai mươi ba có đúng không?

Đáp: - Không đúng! Tại sao? Xin đặt lại câu hỏi: Tất cả những tai nạn thường xảy ra, có phải xảy ra chỉ mấy ngày đó thôi hay những ngày khác cũng có? Trái đất xoay quanh mặt trời, có nói tốt xấu gì không? Nếu ba ngày đó là ngày xấu thật thì thế gian này không có nhân quả. Tuy nhiên ăn trộm ắt có lúc bị bắt đầu tránh khỏi. Thế nên nếu đi vì việc lành thì tốt, đi việc dữ thì xấu. Làm việc lành kết quả thiện, làm việc dữ kết quả ác, chứ không phải do ngày giờ.

Hỏi: - Tâm muốn vươn lên, nhưng gặp nhiều nghịch cảnh không thực hiện được ý muốn. Phải dùng biện pháp gì?

Đáp: - 1/ Nghĩ mình đã chết. 2/ Nhận thật mình đang sống trong cảnh mộng.

Hỏi: - Thế nào là tà kiến?

Đáp: - Hành động, lời nói, việc làm, ước mơ đều hướng về nẻo ác, sa đọa, tội lỗi, khổ đau là tà kiến.

Hỏi: - Thế nào là chánh kiến?

Đáp: - Hành động, lời nói, việc làm, ước mơ đều hướng về nẻo thiện: từ bi, cứu khổ, giải thoát, an lạc... là chánh kiến. Dụ như hạt giống đắng như khổ qua, gặp mưa móc thấm ướt lên cây đều đắng. Trồng cây giống ngọt v.v... cũng thế. Tóm lại, tin lý nhân quả là chánh kiến.

Hỏi: - Người tu theo pháp mười hai nhân duyên phải diệt món nào trước?

Đáp: - Diệt xúc và diệt thọ.

- Tại sao không diệt vô minh v.v... mà đi diệt xúc và thọ?

- Vì vô minh thuộc về nhân quá khứ không thể diệt được. Hành, thức, danh sắc, lục nhập, cũng không thể diệt được. Vì hành là nghiệp quá khứ. Thức, danh sắc, lục nhập là bộ phận của thân thể con người cũng không đoạn được. Chỉ có xúc thọ tùy cảnh mà có thể dễ thấy dễ diệt. Xúc thọ là nguồn gốc của tạng ái mà tạng ái là động cơ chính của luân hồi. Do sáu căn tiếp xúc sáu trần sanh cảm thọ vui hoặc khổ hoặc không vui không khổ, phiền não (tham, sân, si, tạng ái) cũng theo đó mà sanh. Trái lại, sáu căn tiếp xúc sáu trần không dấy một niệm phân biệt tức là “không cảm thọ”. Không cảm thọ thì không khởi tâm yêu ghét, yêu ghét không thì tham sân cũng không. Mê lầm nhân đây mà dứt (dứt si) tức tịch tĩnh Niết-bàn.

Hỏi: - Có một Phật tử đến hỏi: Ngài Nam Tuyền bảo Triệu Châu: “Tâm bình thường là đạo, còn tu tức trái đạo.” Tại sao Thầy dạy chúng con tu?

Đáp: - Ngài Nam Tuyền nói là chỉ cho người *tâm đã bình thường*. Trái lại, tâm con chưa bình thường nên thầy dạy con tu.

Hỏi: - Cúng dường người nào phước nhiều nhất?

Đáp: - Cúng dường người không tu không chứng (đạo nhân vô tâm) phước nhiều nhất.

- Người không tu không chứng là người nào?

- Đây chính là trở về với chính mình.

- Tại sao gọi là vô tu vô chứng?

- Vì tự nó sẵn có đâu phải do tu mà được. Dụ tánh nước tự trong, đâu phải do lóng nước mới trong.

Tóm lại, trở về với chính mình mới quý (giải thoát sanh tử) dù cúng dường mười phương chư Phật cũng chỉ là Phật bên ngoài được phước mà thôi, nên gọi là không bằng.

Hỏi: - Tại sao căn bản đạo Phật xây dựng trên quan niệm nhân sanh đau khổ (dụ khổ đế)?

Đáp: - Vì khổ có nghĩa là “vô thường”. Vô thường chi phối tất cả sự vật, không một cá nhân nào thoát khỏi (khổ là một lẽ thật muôn đời). Từ khổ mà giải thoát mới là giải thoát chân thật, ngoài ra tưởng tượng một cảnh giới nào đó để giải thoát đó là giải thoát hư tưởng vậy.

1. Ba cửa giải thoát

Hỏi: - Ba cửa giải thoát (tam giải thoát môn) là gì?

Đáp: 1/ Cửa không (không môn): Nhận rõ các pháp không thật có. Sở dĩ các pháp có muôn ngàn sai khác đều do nhân duyên hòa hợp tạm có, không có một pháp nào có cái thể chân thật. Bởi do duyên hợp nên đủ duyên nó hợp thiếu duyên thì tan. Nó tạm bợ dường như bọt nổi, như bóng chớp, như sương mù... (có nhưng không thật).

2/ Cửa không tướng (vô tướng môn): Muôn ngàn hiện tượng trong thế gian đều không có tướng cố định.

Những hình tướng có ra đều tùy theo nghiệp của chúng sanh mà thấy thể này hoặc thể khác. Cũng một thân người mà loài người cho là thân thể họ, loại vi trùng cho đó là vũ trụ của nó đang sống. Cái bàn viết, với con người là cái bàn để viết, con một cho là thức ăn của chúng v.v... Vậy gọi đó là tướng gì?

3/ Cửa không tạo tác (vô tác môn): Vì nhận rõ các pháp hữu vi là huyễn hóa, sanh diệt, vô thường nên không khởi tâm tạo tác. Cũng gọi là vô nguyện, vì không tâm mong cầu. Thí như thấy ảnh trên màn bạc, do biết bóng trên màn bạc là giả nên dù bóng có đẹp, xấu vẫn không sanh phân biệt yêu ghét...

Ba cửa này có công năng đưa hành giả ra khỏi khổ sanh tử, chứng quả Niết-bàn an lạc, nên gọi là cửa “Giải thoát”. Song ba cửa này giữa Đại thừa và Tiểu thừa có khác:

- Đại thừa: Do dùng trí tuệ, nhận rõ các pháp không thật thể do nhân duyên hòa hợp như huyễn như mộng để xa lìa lòng chấp trước mà thực hành *Lục ba-la-mật* lợi ích chúng sanh.

- Tiểu thừa: Do quán không, thành tựu được “Không quán” xa lìa tâm chấp trước đối với ngã pháp để đạt đến Niết-bàn không tịch.

2. Ba nghiệp thân hay thù

Hỏi: - Trong thân thể này vật nào là thân thiện nhất và thù ghét nhất?

Đáp: - Ba nghiệp (thân, miệng, ý) chính là bạn thân thiện nhất mà cũng chính là kẻ thù ghét nhất. Tại sao? Bởi vì nếu dùng ba nghiệp để làm các việc lành, theo chiều giác ngộ thì giúp ta an lạc và giải thoát tiến lên các quả lành (thành Phật tác tổ) đó gọi là thân. Trái lại, đem ba nghiệp này làm các việc ác, chạy theo ngũ dục, theo chiều si mê, nó sẽ đưa chúng ta đến chỗ khổ đau, trầm luân đen tối trong tam đồ, ấy gọi là thù.

- Nghiệp có tác dụng gì mà chi phối lớn lao như thế?

- Nghiệp là chủ động, mà cũng là động cơ chính yếu cho cuộc sống của con người. Tất cả mọi an lạc hay khổ đau đều do nghiệp mà ra cả. Nghiệp là gì? Nghiệp chính là thói quen ta huân tập lâu ngày thành nghiệp. Do nghiệp đó mà dẫn dắt chúng ta đến cảnh giới thiện ác, hoặc khổ hoặc vui v.v... Thí dụ như người tập uống rượu sẽ bị nghiện rượu (ghiền) dẫn vào quán rượu. Người cờ bạc sẽ bị nghiệp cờ bạc dẫn vào nhà chứa bài. Người tập rèn công nghệ văn nghệ thì sẽ trở thành người thuần thục về công nghệ và văn nghệ v.v... Lý nghiệp dẫn là như thế chứ không phải có người thứ hai nào chen vào sai sử cả.

Tóm lại, nếu chúng ta biết sử dụng ba nghiệp theo chiều lành, chiều giác ngộ thì ba nghiệp sẽ giúp ích chúng ta và là bạn thân thiết. Trái lại, nếu buông lung ba nghiệp, tạo ác theo chiều si mê để bị sa đọa trầm luân thì như thế nghiệp là kẻ thù đáng chê trách nhất.

3. Hai cái nghĩ

Hỏi: - Làm sao giản trạch được cái nghĩ nào thuộc cái nghĩ của chúng sanh, cái nghĩ nào thuộc cái nghĩ của chư Phật?

Đáp: - Nghĩ hơn thua, phải quấy, thiện ác, tốt xấu v.v... thuận theo sự suy tính của thế gian thuộc về nghĩ chúng sanh. Trái lại cái nghĩ nào phù hợp với trí Bát-nhã, gọi là trí tuệ Phật, nghĩa là dùng trí quán chiếu, nhìn sự vật trên tinh thần giác ngộ, giải thoát. Biết sự vật là hư huyền giả dối... nên không khởi niệm phân biệt yêu ghét, lấy bỏ v.v... thường khởi lòng từ bi độ thoát chúng sanh.

- Như thế thì Phật vẫn còn khởi niệm, mà còn khởi niệm thì còn động, đâu thể gọi là tịch tịnh được?

- Vấn đề này chúng ta nên xét cho kỹ: Mặc dù Phật có khởi niệm nhưng ngài vẫn ở trong định. Vì thế mới gọi ngài ở trong đại thiên định. Nghĩa là trong mọi oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, động, tịnh, nói, nín đều là định. Bởi vì Phật đã dứt tâm hữu lậu thế gian, ngài hằng sống với *trí vô phân biệt*, mặc dù ngài có khởi dụng phân biệt độ sanh nhưng vẫn ở trong tánh thể như như bất động (không dấy khởi phiền não). Ngài hoàn toàn làm chủ mọi tâm niệm. Trái lại, chúng sanh sống theo nghiệp thức phân biệt theo tình, lòng nhiễm ô ái trước đây dấy, nên khởi tình yêu ghét, có niệm tham sân, hằng sống trong sanh diệt lưu chuyển, niệm niệm trôi lăn không hay tự chủ.

Để chứng minh cho điều này xin dẫn bài kệ Lục Tổ đáp với ông Ngọa Luân.

Ông Ngọa Luân do lầm chấp là phải dứt bật tư tưởng phân biệt không cho dấy niệm mới ngộ đạo nên ông nói:

*Ngọa Luân hữu kỹ lưỡng
Năng đoạn bách tư tưởng
Đối cảnh tâm bất khởi
Bồ-đề nhật nhật trường.*

Dịch:

*Ngọa Luân có kỹ lưỡng
Hay đoạn trăm tư tưởng
Đối cảnh tâm chẳng khởi
Bồ-đề ngày thêm lớn.*

Lục Tổ nghe xong liền bảo, bài kệ này tâm địa chưa sáng. Nếu y theo đó tu hành càng thêm triền phược. Nhân đó Tổ nói kệ:

*Huệ Năng một kỹ lưỡng
Bất đoạn bách tư tưởng
Đối cảnh tâm số khởi
Bồ-đề tác ma trường?*

Dịch:

*Huệ Năng chẳng kỹ lưỡng
Chẳng đoạn trăm tư tưởng
Đối cảnh tâm thường khởi
Bồ-đề đâu có lớn?*

Vì lẽ đó nên pháp tu của Đại thừa giáo hay của Thiên tông có phần phóng khoáng, không gò bó như lối tu kìm tâm và đoạn tư tưởng cho khô kiệt của Nhị thừa. Vì vậy nên vấn đề ứng dụng độ sanh của Phật và Bồ-tát mới được sâu rộng và phổ cập quần sanh, khác hơn hàng Nhị thừa thân diệt trí, chìm trong Niết-bàn không tịch.

4. Bốn điều nương tựa

Hỏi: - Trong kinh Niết-bàn Phật dạy: Người tu Phật phải nương theo pháp tứ y mà tu tập. Vậy tứ y là gì?

Đáp: 1/ Y pháp bất y nhân (Y theo giáo pháp chẳng y theo người): Pháp Phật là lẽ thật, là chân lý, quý báu vô lượng. Người giảng nói pháp ấy tuy có hành vi không chân chánh, nếu mình vì chút hành vi đó không tin nhận hoặc không chịu đến nghe ắt sẽ mất phần lợi lạc. Để gạt bỏ tâm phân biệt ty hiềm này Phật dạy chúng ta phải gắng học hỏi rồi y cứ giáo pháp Phật dạy để tu hành, mặc dù người giảng dạy có tốt hay xấu không cần thiết. Xưa khi còn làm hạnh Bồ-tát, Phật vẫn đến nghe Dã Can nói pháp. Trong luận Đại Trượng Phu có dụ: như trong thùng rác như có hòn ngọc quý, chúng ta đừng ngại vì thùng rác như mà không chịu thò tay lấy ngọc. Nghĩa y pháp bất y nhân là như vậy.

2/ Y nghĩa bất y ngữ (Y theo nghĩa lý chẳng y theo văn tự ngôn ngữ): Nghĩa Phật nói ra nhằm dạy chúng ta đạt được chân lý, lẽ thật của sự vật. Người học phải y theo nghĩa đó mà tu hành để đạt chân lý, đừng chạy theo phân biệt văn tự ngôn ngữ dù ngôn ngữ văn tự đó có kém dở, có vụng về, chúng ta cũng không nên cố chấp.

3/ Y trí bất y thức (Y theo lý trí không y theo tình thức phân biệt): Dùng trí để quán xét mới hợp chân lý. Trái lại thức thì hợp với tình cảm, tình cảm là theo nghiệp. Vì vậy, muốn đạt được chân lý phải sống bằng lý trí, gạt bỏ mọi tình cảm phân biệt theo vọng thức.

4/ Y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa (Y theo kinh điển liễu nghĩa, chẳng y theo kinh điển không liễu nghĩa): Kinh điển Phật nói ra tùy căn cơ tùy tâm bệnh, như vị lương y tùy bệnh cho thuốc nên có cao thấp chẳng đồng, nhưng mục đích cứu cánh là giải thoát sanh tử. Những kinh điển chỉ thẳng đến quả vị giải thoát viên mãn (Phật) là kinh liễu nghĩa. Trái lại, kinh điển nào dùng phương tiện cho hàng căn cơ thấp kém như nhân thừa, thiên thừa v.v... là kinh điển bất liễu nghĩa.

Vậy người tu Phật muốn ra khỏi sanh tử thẳng đến Phật quả phải lấy pháp tứ y này làm kim chỉ nam để hướng thẳng đến đạo giác ngộ. Đây là phương pháp tu của Đại thừa Phật giáo.

5. Dứt tâm tam giới

Hỏi: - Trong kinh Phật nói: Dứt tâm trong ba cõi là Niết-bàn (Tam giới tâm tận tức thị Niết-bàn): Thế nào là tâm trong ba cõi?

Đáp: - Ba cõi là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

1/ Tâm trong cõi Dục (Dục giới): Tâm đắm nhiễm ái trước lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) và buông lung theo ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù) không biết nhàm chán và xa lìa...

2/ Tâm trong cõi Sắc (Sắc giới): Người tu thiên định (Tứ thiên) do lóng dừng được một phần vọng tưởng thô động bên ngoài, phiền não nhiễm ô cũng theo đó mà nhẹ. Kết quả sẽ sanh các cõi trời Sắc giới (Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên v.v...) Do tâm họ còn chấp về sắc tướng nên sanh cõi này.

3/ Tâm trong cõi không sắc (Vô sắc giới): Người này tu về Không định (Tứ không). Họ thiên về “tưởng không”, tâm thức họ còn chìm đắm trong không tịch. Vì thế kết quả họ sẽ sanh lên các cõi trời Vô sắc... (Không Vô Biên Xứ thiên, Thức Vô Biên Xứ thiên...) Quả vị này không còn chấp sắc tướng, nhưng họ còn kẹt về “chấp không”.

Nếu người tu tập biết dứt trừ tâm chấp trước trong ba cõi (Dục, Sắc, Vô sắc) vừa kể, thông hiểu Phật pháp đoạn sạch nhân hữu lậu, họ sẽ ra khỏi ba cõi và đạt đến Niết-bàn.

6. Ngộ thể khế dụng

Yêm-bà Nữ hỏi ngài Văn-thù:

- Người đạt lý vì sao chưa tự tại trong sanh tử?

Ngài Văn-thù đáp:

- Vì lực dụng chưa đủ.

Ngài Văn-thù trả lời nghĩa này thế nào? Người đạt lý không sanh tử, đối với sự sanh tử không còn lầm mê, tuy nhiên về khởi hạnh chưa có (lực dụng chưa đủ). Vì vậy muốn đạt rốt ráo lý sanh tử, phải dụng công khởi hạnh, diệt phiền não dứt vọng hoặc. Khi phiền não

vọng hoặc dứt sạch mới thể nhập vào lý không sanh tử. Thể nhập lý không sanh tử viên mãn, mới khế hợp với chân tánh và hằng sống với tâm thể vô sanh. Khi trở về với tâm thể vô sanh, mới có đủ diệu dụng nhiệm mầu, phát đại bi tâm tùy cơ giáo hóa độ khắp hữu tình.

Vì thế nên nói Ngộ không sanh tử không bằng Thể không sanh tử, Nhập không sanh tử không bằng Khế không sanh tử, khế không sanh tử không bằng Dụng không sanh tử.

Cùng một nghĩa này Tiến Sơn Chủ đem câu hỏi trên hỏi Tu Sơn Chủ. Tu Sơn Chủ đáp:

- “Giống như măng sẽ thành tre, nhưng ngay lúc còn măng thì không thể kết thành bè”.

Vì thế, người muốn thể nhập rốt ráo lý vô sanh, phải theo thứ lớp mà tu tập. Trước tiên ngộ lý không sanh tử, kế phải thực hành để thể nhập được lý ấy. Khi thể nhập viên mãn mới khế hợp thể tánh thanh tịnh sẵn có của mình. Bấy giờ có đủ diệu dụng bất khả tư nghì giáo hóa chúng sanh, khi công hạnh viên mãn thành Phật quả.

Đây là con đường tiến tu của người tu hạnh Đại thừa phải trải qua vậy.

7. Sống thật

Thiền sư Triệu Châu nói: “Cả ngày ăn cơm mà chẳng nhai nát một hạt gạo. Cả ngày mặc áo mà chẳng dính mắc một sợi tơ.” Ngài muốn nói gì với chúng ta?

- Bởi vì người đạt đạo thấu được lẽ chân, nhận ra tánh chân thật của chính mình. Rõ thông các hành động đều từ tâm thể hiện, nên không dấy niệm có không, đắc thất... Trái lại, phàm phu ngu mê, chạy theo thất tình phân biệt, lúc ăn còn nghĩ trăm thứ, lúc mặc còn nghĩ trăm việc. Do đó mà phiền não (tham, sân, si) dấy khởi mất tánh thường nhiên, tâm luôn luôn bàng hoàng xao xuyến, khắc khoải lo âu... Vì vậy mà sống xa với đạo (lẽ thật). Vì sống với đạo phải sống với tánh bình thường. Tánh bình thường này ai ai cũng có và không lúc nào vắng mặt nó. Tuy nhiên, vì ta mãi lo chạy theo ngoại cảnh mà bỏ quên tánh ấy. Khi chúng ta nhớ lại không chạy theo ngoại cảnh tức là trở lại tánh thường nhiên. Tánh ấy nó thường hằng và miên viễn không phải đợi tìm kiếm mới có.

Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác nói: “Ma-ni châu, nhân bất thức, Như Lai tàng lý thân thâm đặc, lục ban thần dụng không bất không, nhất khả viên quang sắc phi sắc.” Nghĩa là: Có ngọc ma-ni người không biết. Sáu ban thần dụng (lục thông diệu dụng) không mà chẳng không. Một viên tròn sáng sắc mà chẳng phải sắc.

Thể tánh vắng lặng thường nhiên của chúng ta ví như hạt minh châu. Hạt châu này sẵn trong kho Như Lai của chúng ta, nếu chịu khó sẽ nhận được. Khi nhận được châu liền có đủ thần thông diệu dụng bất khả tư nghì. Nó vốn tròn sáng không phải sắc, không phải không mà gồm đủ cả sắc và không.

Người nhận ra hạt châu này sống với nó mới là sống thật. Hạt châu này chính là tánh giác của mọi người chúng ta vậy.

Tóm lại, muốn sống thật là phải nhận ra được tánh giác của chính mình, tánh ấy nó bất sanh bất diệt tròn sáng không từng ô nhiễm. Khi hằng sống với tánh giác thì không còn lầm mê, không bị sáu trần sai sử. Nhờ đó mà định lực chúng ta kiên cố, trí tuệ tròn đầy, sanh tử nhân đây mà dứt. Đây chính là sống thực và sống miên viễn vậy.



PHẦN IV

TRÍCH GIẢNG THIÊN SỬ

1. Nghĩa Phật tánh

Ngài Ngưỡng Sơn hỏi ngài Trung Ấp:

- Thế nào là nghĩa Phật tánh?

Ngài Trung Ấp nói:

- Ta nói cho ông một thí dụ: Như một nhà có sáu cửa, trong có một con khỉ, ngoài có một con khỉ. Từ bên đông kêu “chóe chóe”, bên trong cũng kêu “chóe chóe” liền đáp lại, sáu cửa đều kêu, đều đáp như thế.

Ngưỡng Sơn lễ tạ thưa:

- Vừa rồi Hòa thượng thí dụ con đều biết rõ, lại có một việc: Ví như con khỉ ở trong ngủ, con khỉ ở ngoài muốn gặp phải làm sao?

Ngài Trung Ấp bước xuống giường thiền nằm đứng
ngài Ngưỡng Sơn nói:

- Chóe! Chóe! Ta cùng ông thấy nhau rồi.

Ngài Trung Ấp nói kệ giải thích:

*Đông niên tuyết thất thế thối đòi
Yên điện la môn dạ bất khai
Hàn cỏ viên lâm khai biến thái
Xuân phong xuy khởi luật đồng khô.*

Dịch:

*Năm tàn nhà tuyết ngủ im lìm
Thâm lặng cửa rêu đêm chẳng mở
Cây lạnh vườn rừng trong biến thái
Gió xuân chợt khởi vọng phù trầm.*

Bình:

Chỉ cần con khỉ ngủ đi tức tin xuân đây đó hiện.

2. Động Sơn thăm bệnh

Tăng hỏi:

- Khi gió lửa phân ly sẽ về đâu?

Ngài Động Sơn đáp:

- Khi đến chẳng mang một vật, khi đi cũng thế ấy.
- Tuy nhiên thân con chẳng an (đau nhức).
- Thân đau nhức có cái chưa từng đau nhức.

- Cái không đau nhức thế nào?
 - Ngộ thì trong gang tấc, mê thì cách núi đồi.
 - Xin Hòa thượng chỉ cho con đường sẽ hướng đến.
 - Tối đen tựa như sơn, hiện tại tức thành lập
(chỉ nhớ hiện tại, đừng nghĩ quá khứ và vị lai...)
 - Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?
- Ngài Động Sơn trả lời:
- Sáu cửa chẳng đồng mưu.

3. Tin người nghe pháp

Tổ Lâm Tế quả chúng: “Các ông không đủ lòng tin.”

Chúng thưa:

- Hòa thượng bảo con tin việc gì?
- Tin người nghe pháp đó!

Tổ dạy tiếp:

*Nhữ nhược ái Thánh tắng Phàm
Sanh tử hải lý trầm phù
Phiền não do tâm cố khởi
Vô tâm phiền não hà câu
Bất lao phân biệt thủ tướng
Tự nhiên đắc đạo tu du.*

Dịch:

*Nếu ông mến thánh ghét phàm
Trong biển sanh tử nổi chìm*

*Phiền não do tâm nên có
 Không tâm phiền não còn đâu
 Chẳng nhọc phân biệt chấp tướng
 Tự nhiên đắc đạo phút giây.*

Tổ Lâm Tế nói:

- Sáu căn không nhiễm sáu trần là *lục thông*.

Bình:

Ai muốn được lục thông? Bao giờ có?

4. Quên mình theo vật

Thiền sư Cảnh Thanh ngồi trong thiền thất nghe tiếng mưa rơi hỏi thiền khách:

- Ấy là tiếng gì?

Thiền khách đáp:

- Tiếng mưa rơi.

Thiền sư Cảnh Thanh quở:

- Quên mình theo vật.

Bình:

Xoay nhìn lại tự tâm niệm (biết mình đang nghĩ gì) là sống với chính mình. Trái lại hướng tâm ra ngoài, chạy theo ngoại cảnh là sống với ngoại cảnh (mất mình).

Vậy câu hỏi trên của thiền sư Cảnh Thanh nếu đem hỏi chúng ta, phải đáp sao cho đúng?

Chúng ta phải đáp:

- Tôi đang nghe!

Nghĩa là tôi đang nghe rõ ràng không có lẫn lộn.

5. Tâm tịnh là trên hết

Cổ đức nói: “Tinh tấn mà loạn động không bằng giữ tâm nhàn (an tịnh).”

Có vị Tỳ-kheo siêng năng mỗi ngày lễ tam thiên Phật, suốt thời gian dài gian khổ nhưng không thấy đạo. Đến hỏi hòa thượng Tuyết Đường.

Ngài dạy:

- Người hành công phu làm việc lễ bái không xen hở... nhưng không bằng để vô sự (nhàn nhàn) ví như cái hồ lô (quả bầu bong ruột) để dưới nước động thì chuyển v.v...

Thiền sư Phổ Chiếu mỗi ngày tụng ba trăm biến Đại Bi, lạy ba trăm lạy, nhưng không thấy đạo cũng đến hỏi hòa thượng Tuyết Đường.

Ngài bảo:

- Tụng nhọc buông đi! Buông hết rảnh rồi, không làm không nói.

- Nếu ông chưa đủ lòng tin, chấp Phật cũng là cơ cảnh, chấp pháp cũng là cơ cảnh, hướng chi văn chương tạp sự khác. Phải giữ chỗ nhàn nhàn, chỗ đó hư mà linh, tịch mà diệu. Ví như trái bầu để trên mặt nước không cột mà vẫn đứng yên.

Bình:

Trăm năm tinh tấn hướng bên ngoài, đầu bằng trong tâm một niệm liên rỗng suốt.

6. Chỉ cần biết vọng

Không tìm niệm, không đề niệm.

Tìm vọng niệm hoặc đề niệm khởi, dễ sanh bệnh hoặc đau đầu, chỉ biết *vọng niệm không thật* niệm tự dừng.

Hằng sống với tâm niệm *buông xả* thành thoi thoải mái là đúng với nghĩa tâm bình thường. Như người *chăn trâu* khi trâu còn nghịch phải dùng dây mũi và roi để trị. Đến khi trâu thuần thực, mục đồng thối sáo thành thoi. Khi ấy nếu còn đối trị là sai.

Bình:

Tâm bình thường là tâm không nghĩ thiện, nghĩ ác, nghĩ phải, nghĩ quấy v.v... tức là sống với tâm thể thanh tịnh trùm khắp thân thang. Trong nhà thiền gọi là sống với *ông chủ*. Vì vậy pháp tu này trước phải nhận ra ông chủ (tánh giác). Khi nhận được tánh giác phải hằng sống với tánh giác ấy không phút giây lơ lửng, gọi là sống với chính mình. Trái lại là sống theo nghiệp thức

7. Hằng tỉnh giác

Một cậu thanh niên đến một ông võ sư học kiếm. Suốt mấy năm ông thầy không chỉ dạy gì hết. Một hôm cậu học trò đang làm việc, thỉnh linh ông ta đâm

vào hông cậu một nhát kiếm... Sau này cậu học trò về nhà sử dụng nghề kiếm đại tài. Sở dĩ được tài giỏi là do cậu ta lúc nào cũng chăm chăm đề phòng người ám hại.

Người tu cũng thế, phải chăm chăm theo dõi vọng tâm không phút giây lơ lửng.

Bình:

Người kéo dây muốn ra lửa, phải bền chí lâu dài, người tu Phật muốn giác ngộ phải hằng tỉnh giác (giác từng phút từng giây). Tánh giác đâu có xa mình, chỉ vì mê mà xa với tánh giác, nên cốt yếu của sự tu là phải hằng giác (một niệm mê là chúng sanh, một niệm giác là Phật). Giác cho đến viên mãn mới thôi.

8. Biết ơn Phật thứ nhất

Phật dạy: “Người thực hành lời Phật dạy là đền ơn Phật hơn hết.”

Kinh chép: Một hôm Phật có bệnh, tất cả hàng Thanh văn, Bồ-tát đều đến thăm Phật. Riêng có một vị Tỳ-kheo ở gần tịnh xá Phật ở nhưng không buồn đến thăm ngài. Có vị trưởng lão đến hỏi vị Tỳ-kheo ấy. Ông đáp:

- Tôi mong cầu chúng A-la-hán, chứ không ưng thấy đức Thế Tôn nhập Niết-bàn.

- Nghe thuật lại lời này, Phật khen: “Vị Tỳ-kheo ấy là người biết ơn Phật nhất.”

Bình:

Chúng ta có muốn được Phật khen chăng? Chúng ta phải làm gì, và làm những gì?

9. Trồng rau

Thiền sư Duy Nghiễm Dực Sơn, một hôm Sư vào vườn thấy Tri viên trồng rau. Sư bảo:

- Trồng thì không ngăn người trồng, chớ cho nó mọc rễ.

- Vậy ai có thể thay thầy Tri viên đáp một câu xem phải trồng như thế nào?

Bình:

Ngay khi bảo: “chớ cho nó mọc rễ”, liền thưa:

- Chẳng can hệ đến việc của Hòa thượng.

10. Tha người ba gậy

Động Sơn Thủ Sơ ban đầu đến tham vấn Vân Môn.

Vân Môn hỏi:

- Vừa rồi ở đâu?

Sư thưa:

- Tra Độ.

Vân Môn hỏi:

- Mùa hạ rồi ở đâu?

Sư thưa:

- Chùa Báo Từ ở Hồ Nam.

Vân Môn hỏi:

- Rời nơi ấy lúc nào?

Sư thưa:

- Ngày hai mươi lăm tháng tám.

Vân Môn bảo:

- Tha người ba gậy.

Hôm sau Sư lại đến thưa hỏi:

- Hôm qua nhờ ơn Hòa thượng tha cho ba gậy, chẳng biết lỗi tại chỗ nào?

Sau, thiền sư Huệ Nam tham học nơi đạo tràng Từ Minh thành khẩn cầu chỉ dạy:

- Thư ký học thiền Vân Môn ắt thông được yếu chỉ ấy. Như nói: “Tha Động Sơn ba gậy.” Động Sơn khi ấy nên đánh, chẳng nên đánh?

Sư thưa:

- Nên đánh.

Từ Minh nghiêm nghị bảo:

- Nghe tiếng ba gậy liền cho là nên ăn gậy, vậy ông từ sáng đến chiều nghe chim kêu, trống đánh, tiếng chuông, tiếng bảng... cũng nên ăn ba gậy. Ăn gậy đến lúc nào mới thôi? Như vậy chúng ta phải nói thế nào, nên đánh hay chẳng nên đánh?

- Ai thử đáp xem?

Bình:

Chỉ nên nói: - Cám ơn Hòa thượng từ bi chỉ dạy, liền lễ bái.

11. Đến chỗ nào ngồi

Thiền sư Phật Ấn, một hôm Sư và đồ chúng vào thất, cư sĩ Tô Đông Pha đến thẳng vào thất.

Sư nói:

- Trong này không có ghế ngồi, cư sĩ đến đây làm gì?

Đông Pha đáp:

- Tạm mượn thân tứ đại của Phật Ấn làm ghế ngồi.

- Sơn tăng có một câu hỏi, cư sĩ nếu nói được thì mời ngồi, bằng nói chẳng được thì cởi ngọc đá để lại.

Đông Pha vui vẻ nói:

- Xin hỏi.

Phật Ấn nói:

- Vừa rồi cư sĩ nói: “Tạm mượn thân tứ đại sơn tăng làm ghế ngồi.” Chỉ như sơn tăng tứ đại vốn không, năm ấm chẳng có, cư sĩ đến chỗ nào ngồi?

Tô Đông Pha không đáp được, phải cởi dây ngọc đá để lại.

Vậy ai có thể vì Tô Đông Pha đáp một câu thâm hỏi ngọc đá lại xem?

Bình:

Đợi khi Phật Ấn hỏi: Cư sĩ đến chỗ nào ngồi? Liên đáp: Mắt Phật xem cũng chẳng thấy.

12. Chẳng phải Như Lai

Một cư sĩ cầm trái táo vừa ăn vừa hỏi:

- Thế nào Như Lai ăn Như Lai?

Viện chủ bảo:

- Chẳng phải Như Lai rồi!

Bình:

Vì sao chẳng phải Như Lai? Vị này vốn chấp chính mình là Như Lai nên mới nói như thế, nhưng không ngờ lời ấy đã rơi! Vì đã thành hai Như Lai rồi.

13. Chủ khách

Hỏi: “Có hai thủ tọa nhà Đông, nhà Tây gặp nhau liền hét lên một tiếng. Một vị tăng đem việc này hỏi hòa thượng Lâm Tế:

- Như vậy có chủ khách chăng?

Lâm Tế đáp:

- Chủ khách rõ ràng.”

- Vậy ai là chủ? Ai là khách?

Đáp: - Im lặng là chủ, hỏi là khách.

Bình:

Giả sử cả hai đều im lặng thì sao? Hoặc cả hai đều hỏi thì sao?

Ai là người đủ mắt thử đáp xem!

14. Cái gì quý nhất

Có một vị tăng hỏi ngài Huyền Sa:

- Ở trên thế gian cái gì quý nhất?

Huyền Sa đáp:

- Cái đầu con mèo chết quý nhất.

Vị tăng hỏi:

- Vì sao cái đầu con mèo chết quý nhất?

Huyền Sa đáp:

- Vì không ai trả giá.

Bình:

Tại sao cái đầu con mèo chết lại quý, nó quý ở chỗ nào? Ai biết được? Chúng ta không khỏi thắc mắc điều này, cứ moi đầu bóp trán tìm xem vì sao “cái đầu con mèo chết” lại quý nhất trên đời? Thật không thể tưởng tượng nổi! Nhưng chúng ta không ngờ đã bị ông già Huyền Sa lừa một cách thật tài tình. Hỏi đến cái gì quý nhất, ngài lại tráo trở đưa ra cái đầu con mèo chết. Đợi người kỳ kèo hỏi lại liền bảo: “Không ai trả giá.” Quả thật Huyền Sa một người biết dùng của quý và biết giữ của quý không ai trộm cướp được. Cái gì quý nhất mà còn có chỗ trả giá là chưa phải thật quý. Vì đã có trả giá là có so sánh, có quý tiện, tức còn bị mua đi bán lại. Trái lại, một vật mà không ai có thể trả giá được, không ai có thể trộm cướp được, đó mới chính là vật quý vô giá, trên thế gian này không còn gì có thể so sánh.

Chúng ta thấy thiên sư rất là khó hiểu. Khi các ngài nói ở đây mà ý ở đằng kia, nếu không khéo là chúng ta bị chết ở trên ngôn cú của các ngài. Huyền Sa vì người thật hết sức khéo léo! Chúng ta muốn thấy Huyền Sa chẳng? Hãy xoay mặt về hướng nam nhìn sao Bắc Đẩu!

15. Ai thân ai sơ

Giáp Sơn cùng Định Sơn đồng đi đường cùng nói chuyện với nhau:

Định Sơn nói:

- Trong sanh tử, không Phật tức phi sanh tử.

Giáp Sơn nói:

- Trong sanh tử, có Phật tức chẳng mê sanh tử. Cả hai cùng lên núi lễ vấn thiên sư Đại Mai Pháp Thường. Giáp Sơn đem câu nói của hai người thuật lại Sư nghe và hỏi:

- Chưa biết chỗ thấy hai người ai được thân (gần gũi).

Sư bảo:

- Một thân một sơ.

- Ai được thân?

- Hãy đi sáng mai lại!

Sáng hôm sau Giáp Sơn lại đến hỏi Sư, Sư bảo:

- Người thân thì chẳng hỏi, người hỏi thì chẳng thân.

Bình:

Chúng ta vẫn thường nghe nói: “Chỗ lý cùng tột vốn không thân không sơ, thân sơ là tại nơi người.” Bởi có tâm kia đây mới thấy có gần với đạo hay cách xa đạo. Nếu tâm “không hai” thì còn chỗ nào là thân, là sơ? Thế nên người hỏi thân sơ là còn kẹt trong niệm phân biệt ắt rơi vào thức tình, không hợp với đạo. Nếu chúng ta lại theo đó mà đáp hoặc thân hoặc sơ tức cũng đồng bị kiểm điểm như họ... Đại Mai thì chẳng như thế, Sư khôn khéo gạt đi một câu: “Hãy đi, sáng mai lại.” Sau một đêm trần trọc nôn nóng muốn biết ai thân ai sơ nên sáng hôm sau Giáp Sơn đến trước hỏi: “Ai được thân?” Rõ ràng đã bày quả tang không còn nghi ngờ! Do đó Đại Mai liền bảo: “Người thân thì chẳng hỏi, người hỏi thì chẳng thân.” Giáp Sơn đành hổ thẹn trở lui.

Thật đau biết mấy!

Đây là một bài học đích đáng cho những ai còn có niệm tranh chấp thân sơ, đúng sai. Người mà thật *thân* tức một câu nói ra đã đầy đủ tự tin, dù cho ai có phê phán thế nào cũng không nghi; trái lại, nói ra mà còn hồi hộp chờ đợi phê phán đúng sai tức còn mơ màng chưa phải *thân* rồi!

Từ đó suy ra những cuộc tranh chấp thông thường cũng vậy. Giả sử hai người cãi nhau đem đến chúng ta đòi xử ai đúng ai sai, chúng ta chỉ cần lấy đây xét đoán khỏi phải tranh chấp nhiều lời. Vì nếu xử người này đúng, người kia sai, tức kẻ sai liền cho chúng ta bênh vực người này mà ghét bỏ họ, ắt sanh ty hiềm với nhau

khó mà dung hòa. Cho nên chỉ cần bảo: “Người đúng thì chẳng hỏi, người hỏi thì chẳng đúng”, để mỗi người tự xét lấy. Nên nhớ rằng kẻ trông mong cho mình đúng là có tâm muốn hơn người, nếu bị cho là sai tức sanh phiền hận, đó là bệnh. Thế nên biết, vừa khởi tâm đúng sai, thân sơ là đã trật rồi! Huống là chỗ *chí đạo* vốn bật kia đây, dứt tâm chọn lựa, lấy đâu mà nói thân nói sơ, nói đúng nói sai? Vậy ai là người trí hãy khéo xét kỹ, chớ để một chút sai lầm càng xa lý thật!

16. Dứt bật có không

Hỏi: - Trong nhà thiên thường nói: Chỗ có Phật hãy đi nhanh qua, chỗ không Phật chớ dừng trụ, lý này thế nào?

Đáp: - Chỉ là vượt qua “có” và “không”, tức không kẹt hai bên vậy.

Bình:

Thường thường chúng ta nếu không kẹt bên này tức rơi bên kia, do vậy khi nghe nói *chỗ có Phật phải đi nhanh qua, chỗ không Phật chớ dừng trụ* liền thắc mắc không sao hiểu nổi. Nhưng chúng ta quên rằng nếu còn thấy có Phật, không Phật tức còn cái thấy hai bên chưa phải là cái thấy của người đạt đạo. Quả thật là người đạt đạo có đủ mắt sáng thì riêng tự có lối đi không một điểm nhỏ nào có thể dỗi gạt được. Dụ mây bay giữa trời thênh thang đi khắp không vướng mắc chỗ nơi, nếu vừa có chỗ dính cứng tức chẳng còn là mây nữa rồi. Cũng vậy, người mà còn có sở đắc thì không kẹt bên có Phật

tức rơi bên không Phật, chẳng thể nào vượt qua khỏi bể của thiên sư. Trong đây ai là kẻ thuộc dòng giống Sư tử thử vươn vai, rống lên một tiếng cho bể chôn cáo vỡ tan, chánh pháp Như Lai sáng ngời muôn thuở!

17. Nói cái gì?

Người xưa nói:

*Mạc hành tâm xứ lộ
Bất quải bản lai y
Hà tu thậm ma đạo
Thiết kỵ vị sanh thì.*

Dịch:

*Chớ đi nơi đường tâm
Chẳng mặc áo xưa nay
Đâu cần nói cái gì?
Rất kỵ lúc chưa sanh.*

Bình:

Chúng ta thấy bài kệ trên có gì đặc biệt? *Mạc hành tâm xứ lộ*: chớ đi nơi đường tâm là dứt bật vọng tình. *Bất quải bản lai y*: chẳng mặc áo xưa nay là chẳng trụ chân thật, nghĩa là chẳng đi theo vọng tình cũng chẳng trụ nơi chân thật, tức chẳng kẹt nơi “vọng” chẳng trụ bên “chân” hai đầu cắt đứt. Chính ngay khi ấy lại bảo nói cái gì? Ai có thể nói được? Chỉ cần nhằm y nói *Rất kỵ lúc chưa sanh* vừa mở miệng là đã trời đất cách xa, nhích một chút thì ngàn sai muôn sai, cho nên nói

chỗ này rất kỳ động đến! Sở dĩ ba đời chư Phật thường hộ niệm, lịch đại tổ sư thâm giữ gìn, dứt bật lối đi đầu trở mặt đất khó lường tung tích, những kẻ tà tâm đều không thể nhìn trộm. Nếu chẳng phải kẻ tri âm làm sao có thể nói? Trong đây phải thật nhanh mắt, chớp nhoáng như điện xẹt, trong khoảng nháy mắt là đã qua rồi vậy. Ví như trái banh thả trên dòng nước, động đến liền xoay, chạm đến liền chuyển, lăn tròn tự tại không chút đình trệ.

Như có vị trời đến hỏi Phật:

- Thưa Tôn giả, làm sao ngài vượt khỏi bực lưu?

Phật đáp:

- Đây hiền giả, không đứng lại, không bước tới, ta vượt khỏi bực lưu.

Vị trời hỏi tiếp:

- Thưa Tôn giả làm sao không đứng lại, không bước tới, ngài vượt khỏi bực lưu?

Phật đáp:

- Đây hiền giả, khi ta đứng lại thì ta bị chìm xuống, khi ta bước tới thì ta trôi giạt. Do vậy, này hiền giả, không đứng lại, không bước tới, ta vượt khỏi bực lưu (Tương Ứng Bộ kinh).

Bực lưu là dòng nước chảy nhanh, trên dòng nước chảy nhanh nếu ta đứng lại là bị nhận chìm ngay, vừa bước tới liền bị cuốn trôi theo. Ngay đó không đứng lại, không bước tới tự làm chủ chính mình, tức vượt khỏi hai đầu.

Cũng vậy, *chớ đi nơi đường tâm* là không bước tới; *chẳng mặc áo xưa nay* là không đứng lại, *rất kỵ lúc chưa sanh* ngay đó liền tự tại vượt khỏi vòng sanh tử lưu chuyển.

Vì vậy, người tu thiền chúng ta phải nhận cho thật kỹ chỗ này, không khéo thì dễ bị ngăn trệ trên đường tu. Chủ yếu là dứt bật hai bên, vốn không chỗ trụ. Không trụ nơi thường tình, không dừng nơi chân thật. Thiền sư phải là những người đi qua không để lại dấu vết. Nếu còn có chỗ rơi thì đâu khỏi bị người kiểm điểm! Thế nên câu *rất kỵ lúc chưa sanh* quả là một nhát búa đập thẳng vào đầu chúng ta, không còn có chỗ để suy tư. Là những người tu thiền, bước đi trên đường giải thoát, chúng ta không thể xem thường chỗ này! Đây là chỗ tối kỵ trong nhà thiền. Các tổ đâu chẳng thường bảo:

- Chớ động đến!

Nếu động đến thì sao?

- Tức tan nhà nát cửa, không còn chỗ có thể nương tựa.

Thử hỏi ai đã từng động đến?

- Tha cho ba gậy!



PHẦN V
THƠ KỆ

Trần Nhân Tông là một ông vua thương dân yêu nước, rất sùng đạo Phật từ thuở bé. Khi còn trai trẻ ông đã làm xong bốn phận với quốc dân. Đến tuổi già truyền ngôi cho con lên núi Yên Tử xuất gia học đạo. Sau trở thành sơ tổ phái thiền Trúc Lâm.

Xin trích vài bài thơ để chúng ta cùng gẫm tinh thần đạo lý của ngài.

CƯ TRẦN LẠC ĐẠO

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc san hê khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.*

Dịch:

*Trong đời vui đạo sống tùy duyên
Đói đến thì ăn mệt ngủ liền
Nơi mình sẵn ngọc tìm đâu nữa
Trước cảnh vô tâm chớ hỏi Thiên*



XUÂN VẤN

*Niên thiếu hà tăng liễu sắc không
Nhất xuân tâm sự bách hoa trung
Như kim khám phá đông hoàng điện
Thiên bản bồ đoàn khán trụ hồng.*

Dịch:

*Thuở bé chưa từng rõ sắc không
Xuân về hoa nở rộn trong lòng
Chúa Xuân nay bị ta khám phá
Chiếu trái giường thiền ngắm cánh hồng.*



ĐĂNG BẢO ĐÀI SƠN

*Địa tịch đài du cổ
Thời lai xuân vị thâm
Vân sơn tương viễn cận
Hoa kính bán tình âm*

*Vạn sự thủy lưu thủy
Bách niên tâm ngũ tâm
Ý lan hoành ngọc địch
Minh nguyệt mãn hung khâm.*

Dịch:

*Đất vắng dài thêm cổ
Ngày qua xuân chữa nông
Gần xa mây núi ngắt
Nắng rợp ngô hoa lông
Muôn việc nước trôi nước
Trăm năm lòng nhủ lòng
Tựa hiên nâng sáo ngọc
Đầy ngực ánh trăng trong.*

(Ngô Tất Tố)



CHÂN VỌNG

Ông tăng Phục Lễ ở Trung Quốc đời Đường làm kệ
Chân Vọng để hỏi học giả trong thiên hạ:

*Chân pháp tánh bản tịnh
Vọng niệm hà do khởi
Tùng chân hữu vọng sanh
Thử vọng hà sở chỉ
Vô sơ tức vô mạt*

Hữu chung ứng hữu thủy
 Vô thủy nhi vô chung
 Trường hoài mộng tư lý
 Nguyên vị khai huyền diệu
 Tích chi xuất sanh tử.

Dịch:

Chân pháp tánh vốn tịnh
 Vọng niệm từ đâu khởi
 Từ chân có vọng sanh
 Vọng này chừng nào dứt
 Không đầu thì không cuối
 Có sau phải có trước
 Không trước nên không sau
 Hằng mờ mịt lý này
 Mong vì khai huyền diệu
 Vạch ra thoát sanh tử.



Quốc sư Thanh Lương đáp:

Mê chân vọng niệm sanh
 Ngộ chân vọng tức chỉ
 Năng mê phi sở mê
 An đắc trường tương tự
 Tùng lai vị tăng ngộ
 Cố thuyết vọng vô thủy

*Tri vọng bản tự chân
 Phương thị hằng diệu lý
 Phân biệt tâm vị vọng
 Hà do xuất sanh tử.*

Dịch:

*Quên chân vọng niệm sanh
 Ngộ chân vọng niệm dứt
 Hay mê, chẳng bị mê
 Đâu thể hằng tương trợ
 Từ lâu chưa từng ngộ
 Nên nói vọng vô thủy
 Biết vọng vốn tự chân
 Mới là hằng diệu lý
 Tâm phân biệt chưa quên
 Làm sao thoát sanh tử.*



Thiền sư Khuê Phong đáp:

*Bản tịnh bản bất giác
 Do tư vọng niệm khởi
 Tri chân vọng tức không
 Tri không vọng tức chỉ
 Chỉ xứ danh hữu chung
 Mê thời hiệu vô thủy
 Nhân duyên như huyễn mộng
 Hà chung phục hà thủy*

*Thử thị chúng sanh nguyên
Cùng chi xuất sanh tử.*

Dịch:

*Sẵn tịnh vốn bất giác
Do đây vọng niệm khởi
Biết chân vọng liền không
Biết không vọng liền dứt
Chỗ dứt gọi là chung
Khi mê nói là thủy
Nhân duyên như huyền mộng
Nào chung lại nào thủy
Đây là nguồn chúng sanh
Tột đó ra sanh tử.*



*Bất thị chân sanh vọng
Vọng mê chân nhi khởi
Ngộ vọng bản tự chân
Tri chân vọng tức chỉ
Vọng chỉ tự chung diệt
Ngộ lai tự sơ thủy
Mê ngộ tánh giai không
Giai không vô chung thủy
Sanh tử do thử mê
Đạt thử xuất sanh tử.*

Dịch:

*Chẳng phải chân sanh vọng
 Mê chân nên vọng khởi
 Ngộ vọng vốn tự chân
 Biết chân vọng liền dứt
 Vọng dứt tự rốt sau
 Ngộ ra dường mới đầu
 Mê ngộ tánh đều không
 Điều không chẳng sau trước
 Sanh tử do mê này
 Đạt nó ra sanh tử.*



Thiền sư Huệ Hồng tự Giác Phạm đáp:

*Chân pháp bốn vô tánh
 Tùy duyên nhiễm tịnh khởi
 Bất liễu hiệu vô minh
 Liễu chi tức Phật trí
 Vô minh toàn vọng tình
 Trí giác toàn chân lý
 Đương niệm tuyệt cổ kim
 Để xứ tâm chung thủy
 Bản tự ly ngôn thuyên
 Phân biệt tức sanh tử.*

Dịch:

*Chân pháp vốn không tánh
Theo duyên nhiễm tịnh khởi
Chẳng rõ gọi vô minh
Rõ đó là Phật trí
Vô minh thấy vọng tình
Tri giác đều chân lý
Đương niệm bất cố kim
Tột chỗ tìm chung thủy
Vốn tự là nói bàn
Phân biệt liền sanh tử.*



NHẬT LÁ BỒ-ĐỀ

TẬP 3

LỜI ĐẦU SÁCH

Nhật Lá Bồ-đề tập 3 này, cũng do các thiền sinh ghi lại lời giảng dạy của thầy Viện chủ tại tu viện Chơn Không.

Nội dung tập sách này ngoài ghi lời giảng dạy của thầy Viện chủ, chúng tôi còn trích nguyên văn một số bài kinh giáo lý căn bản như Phật nói về lý tứ đế, thập nhị nhân duyên, nhân quả v.v.. trong Trung Bộ kinh do hòa thượng Thích Minh Châu dịch từ tạng Pali (Phật nói hoặc ngài Xá-lợi-phất lặp lại lời Phật nói) để chúng ta cùng suy gẫm lời dạy thâm sâu của đức Phật.

Thật ra nếu nói chỗ thâm sâu của đức Phật là phải bàn đến lý *khai quyền hiển thật* của ngài. Nghĩa là Phật mở bày pháp môn phương tiện để dẫn dắt chúng sanh trở về với lý thật, nên tuy ngài có giảng dạy muôn ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa nhưng mục đích cứu cánh là đến chỗ vô ngôn, nếu còn ngôn thuyết thì chưa đến

lý thật. Vì thế Phật đóng cửa thất ở nước Ma-kiệt-đà, ngài Duy-ma-cật ngậm miệng ở thành Tỳ-xá-ly là để nói lên lý thật ấy. Ở đây, chúng ta chỉ tìm hiểu qua lý quyền của Phật nói mà thôi.

Ngoài phần kinh trên, chúng tôi cũng cố gắng cô đọng lại những lời giảng dạy của thầy Viện chủ về đường lối tu tập của tu viện Chơn Không thành vài bài luận ngắn qua những kinh nghiệm tu tập và những gì học hỏi được nơi Thầy. Các tài liệu này quý vị đọc qua sẽ thấy rõ đường lối tu của chúng ta quả quyết y cứ kinh điển, lời Phật, tổ dạy, chứ không gì xa lạ hoặc ai tự sáng chế. Đây là con đường Phật, tổ đã vạch sẵn. Thầy Viện chủ chỉ có công soi sáng lại con đường ấy mà thôi.

Qua những tài liệu trong tập sách này cũng như các tập sách trước chúng tôi đã ghi, tuy không đầy đủ lắm, nhưng cũng nói lên được những phần trọng yếu trong việc tu tập hằng ngày của tu viện. Mong rằng những tập tài liệu nhỏ này sẽ là kim chỉ nam để giúp chúng ta tu tập hầu đạt được lý tưởng giải thoát cao đẹp của người tu Phật.

Viết tại tu viện Chơn Không
Ngày đầu xuân năm Bính Dần 1986
Thay mặt các thiền sinh

THÍCH PHƯỚC HẢO

PHẦN I

TRÍCH GIẢNG KINH A-HÀM

1. Công đức Bát quan trai

Trong Tăng Chi Bộ kinh Phật dạy: “Người tu tập Bát quan trai giới thanh tịnh chỉ trong một ngày đêm hơn một đời vua cai trị toàn xứ Ấn Độ.”

Bình:

Tại sao tu *Bát quan trai giới* thanh tịnh chỉ một ngày đêm mà được phước nhiều như thế? Y cứ trong kinh Phật dạy: Người tu pháp Bát quan trai giới thanh tịnh trọn một ngày đêm (hai mươi bốn giờ) sau khi lâm chung có thể được sanh lên các cõi trời Dục giới hoặc Sắc giới như: trời Tứ thiên vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất v.v...

Y theo kinh giải thích do công đức tu hành có sai biệt nên tuổi thọ của chư thiên các cõi này không đồng:

- Trời Tứ thiên vương sống lâu năm trăm tuổi (năm mươi năm của chúng ta (nhân gian) dài bằng một ngày đêm cõi trời Tứ thiên vương).

- Trời Đao-lợi sống lâu một ngàn tuổi (một trăm năm của chúng ta dài bằng một ngày đêm cõi trời Đao-lợi).

- Trời Dạ-ma sống lâu hai ngàn tuổi (hai trăm năm ở cõi người dài bằng một ngày đêm cõi trời Dạ-ma).

- Trời Đâu-suất sống lâu bốn ngàn tuổi (bốn trăm năm cõi người dài bằng một ngày đêm cõi trời Đâu-suất).

Chúng ta có thể dùng pháp toán nhân, nhân thử tuổi thọ của các cõi trời, so với thời gian tuổi thọ của cõi người chúng ta khác nhau thế nào, để thấy phước báo của mỗi cõi nhiều hoặc ít v.v... Phước báo và tuổi thọ của chư thiên trong các cõi tuy nhiều như thế, nhưng phước ấy chỉ bằng một phần mười sáu của người tu pháp Bát quan trai giới thanh tịnh mà thôi.

Tuy nhiên, chúng ta nên hiểu thêm: Ở đây sở dĩ Phật nói, quả báo của các cõi trời thù thắng như thế là để khích lệ hàng Phật tử tại gia tu tập hạnh xuất thế, có lòng hâm mộ mà họ tiến lên từng bước.

Mục đích cứu cánh của Phật dạy là người tu tập phải cầu ra khỏi ba cõi đạt đến Phật quả mới viên mãn. Vì phước báu cõi trời còn trong hữu hạn chưa phải cứu cánh giải thoát.

2. Trị bệnh ngũ gục

Trong Tăng Chi Bộ kinh chép: Một hôm Phật dùng thiên nhãn quan sát nơi khu rừng chư tăng ẩn tu thấy ngài Mục-kiền-liên đang tọa thiền bị ngũ gặt, Phật liền đến dạy:

- Nếu ông ngồi bị ngũ gặt nên khởi tướng để đánh tan ma ngũ gặt. Trường hợp khởi tướng không hết thì quán pháp. Quán pháp nếu không hết thì tụng đọc kệ chú. Tụng đọc kệ chú nếu không hết, dùng hai tay nắm hai trái tai kéo xuống, xoa tay, xoa chân. Nếu còn ngũ nữa thì đi rửa mặt. Nếu rửa mặt không hết ra ngoài xem trăng, xem sao hoặc quán ánh sáng. Quán ánh sáng không hết thì đi kinh hành trụ tâm ở trước. Cuối cùng nếu không hết thì nằm như sư tử (nghiêng phía tay mặt hai chân chồng lên).

Bình:

Thùy miên là một món phiền não trong năm món phiền não (ngũ cái) che đậy chân tánh chúng sanh. Nó là cái nhân làm cho chân tánh bị lu mờ trí tuệ không phát sanh được (dù một món cũng có hại). Vì thế, người tu thiền định muốn được tam-muội phải xua đuổi con ma thùy miên không cho đến gần. Những phương tiện Phật dạy trên là cây roi sắt đập mạnh vào con ma buồn ngủ. Đuổi mạnh và đuổi nó đi xa thật xa, không cho nó bén mảng đến chỗ chúng ta ngồi tu.

3. Lựa chỗ y chỉ

Trong Tăng Chi Bộ kinh dạy: “Người xuất gia phải lựa chỗ y chỉ và chỗ không nên y chỉ.”

1/ Chỗ ở nào những điều ác tăng trưởng, điều thiện tổn giảm, lại không đủ tứ sự cúng dường (cơm ăn, áo mặc, giường chõng, thuốc thang). Phật nói: nên đi, khỏi thưa thầy trụ trì.

2/ Chỗ ở nào những điều ác tăng trưởng, điều thiện tổn giảm, dù đầy đủ tứ sự cúng dường, cũng nên đi, khỏi thưa thầy trụ trì.

3/ Chỗ ở nào những điều ác tổn giảm, điều thiện tăng trưởng, dù thiếu bốn việc cúng dường vẫn kiên nhẫn ở tu học.

4/ Chỗ ở nào những điều ác tổn giảm, điều thiện tăng trưởng và được bốn việc cúng dường đầy đủ dù có bị đui cũng cố gắng xin ở lại tiếp tục tu học.

Bình:

Bốn trường hợp trên Phật đặt ra cho người xuất gia lựa chọn để có thể tu tiến. Bởi vì mục đích người xuất gia là giải thoát sanh tử, mà muốn giải thoát sanh tử phải thâm hiểu Phật pháp. Có thâm hiểu Phật pháp, mới thực hành đúng lời Phật dạy để phá dẹp phiền não dứt hết mê lầm. Do đó khi vào chùa (tịnh xá) chúng ta phải đặt điều kiện tu học lên trên. Nếu chỗ nào có phương tiện tu học, giúp chúng ta tăng trưởng pháp lành, tổn giảm pháp ác thì nên ở. Trái lại nên tìm nơi khác,

dù cho chùa đó có đầy đủ bốn việc cúng dường chúng ta cũng không nên ở. Còn như bốn việc cúng dường dù thiếu thốn mà có tu có tiến ta phải cố gắng nương ở tu học.

4. Niệm ác và người thù

Trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật nói: Người thù địch có bảy điều kiện mong cho kẻ thù với mình:

- 1/ Mong cho kẻ thù với mình nhan sắc xấu xí.
- 2/ Mong cho kẻ thù với mình ngủ không được.
- 3/ Mong cho kẻ thù với mình không được lợi ích,
thường tổn giảm.
- 4/ Mong cho kẻ thù với mình bị phá sản.
- 5/ Mong cho kẻ thù với mình không được danh vọng.
- 6/ Mong cho kẻ thù với mình không được bạn bè.
- 7/ Mong cho kẻ thù với mình chết đọa đường dữ.

Bình:

Xét bảy điều Phật nói trên có đúng với tâm lý chúng ta không? Nếu ai là người mình thù địch thì mình đâu thích họ có sắc đẹp mà muốn họ xấu xa. Và muốn cho họ luôn luôn bất an mất ngủ, muốn cho họ tổn hại, mất mát tài sản danh vọng, nhần đến muốn cho bạn bè lánh xa họ. Cuối cùng muốn cho họ khi chết bị đọa địa ngục.

Những điều mong muốn trên là quan niệm trả thù. Tuy mình không dùng hành động độc ác với người thù, nhưng lúc nào cũng muốn cho người thù của mình gặp nhiều tai biến họa lụy v.v...

Những quan niệm như thế xét theo thói thường thì miễn bàn, nhưng xét sâu về đạo lý là một điều tổn hại rất lớn. Tại sao? Trước xét việc gần gũi nhất là ngay tâm niệm mình: Một khi muốn cho người ta khổ, khi khởi niệm muốn đó lòng mình có vui chăng hay chính cái niệm đó làm cho lòng mình bứt rứt, cảm thọ khổ sở bất an? Đó là chưa nói đến gặp trường hợp trái ngược, mình muốn người ta khổ mà trái lại họ được vui, thì tâm niệm chúng ta lúc đó thế nào? Muốn cho người ta mất mà họ vẫn được, muốn người ta xấu mà họ vẫn tốt v.v... Chúng ta sẽ bực bội đến đâu? Thế nên những mong muốn ấy đều không lợi lạc mà tổn thương tâm niệm chính mình.

Xa hơn chúng ta xét về lý nhân quả: Sở dĩ có niệm ân oán với nhau, đều có nguyên nhân. Một người chưa quen biết, mới gặp nhau, là ta có cảm tình ngay và muốn giúp đỡ tất cả những gì họ muốn cần. Trái lại, cũng một người chưa từng quen thuộc vừa gặp mặt liền sanh bực bội, không muốn nhìn họ và từ khước mọi giúp đỡ, mặc dù họ cần đến ta. Những điều đó có ra không chi lạ, là do chúng ta với những người ấy đã tạo “ân” hay “oán” thuở quá khứ... Còn rất nhiều khía cạnh khác, đây chúng tôi chỉ nêu vài trường hợp điển hình mà thôi.

Vậy, muốn cho tâm được mát mẻ, thư thối y cứ lời Phật dạy, chúng ta phải xem oán thân bình đẳng, nghĩa là dứt hết niệm ân và oán. Vì người ân giúp ta chính là những người ta đã từng giúp họ bây giờ họ giúp lại ta, người oán hại ta là ta đã từng gây khổ đau cho họ nên bây giờ họ đối xử tệ bạc với ta. Việc ấy chỉ trong vòng

vay trả. Hơn nữa, phải quán tất cả mọi người đều là bà con thân thuộc của chúng ta, nếu không đời này cũng nhiều đời trước. Dù họ có lỗi lầm chút ít ta nên tha thứ, đâu nỡ thù ghét họ. Hiểu như thế thì ta dứt được niệm ân và oán. Nhờ dứt niệm ân oán nên sợi dây ân oán bị cắt đứt. Khi ân oán dứt, tâm ta không an tịnh là gì?

Lục Tổ dạy: “Thương ghét chẳng bận lòng, nằm dài duỗi chân ngủ.” Vậy ta muốn ngủ ngon giấc thì phải dứt niệm “oán thân”.

5. Tám căn cứ lười biếng

Trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật dạy: Chúng sanh có tám căn cứ lười biếng. Thế nào là tám?

1/ Ta có việc sẽ làm (bởi có việc sẽ làm nên ứng nằm nghỉ để mai làm).

2/ Ta có việc đã làm (vì đã làm mệt nên nghỉ cho khỏe).

3/ Ta có việc sẽ đi (mai sẽ đi đâu nên nghỉ để đi).

4/ Ta có việc đã đi (đi đường dài mệt, nằm nghỉ cho hết mệt).

5/ Đi khát thực được thức ăn không như ý (ăn thiếu ứng nằm nghỉ để khỏi đói).

6/ Khát thực như ý (ăn no tu không được, để hết no sẽ tu).

7/ Bệnh ít ít (có chút ít bệnh nghỉ cho khỏe).

8/ Bệnh nhiều mới khỏi (bệnh mới khỏi nên dưỡng cho mau bình phục sẽ tu).

Trái lại, Phật dạy nên biết chuyển đổi quan niệm sẽ thành tinh tấn. Chuyển đổi quan niệm thế nào?

1/ Nếu ngày mai có việc sẽ làm, ta nên khởi nghĩ: Mai ta có việc phải làm, nay phải ráng tu để mai tu không được.

2/ Nếu làm xong việc ta nên khởi nghĩ: Hôm qua bận việc, nay đã làm xong, ráng tu bù lại hôm qua tu ít.

3/ Ngày mai có việc đi đâu ta nên khởi nghĩ: Mai sẽ đi không tu được, nay ráng lo tu.

4/ Khi đã đi qua con đường dài ta nên khởi nghĩ: Đã đi không tu được, đi xong phải ráng tu.

5/ Khi nhận thức ăn (khất thực) không như ý ta nên khởi nghĩ: Ăn ít bụng nhẹ dễ tu.

6/ Khi nhận thức ăn (khất thực) như ý ta nên khởi nghĩ: Được cúng dường đầy đủ ráng tu để khỏi thiếu nợ thí chủ.

7/ Khi bệnh chút ít ta nên khởi nghĩ: Bệnh còn ít ráng tu để bệnh nhiều tu không được.

8/ Khi bệnh nặng đã hết nên khởi nghĩ: Bệnh lâu không tu được nay khỏi bệnh ráng tu bù lại.

Bình:

Xin nhắc lại, tám căn cứ giải đãi nêu trên là những điều thiết thực, mà người tu dễ bị gạt. Bởi bị lừa gạt nên xuôi thuận chiều ăn ngủ mà không tiến đạo. Trái lại, nếu một phen biết chuyển tâm niệm như đã giải thích trên thì nó sẽ giúp ta tiến lên đến đạo giải thoát.

Chúng ta vẫn còn nhớ gương đức Bồ-sư Thích-ca-mâu-ni cùng ngài Di-lặc đồng thời tu. Đức Bồ-sư do tinh tấn mà nay đã thành Phật, trái lại đức Di-lặc vẫn còn làm vị Bồ-tát và sẽ thành Phật ở tương lai xa tít.

Vì thế, tinh tấn rất thiết yếu cho người tu tập các hạnh lành, bởi lẽ đó mà được sắp vào hàng thứ ba trong sáu pháp ba-la-mật.

6. Lưới ái

Trong Tăng Chi Bộ kinh, Phật dạy: Nam nhân bị nữ nhân trói buộc bởi tám điều kiện:

- 1/ Nhan sắc.
- 2/ Tiếng cười.
- 3/ Tiếng nói.
- 4/ Giọng ca.
- 5/ Nước mắt.
- 6/ Quần áo.
- 7/ Vật tặng.
- 8/ Xúc chạm.

Trái lại nữ nhân bị nam nhân trói cột cũng thế.

Bình:

Đọc bài kinh trên chúng ta thấy lòng từ bi của Phật thương chúng ta quá đỗi. Ngài không ngại gì chỉ ra những lẽ thật mà tất cả chúng ta đều lầm mê. Bởi lầm mê nên bị ân ái trói cột và trói cột mãi mãi không có ngày

buông tha! Kết quả chỉ chấp nhận tất cả khổ đau, không có một chút hạnh phúc an lạc chân thật. Tuy như thế mà chúng ta vẫn điên đảo si mê, để rồi phải chịu khổ đau vĩnh kiếp!

Tám điều kiện Phật nêu trên là những nguyên nhân tạo thành sợi dây cột chúng sanh trong vòng khổ đau phiền lụy. Sợi dây này không gì khác hơn là sợi dây *ái nhiễm*. Sợi dây ấy tuy vô hình, nhưng nó trói cột rất chặt và cũng khó cắt đứt. Nó có sức thu hút rất mạnh như *nam châm hút kim loại*. Vì thế Phật dạy: “Tỳ-kheo phải tránh xa nữ sắc, như người đội cỏ khô, sợ không dám gần lửa...” Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật dạy: “Người tu hành phải tránh xa nữ sắc (nam sắc) như tránh xa rắn độc, lửa dữ. Rắn độc, lửa dữ giết người chỉ trong một kiếp, nữ sắc (nam sắc) giết người nhiều kiếp!”

Lại nữa, trong kinh Pháp Hoa, phẩm An Lạc Hạnh, Phật dạy: “Chỗ thân cận của người tu hành là chẳng nên gần gũi quốc vương, vương tử, đại thần v.v... Cho đến chẳng nên ở nơi thân người nữ cho là tướng có thể sanh tư tưởng dục nhiễm, mà vì nói pháp. Nếu vào nhà người chẳng cùng gái nhỏ, gái trinh, gái góa v.v... chung nói chuyện, lại cũng chẳng gần người bất nam (chẳng phải nam chẳng phải nữ) để làm thân hậu.

Chẳng riêng mình vào nhà người. Nếu lúc có nhân duyên cần riêng mình vào thời chuyên một lòng niệm Phật. Nếu vì người nữ nói pháp thời chẳng hở răng cười, chẳng bày hông ngực, nhãn đến vì pháp mà còn chẳng thân hậu, hướng lại là việc khác...”

Đây là những điều thiết yếu mà Phật dạy người tu phải răn dè, cẩn thận trong khi giao tiếp với nhau mới khỏi gây ra những hiểm họa khó tránh.

Vậy ai là người có chí xuất trần muốn ra khỏi sanh tử, phải y theo lời Phật dạy trên để thúc liễm thân tâm, trau dồi trí tuệ cho sắc bén hầu cắt đứt sợi dây triền phược của luyến ái, chứng quả Niết-bàn, an lạc.

7. Pháp nhị hành

Một hôm đức Phật ở trong thành Tỳ-xá-ly, tại Đại Lâm. Bấy giờ có vị tướng quân Siha, đệ tử của Nigantha (phái ngoại đạo Ni-kiền Tử) đến viếng Phật, ông hỏi:

- Thưa Gotama, tin đồn ngài chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và dùng pháp không hành động chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương hành động, thuyết pháp hành động và dùng pháp hành động chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương đoạn diệt, thuyết pháp đoạn diệt và dùng pháp đoạn diệt chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương pháp hư vô, thuyết pháp hư vô và dùng pháp hư vô chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương nhằm chán, thuyết pháp nhằm chán và dùng pháp nhằm chán chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương khổ hạnh, thuyết pháp khổ hạnh và dùng pháp khổ hạnh chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương không nhập thai, thuyết pháp không nhập thai và dùng pháp không nhập thai chỉ dạy đệ tử. Ngài chủ trương an ủi mọi người, thuyết pháp an ủi và dùng pháp an ủi chỉ dạy đệ tử v.v... Tin ấy có đúng hay họ xuyên tạc ngài?

Phật đáp:

- Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp không hành động và chỉ dạy đệ tử pháp không hành động. Gotama chủ trương hành động, thuyết pháp hành động và chỉ dạy đệ tử pháp hành động. Gotama chủ trương đoạn diệt, thuyết pháp đoạn diệt và chỉ dạy đệ tử pháp đoạn diệt. Gotama chủ trương nhằm chán, thuyết pháp nhằm chán và chỉ dạy đệ tử pháp nhằm chán. Gotama chủ trương hư vô, thuyết pháp hư vô và dạy đệ tử pháp hư vô. Gotama là người khổ hạnh, thuyết pháp khổ hạnh và chỉ dạy đệ tử pháp khổ hạnh. Gotama chủ trương không nhập thai, thuyết pháp không nhập thai và chỉ dạy đệ tử pháp không nhập thai. Gotama là người an ủi, thuyết pháp an ủi và chỉ dạy đệ tử pháp an ủi (Lời Phật xác nhận với tướng Siha và ngài giải thích tiếp).

Này Siha,

Thế nào Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp không hành động và chỉ dạy đệ tử pháp không hành động? Gotama không hành động đối với thân làm ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác, thuyết pháp và chỉ dạy đệ tử theo chiều chỉ ác.

Thế nào Gotama chủ trương hành động, thuyết pháp hành động và chỉ dạy đệ tử pháp hành động?
- Gotama chủ trương hành động thiện, thuyết pháp hành động thiện, thân miệng ý hướng chiều thiện...

Thế nào Gotama chủ trương đoạn diệt, thuyết pháp đoạn diệt và chỉ dạy đệ tử các pháp đoạn diệt?

- Gotama đoạn diệt tham sân si, thuyết pháp đoạn diệt tham sân si và chỉ dạy đệ tử pháp đoạn diệt tham sân si.

Thế nào Gotama chủ trương nhàm chán, thuyết pháp nhàm chán và chỉ dạy đệ tử pháp nhàm chán?

- Gotama nhàm chán thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, thuyết pháp nhàm chán thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác và chỉ dạy đệ tử pháp nhàm chán ấy.

Thế nào Gotama chủ trương hư vô, thuyết pháp hư vô và chỉ dạy đệ tử pháp hư vô? Gotama chủ trương hư vô tham, hư vô sân, hư vô si, thuyết pháp hư vô tham, hư vô sân, hư vô si và chỉ dạy đệ tử pháp hư vô tham, hư vô sân, hư vô si.

Thế nào Gotama chủ trương khổ hạnh, thuyết pháp khổ hạnh và chỉ dạy đệ tử pháp khổ hạnh? - Gotama chủ trương khổ hạnh và các pháp bất thiện, kể cả thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác đoạn tận như chặt đứt gốc cây ta-la, thuyết pháp đoạn tận và chỉ dạy đệ tử những pháp ấy.

Thế nào Gotama chủ trương không nhập thai, thuyết pháp không nhập thai và chỉ dạy đệ tử pháp không nhập thai? - Gotama đã đoạn không nhập thai ở tương lai, sự tái sanh đoạn tận gốc rễ không cho sanh khởi ở tương lai và chỉ dạy đệ tử cũng pháp ấy.

Thế nào Gotama chủ trương an ủi mọi người, thuyết pháp an ủi và chỉ dạy đệ tử pháp an ủi? - Gotama là người an ủi, thuyết pháp an ủi và luôn luôn dạy đệ tử pháp an ủi mọi người.

Tướng Siha nghe Phật nói xong rất hoan hỷ tán thán: Thế Tôn thuyết pháp vi diệu, như dựng đứng lại vật bị quăng ngã, như phơi bày ra vật bị che kín, chỉ đường kẻ lạc hướng, như đem đèn vào bóng tối cho kẻ sáng mắt được thấy đường v.v... Xin Thế Tôn nhận cho con quy y làm đệ tử và nguyện hết lòng hộ trì Tam bảo.

Phật bảo:

- Này Siha, “Hãy chín chắn suy nghĩ, chín chắn suy nghĩ kỹ! Có suy nghĩ chín chắn mới tốt, nhất là đối với người danh vị lớn như người!”

Qua câu nói vô tư không chút vương bận lợi danh khiến cho tướng Siha rất khâm phục ngài và thành kính một lần nữa, ông thưa: “Xin đức Thế Tôn nhận cho con được quy y và hộ trì Tam bảo.”

Phật dạy tiếp:

- “Đã từ lâu gia đình ông là giếng nước mưa nguồn cho người Nigantha, vậy người nên tiếp tục ủng hộ họ. Hãy dành các thức ăn cúng dường cho những ai đến với người.”

Với tâm lượng bao dung của đức Phật, không phân chia bỉ thử, ta người của ngài khiến cho tướng Siha càng thêm kính mến và khâm phục đức Thế Tôn.

Bây giờ Phật thuyết pháp cho tướng Siha về bố thí, trì giới, sanh thiên, tai hại của sự ô nhiễm dục lạc v.v... Siha thâm nhận lời Phật dạy rất nhanh chóng. Phật tiếp tục nói pháp tứ đế... khiến Siha tỉnh ngộ. Sau giờ thuyết pháp, Siha thỉnh Phật và chư tăng hôm sau về nhà ông cúng dường. Phật nhận lời.

Hôm sau Phật đến nhà Siha thọ trai, tướng Siha thiết trai cúng dường Phật những món thượng vị và tự tay ông bưng sót cúng dường Phật và chư tăng.

Do lòng đố kỵ của ngoại đạo Nigantha nên họ dùng kế hạ uy tín đức Phật. Họ bèn đánh trống chiêng rao khắp nẻo đường phố nói: “Tướng Siha giết vật cúng Gotama, Gotama biết mà vẫn ăn.”

Tin ấy lan khắp mọi nơi... Có người đến báo cáo với tướng Siha, ông nói:

- Đã lâu các người ấy muốn chỉ trích đức Phật và chư tăng nhưng không có cơ hội để họ nói. Những điều xuyên tạc ấy đều vô cớ, trống rỗng không đúng lẽ thật.

Phật thọ trai xong, ngài thuyết pháp sách tấn cho tướng Siha và những người thân thuộc. Nghe pháp xong mọi người đều rất vui mừng tin nhận rồi lui. Phật trở về tinh xá.

(Trích lược Tăng Chi Bộ kinh)

Bình:

Qua bài kinh trên chúng ta thấy sự cảm hóa khéo léo nhiệm mầu của đức Phật. Ngài cảm hóa thế nào? Có phải ngài dùng uy quyền thế lực để áp bức kẻ khác theo mình chẳng? Có phải ngài dùng xảo thuật thu hút người khác chẳng? Có phải ngài dùng lời lẽ hay khéo léo lôi cuốn người chẳng? - Không! Hoàn toàn không! Ngài chỉ dùng đạo đức và hành động chân thật để cảm hóa người.

Qua lời xuyên tạc của ngoại đạo gán cho ngài là xấu, dở, chủ trương những cái vô lý thấp hèn như: Gotama chủ trương không hành động, có hành động, nhằm chán, đoạn diệt, hư vô v.v... Nhưng ngài vẫn điềm nhiên không phản đối, và vẫn ung dung giải thích lập trường đúng với chánh pháp làm cho tướng Siha phải cảm thán tinh thần cao thượng và giáo lý siêu việt của ngài, ông bèn bỏ ngoại đạo xin quy y, tích cực ủng hộ Tam bảo.

Khi thuyết phục được một người có uy tín lớn của ngoại đạo như tướng Siha và ông ta xin quy y Tam bảo, lý đáng Phật cũng hãnh diện chấp thuận và khuyến khích tướng Siha lấy uy quyền lôi cuốn người dưới tay mình theo Phật, để uy tín ngài càng lên cao, không ngờ Phật gạn lại: “Này Siha, hãy chín chắn suy nghĩ, chín chắn suy nghĩ kỹ! Có suy nghĩ chín chắn mới tốt, nhất là với người có danh vị lớn như ngươi.”

Ở đây Phật dạy, những ai tin ngài phải đủ trí phán đoán, nhận xét một cách thấu đáo sẽ tin. Như câu Phật thường nói: “Tin ta mà không hiểu ta là bài báng ta.” Hiểu trước tin sau, lòng tin mới vững chắc và giúp cho mình thêm trí tuệ. Trái lại, tin một cách mù quáng thì lòng tin yếu đuối, cạn kiệt dễ bị người xuyên tạc và gạt gẫm v.v... vì không có trí tuệ. Đức Phật không chấp nhận chúng ta đến với ngài bằng một lòng tin như vậy. Do lập trường chân chánh và đầy đạo lý ấy nên ngài thuyết phục được tướng Siha.

Một điều nữa không kém phần đạo lý: Sau khi tướng Siha trở thành một Phật tử đã phát nguyện tích cực cúng dường Tam bảo v.v... lý đáng Phật khuyên

giữ trọn lời hứa và khích lệ phục vụ cho Phật cùng đoàn thể của Phật (pháp tăng). Nhưng với tinh thần vô tư không chút vụ lợi, đặt đạo lý từ bi bình đẳng lên trên, ngài dạy: “Đã từ lâu gia đình người là giếng nước mưa nguồn cho người Nigantha, vậy người nên tiếp tục ủng hộ họ. Hãy dùng các thức ăn cúng dường cho những ai đến với người.”

Thật cao cả thay cho lòng thương bao la của đức Phật, thương tất cả chúng sanh như một, không đặt riêng tư, không chia thân sơ, cao thấp... Thật xứng đáng với danh *Đạo sư của trời người, cha lành trong bốn loài* (Thiên nhân chi đạo sư, tứ sanh chi từ phụ).

Đoạn rốt sau, vì đạo hạnh của ngài cao cả như vậy nên thu hút phần đông tín đồ phái Nigantha (Ni-kiền Tử) theo Phật, do đó họ tìm cách hạ uy tín ngài bằng câu chuyện xuyên tạc trên. Nhưng Phật vẫn bình thản không chút phản kháng việc ngoại đạo vu khống. Ngài chỉ để tướng Siha (đệ tử của phái Nigantha trước kia) xác minh mà thôi. Đây cũng là một điểm kỳ đặc nữa của đức Phật.

8. Phật thăm bệnh

Kinh Tạp A-hàm chép: Ngài Sa-mi-đề-quật-đa (Samitigutta) trong thời gian tu tập, ngài mắc bệnh phong cùi nằm trong phòng tăng chúng, chân tay dần dần bị lở loét hết, đau đớn vô cùng. Một hôm Phật đến thăm ông, sau khi săn sóc cho ông. Phật đặc biệt dạy ông lấy công án khổ cảm trong tứ niệm trụ để quán tưởng.

Sa-mi-đề-quật-đa liền chí thành tu pháp ấy và được giải thoát. Sau ông làm mấy câu kệ tự thuật như sau:

*Kiếp trước gây nghiệp ác
Kiếp này chịu quả khổ
Nhân khổ của kiếp sau
Nay đã tiêu trừ hết.*

Đến khi duyên hết, ngài ra đi mà không biến sắc, ngời thản nhiên nhắm mắt thị tịch.

Ngài Xá-lợi-phất có làm bài kệ khen ngợi rằng:

*Dày công vun Phạm hạnh
Khéo tu tám đạo chánh
Vui vẻ đón cái chết
Như người khỏi bệnh nặng.*

Bình:

Sanh, già, bệnh, chết là lẽ thường, không ai tránh khỏi, dù xuất gia hay tại gia cũng vậy. Ngài Sa-mi-đề-quật-đa, đang khi tu mắc chứng bệnh phong cùi dường như tuyệt vọng. Tuy ông ở trong hoàn cảnh bi đát tột độ, nhưng nhờ gặp được chánh pháp mà ông thoát khổ hiện tại và ra khỏi sanh tử nhiều kiếp.

Khi ông bất lực trước những khổ đau ray rứt, vừa lúc Phật đến an ủi vỗ về và đem pháp lành giáo hóa, khiến ông nương đó tu tập mà được giải thoát. Pháp ấy chính là vị thuốc hay cứu ông cả hai thứ bệnh: vật chất lẫn tinh thần.

Phật dạy ông pháp quán “khổ cảm” trong tứ niệm trụ, tức là bốn pháp trụ tâm (Quán thân, quán thọ, quán tâm, quán pháp) mà đây là pháp trụ tâm nơi cảm thọ khổ (khổ cảm).

Khi trụ tâm quán xét thấy khổ thọ không thật cho nên lần lần ông hết khổ, mặc dù thân ông vẫn có bệnh và ông bình thản khi thị tịch.

Ở một bài kinh khác Phật dạy: Khi vị ấy cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của thân, vị ấy tuệ tri: “Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của thân.” Khi vị ấy cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của sanh mạng, vị ấy tuệ tri: “Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của sanh mạng” và vị ấy tuệ tri rằng: “Sau khi thân hoại mạng chung ở đây mọi cảm thọ cảm giác không có gì đáng hoan hỷ, sẽ đi đến lãng dậu.”

Ví như này các Tỳ-kheo, do duyên dầu và tim bấc, một ngọn đèn dầu được cháy đỏ, khi dầu và tim bấc không cạn cháy hết, không được tiếp nhiên liệu thêm ngọn đèn ấy bị tắt. Cũng vậy, khi cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của thân, vị ấy tuệ tri rằng: “Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đến sức chịu đựng của thân.” Cho đến vị ấy tuệ tri rằng: “Sau khi thân hoại mạng chung ở đây mọi cảm thọ không có gì đáng hoan hỷ, sẽ đi đến lãng dậu.”

Nghĩa là khi cảm thọ một cảm thọ đau khổ cùng tột, chúng ta vẫn tỉnh sáng rõ ràng trên cảm thọ đó,

không khởi tham, sân, si, tức chúng ta đã làm chủ được cảm thọ đó và đang trụ tâm trong thiên định, vị ấy ra đi không để lại dấu vết!

Cũng cùng một trường hợp này, chúng ta hãy xét qua các vị thiên sư:

Ngài Động Sơn đến thăm một vị tăng đang nằm bệnh, tăng hỏi:

- Khi gió lửa phân ly sẽ về đâu?

Ngài Động Sơn đáp:

- Khi đến chẳng mang một vật, khi đi cũng thế ấy!

- Tuy nhiên thân con chẳng an (bị đau nhức).

- Thân đau nhức có cái chưa từng đau nhức.

- Cái không đau nhức thế nào?

- Ngộ thì trong gang tấc, mê thì cách núi đồi.

- Xin Hòa thượng chỉ cho con đường sẽ hướng đến?

- Tối đen tựa như sơn, hiện tại tức thành lập (Chỉ nhớ hiện tại đừng nghĩ quá khứ và vị lai...)

Xét qua ý Phật và ý tổ đều đồng không khác. Sở dĩ chúng ta thấy có khổ có vui, vì chúng ta chạy theo thức tình phân biệt sống với ngoại cảnh mà quên hẳn nội tâm. Một khi nhận biết cảnh ngoài là duyên hợp tạm bợ, có là do duyên hợp, không bởi duyên tan, tan hợp, bởi duyên của căn trần, chứ trong tánh thật, không có tan và hợp. Vì vậy nên ngài Động Sơn nói: “Thân đau nhức có cái chưa từng đau nhức!” Chúng ta hằng sống với cái chưa từng đau nhức, thì còn có gì làm động được đến ta.

9. Kinh Thiên Sứ

Trong Trung Bộ kinh, Phật bảo:

- “Này các Tỳ-kheo! Điều ta đang nói ta không phải nghe từ một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác. Những điều ta đang nói chỉ được ta biết mà thôi, chỉ được ta thấy mà thôi, chỉ được ta hiểu mà thôi.”

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện Thệ nói như vậy, bậc Đạo sư lại nói thêm như sau:

*Dầu thiên sứ báo động (già, bệnh, chết)
 Thanh niên vẫn phóng dật
 Chúng ưu buồn lâu dài
 Sanh làm người hạ liệt
 Ở đây bậc Chân nhân
 Được thiên sứ báo động
 Không bao giờ phóng dật
 Trong diệu pháp bậc thánh
 Thấy sợ trong chấp thủ
 Trong hiện hữu sanh tử
 Được giải thoát chấp thủ
 Sanh tử được đoạn trừ
 Được yên ổn an lạc
 Ngay hiện tại tịch tịnh
 Mọi oán hận sợ hãi
 Các vị ấy vượt qua
 Mọi đón đau sầu khổ
 Chúng đều được siêu thoát.*

Bình:

Trước tiên Phật xác định: Những điều Phật đang nói chính do ngài biết ngài thấy và ngài hiểu, chứ không phải do nghe các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nói. Những điều ấy là gì? Tức là già, bệnh và chết. Phật dùng bài kệ trên để giải thích.

Bốn câu kệ đầu là chỉ cho kẻ phàm phu si mê, mặc dù già, bệnh, chết (thiên sứ) báo động, cho biết ai ai rồi cũng đi đến đó, nhưng họ vẫn buông lung đắm mê ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù). Bởi đắm mê ngũ dục, mà gây nghiệp thọ báo, chịu các đau buồn hiện tại và đời sau. Nếu có được sanh làm người cũng là kẻ hạ liệt thấp kém.

Sáu câu kệ sau Phật nói: Ở đây ngược lại các vị chân thật tu hành, biết rõ sự già, bệnh, chết mau chóng, nên không một niệm buông lung, thường sống trong pháp mầu của Phật. Các vị này thấy sợ các chấp thủ và trong sanh tử hiện hữu, do vậy giải thoát chấp thủ, sanh tử được đoạn trừ. Họ yên ổn an lạc, ngay hiện tại được tịch tịnh. Các vị ấy vượt qua mọi oán hận sợ hãi và mọi đớn đau sâu khổ.

Tóm lại, đại ý Phật nói: Tai hại của người si mê dù biết già, bệnh, chết, không ai tránh khỏi mà vẫn buông lung chạy theo ngũ dục, nên hiện đời có nhiều lo buồn sâu khổ, đời sau sanh làm người hạ liệt; và khen ngợi người có trí tuệ chân thật tu hành biết rõ sự già, bệnh, chết, vô thường mau chóng, nên không buông lung. Biết sợ sự sanh tử và niệm ái trước trong sanh tử, hằng cầu

thoát ly sanh tử, kết quả họ sẽ an lạc, tịch tịnh dứt mọi khổ đau phiền lụy được siêu thoát tự tại.

Đây là điều kiện cốt yếu mà người tu phải thường tỉnh giác. Nếu một niệm xen hở (buông lung) tức bị sanh tử trói cột. Hằng nhớ tức là giải thoát.

Trong kinh Di Giáo, Phật dạy: “Phải nghĩ đến lửa vô thường đang thiêu đốt thế gian, phải sớm cầu tự độ, chớ vì nhân duyên ngủ nghỉ (buông lung) mà để một đời qua sông không được lợi ích.”

Vậy ai là người thấy rõ ba cõi là nhà lửa đang bùng cháy, phải nương lời Phật dạy trên tinh tấn tu hành để độ mình và độ thoát chúng sanh ra khỏi nhà lửa ba cõi.

10. Tứ diệu đế

Trung Bộ kinh chép: Tại thành Ba-la-nại, vườn Lộc Uyển, tôn giả Xá-lợi-phất gọi các Tỳ-kheo: “Này chư hiền, vô thượng pháp luân đã được Thế Tôn khai thị, tuyên thuyết, thị thuyết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Khổ, Tập, Diệt, Đạo thánh đế.

Này chư hiền, thế nào là Khổ thánh đế? Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi khổ, ưu, não là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Này chư hiền, thế nào là sanh?

Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại sự sản xuất, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của chúng, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn, này chư hiền như vậy gọi là sanh.

Này chư hiền, thế nào là già?

Mỗi mỗi chúng sanh trong từng giới loại, sự niên lão, sự hư hoại, trạng thái răng rụng, trạng thái tóc bạc da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại, này chư hiền như vậy gọi là già.

Này chư hiền, thế nào là chết?

Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi, này chư hiền, như vậy gọi là chết.

Này chư hiền, thế nào gọi là sâu?

Này chư hiền, với những ai gặp phải tai nạn này, hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay đau khổ khác, sự sâu của người ấy, này chư hiền, như vậy gọi là sâu.

Này chư hiền, thế nào gọi là bi?

Này chư hiền, với những ai gặp tai nạn này, hay tai nạn khác, với những ai cảm bị đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy. Này chư hiền như vậy gọi là bi.

Này chư hiền, thế nào gọi là khổ?

Này chư hiền, sự đau khổ về thân, sự không sáng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không cảm khoái do thân không cảm thọ. Này chư hiền, như vậy gọi là khổ.

Này chư hiền, thế nào gọi là ưu?

Này chư hiền, sự đau khổ về tâm, sự không sáng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không cảm khoái do tâm không cảm thọ. Này chư hiền, như vậy gọi là ưu.

Này chư hiền, thế nào gọi là não?

Này chư hiền, với những ai gặp tai nạn này, hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này, hay đau khổ khác, sự áo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy. Này chư hiền, như vậy gọi là não.

Này chư hiền, thế nào là cầu bất đắc khổ?

Này chư hiền, chúng sanh bị sanh chi phối khởi sự mong cầu: Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối, mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh. Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ. Này chư hiền, chúng sanh bị già chi phối, chúng sanh bị bệnh chi phối, bị chết chi phối, bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối, khởi sự mong cầu: mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối. Mong rằng ta khỏi đương chịu sầu, bi, ưu, não, khổ. Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ.

Này chư hiền, như thế tóm lại năm thủ uẩn là khổ như: Sắc thủ uẩn là khổ, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này chư hiền như vậy tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

Này chư hiền, thế nào là khổ tập thánh đế?

Sự tham ái đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này hay chỗ kia. Như dục ái,

hữu ái, vô hữu ái. Nay chư hiền, như vậy gọi là khổ tập thánh đế.

Này chư hiền, thế nào là khổ diệt thánh đế?

Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy). Nay chư hiền, như vậy gọi là khổ diệt thánh đế.

Này chư hiền, thế nào là khổ diệt đạo thánh đế?

Đó là thánh đạo tám ngành, tức chánh tri kiến chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này chư hiền, thế nào là chánh tri kiến?

Này chư hiền, tri kiến về khổ, tri kiến về tập, tri kiến về diệt, tri kiến về khổ diệt đạo. Nay chư hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.

Này chư hiền, thế nào là chánh tư duy?

Này chư hiền, tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Nay chư hiền, như vậy gọi là chánh tư duy.

Này chư hiền, thế nào là chánh ngữ?

Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không nói ác khẩu, tự chế không nói lời ỷ ngữ. Nay chư hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.

Này chư hiền, thế nào là chánh nghiệp?

Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Nay chư hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.

Này chư hiền, thế nào là chánh mạng?

Này chư hiền, ở đây vị thánh đệ tử, từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh mạng.

Này chư hiền, thế nào là chánh tinh tấn?

Này chư hiền, ở đây vị Tỳ-kheo đối với các ác bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi. Vị này nỗ lực tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các pháp ác bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt. Vị này nỗ lực tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi. Vị này nỗ lực tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển viên mãn. Vị này nỗ lực tinh tấn, quyết tâm trì chí. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.

Này chư hiền, thế nào là chánh niệm?

Này chư hiền, ở đây vị Tỳ-kheo, sống quán thân trên thân, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Sau khi chế ngự tham ưu ở đời, trên các cảm thọ, trên các tâm. Quán pháp trên các pháp, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm. Sau khi chế ngự tham ưu ở đời. Này chư hiền, như vậy gọi là chánh niệm.

Này chư hiền, thế nào gọi là chánh định?

Này chư hiền, ở đây vị Tỳ-kheo, ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh. Vị ấy làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, chứng và trú

Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh, nhất tâm. Vị ấy sau khi xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Vị ấy xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư hiền, như vậy là chánh định.”

Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết giảng như vậy. Các vị Tỳ-kheo ấy hoan hỷ tin thọ lời tôn giả Xá-lợi-phất dạy.

Bình:

Tứ diệu đế cũng gọi là tứ thánh đế. Chữ Tứ là bốn, chữ Diệu là nhiệm mầu, chữ Đế là chắc thật. Nghĩa là bốn lẽ thật nhiệm mầu. Phật nói bốn lẽ thật nhiệm mầu này dù trải qua thời gian không gian vẫn không thay đổi. Hàng Thanh văn nương theo bốn lẽ thật nhiệm mầu này mà giác ngộ giải thoát, tức là chứng tứ quả Thanh văn (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán).

Tứ đế này có hai phần: một phần nhiễm, một phần tịnh, hay một phần nhân quả thế gian, một phần nhân quả xuất thế gian. Khổ, tập là nhân quả thế gian (nhiễm). Diệt, đạo là nhân quả xuất thế gian (tịnh) giải thoát sanh tử.

Giờ đây chúng ta hãy gẫm sâu từng phần của pháp tứ đế: Trước hết xét về phần khổ, tập là nhân quả của thế gian (pháp nhiễm). Trước Phật nói về cái quả khổ của sự sanh tử (gồm có tám khổ văn kinh đã nói) mà mỗi chúng sanh phải nhận lãnh trong ba cõi sáu đường. Các khổ ấy tuy có vô lượng, nhưng không ngoài hai thứ khổ căn bản là khổ về vật chất và khổ về tinh thần. Khổ về

vật chất thì có sanh, già, bệnh, chết. Khổ về tinh thần thì có khổ yêu thích xa lìa, khổ oán hận gặp gỡ, khổ mong cầu không toại ý, khổ về năm ấm xí thạnh, tóm lại do chấp giữ năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) mà có các khổ. Tức là khổ đế...

Muốn dứt quả khổ sanh tử, Phật dạy phải đoạn trừ tập nhân (nguyên nhân tạo thành sanh tử). Nguyên nhân nào tạo thành sanh tử? - Tức là phiền não. Phiền não có rất nhiều đến tám muôn bốn ngàn phiền não trần lao nhưng không ngoài sáu món căn bản phiền não là: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Ác kiến lại có chia: thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến, tạo thành mười kiết sử trói cột và sai sử chúng sanh luân chuyển trong ba cõi (căn cứ trong ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới thì gồm có tám mươi tám món kiến hoặc, tám mươi một món tư hoặc).

Tóm lại, phiền não tuy nhiều nhưng gốc từ tam độc (tham, sân, si) mà ra, chỗ phát hiện của nó là thân, miệng và ý làm tập nhân sanh các phiền não, là tập đế.

Chúng ta nên tìm hiểu thêm nguồn gốc của tam độc có từ đâu? Như trên đã nói cội gốc của tam độc do si mê mà có. Bởi si mê nên chấp ngã, vì chấp ngã nên phiền não theo đó mà sanh. Dụ như vì chấp thân này là thật, nên tìm mọi cách bảo vệ cho thân..., nếu việc gì làm cho thân thoả mãn thì ưa thích, trái lại thì giận ghét... tất cả phiền não khổ đau theo đó mà khởi.

Vì vậy muốn đoạn trừ tập nhân sanh tử, Phật dạy phải dứt vô minh, tức là diệt trừ tâm si mê chấp ngã,

khi tâm si mê chấp ngã hết, thì tham sân và các phiền não khác cũng theo đó mà dứt. Tức là chúng ta dứt được tập nhân sanh tử, là con đường tiến lên diệt đế (Niết-bàn).

Qua phần diệt đế, đạo đế là nhân quả xuất thế (tịnh) ra khỏi sanh tử.

Diệt đế tức là Niết-bàn, Niết-bàn là quả vị an lạc tịch tịnh, là mục đích của người tu Phật hướng đến. Niết-bàn gồm có hai thứ hữu dư y Niết-bàn và vô dư y Niết-bàn. Niết-bàn hữu dư y là Niết-bàn mới diệt phiền não vẫn còn thân nghiệp báo ngũ uẩn. Niết-bàn vô dư y là Niết-bàn đã dứt được uẩn thân. Con đường tiến đến Niết-bàn là do dứt sạch ái nhiễm diệt tham, sân, si tức dứt được tập nhân trong ba cõi. Con đường tiến lên này là đạo đế.

Đạo đế là con đường dẫn tới ly dục, ái tận Niết-bàn. Con đường ấy đúng với chánh pháp và hợp với chân lý, có khả năng đưa chúng sanh ra khỏi sanh tử. Đó là con đường bát chánh đạo, tức tám con đường chánh, hướng đến quả giải thoát.

Tám con đường ấy là: 1/ Chánh kiến, 2/ Chánh tư duy, 3/ Chánh ngữ, 4/ Chánh nghiệp, 5/ Chánh mạng, 6/ Chánh tinh tấn, 7/ Chánh niệm, 8/ Chánh định.

Thế nào là chánh kiến? - Tức là nhận biết pháp Tứ đế như thật (liạ các tà kiến: chấp có, chấp không, chấp đoạn, chấp thường).

Thế nào là chánh tư duy? - Tư duy về ly dục vô sân, bất hại.

Thế nào là chánh ngữ? - Không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói ý ngữ.

Thế nào là chánh nghiệp? - Giữ giới chân chánh, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.

Thế nào là chánh mạng? - Xa lìa tà mạng, thực hành chánh mạng (nghề nghiệp sinh sống chân chánh).

Thế nào là chánh tinh tấn? - Siêng năng đoạn ác tu thiện. Điều ác chưa sanh không để sanh, điều ác đã sanh khiến đoạn diệt, điều thiện chưa sanh khiến sanh, điều thiện đã sanh khiến tăng trưởng.

Thế nào là chánh niệm? - Thường quán thân, quán thọ, quán tâm, quán tinh cần tỉnh giác để xa lìa tham ưu ở thế gian.

Thế nào là chánh định? - An trụ tâm trong Tứ thiền: 1/ Do ly dục sanh hỷ lạc, 2/ Do định lực kiên cố sanh hỷ lạc, 3/ Do lìa được hai thứ hỷ lạc trên mà được cái vui diệu lạc, 4/ Do xả được niệm khổ vui mà được đến chỗ tịch tịnh bất động.

Tóm lại, tứ diệu đế là bốn lẽ thật do đức Phật phát minh. Bốn lẽ thật này chỉ cho chúng sanh thấy rõ cái khổ của sự luân hồi trong ba cõi (khổ đế) và nguyên nhân tạo thành sự luân hồi ấy (tập đế). Khi chúng sanh biết được khổ đau của luân hồi sanh tử và nguyên nhân tạo nên luân hồi sanh tử ấy mới khởi niệm xa lìa cầu giải thoát sanh tử. Bây giờ Phật mới chỉ thẳng mục đích thoát ly sanh tử là đạt đến Niết-bàn an lạc (diệt đế). Con đường đạt đến Niết-bàn chính là pháp Bát chánh đạo (đạo đế).

Vậy ai là người muốn dứt hết khổ đau trong sanh tử, được tự tại giải thoát, đến quả vô sanh, phải nương theo pháp tứ diệu đế Phật dạy trên làm kim chỉ nam tiến đạo, con đường thoát ly sanh tử quyết định sẽ đến gần.

11. Lý duyên khởi

Trung Bộ kinh chép: Ngài A-nan-đà bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: “Vị Tỳ-kheo thiện xảo về duyên khởi.”

- Ở đây này A-nan-đà, vị Tỳ-kheo nên biết như sau:

Nếu cái này có, cái kia có, do cái này sanh, cái kia sanh, nếu cái này không có, cái kia không có, do cái này diệt, cái kia diệt, tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, do duyên sanh, lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi.

Như vậy, này A-nan-đà là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Nhưng do sự diệt trừ, sự ly dục hoàn toàn của chính vô minh này, các hành diệt. Do các hành diệt, danh sắc diệt. Do danh sắc diệt lục nhập diệt. Do lục nhập diệt xúc diệt. Do xúc diệt thọ diệt. Do thọ diệt ái diệt. Do ái diệt thủ diệt. Do thủ diệt hữu diệt. Do hữu diệt sanh diệt. Do sanh diệt lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Như vậy là đoạn diệt hoàn toàn của khổ uẩn này. Cho đến như vậy này A-nan-đà là vừa đủ để nói vị Tỳ-kheo thiện xảo về Duyên khởi.

Bình:

Phật chỉ nguyên nhân đưa con người vào đường sanh tử và mỗi manh giải thoát sanh tử một cách rõ ràng là mười hai nhân duyên. Sự liên quan của mười hai nhân duyên rất mật thiết, như sợi dây xích có mười hai vòng... Khởi đầu của mười hai vòng đó là vô minh. Bởi một niệm bất giác nên hiện có vô minh. Từ vô minh nên có khởi niệm sanh diệt tạo nghiệp tức là hành. Bởi do hành thúc đẩy thức đi thọ sanh, tức là thức, thức là sắc chất hòa hợp thành bào thai gọi là danh sắc (vật chất và tinh thần). Do có danh sắc nên có lục nhập (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Bởi có lục nhập nên có xúc, có xúc nên sanh cảm thọ. Vì cảm thọ nên có thọ vui hoặc thọ khổ. Nếu thọ khổ thì sanh tắng (ghét). Thọ vui thì sanh ái (ưa). Do ái nên muốn bảo thủ vật mình yêu thích tức có thủ. Bởi chấp thủ nên mới có thân sau là hữu. Do có thân sau nên mới có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Đó là theo chiều lưu chuyển (sanh diệt) tức là theo chiều thuận của sanh tử.

Trái lại, nếu dùng trí tuệ quán sát dứt si mê điên đảo, tức là phá vô minh. Vô minh hết thì niệm sanh diệt cũng hết, tức là dứt hành. Hành diệt thì thức cũng hết (thức diệt). Thức hết thì danh sắc cũng hết. Danh sắc hết thì lục nhập cũng không, lục nhập không nên không có xúc, xúc đã không thì thọ cũng không, thọ không thì ái cũng không, ái không thì thủ cũng không, thủ không thì thân sau cũng dứt, thân sau dứt, sự già, chết, lo buồn, khổ não cũng theo đó đoạn dứt. Tu tập quán sát như thế gọi là *quán hoàn diệt*. Nghĩa là quán ngược chiều sanh tử để được giải thoát.

Tóm lại, nhìn vào mười hai nhân duyên chúng ta thấy vô minh là chủ động đầu mỗi sanh tử, tiêu diệt vô minh là giải thoát sanh tử. Bởi đầu mỗi còn thì chi mạt ngọn ngành tiếp nối sanh trưởng, đầu mỗi diệt thì chi mạt ngọn ngành theo đó hết sạch.

Vậy nên người tu tập phải quán triệt lý nhân duyên của Phật dạy và dùng thanh kiếm trí tuệ sắc bén, thẳng tay chặt đứt sợi dây vô minh ràng buộc chúng ta trong nhiều kiếp để ra khỏi ngục tù sanh tử.

12. Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt

Tôi nghe như vậy:

Một hôm Thế Tôn ở thành Xá-vệ rừng Kỳ-đà, tại tinh xá ông Cấp Cô Độc. Rồi thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, rồi liền ngồi xuống một bên. Thanh niên Todeyyaputta bạch với Thế Tôn: Thưa tôn giả Gotama do nhân gì, do duyên gì, giữa loài người với nhau, khi chúng là loài người, lại thấy có người liệt có người ưu? Thưa tôn giả Gotama chúng ta thấy có người đoản thọ (chết yểu), có người trường thọ (sống lâu), có người nhiều bệnh, người ít bệnh, có người xấu sắc, có người đẹp sắc, có người quyền thế lớn, người quyền thế nhỏ, người tài sản lớn, người tài sản nhỏ, có người thuộc gia đình hạ liệt, có người thuộc gia đình cao quý, có người có trí tuệ yếu kém, có người có đầy đủ trí tuệ? Thưa tôn giả Gotama, do nhân gì, duyên gì giữa loài người với nhau mà lại thấy có người liệt, người ưu?

Phật đáp:

Này thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình, nghĩa là có liệt có ưu.

Tôi không hiểu nghĩa một cách rộng rãi điều mà tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt không có giải nghĩa rộng rãi. Lành thay! Nếu tôn giả Gotama thuyết pháp cho tôi, để tôi có thể hiểu nghĩa một cách rộng rãi, điều mà tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt, không có giải nghĩa rộng rãi, thì tôi không hiểu được.

Vậy này thanh niên, hãy nghe và suy nghiệm ta sẽ nói.

- Thưa vâng Tôn giả!

Rồi Thế Tôn nói như sau:

“Ở đây này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông sát sanh tàn nhẫn tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loại chúng sanh. Do nghiệp ấy, thành đạ như vậy, thành tự như vậy, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu không sanh vào cõi dữ, mà được sanh vào loài người, chỗ nào nó sanh ra nó phải đoản mạng (chết yểu). Con đường ấy đưa đến đoản mạng. Này thanh niên tức là sát sanh tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình.

Nếu từ bỏ sát sanh, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và các loại hữu tình. Do nghiệp ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, nếu sanh ở loài người được trường thọ, đó là con đường đưa đến trường thọ.

Ở đây, này thanh niên có người đàn bà hay người đàn ông tánh hay não hại các loại hữu tình, tay với cục đất hay với cây gậy, cây đao. Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, nó sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu không sanh vào cõi dữ mà được đến loài người, chỗ nào nó sanh ra nó sẽ phải bị nhiều bệnh hoạn, con đường ấy đưa đến bệnh hoạn. Này thanh niên, tức là tánh hay não hại các loài hữu tình với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, cây đao.

Nhưng ở đây, này thanh niên, nếu từ bỏ não hại các loài hữu tình, có lòng từ đối với các loại chúng sanh. Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung nó được sanh vào thiện thú. Nếu không được sanh vào thiện thú, mà được sanh ở loài người thì nó được ít bệnh hoạn. Con đường ấy đưa đến ít bệnh hoạn.

Ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông phần nộ, nhiều phật ý bị nói đến một chút thì bất bình, phần nộ, sân hận, chống đối và tỏ lộ phần nộ, sân hận bất mãn. Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ. Nếu sanh được ở loài người thì nó bị

xấu sắc, con đường ấy đưa đến xấu sắc. Nay thanh niên tức là phần nộ, bất mãn v.v...

Ở đây, này thanh niên, nếu trái lại không phần nộ, không phật ý, không sân hận, bất mãn v.v... Do nghiệp thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, nó được sanh vào thiện thú. Nếu được sanh ở loài người thì nó được đẹp sắc. Nay thanh niên, tức là không phần nộ, không phật ý, không sân hận, không bất mãn v.v...

Ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông tật đố (ganh ty) đối với người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ cúng dường, sanh tâm tật đố (ganh ghét) ôm ấp tâm tật đố. Do nghiệp như vậy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung nó sanh vào ác thú, nếu không sanh vào ác thú mà được sanh ở loài người thì nó chỉ được quyền thế nhỏ. Con đường đưa đến quyền thế nhỏ. Nay thanh niên, tức là tật đố, ôm tâm tật đố.

Nhưng ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không có tâm tật đố (tâm ganh ty) đối với những người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ cúng dường, không sanh tâm tật đố, không ôm ấp tâm tật đố. Do nghiệp ấy, sau khi thân hoại mạng chung nó được sanh vào thiện thú, nếu nó sanh được ở loài người thì nó được quyền thế lớn, con đường ấy đưa đến quyền thế lớn. Nay thanh niên, tức là không tật đố, không ôm tâm tật đố.

Ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông không bố thí cho vị Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, ngọc cụ, nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy, đọa xứ, địa ngục. Nếu không bị đọa xứ, địa ngục mà được sanh ở loài người thì nó chỉ được tài sản nhỏ.

Này thanh niên, nếu ngược lại thì sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, nếu sanh ở loài người thì được tài sản (tài sản lớn).

Ở đây, này thanh niên có người đàn bà hay người đàn ông, ngạo nghễ, kiêu mạn, không đánh lễ những người đáng đánh lễ, không đứng dậy đối với những người đáng đứng dậy, không mời ngồi đối với những người đáng mời ngồi, không tôn trọng đối với những người đáng tôn trọng, không cung kính đối với những người đáng cung kính, không cúng dường đối với những người đáng cúng dường. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, đọa xứ, nếu sanh được ở loài người thì nó được sanh vào gia đình hạ liệt. Con đường đưa đến gia đình hạ liệt là không cúng dường những người đáng cúng dường v.v...

Nhưng ở đây, này thanh niên, nếu ngược lại thì sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú. Nếu sanh ở loài người, thì nó được sanh vào gia đình cao quý. Con đường đưa đến gia đình cao quý là cúng dường những người đáng được cúng dường v.v...

Ở đây, này thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi đi đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn không thừa hỏi:

- Thưa Tôn giả, thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là phạm tội? Thế nào là không phạm tội? Thế nào là cần phải thực hành? Thế nào là không cần phải thực hành? Tôi phải làm gì để phải không lợi ích và đau khổ lâu dài? Hay tôi phải làm gì để được lợi ích và an lạc lâu dài? Do nghiệp ấy thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, nó sanh vào ác thú, đọa xứ. Nếu sanh ở loài người thì nó ở vào loại trí tuệ kém. Con đường đưa đến trí tuệ kém, không được lợi ích và hạnh phúc lâu dài, tức là không thừa hỏi.

Nhưng ở đây, này thanh niên, nếu ngược lại tức là thừa hỏi. Do nghiệp ấy sau khi thân hoại mạng chung, chúng nó được sanh vào thiện thú. Nếu sanh ở loài người thì nó được đầy đủ trí tuệ, đó là con đường đưa đến đầy đủ trí tuệ, lợi ích an lạc lâu dài.

Ở đây, này thanh niên, con đường đưa đến đoản thọ, dẫn đến đoản thọ, con đường đưa đến trường thọ, dẫn đến trường thọ, con đường đưa đến nhiều bệnh, dẫn đến nhiều bệnh, con đường đưa đến xấu sắc, dẫn đến xấu sắc, con đường đưa đến đẹp sắc, dẫn đến đẹp sắc, con đường đưa đến quyền thế nhỏ, dẫn đến quyền thế nhỏ, con đường đưa đến quyền thế lớn, dẫn đến quyền thế lớn, con đường đưa đến tài sản nhỏ, dẫn đến tài sản nhỏ, con đường đưa đến tài sản lớn, dẫn đến tài sản lớn, con đường đưa đến gia đình hạ liệt, dẫn đến gia đình hạ liệt, con đường đưa đến gia đình cao quý, dẫn đến gia đình cao quý, con đường đưa đến trí tuệ yếu kém, dẫn đến trí tuệ yếu kém, con đường đưa đến đầy đủ trí tuệ, dẫn đến đầy đủ trí tuệ.

Này thanh niên Subha Todeyyaputta các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Nghiệp phân chia các loài hữu tình, nghĩa là có liệt có ưu.”

Khi nghe nói như vậy, thanh niên Subha Todeyyaputta nói với Thế Tôn: “Thật vi diệu thay! Thừa tôn giả Gotama. Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem ánh sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy chánh pháp đã được tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện, trình bày giải thích. Con nay xin quy y tôn giả Gotama, quy y pháp, quy y chúng Tỳ-kheo. Mong Tôn giả nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung con trọn đời xin quy ngưỡng.”

Bình:

Nhìn chung trên nhân loại chúng ta không khỏi thắc mắc tại sao cũng đồng sanh làm người lại có sự sai biệt: như người sống lâu, kẻ chết yểu, người mạnh khỏe, kẻ thì đau ốm, người nhan sắc đẹp đẽ, kẻ thân thể xấu xa, người sanh ra có những tài sản, có quyền thế lớn lao, người sanh ra nghèo cùng hạ liệt. Cho đến phần tinh thần cũng khác: kẻ khôn người dại, kẻ thông minh, người ngu tối v.v...

Ở đây Phật căn cứ theo nghiệp để giải thích. Phật dạy: “Các loài hữu tình là chủ của nghiệp là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc,

nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình, nghĩa là có liệt có ưu.”

Các loài hữu tình (Tất cả chúng sanh có tình thức) đều là chủ nhân ông của tạo nghiệp. Nghiệp là những tập quán những thói quen do ta huân tập lâu đời thành nghiệp, như người tập uống rượu lâu thành người nghiện rượu, người tập đánh bạc lâu thành người cờ bạc v.v... nó phát xuất từ thân, miệng, ý của chúng ta chứ không phải từ đâu đem đến, nên gọi là *chủ tạo nghiệp*. Khi đã tạo thành nghiệp, chúng hữu tình luôn luôn bị lệ thuộc vào nghiệp, làm tôi đòi cho nghiệp, như dây tở bị chủ nhà sai khiến. Nên gọi là *thừa tự* của nghiệp.

Từ nghiệp chuyển biến mà chúng hữu tình sanh các cảnh giới lành, hoặc dữ v.v... nên gọi nghiệp là *thai tạng*. Cuộc sống của các hữu tình đều hòa đồng với nghiệp không thể chia cách, như bà con thân thiết nên gọi nghiệp là *quyến thuộc*. Nghiệp là chỗ nương tựa cho mạng sống của chúng hữu tình. Còn nghiệp thì mạng sống còn, hết nghiệp thì mạng sống cũng theo đó mà dứt, nên gọi nghiệp là *điểm tựa*. Các loài hữu tình bị luân chuyển trong ba cõi sáu đường, đều do nghiệp dẫn và phân chia trong các cõi, nên gọi nghiệp *phân chia* các loài hữu tình. Chúng sanh có ưu liệt bất đồng gốc bởi do nghiệp không chi khác.

(Phần này chỉ nói tổng quát của nghiệp, chúng ta nên xem lại văn kinh để rõ thêm về chi tiết của nghiệp mà Phật đã giải thích qua bài kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt này.)

Tóm lại, nghiệp là động cơ tạo thành cuộc sống sai biệt của con người. Nghiệp có sức mạnh lôi cuốn chúng sanh vào vòng lục đạo. Bởi nghiệp mà tạo nên quả khổ vui cho chúng sanh hiện tại và tương lai...

Nghiệp phát xuất từ thân, khẩu, ý. Nếu thân, khẩu, ý hướng về chiều thiện thì con người sẽ tiến lên địa vị cao hơn như các cõi trời v.v... Trái lại, nếu hướng về chiều ác thì con người phải đọa xuống địa ngục, ngạ quỷ v.v... Vì thế mà có lục đạo luân hồi. Trong hiện đời mỗi hành động tạo nghiệp đều có kết quả hiện tại và mai sau.

Nghiệp có tác dụng lớn lao như thế, nên người tu phải thận trọng trong một lời nói, một ý nghĩ, một việc làm, phải cân nhắc kỹ lưỡng. Nhất là đối với ý nghiệp càng phải thận trọng hơn. (Vì ý nghiệp là chủ động tạo nghiệp). Nghiệp đã tạo thì quả báo khó tránh. Kinh Nhân Quả có câu: “Giả sử bá thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ.” Nghĩa là: *Giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp đã tạo không mất, khi đã đủ nhân duyên, quả báo tự mình chịu.*

Vậy ai là người muốn hiện đời được an lạc hạnh phúc và sau khi lâm chung được kết quả sanh các cảnh giới lành phải tránh các điều dữ, làm các việc lành. Tiến lên một tầng nữa, muốn ra khỏi luân hồi trong ba cõi, cũng phải giữ gìn ba nghiệp cho thanh tịnh, trì giới trang nghiêm, khiến phiền não vô minh lần lần dứt sạch, thì chắc chắn chúng ta sẽ thoát ly sanh tử, bằng chứng Phật dạy: “Ba nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vắng Tây phương.”

13. Kinh Điều Ngự

Trung Bộ kinh chép: Một hôm có Aggivessana dòng Bà-la-môn đến hỏi Phật về phương pháp tu hành, Phật dạy:

Này Aggivessana, sau khi vị thánh đệ tử đã giữ giới Pātimokkha đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong học pháp. Như Lai lại huấn luyện thêm cho vị đệ tử ấy. Hãy đến này Tỳ-kheo, hãy bảo hộ các căn, khi mắt thấy sắc chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, hãy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn, khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức các pháp, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng.

Như Lai huấn luyện thêm vị thánh đệ tử ấy: Hãy đến này Tỳ-kheo, hãy tiết độ trong ăn uống, chân chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để tham mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấn trì phạm hạnh nghĩ rằng: “Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới. Và ta sẽ không phạm lỗi lầm sống được an ổn.”

Này Aggivessana, sau khi vị thánh đệ tử đã tiết độ trong ăn uống. Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy:

“Hãy đến này Tỳ-kheo, hãy chú tâm vào giác tỉnh. Ban ngày đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gọi sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp, ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gọi sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp, ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông phải, như dáng con sư tử nằm, chân gác lên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gọi sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp.”

Sau khi vị đệ tử đã chú tâm vào giác tỉnh. Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy. Này Tỳ-kheo, hãy thành tựu chánh niệm, tỉnh giác khi đi tới, khi đi lui, đều tự giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tự giác, khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tự giác, khi co tay, khi duỗi tay đều tự giác, khi ăn uống nhai nuốt đều tự giác, khi đi đại tiểu tiện đều tự giác, khi đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói, yên lặng, đều tự giác.

Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gọi rửa tâm hết tham ái, từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gọi rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm, thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm, thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng chánh niệm tỉnh giác, gọi rửa hết tâm hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử, hối quá, nội tâm trầm lặng, gọi rửa hết trạo cử hối quá. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống với tâm thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gọi rửa hết nghi ngờ

đối với thiện pháp. Vị ấy sau khi đoạn trừ năm triền cái, những triền cái làm ô nhiễm tâm tư, làm yếu ớt trí tuệ, vị ấy sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để điều phục tham ưu ở đời.

Vị Tỳ-kheo kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, mặt trời và các loại bò sát, các ác ngữ, các lời nói chửi mắng, vị ấy sống quen kham nhẫn với những cảm thọ về thân thống khổ, đau nhói, đau đớn đến chết, được gọi sạch về uesthiễm, tham, sân, si. Vị ấy xứng đáng được cúng dường, cung kính, tôn trọng, chấp tay, là vô thượng phước điền trên đời.

Bình:

Bài kinh trên đây, là phương pháp Phật dạy cho Sa-môn, Bà-la-môn tu hành để ra khỏi sanh tử.

Người muốn ra khỏi sanh tử điều kiện trước tiên phải giữ giới thanh tịnh, đối với một lỗi nhỏ không trái phạm, các oai nghi đều đủ không thiếu khuyết. Kể đến phải bảo hộ các căn. Nghĩa là mắt thấy sắc không chạy theo sắc phân biệt tốt xấu, sanh tâm yêu ghét... tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp cũng đều không khởi phân biệt. Mỗi khi có niệm tham ái lo buồn khởi lên, nên tìm xét tột nguyên nhân của nó và chế ngự kịp thời không để nó khuấy nhiễu. Hằng xa lìa các sắc tướng của sáu trần, khiến tâm ý được vắng lặng.

Đối với việc ăn uống phải tiết độ. Nghĩa là phải ăn uống có chừng mực, vừa đủ không tham thích món ngon vật lạ. Phải luôn luôn xét nghĩ: ăn uống để duy trì

mạng sống, tiến tu đạo nghiệp chứ không phải vì để ngon miệng béo thân. Hằng xét nét như vậy để dứt trừ các cảm thọ yêu thích mùi vị. Khi tiết độ ăn uống xong, Phật dạy chúng ta lúc ngủ lúc thức hằng phải tỉnh giác. Ban đêm lúc đầu hôm đi kinh hành hoặc ngồi gội sạch tâm trí khỏi chướng ngại pháp. Nghĩa là giữ tâm vắng lặng không để một pháp bất thiện xen vào (không cho vọng tưởng khuấy nhiễu). Giữa đêm nằm nghỉ đúng pháp nằm của Như Lai, cuối đêm thức dậy kinh hành và hằng tỉnh giác, để xa lìa mọi pháp chướng ngại.

Sau khi chú tâm vào tỉnh giác, Phật dạy chúng ta phải thành tựu *chánh niệm tỉnh giác*. Nghĩa là đối với mọi động tác hằng ngày phải nhiếp tâm trong chánh niệm. Khi đi biết mình đang đi, khi đứng biết mình đang đứng, khi ăn cơm biết mình đang ăn cơm, khi rửa bát biết mình đang rửa bát v.v... không xen một niệm khác. Nghĩa là rõ biết mình từng phút giây không một niệm lãng quên.

Khi thành tựu chánh niệm tỉnh giác. Phật dạy người tu tập phải xa lìa năm món *triền cái* hằng che đậy tâm tánh, trí tuệ do đó mà không tăng trưởng được. Năm triền cái là: tham dục (tham mê ngũ dục), sân hận (giận tức, buồn phiền), thùy miên (ngủ nghỉ, lười biếng), trạo hối (xao xuyên và hối hận), nghi (nghi ngờ, do dự đối với chánh pháp). Và dứt bỏ lòng tham ưu thế gian, khởi tâm đại bi thương xót tất cả chúng hữu tình.

Đã dứt *ngũ triền cái* xong, Phật dạy chúng ta phải tu pháp nhẫn nhục. Nghĩa là đối với hoàn cảnh phải

nhẫn chịu mọi sự lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, rắn, rết cho đến kham nhẫn mọi tiếng gièm pha mắng chửi... Tức là đối với tự thân phải nhẫn chịu mọi thứ đau đớn thống khổ bức bách, gọi sạch uế nhiễm, tham, sân, si.

Phương pháp thực hành Phật dạy trên gọi là *chánh hạnh*, nó phù hợp với pháp *bát chánh đạo* là con đường ly dục tịch tịnh an lạc giải thoát. Vì thế người muốn đạt đến quả vị Niết-bàn phải ngay nơi đây mà thực hành, khỏi phải tìm kiếm con đường nào khác nữa.

14. Đức Phật đáng kính

Một hôm, tại thành Xá-vệ, vườn ông Cấp Cô Độc, buổi chiều sau khi thọ thực xong, tôn giả Nan-đà-ca đang thuyết pháp cho các Tỳ-kheo nghe. Vì hứng thú phấn khởi ngài thuyết quá dài. Lúc ấy, Thế Tôn từ chỗ tịnh cư đi đến, thấy cửa đóng và nghe bên trong tôn giả Nan-đà-ca đang thuyết pháp. Ngài bèn đứng lại bên ngoài nghe. Đợi khi tôn giả Nan-đà-ca thuyết xong, Thế Tôn mới tăng hắng và lấy tay gõ cửa, tôn giả Nan-đà-ca bước ra mở cửa. Phật nói:

- Ông nói pháp môn dài, ta đứng nghe đến mỏi lưng! Tôn giả thưa:

- Con không biết Thế Tôn đến, nếu con biết Thế Tôn đến con sẽ nói ngăn lại. Rồi Phật mới bảo:

- Các ông cùng hòa hợp với nhau nói pháp là tốt.

Bình:

Đọc qua bài kinh này chúng ta thấy tư cách đức Phật có đáng cho mọi người tôn kính hay chẳng? Dù là một bậc thầy, ngài vẫn không ý lại tư cách người trên mà suông pha làm mất sự trang nghiêm của hàng đệ tử. Giả sử chúng ta ở trường hợp này có thể khiêm tốn đứng chờ ngoài cửa như vậy chẳng? Hay là vừa mới đến thấy cửa đóng liền lấy tư cách một bậc thầy, gõ cửa để mong cho người ra mở, khỏi phải nhọc nhằn đứng đợi. Thế là vừa làm đứt quãng thời pháp, lại gây sự phóng tâm cho người. Vậy nên câu nói của đức Phật: “Ông nói pháp môn dài, ta đứng nghe đến mỏi lưng!” khiến chúng ta đầy cảm kích. Quả là một cử chỉ khó ai bắt chước được. Một lần khác, khi Phật đi trên đường gặp đám trẻ đang chơi đùa bên những ụ cát, thấy Phật đi đến chúng hoảng hốt chạy tránh một bên, vừa nhìn ngài như cầu cứu, lại vừa luyến tiếc nhìn mấy bức thành và mấy mô nhà bằng cát tưởng chừng như sắp tan rã dưới bước chân của ngài. Và lạ thay! Thế Tôn bước tránh qua một bên đường...! Sau bước chân ngài đi qua, còn để lại những nét hoan hỷ trên từng gương mặt ngây thơ! Ngài vẫn tôn trọng đến những tâm hồn bé bỏng! Đúng là một hình ảnh đẹp về bậc tôn quý. Nhân đây chúng ta nhớ lại câu “Vạn đức từ dung” quả thật không sai! Chẳng những ngài đẹp về hình tướng bên ngoài, mà đẹp cả về đức độ bên trong, cho đến đẹp giữa đời sống trí tuệ vô thượng. Do vậy, ngày nay chúng ta lạy ngài là lạy trên những cái đẹp đó, không phải lạy vì để cầu ngài ban bố cho nhiều phước lành, đó là chúng ta đã tự đánh mất ý nghĩa cao đẹp của một “bậc thầy đáng kính” vậy.

15. Phậ xả tuổi thọ

Trong Tăng Chi Bộ kinh chép: Một hôm Phật đến thành Tỳ-xá-ly bảo A-nan và đại chúng đến Kapala nghỉ trưa. Phật nói với ngài A-nan:

- Người đủ Tứ thân túc⁽²⁾ có thể kéo dài mạng sống một kiếp hoặc một kiếp còn lại.

Phật lặp lại câu ấy ba lần nhưng ngài A-nan vẫn làm thính.

Bấy giờ Phật xả tuổi thọ. Quả đất đều rung động.

Phật nói bài kệ cảm khái như sau:

*Mạng sống có hạn hay vô hạn
Đạo sĩ xả bỏ không kéo dài
Nội tâm an lạc trụ thiên định
Như thoát áo giáp tự ngã mang.*

Bình:

Đọc đoạn kinh này chúng ta có thắc mắc ngài A-nan không? Vô tình hay cố ý mà khi nghe Phật gợi ý, ngài có thể *kéo dài tuổi thọ* mà ngài A-nan không thỉnh Phật trụ thế để lợi lạc cho quần sanh? Thật ra điều này cũng khó hiểu! Đâu phải ngài A-nan không cảm mến đức Phật (ngài A-nan là em của Phật, đồng thời làm thị giả cho Phật), hay không thấy sự có mặt của đức Phật

⁽²⁾ Tứ thân túc: 1/ Dục như ý túc, 2/ Niệm như ý túc, 3/ Tinh tấn như ý túc, 4/ Tư duy như ý túc.

là quan trọng? Về điểm này có nhiều chỗ giải thích: Do cơ duyên giáo hóa của Phật ở cõi này đã mãn, khiến cho Ma vương ám ảnh làm ngài A-nan mất trí sáng suốt nên không kịp thưa thỉnh Phật trụ thế. Khi Phật đã tuyên bố xả tuổi thọ xong, ngài hẹn ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn (có lần Ma vương đến nhắc Phật Niết-bàn, Phật lặp lại lời hứa đó). Quả nhiên, sau ba tháng Phật nhập Niết-bàn.

Điều này có đáng cho chúng ta buồn không?

Chúng ta xét thêm về ý bài kệ Phật nói sau khi ngài tuyên bố xả tuổi thọ:

“Dù mạng sống có thời hạn hay không thời hạn, đối với đạo sĩ (Phật) không một chút tiếc nuối nên không kéo dài. Tâm ngài vẫn vui vẻ và an trụ trong thiên định. Sự xả bỏ mạng sống này, như người cởi chiếc áo giáp đã mang, chúng không có gì quan trọng.”

Vậy Phật có tiếc thân không? Ngài không chút hối tiếc, mặc dù ngài có đủ khả năng kéo dài mạng sống. Tại sao Phật không tiếc thân? Vì sự đến của ngài là tùy duyên ứng hiện để giáo hóa lợi ích cho chúng sanh. Khi xong việc ngài hết bốn phận. Việc ra đi của ngài là lẽ dĩ nhiên chứ đâu có gì hối tiếc. Hơn nữa sự đến và đi của Phật chẳng qua ẩn nơi này hiện nơi khác chứ đâu phải mất hẳn. Như vị bác sĩ giỏi, đến bệnh viện này trị lành các bệnh nhân xong đi đến bệnh viện khác mà thôi. Ông bác sĩ đâu có mất.

Pháp thân Phật vốn không đến đi sanh diệt, tùy cơ duyên giáo hóa mà hiện có sanh diệt, đến đi,

nhưng tánh thể vẫn bất động. Đây là lý nhiệm mầu của đức Phật mà thường tình chúng ta không hiểu nổi. Vì thế, có người hỏi: Phật Niết-bàn còn hay mất? Phật im lặng không đáp là nghĩa này vậy.

Xét rộng ra, tuy Phật không nói còn hay mất, song qua bài kệ trên đã ngầm ý cho chúng ta thấy: câu chót *Như thoát áo giáp tự ngã mang* nghĩa là sự nhập Niết-bàn của ngài cũng như người cởi chiếc áo đã mang vậy thôi, chứ có gì là còn hay mất. Do đó, thiền sư Từ Minh cũng từng nói: “Sanh như đắp chặn đông, tử như cởi áo hạ.” Đó là việc sanh tử đối với người đã đạt đạo, ưng đến liền đến, ưng đi liền đi không gì ngăn ngại.

Còn chúng ta thì sao? Hãy xét kỹ điều này!



PHẦN II

DIỄN GIẢNG

1. Chỉ một chữ “Biết”

Có lẽ mỗi người chúng ta ai ai cũng không còn lạ gì khi nhắc đến chữ “Biết”. Có thể nói chúng ta đã gặp nó hàng trăm ngàn lần trong cuộc sống hàng ngày. Nơi gia đình, trong sách vở, ở học đường, ngoài xã hội, giữa công việc làm, đâu đâu chúng ta cũng có gặp, đến nỗi mỗi khi nhắc đến tưởng chừng như chúng ta đang sống trong đó không cần suy nghĩ chút gì. Thế nhưng hỏi lại, có ai đã thực sự chạm đến chữ “Biết” này một lần nào chưa? Quả là chúng ta đang vầy vùng trong đó như sóng đang vầy vùng trong nước!

Này, chúng ta hãy nhìn một ngọn sóng đang vươn lên! Và chúng ta có cảm nhận được cái gì? Phải chăng chúng ta đang sống trong ngọn sóng ấy, từ nước mà vươn lên và vầy vùng trong nước? Có bao giờ sóng tách rời

khỏi nước, thế mà có bao giờ sóng tìm gặp nước? Lượn sau cứ tiếp đuổi lượn trước từ ngày này qua ngày khác mà không thể tìm đâu là chỗ gặp nhau. Cũng vậy, chúng ta có bao giờ chẳng cùng sống *đời sống bất sanh bất diệt*, nhưng cứ mãi đeo đuổi theo những lượn sóng sanh diệt, cái Biết này tiếp đuổi cái Biết kia, thế nên chưa bao giờ chạm mắt một lần Biết! Có thể chúng ta cũng có Biết và Biết thật nhiều, cho đến trí óc chúng ta đầy ắp không còn chỗ để chứa, song xét kỹ lại, chúng ta có thật Biết gì đâu? Khi còn suy nghĩ này nọ tức còn nói: “Tôi Biết thế này, tôi Biết thế kia...” chợt khi chết giấc hoặc lúc ngủ mê thì hỏi có còn Biết chẳng? Cái Biết đó đã đi về đâu? Hoặc lúc chúng ta ngồi thiền tư tưởng tạm thời dừng lặng, khi ấy lấy gì để Biết? Vì có suy nghĩ thì có tướng này tướng nọ mà Biết, không suy nghĩ thì có tướng gì? Do đó chúng ta tưởng chừng như không còn Biết nữa, có người ắt sẽ hoảng hốt: “Thế là tôi mất rồi!” Quả tang chúng ta đang trôi hụp trên những lượn sóng chập chùng mà quên mất: nước vẫn còn đây! Thật sự ai ai cũng đều đủ *tánh Biết thường hằng* không bao giờ gián đoạn, cho đến con trùng con kiến cũng không tạm thiếu, mà nói có Biết hay không Biết là thuộc về đối tượng có hay không mà thôi. Có đối tượng thì tướng Biết hiện, không đối tượng thì tướng Biết ẩn mà chẳng phải không cái Biết. Do đó người tu thiền mới có thể thường tỉnh sáng. Nghĩa là có khi có tướng “Biết rõ” là có tướng, khi không tướng “Biết rõ” là không có tướng, tướng có thể có hay không mà *tánh biết* thì không hai. Nên nói: thường hiện tiền.

Từ đó chúng ta mới thấy rõ lối tu một cách rất thiết thực: Khi nhìn một cành mai chúng ta “Biết rõ” đang nhìn cành mai, nghe tiếng nhạc “Biết rõ” đang nghe tiếng nhạc, ăn cơm mặc áo “Biết rõ” đang ăn cơm mặc áo v.v... tức là luôn luôn tỉnh sáng rõ ràng trên “cái Biết”, không để cho cảnh đối tượng có thể làm mờ. Nhân đó, khi công phu thuần thực thì bất cứ nơi nào cũng là chỗ chúng ta ngộ đạo cả. Như thế, tổ Quy Sơn dựng phát tử, tổ Ca-diếp gọi A-nan, đối với chúng ta chẳng còn che mắt, bít tai được nữa! Chỉ một phen Biết, tức hàng ngày chúng ta đang sống.

Rõ là có gì lạ đâu, bởi chúng ta vẫn sống trong đó mà không chịu nhận, cứ chạy theo những lượn sóng nổi chìm lên xuống nên thấy có kia có đây cách biệt, do đó mà hết buông cái này bắt cái nọ, nhọc nhằn lao khổ từ kiếp này qua kiếp khác, từ thân này qua thân khác, cho đến khi chán nản trở về với đạo mà vẫn còn cái tập khí sanh diệt chưa quên: Bỏ vọng để về chân, diệt phiền não để chứng Bồ-đề, Niết-bàn v.v... lấy vọng này bỏ vọng kia, dấu vết vẫn còn nguyên!

Chúng ta hãy nghe thầy Tri viên hỏi thiền sư Duyên Quán:

- Khi giặc nhà khó giữ thì thế nào?

Duyên Quán đáp:

- Biết được chẳng phải oan gia.

Quả thật lâu nay chúng ta cứ tưởng có một cái gì riêng khác làm rối loạn tâm mình, cần phải đoạn trừ nên thường băn khoăn thắc mắc không yên. Chẳng ngờ

chính mình tự gây rối loạn mà không hay. Đất, nước, gió, lửa không thể gây rối; gan, ruột phèo, phổi không thể gây rối; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không thể gây rối. Chính ngay cái chỗ thấy, nghe, hiểu, biết bình thường khởi lên cái *niệm kia đây*, tức thành rối loạn. Trái lại, cũng ngay cái thấy, nghe, hiểu, biết đó tỉnh sáng trở lại tức nguồn thanh tịnh vốn không việc khác. Nên nói: tức thấy, nghe, hiểu, biết mà lưu chuyển luân hồi, cũng tức thấy, nghe, hiểu, biết mà ngộ tri kiến Phật. Thầy Tri viên hỏi tiếp:

- Sau khi biết được thì sao?

Duyên Quán đáp:

- Biến đến nước vô sanh.

Ngay chỗ tỉnh sáng hãy khéo giữ gìn, lâu ngày vọng tưởng tự dừng lặng, tức là an trụ vô sanh, có trừ có dẹp gì đâu? Tuy nhiên chúng ta sẽ lầm lẫn khi đạt đến vô sanh là sống một thế giới, cách biệt với thế giới sai biệt này, chính cái niệm đó sẽ khiến chúng ta chìm lịm trong chỗ lặng lẽ, lấp bít con đường trí tuệ viên thông. Đó là điều mà các thiền sư rất thường quở trách! Vậy nên thầy Tri viên hỏi tiếp:

- Nước vô sanh đâu không phải chỗ y an thân lập mạng?

Duyên Quán bảo:

- Nước chết không chứa được rồng?

Thầy Tri viên hỏi:

Thế nào là nước chết chứa rồng?

Duyên Quán đáp:

- Dậy mò chẳng thành sóng.

Phải vươn lên trong cái sanh diệt mà vẫn tự tại dạo khắp núi sông mà không đạp một tấc đất, gọi là kẻ vào rừng không động lá, đi qua không để lại dấu vết, đó mới là chỗ cứu cánh chân thật. Nên cuối cùng thầy Tri viên hỏi:

- Bỗng khi dầm nghiêng núi đổ thì sao?

Duyên Quán đáp:

- Chớ nói ướm góc ca-sa của lão tăng.

Quả thật trong sanh diệt vẫn sống bất sanh bất diệt, ý nghĩa sanh diệt chẳng tương can, càng thêm tỏ!

Nhận được chỗ này, chúng ta mới thấy chỗ không bệnh của ngài Động Sơn. Khi sắp tịch, Sư có chút bệnh, một vị tăng đến hỏi:

- Hòa thượng bệnh có thấy cái chẳng bệnh chẳng?

Sư đáp: - Có.

Tăng hỏi:

- Cái chẳng bệnh có thấy Hòa thượng chẳng?

Sư đáp: - Lão Tăng xem y có phần.

Tăng hỏi: - Chưa biết Hòa thượng làm sao xem y?

Sư đáp:

- Khi lão Tăng xem chẳng thấy có bệnh.

Chúng ta thấy *cái không bệnh* chẳng? Chỉ một *cái biết* thôi! Nghĩa là khi bệnh *biết rõ* từng trạng thái

diễn tiến của bệnh không một chút lằm lẩn, tức *cái biết* ấy chẳng đồng với bệnh. Trái lại, nếu cứ nghĩ “ta bệnh khổ!” tức tự mình đồng hóa với cái bệnh và mất đi *cái biết thường hằng*, đó là bị sanh tử chuyển! Vậy nên chúng ta phải nhận sâu chỗ này. Nếu không, tu hành khó tiến, lại dễ sanh nghi ngờ.

Đây, chúng ta hãy nghe kỹ lại một lần nữa, tổ Lâm Tế nói: “Xác thân tứ đại của các ông không biết thuyết pháp, nghe pháp. Gan, mật, dạ dày, ruột không biết thuyết pháp, nghe pháp. Hư không không biết thuyết pháp, nghe pháp. Là một cái *riêng sáng hiện bày rõ ràng* ở trước mắt ông, nó biết thuyết pháp, nghe pháp. Nếu thấy được như thế đã cùng Phật, tổ không khác, chỉ trong tất cả thời dừng cho gián đoạn, chạm mắt đều phải, chỉ vì tình sanh trí cách, tưởng dấy thể sai.” Như vậy ngay chỗ thấy, nghe, hiểu, biết hằng ngày chúng ta khéo nhận thức *đạo nhân hiện tiền* không chỗ nương! Không nương đất, nước, gió, lửa, không nương gan, mật, dạ dày, phổi... không nương sắc, thanh, hương, vị xúc, pháp... cho đến không nương mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý: tức chính ngay thấy nghe này... liền giải thoát. Đó là chúng ta sống giữa thế gian mà siêu xuất khỏi thế gian. Chủ yếu là thường tỉnh đừng mê, thường nhớ chẳng quên, chớ để tình sanh mà trí phải cách, tưởng dấy lên thì thể thành sai biệt. Phải là trong tất cả thời đi, đứng, nằm, ngồi, công tác, nghỉ ngơi mỗi mỗi cử động đều *biết rõ ràng!* Nếu có phút giây nào trống thiếu tức phút giây đó ta đang sống trong tăm tối. Cho dù là người tu thoát đầu mà thiếu sự tỉnh sáng này, cũng bị quả trách!

Chẳng hạn khi tham không biết câu thoại đầu đang tham, hoặc tham một lúc thoại đầu chạy đi đâu không hay không biết, thế là có thành nghĩa tham chẳng hay đã đi trong hang quỷ rồi? Chúng ta cần hiểu rõ, Thiền là đủ hai nghĩa *Tịch và chiếu*, do *tịch* mà niệm không khởi, do *chiếu* mà trí chẳng đoạn, niệm không khởi trí chẳng đoạn, đó mới là thường tỉnh thường sáng, một điểm cũng chẳng lầm. Dù có chỗ gọi *tịch chiếu đều quên* song vẫn không mất ý nghĩa tỉnh sáng. Mà đến đây *tịch chiếu không hai*, chẳng còn dấu vết phân biệt đây tịch kia chiếu, đó gọi là *nhập diệu* vậy.

Cho nên có vị tăng hỏi thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng: “Như gương đúc thành tượng, sau khi tượng thành, cái sáng đi về đâu?” Sư đáp: “Như Đại đức tướng mạo lúc trẻ hiện giờ ở đâu? Tuy tướng mạo lúc trẻ hiện giờ không thấy, nhưng đi đứng hiện tại có phải là ai khác đâu?” Tăng hỏi tiếp: “Tại sao khi thành tượng không chiếu soi?” Sư đáp: “Tuy không chiếu soi nhưng đối y một điểm cũng chẳng được!” Nghĩa là chúng ta cứ nghĩ, khi vọng tướng lặn hết rồi thì hiểu biết cũng không luôn, chứ có biết đâu, chính khi ấy toàn thể thành dụng không còn phân chia, nên bất cứ lúc nào hễ chạm đến liền Biết, động đến liền xoay, một hạt bụi cũng không lọt qua được: “Tuy không chiếu soi mà một điểm đối y cũng chẳng được.” Tịch mà thường chiếu rõ ràng không còn tranh cãi! Chỗ này mà sai một chút thì cách xa bằng trời với đất, trí tuệ do đó khó thông.

Đến đây chúng ta đã hiểu tầm quan trọng của sự tỉnh sáng trong nhà Thiền, chư tổ thường nói: “Các ông

nếu tạm rời việc này trong khoảnh khắc tức cùng kẻ chết không khác.” Song sự tỉnh sáng này đâu ai có thể truyền cho, cũng không ngòi bút nào ghi chép được, do vậy nếu chúng ta chạy đến các ngài hỏi tìm ắt thất vọng mang về hai tiếng “không biết”. Có lúc từ bi hơn, các ngài liền bảo: “Tha ông ba gậy!” Nếu miễn cưỡng hỏi tiếp tất bị vung gậy vào người! Phải chăng các ngài muốn nói, chúng ta đang sống trong ấy mà lại đi tìm? Ăn cháo xong chưa? Rửa bát đi!” *Chẳng rời hiện tại thường lặng lẽ, còn tìm tức biết anh chưa thấy!* Chính nó đây rồi! Khi ăn chúng ta cùng ăn, khi ngủ chúng ta cùng ngủ, khi dạo chơi chúng ta cùng dạo chơi v.v... hằng ngày vẫn theo sát chúng ta không một phút giây tạm rời. Tự mình đang sống mà lại đến người tìm, trách gì không khỏi ném mùi gậy từ bi! Sao không nhanh nhẹn, chuyển một đường gươm “không biết” thành “tự biết”, tức thì đầu gậy ở trong tay ta, mặc tình tung hoành.

Như câu chuyện thiền sư Linh Mặc, khi đến yết kiến hòa thượng Thạch Đầu, Sư tự hứa nếu một câu khế hợp thì ở, chẳng hợp liền đi. Nhưng khi thưa hỏi vẫn không khế hợp. Sư bèn ra đi, Thạch Đầu theo sau đến cửa ngoài, liền gọi: “Xà-lê!” Sư xoay đầu lại. Thạch Đầu bảo: “Từ sanh đến tử chỉ là cái ấy, xoay đầu chuyển não làm gì?” Sư nhân câu nói này liền đại ngộ, dừng lại đây hai năm. Như vậy trước khi xoay đầu với sau khi xoay đầu cách nhau bao xa? Nên nói: chỉ một đường gươm thì “không biết” thành “tự biết”! xưa nay vốn tự đầy đủ, chẳng phải miệng người truyền. Đó là ý nghĩa tự tỉnh tự sáng, căn bản của người tu Thiên.

Giờ đây chúng ta có thể sáng tỏ chữ “Biết” ban đầu rồi chứ gì? “Biết” ở đây là sự tỉnh sáng thường xuyên, đừng hiểu lầm “Biết” là những đường nét in đậm trong đầu óc, đó là chúng ta tự chôn vùi trí tuệ. Chúng ta sống với chữ “Biết”, là chúng ta hằng sống trong sự tỉnh sáng. Một niệm khởi lên liền Biết, là khởi trong sự tỉnh sáng! Cũng vậy một đóa hoa anh đào nở, nở trong tỉnh sáng, một tiếng chim sơn ca hát trên đầu cành, hát trong tỉnh sáng. Cho đến làm công việc gì cũng làm trong sự tỉnh sáng! Đó là chúng ta đã sống với Thiên!

*Chỉ ngay một niệm liền trở về,
Cũng hơn mười năm vùi trong sách!*

Chúng ta còn chạy đi đâu để học Thiên? Ai có thể truyền cho chúng ta sự tỉnh sáng này? Ai có thể cướp mất chúng ta sự tỉnh sáng này? Vậy có gì chúng ta lại nghi ngờ? Nếu chúng ta sống trọn vẹn trong sự tỉnh sáng này thì hỏi trên thế gian còn có gì chẳng sáng? Kinh nói: “Nào cây, nào chim... cũng đều niệm Phật, niệm Pháp”, chạm mắt đều Bồ-đề, trên đầu trăm cỏ ý tổ Sư; đâu còn lạ gì “mười phương hư không thấy đều tiêu mất?” Nghĩa là trước mắt, chúng ta không một điểm trống vắng, không một hạt bụi che, dù có cảnh đối trước vẫn như không. Tức là thấy biết tự tại!

Tóm lại “Biết” tức “tỉnh”. Chỗ này không thể lấy nghĩa thế gian mà có thể luận đến được. Thế nó vượt ngoài có không, tuy vẫn hiện hữu giữa thế gian mà không bị thế gian ô nhiễm. Về nghĩa sâu kín của nó thì mắt Phật nhìn cũng khó thấy. Về nghĩa tự tại của nó thì

trời không thể che, đất không thể chở, hư không không thể bao. Về nghĩa sáng của nó thì, mặt trời mặt trăng sánh chẳng kịp. Vậy ai đã từng chạm mắt một lần “Biết”? Sanh tử nào có ngại?

2. Phật thành đạo

Nhân ngày lễ Phật thành đạo, tôi nhắc lại vài vị thiên sư qua câu chuyện Phật thành đạo để cho quý vị thấy và hiểu sâu hơn về ý nghĩa thành đạo.

Đời nhà Tống vua Hiếu Tông đến hỏi thiên sư Phật Chiêu nhân ngày thành đạo. Ông hỏi rằng: “Nói Phật thành đạo là thành cái gì?” Thiên sư đáp: “Dám bảo bệ hạ đã quên.” Ông vua liền gật đầu. Quý vị thấy thiên sư này trả lời hay chưa? Tại sao hỏi: “Thành đạo là thành cái gì?” thì ông trả lời rằng: “Dám bảo bệ hạ đã quên?”

Giờ đây tôi hỏi quý vị quên là quên cái gì? Đã quên là đã quên cái gì? Chắc rằng quý vị sẽ tưởng chừng quên cái đêm mừng tám thánh Chạp trong sử còn ghi: Từ canh một tới canh hai Phật chứng được Thiên nhãn minh, tới canh ba chứng Túc mạng minh, qua canh năm chứng Lộ tận minh, rồi sau đó đầy đủ lục thông, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp v.v... có phải quên cái đó chẳng? Chắc rằng không phải! Như vậy thì quên cái gì? Ở đây tôi dẫn cái chỗ quên cho quý vị thấy: Trong kinh Pháp Hoa quý vị còn nhớ phẩm Cùng Tử chẳng? Khi chàng cùng tử đi lang thang mỗi mệch trở về tìm cha, đến lúc tìm tới nhà ông Trưởng giả rồi mà ông làm sao?

Tới thấy cha mình mà không nhớ, còn người cha nhớ biết con mình muốn bắt giữ ông lại thì ông hoảng hốt chạy trốn. Như vậy ông quên mình là con ông Trưởng giả, cho nên phải chạy lang thang đi ăn mày. Khi về nếu ông tới gặp cha liền nhớ, thì sao? Ngay đó liền hết cái đời ăn mày. Đó là một cái chỗ quên.

Cái quên thứ hai nữa là chàng say rượu được bạn tặng cho hòn ngọc quý cột trong ché áo, bởi say rượu nên tỉnh dậy rồi quên (quên mình có hòn ngọc quý) cho nên vẫn đi lang thang ăn mày. Đợi tới khi người bạn gặp lại mới trách: “Tại sao cái anh này trước kia mình đã cho hòn ngọc quý mà bây giờ vẫn còn ăn mày?” Người bạn liền kêu lại chỉ: “Hòn ngọc quý ngày xưa tôi cho anh còn cột trong ché áo kia, tại sao anh quên lại đi ăn mày lang thang?” Tức thời anh chàng kia liền nhớ lại: mình có hòn ngọc quý. Như vậy là hai cái quên, hai cái quên đó là quên cái gì? - Quên mình là con ông Trưởng giả, quên mình có hòn ngọc quý cột sẵn trong ché áo, phải không? Và chàng cùng tử sau khi được ông Trưởng giả nhận là con, chừng đó chàng sẽ có nào là kho tàng của báu, nào là vườn ruộng, xe cộ, tôi tớ v.v... vậy những cái kho tàng, của báu, vườn ruộng, xe cộ, tôi tớ đó là cái phụ ở phía sau, sau cái nhớ, không phải là cái chánh, phải không? Thế mà mình bây giờ còn nhớ cái đó là cái chánh thôi.

Kế đó nữa, như chàng say sau khi đã nhớ mình có hòn ngọc, rồi đem hòn ngọc ra bán, chừng đó mới sắm được nhà, mới có xe cộ, tôi tớ v.v... thì những việc đó cũng là cái sau, mà cái chủ yếu là “cái quên” đó,

nếu trực nhớ lại thì đầy đủ. Như vậy quý vị thấy Phật thành đạo là thành cái gì? Là thành “cái bệ hạ đã quên phải không”. Quý vị thấy có thắm thía hay chưa? Câu nói mới nghe qua hết sức là đơn giản, hình như là vô lý nữa, mà khi suy nghĩ rồi mới thấy thật là chỉ cho chúng ta tận nguồn gốc cái chỗ thành đạo của đức Phật. Đó là về phần kinh.

Đến phần Thiền, tôi sẽ dẫn thêm các vị tôn túc sau này cũng nói cái chỗ đã quên đó cho mình biết và chỉ cho mình thấy, để xem quý vị có thấy biết được hay không? Đầu tiên là kể chuyện ngài Phó đại sĩ. Ngài Phó đại sĩ có làm một bài tụng, nguyên văn chữ Hán:

*Dạ dạ bão Phật miên
Triều triều hoàn cộng khởi
Khởi tọa trấn tương tùy
Ngũ mặc đồng sở chỉ.
Tiêm hào bất tương ly
Như thân ảnh tương tợ
Dục thức Phật khứ xứ
Chỉ giá ngữ thanh thị.*

Tạm dịch:

*Đêm đêm ôm Phật ngủ
Ngày ngày cùng Phật dậy
Ngồi đứng hằng theo nhau
Nói nín cùng chung ở.*

*Mấy may chẳng tạm rời
 Như hình cùng với bóng
 Muốn biết nơi Phật đi
 Chỉ chỗ nói năng ấy!*

Quý vị thấy chỗ chỉ chưa? Đêm nào cũng ôm Phật ngủ, ngày nào cũng cùng Phật dậy, mình với Phật thân thiết như thế, mà sao quên? Bởi quên cho nên mình cô phụ Phật. Ở đây ngài muốn chỉ cho mình thấy Phật thì chỉ chỗ nào? “Muốn biết nơi Phật đi, chỉ chỗ nói năng ấy”, chỉ ngay cái chỗ nói năng đó là cái chỗ Phật đi. Đó là một vị tôn túc.

Kế đó, cũng một vị thiên sư, tức ngài Huệ Hải đến Mã Tổ, Mã Tổ hỏi:

- Người đến đây cầu việc gì?

Ngài trả lời:

- Con đến đây cầu hỏi Phật Pháp. (Hay là cầu học Phật pháp).

Mã Tổ nói:

- Kho báu nhà mình không đoái hoài, đến đây cầu cái gì?

Huệ Hải liền hỏi lại:

- Cái gì là kho báu của Huệ Hải?

Mã Tổ nói:

- Cái ông hỏi ta đó!

Ai có thể thấy? Vậy mà Sư nhận được kho báu về nhà tự tại! Quý vị mới thấy, hai vị đó chỉ, người thì chỉ:

“Muốn biết nơi Phật đi, chỉ chỗ nói năng ấy.” Người nói, muốn biết kho báu nhà mình “chỉ chỗ người hỏi ta đó!” Qua hai chỗ chỉ đó quý vị dễ thấy hay không?

Giờ tôi bình hai cái chỗ chỉ đó cho quý vị nghe: Như có hai cha con, người cha khoảng ba, bốn mươi tuổi, còn đứa con bảy, tám tuổi; hai cha con dẫn đi đường chơi, có gió thổi mạnh, người cha nói: “Có gió thổi mạnh.” Đứa con hỏi: “Gió ở chỗ nào ba?” Người cha bảo: “Chỗ lá cây rung động đó!” Chỉ như vậy đúng chưa? Chỉ chỗ lá cây rung động là chỗ gió? Nếu chỉ như vậy đứa con nó sẽ nghĩ rằng: “Chỗ lá cây rung động đó là gió và gió chỉ có hạn cuộc ở chỗ lá cây rung động thôi.” Nghĩ vậy đã đúng chưa? Mà phải hiểu sao? Lá cây rung động là chỉ một phần nhỏ của gió, nguyên gió nó tràn đầy, bàng bạc, chẳng qua vì gặp lá cây thành lá cây phải rung động. Tuy nhiên lá cây rung động chính từ gió mới có chứ không phải không ngờ, nhưng nếu cho gió chỉ ở trong phần lá cây rung động thì chưa đúng, phải không? Và nếu cho lá cây rung động là thể tướng của gió thì lại càng không trúng nữa. Bởi thể tướng của gió nó không phải chỉ là cái lay động của lá cây, mà nó còn trùm khắp. Như vậy chúng ta mới thấy hai vị tôn túc chỉ chỗ kho báu và chỗ Phật đi đó, chẳng khác nào người cha chỉ cái chỗ gió làm động, phải vậy không? Hiểu như thế quý vị mới khỏi lầm! Đó là tôi nói cho quý vị thấy chủ yếu của chỗ chỉ: *Nơi Phật đi* hay là của *Kho báu nhà mình*. Ở đây hai ngài đều chỉ ngay cái chỗ nói năng, thưa hỏi, nhưng chỉ như vậy chẳng qua là chỉ lá cây rung mà nói đó là gió, chứ không phải chỉ cái toàn thể của gió.

3. Ý nghĩa tối thượng

Những ai đã đọc quyển *Góp Nhặt Cát Đá* đến câu chuyện Giáo Lý Tối Thượng chắc không khỏi có điều thắc mắc? Vì sao? Câu chuyện như vậy:

Có anh mù, một hôm đến thăm người bạn, vì mãi mê chuyện trò đến trời tối không hay. Khi ra về, người bạn mới đốt một cây đèn lồng trao cho anh, anh khoát tay nói:

- Với tôi thì ngày cũng như đêm có cần gì đến thứ này.

Người bạn giải thích:

- Tuy nhiên với anh thì được, song đối với người sẽ nhờ có cây đèn này mà thấy và tránh anh!

Anh nghe nói có lý liền cầm lấy cây đèn và chào ra về. Nhưng anh đi được một quãng, chợt có người bất ngờ đâm sầm vào anh. Anh quát:

- Ai vậy? Chẳng thấy tôi cầm cây đèn đây sao?

Người kia đáp:

- Thưa bạn, đèn của bạn đã tắt từ lâu rồi!

Đọc qua câu chuyện tựa đề là Giáo Lý Tối Thượng, song chúng ta có thấy chỗ nào là Giáo Lý Tối Thượng? Thật là khó hiểu! Phải chăng với một kẻ mù thì dù có được ân cần trao cho cây đèn cầm trong tay nhưng vẫn không tự cứu mình thoát khỏi tai nạn. Trái lại, chính mình phải tự sáng mắt, khi đó cây đèn mới có hiệu quả?

Cũng vậy, muốn thoát khỏi sanh tử luân hồi, ngoài chúng ta ra, ai có thể thay thế cho mình làm việc đó? Dù chúng ta có được trao cho một pháp môn thật cao siêu mâu nhiệm mà chính mình không thể tự sáng, thì pháp đó cũng chỉ là món ăn tạm thời vậy thôi, đôi khi còn có hại nữa là khác. Nên nói: Đề hồ biến thành độc dược! Bởi thế chư Phật dù đã trải qua nhiều kiếp mỗi miệng, tràn môi, song chúng ta giờ đây cũng vẫn lặn hụp không biết ngày cùng. Vì Phật, tổ dù có thương xót chúng ta bao nhiêu, chỉ là trợ duyên chúng ta trên một ý nghĩa tạm thời. Nếu chúng ta không chịu tự mình mở mắt ra, lại cứ bám vào những lời Phật, tổ, lấy cái hiểu của người làm cái hiểu của mình, thì có khi nào được giải thoát? Chúng ta còn nhớ câu chuyện ngài Hương Nghiêm Trí Nhàn chăng? Sư ở nơi tổ Bá Trượng được nổi tiếng là hỏi một đáp mười, thế nhưng sau khi tổ Bá Trượng quy tịch, Sư đến chỗ Quy Sơn bị một câu hỏi đành câm miệng. Quy Sơn bảo:

- Nghe nói ông ở chỗ tiên sư Bá Trượng hỏi một đáp mười. Vậy giờ đây hãy nói một câu xem: “Thế nào là một câu trước khi cha mẹ chưa sanh?”

Sư bị một câu hỏi này mờ mịt không đáp được. Trở về liêu, Sư soạn hết sách vở đã học qua, tìm một câu đáp trọn không thể có. Sư than: “Bánh vẽ chẳng no bụng đói.” Đến cầu xin Quy Sơn nói phá. Quy Sơn bảo:

- Nếu ta nói cho người, về sau người sẽ chửi ta, ta nói là việc của ta, đâu can hệ gì đến người?

Rõ ràng từ ngoài mà được chẳng phải chân thật của báu, nơi người mà hiểu đâu dính dáng đến việc bổn phận? Sư bèn đem những sách vở đốt hết từ giã ra đi.

Một hôm, ở chỗ Nam Dương nhân cuộc cỏ trên núi, lượm hòn gạch ném trúng cây tre vang tiếng. Sư chợt tỉnh ngộ phá lên cười. Sư trở về tắm gội, thấp hương hướng Quy Sơn đánh lễ, ca tụng rằng: “Hòa thượng từ bi ơn như cha mẹ, khi trước nếu vì con nói rồi thì làm gì có ngày nay.” Đó là phải tự mình sáng lên mới có thể nếm mùi pháp vị. Thế nên Nham Đầu ở Ngao Sơn đâu chẳng bảo Tuyết Phong rằng: “Từ cửa vào chẳng phải cửa báu trong nhà... muốn xiển dương đại giáo mỗi mỗi phải từ nơi hông ngực mình lưu xuất, sau này cùng ta che trời che đất đi.” Nghĩa là nếu cửa báu trong nhà ắt tự mình lấy ra dùng đâu thể một bề đến nơi người mà nhận đem về gìn giữ sao khỏi có lúc phải trả lại, chung cuộc vẫn tay không.

Từ đó chúng ta mới thấy ý nghĩa thâm sâu trong kinh Pháp Hoa, phẩm Tùng Địa Dũng Xuất. Khi ấy các đại Bồ-tát từ tha phương đến trước Phật Thích-ca thừa thỉnh, nếu Phật hứa cho, các vị sẽ ở cõi Ta-bà này sau khi Phật diệt độ hộ trì kinh Pháp Hoa. Phật không chấp nhận, bảo rằng: “Thôi đi, chẳng cần các ông hộ trì kinh này. Vì sao? Vì ở cõi Ta-bà đây có các vị đại Bồ-tát số đông đến sáu muôn sông Hằng, mỗi vị có sáu muôn hằng hà sa quyến thuộc, các vị đó có thể hộ trì kinh này.” Khi Phật nói lời đó, cõi Ta-bà ở tam thiên Đại thiên các cõi nước đất đều rung nứt. Trong đó có vô số vị đại Bồ-tát

từ dưới lòng đất vọt lên! Mới nghe qua chúng ta thấy đức Phật có vẻ địa phương quá phải không? Tuy nhiên nhận sâu vào mới thấy ý nghĩa cao thâm. Bởi kinh Pháp Hoa là tượng trưng cho “Tri kiến Phật” tức tánh giác nơi mỗi người. Muốn bảo vệ tánh giác đó, nếu không phải tự mình giữ lấy, lại bảo người gìn, làm sao có thể bảo đảm lâu dài? Thế nên Phật không chấp nhận Bồ-tát tha phương hộ trì kinh Pháp Hoa.

Đến đây chúng ta mới hiểu vì sao trong nhà Thiên thường chia hai loại trí: trí hữu sư và trí vô sư. Trí hữu sư là trí từ nơi học hỏi mà được nó có giá trị tạm thời không phải cứu cánh miên viễn. Chính trí vô sư là cái tự mỗi người phát minh ra, chẳng từ nơi miệng người truyền, cũng không do ai đem lại, đó là “chân trí tối thượng”. Người nhận ra được trí này là đã đi đến ngã rẽ của con đường giác ngộ, từ nay không còn trở lại sanh mê, nguồn giải thoát là đây.

Nói trắng ra, chủ yếu Thiên tông vốn chỉ thẳng cho người nhận ra cái trí vô sư này chứ không có gì khác. Bởi thế những tiếng hét chát tai, những cái đánh trời giáng cốt đập thẳng vào chúng ta để sống dậy “vô sư trí hiện tiền!” Người mà đạt đến đây mới có đầy đủ niềm tin không còn bị ngôn ngữ chuyển và mới có thể mở miệng nói: “Từ nay không còn bị đầu lưỡi các Hòa thượng trong thiên hạ lừa!” Đó là sống vững mạnh trong ánh sáng của chính mình.

Chúng ta đâu chẳng nghe ngài Nam Viện Huệ Ngung hỏi Phong Huyệt:

- Phương Nam một gậy thương lượng thế nào?

Phong Huyệť đắp:

- Thương lượng rất kỳ đặc.

Lại hỏi:

- Hòa thượng ở đây một gậy thương lượng thế nào?

Nam Viện cầm cây gậy lên, bảo:

- Dưới gậy vô sanh nhấñ, gặp cơ chẳng thấy thầy.

Ngay câu nói này Sư triệt ngộ. Tức là ngay một gậy liền quên chủ khách đối đắi, tự mình sống đây không chỗ nương, từ đó mới có thể đảm đắng việc lớn! Một hôm, Nam Viện lại hỏi:

- Người nghe Lâm Tế khi sắp tịch nói chắng?

Sư thưa: - Nghe.

Nam Viện bảo:

- Lâm tế nói: “Ai biết chánh pháp nhấñ tạng của ta đến bên con lừa mù diệť”.

Lại ngài lúc bình sanh như con sư tử thấy người liền giếť, đến khi sắp tịch cơ sao lại bó gối, xuôi đuoi như vậy? Sư thưa:

- Mật phó sắp tịch, toàn chủ tức mật.

Nam Viện lại hỏi:

- Tại sao Tam Thắng Huệ Nhiên cũng không nói?

Sư thưa:

- Con thật đắ gần gũi nhận lãnh vào thắť, chẳng đồng với người đi ngoài cửa.

Nam Viện gật đầu. Chúng ta có hiểu chẳng, ngài Phong Huyệť muốn nói gì? Chỗ này phải là kẻ ở trong nhà mới tự cảm thông lấy, không phải người tà tâm có thể nhìn trộm. Do đó Phong Huyệť nói:

- Con thật đã gần gũi nhận lãnh vào thất, chẳng đồng với người đi ngoài cửa.

Nam Viện muốn gạt lại chỗ thấy của Phong Huyệť, qua câu nói này đã xác chứng Sư đang sống trong ấy không còn nghi. Đó là chỗ Nam Viện gật đầu!

Rõ được chỗ này, chúng ta mới có thể sống dậy giữa những tiếng hét, tiếng cười, vùng lên dưới những nhát búa, đường gậy! Ta đã có lối đi! Thiền sư Ý Ngộ ở Pháp Xương đâu chẳng nói: “Ở thành Tỳ-da im lặng, phỏng theo tông thừa; Thứu Lãnh giờ cành hoa, trở thành thuốc độc; chín năm xây mặt vào vách, làm ngu độn tông tổ tiên; nửa đêm truyền y, là gạt kẻ hậu học; Mã Tổ tức tâm tức Phật, in tuồng ôm gốc cây đợi cỏ; Bàn Sơn phi tâm phi Phật, có thể gọi là hòa bùn hợp nước. Những tri kiến như thế là bại hoại tổ phong, diệt dòng họ Thích...” Vì sao? Ở thành Tỳ-da im lặng tức ngài Duy-ma-cật im lặng, Bồ-tát Văn-thù tán thán: Chúng ta phải thấy thấu trong chỗ im lặng, chớ dừng nơi đây. Thứu Lãnh giờ cành hoa là trong hội Linh Sơn Thế Tôn giờ cành hoa sen, ngài Ca-diếp mỉm cười: nên khéo thấy ý kia, chớ ở trên cành hoa mà làm chỗ hiểu. Chín năm xây mặt vào vách là tổ Đạt-ma chín năm ngồi yên nơi động Thiếu Thất: chỉ vì cơ duyên chưa đến, nếu cứ một bề đua nhau bắt chước như thế, làm sao có thể tự sáng?

Nửa đêm truyền y là Ngũ Tổ trong thất truyền y bát cho Lục Tổ: một hoàn cảnh tạm thời, chớ việc này ai ai cũng đều đủ có gì giấu giếm? Mã Tổ tức tâm tức Phật là: tạm dùng qua cơn loạn. Bàn Sơn phi tâm phi Phật: đâu thể lại riêng có? Đó là ngài đã thổi vào chúng ta một luồng sinh khí, mở ra một con đường sống, chẳng cho đạp dấu chân người mà ôm giữ những cái tri kiến đã chết. Chẳng thế là chúng ta tự đóng khung mình trong cái khuôn thước cũ và không thấy được Phật, tổ sống. Hoàng Long thiên sư cũng từng bảo người: “Đã ra khỏi cửa thì lay tay đi thẳng, chẳng cần biết có kẻ gác cửa.” Nếu còn do dự là lỗ mũi mình ở trong tay người!

Như vậy đến đây chúng ta đã hiểu thế nào là ý nghĩa tối thượng rồi chứ gì? Tức là chỉ thẳng, mỗi người chúng ta tự tỉnh sáng lên, mở mắt ra mà nhìn những lẽ thật xưa nay. Chính tâm tỉnh sáng đó là nguồn giải thoát trên hết, ngoài ra không ai có thể giải thoát thay cho chính mình. Nếu chúng ta đầy đủ cái nhân này là chúng ta đầy đủ cái nhân thành Phật không còn nghi ngờ.

Để kết luận về Ý nghĩa tối thượng, chúng ta hãy nghe câu chuyện ngài Đức Sơn ở Long Đàm. Một đêm Sư đứng hầu, Sùng Tín bảo: “Đêm khuya sao chẳng xuống?” Sư kính chào bước ra, lại trở vào thưa: “Bên ngoài tối đen.” Sùng Tín thắp cây đèn cây đưa Sư, Sư toan tiếp lấy, Sùng Tín liền thổi tắt. Ngay đó Sư đại ngộ! Tại sao đã đốt đèn đưa cho người, người vừa tiếp lấy liền thổi tắt? Vậy tiếp lấy là tiếp lấy cái gì? Đây chúng ta nghe lại câu chuyện Ngũ tổ Hoàng Mai đưa Lục Tổ qua sông.

Khi ấy Lục Tổ giành lấy tay chèo, thưa: “Lúc còn mê thì nhờ thầy độ, giờ đây con phải tự độ.” Qua câu nói này chúng ta đã nhận ra chỗ thối đèn của Sùng Tín hay chưa? Sùng Tín thắp đèn đưa cho Đức Sơn là *khi mê nhờ thầy độ*. Đức Sơn vừa tiếp lấy Sùng Tín liền thổi tắt là *giờ đây con phải tự độ*. Ngay đó tự nắm lấy tay chèo! Nếu sáng được chỗ này liền rõ ý kia. Ba đời chư Phật, lịch đại Tổ sư đâu chẳng chỉ dạy chúng ta khéo nhận ra và giữ gìn một việc này? Được vậy chúng ta mới tự cứu mình và Phật, tổ cũng không uổng công!

Tóm lại chánh pháp Như Lai dù cao siêu đến đâu nhưng nếu chúng ta không chịu tỉnh giác thực hành ắt cũng khó thấy giá trị hữu ích. Trái lại phải tự mình sống dậy trong chánh pháp, đó là cửa diệu đưa mình ra khỏi khổ đau. Chính khi ấy chúng ta mới hiểu thế nào là *Ý nghĩa tối thượng*.



PHẦN III

TRÍCH GIẢNG THIÊN SỬ

1. Đạo tại trước mắt

Có vị tăng đến hỏi thiền sư Duy Khoan:

- Đạo tại chỗ nào?

Sư đáp:

- Chỉ tại trước mắt.

- Sao tôi chẳng thấy?

- Do ông có ngã nên không thấy.

- Tôi có ngã nên chẳng thấy, Hòa thượng có thấy chăng?

- Có ông có ta lẳng xẵng cũng chẳng thấy.

- Không tôi không Hòa thượng lại có thấy chăng?

- Không ông không ta ai lại cầu thấy!

Bình:

Đạo là cái gì mà lại cầu thấy. Vừa nghĩ thấy đạo, đạo đã thành cái bị thấy. Vừa thấy kia đây đạo càng xa tít. Thế nên nói: Chỉ buông xả cái thấy hai tức là đạo rồi, nói gì thấy chẳng thấy.

*Chẳng rời hiện tại thường lặng lẽ
Còn tìm tức biết anh chưa thấy.*

2. Sáu căn tức giải thoát

Thiền sư Quảng Trừng, ở Đại Đồng Tào Châu. Có vị tăng đến hỏi:

- Làm thế nào diệt được sáu căn?

Sư đáp:

- Hươi kiếm chém hư không, đâu thể gây thương tích cho các vật.

Bình:

Sáu căn vốn không lỗi, lỗi tại phân biệt mà khởi tham sân, phân biệt nếu không, tham sân từ đâu mà có, ngay đó sáu căn tức giải thoát, đâu cần diệt chẳng diệt?

3. Chẳng làm việc gì

Thiền sư Dược Sơn Duy Nghiễm, một hôm đứng hầu hòa thượng Thạch Đầu. Hòa thượng hỏi:

- Trong ấy ông làm việc gì?

Sư thưa:

- Một việc cũng chẳng làm.

- Thế ấy thì ngồi không chẳng?
- Nếu ngồi không tức là làm.
- Ông nói chẳng làm, là chẳng làm việc gì?
- Ngàn thánh cũng chẳng biết.

Bình:

Vậy ai biết cái chỗ chẳng làm? Nếu có chỗ tức thành bị biết rồi!

Thế nên, ngồi không mà tỉnh sáng tức thiền. Ngồi mà kìm tâm là chưa thoát khỏi Nhị thừa, ngồi mà tâm chạy đầu này đầu kia là thuộc phàm phu. Nếu còn thấy có chỗ làm tức còn bị trói. Tuy nhiên chớ hiểu không làm là ngồi không mặc tình tâm ý chạy đông chạy tây là lầm! Do đó nói: Chỗ này “Ngàn thánh cũng chẳng biết”.

Đó là cái chỗ chẳng làm.

4. Ông nay biết ta chẳng?

Thạch Đầu Hy Thiên đến tham vấn thiền sư Hành Tư. Sư hỏi:

- Ông từ phương nào đến?

Hy Thiên thưa:

- Con từ Tào Khê đến.
- Đem vật gì đến?
- Khi chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất.

- Nếu thế ấy sao chẳng dừng đi, đến Tào Khê làm gì?

- Nếu không đến Tào Khê đâu biết chẳng mất.

Hy Thiên lại hỏi:

- Đại sư ở Tào Khê có biết Hòa thượng chăng?

- Ông nay biết ta chăng?

- Biết, lại đâu thể biết đặng.

- Loài có sừng tuy nhiều, chỉ một con lân là đủ.

Bình:

Hỏi “đem vật gì đến”, đáp “khi chưa đến cũng chẳng mất” là cái đó vốn sẵn có. Hỏi “nếu thế ấy sao chẳng dừng đi, đến Tào Khê làm gì”, đáp “nếu không đến Tào Khê đâu biết chẳng mất” là tuy vốn sẵn có nhưng nếu không nhờ thiện tri thức chỉ cho thì đâu thể biết được. Hỏi “ông nay biết ta chăng”, đáp “biết lại đâu thể biết được” là cái chỗ đó mất Phật cũng không thể thấy. Cuối cùng câu “loài có sừng tuy nhiều nhưng một con lân là đủ”, thậm tự biết là đủ.

5. Thấy hoa đào nở

Thiền sư Chí Cẩn ở Linh Vân Phước Châu, người Trường Khê Bồn Châu. Ban đầu ở chỗ ngài Quy Sơn, nhân thấy hoa đào ngộ đạo. Sư có làm kệ:

Tam thập niên lai tâm kiếm khách

Cơ hồi lạc diệp hựu trừu chi

Tự tùng nhất kiến đào hoa hậu

Trực đáo như kim cánh bất nghi.

Tạm dịch:

*Ba chục năm qua tìm kiếm khách
 Bao lần lá rụng lại vin cành
 Từ khi thấy được hoa đào nở
 Mãi đến ngày nay lại chẳng nghi.*

Tổ Quy Sơn xem bài kệ và hỏi sở ngộ của Sư mới biết có chỗ khế hợp với ngài. Tổ bảo: “Theo duyên ngộ đến chỗ tột, hàng không lui sụt, ông phải tự khéo giữ gìn.”

Bình:

Thử hỏi chỗ nào là chỗ ngài Linh Vân ngộ? Có phải hoa đào chẳng? Và đâu là chỗ chẳng nghi? Nếu cho cái ngộ ở chỗ hoa đào thì tại sao mỗi năm Xuân về chúng ta vẫn thấy hoa đào nở mà không ngộ?

*Chớ thấy hoa đào tìm kiếm khách
 Quên rằng ôm ấp đã bao năm!*

6. Chẳng phải xưa nay

Thiền sư Sở Nam ở núi Thiên Khoảnh, Hàng Châu. Ban đầu sư tham vấn thiền sư Phù Dung, Phù Dung thấy bảo: “Ta chẳng phải thầy ông. Thầy ông là Hoàng Bá.” Sư lễ bái đến Hoàng Bá.

Hoàng Bá hỏi:

- Hình ảnh (ảnh tượng) ông khi chưa hiện trong tam giới (ba cõi) như thế nào?

Sư thưa:

- Tức hiện nay đâu phải có.

Hoàng Bá nói:

- Có không gác lại, tức hiện nay như thế nào?

Sư thưa:

- Chẳng phải xưa nay.

Hoàng Bá nói:

- Pháp nhãn của ta chính nơi ông.

Bình:

Như vậy ai biết được hình ảnh khi chưa hiện trong ba cõi? Cái này chẳng thuộc xưa nay, vượt ngoài giới hạn của thời gian:

Tuy có hiện thân trong ba cõi

Hiện tại có gì trói được y!

7. Châu ma-ni

Thiền sư Tổ hiệu Vân Tế ở núi Chung Nam. Ban đầu đến tham vấn ngài Nam Tuyên. Sư hỏi:

- Mỗi người có hạt châu ma-ni mà người chẳng biết. Hạt châu ấy ở trong tàng (kho) Như Lai, phải chính mình nhận mới được. Thế nào là tàng?

Nam Tuyên đáp:

- Cùng ông qua lại đó là Tàng

- Khi chẳng qua lại thì thế nào?

- Cũng là Tàng.

- Thế nào là châu?

Ngài Nam Tuyền liền gọi:

- Sư Tổ

Sư Tổ liền ứng thanh:

- Dạ!

Ngài Nam Tuyền nạt:

- Đi đi! Ông chẳng hội lời ta nói.

Sư Tổ từ đây có chỗ tin vào.

Bình:

Qua tiếng kêu “Dạ”, Sư Tổ đã thấy được hạt châu ma-ni.

8. Không người biết dạng y

Khoảng niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường, ban đầu Sư (thiền sư Linh Mặc) đến trụ ở đạo tràng Bạch Nhai, sau đến Ngũ Duệ.

Có vị tăng đến hỏi:

- Vật gì lớn nhất trong trời đất?

Sư đáp:

- Không người biết dạng y.

- Lại có thể điêu khắc chăng?

- Ông thử hạ thủ xem?

- Trong cửa này việc trước sau như thế nào?

- Ông nói trước mắt, từ thành đến nay bao lâu?

- Học nhân chẳng hội.

- Cái hỏi này của ta, chẳng phải cái hỏi của ông.
- Hòa thượng há không chõ tiếp người.
- Đợi ông câu tiếp ta liền tiếp.
- Xin thỉnh Hòa thượng tiếp.
- Ông kém thiếu cái gì?
- Làm sao được vô tâm?
- Núi nghiêng lấp biển thường yên tịnh.
- Đất chuyển ngử khò há động y.

Bình:

Cái “thể bằng trời đất kia, không lệ thuộc không gian, thời gian, cũng chẳng do tạo tác thành. Nếu sống được với cái đó thì tất cả động tịnh của thế gian không gì lay chuyển được. Đó là chỗ không người biết dạng!”

9. Ông hỏi cái gì?

Có vị tăng đến hỏi hòa thượng Phước Khê:

- Thế nào là tự kỷ?

Phước Khê đáp:

- Ông hỏi cái gì?
- Hòa thượng há không phương tiện?
- Ông đến đây hỏi cái gì?
- Cái gì là điên đảo?
- Hôm nay ông đáng ăn gậy trong tay của lão tăng.

Bình:

Hỏi ở trong đáp.

10. Trông hoa trên đá

Hòa thượng Thạch Đầu bảo:

- Nói năng động dụng chớ dính mắc.

Thiền sư Dược Sơn Duy Nghiễm thưa:

- Không nói năng động dụng cũng chớ dính mắc.

- Ta trong ấy một mũi kim cũng chẳng lọt.

- Con trong ấy như hoa trông trên đá.

Thạch Đầu chấp nhận và nói kệ khen:

*Tùng lai cộng trụ bất tri danh
 Nhậm vận tương tượng chỉ ma hành
 Tự cổ thượng hiền giai bất thức
 Tạo thứ phạm lưu khởi khả minh.*

Tạm dịch:

*Từ xưa chung ở chẳng rõ danh
 Ngồi đứng theo nhau trong các hành
 Chư thánh từ xưa còn chẳng biết
 Hà hướng phạm phu có thể rành.*

Bình:

“Nói năng động dụng chớ dính mắc” là chẳng chấp có. “Chẳng nói năng động dụng cũng chẳng dính mắc” là chẳng chấp không. “Ta trong ấy một mũi kim chẳng lọt, con trong ấy như hoa trông trên đá” là bật cả có không, tâm hằng miên mật không một điểm dính mắc,

không một kẻ hở, tức là hàng sống trong ấy. Rõ được chỗ này liền rõ cái kẻ “từ lâu chung ở chẳng biết tên”, vì y không tên tuổi vậy.

11. Thương đường

Thiền sư Dược Sơn Duy Nghiễm dạy chúng:

- Tổ sư chỉ dạy phải khéo bảo hộ, khi tham sân si cần thiết phải ngăn cấm chẳng để nó tăng trưởng. Nếu ông muốn biết cây khô ở Thạch Đầu, cần phải gánh vác chỗ thật (thân cây) không nhánh lá mới được. Tuy nhiên như thế, phải nên tự xem, chẳng được dứt bật nói năng. Tôi nay vì ông nói năng để hiển bày cái không nói năng. Cái ấy xưa nay vốn không tai, mắt, tướng mạo v.v...

Có vị tăng hỏi:

- Làm thế nào khỏi bị các cảnh làm mê lầm?

Sư đáp:

- Ngoại cảnh có gì ngại được ông?

- Con chẳng hội.

- Cảnh đâu làm ông mê lầm?

Bình:

1/ Cái cội nguồn chân thật ấy là cái không thể ngôn ngữ; còn có ngôn ngữ chỉ là cành lá. Cho nên nói: “Cái ấy xưa nay vốn không tai, mắt, tướng mạo v.v...”

2/ Cảnh vốn không làm lầm người chỉ tại người tự lầm cảnh. Nghĩa là tự mê mình mà chạy theo cảnh, thành ra bị cảnh chuyển, không thấy được sự thật. Nếu ngay nơi cảnh mà tỉnh giác trở lại thì có gì chướng ngại?

12. Sanh diệt khứ lai

Thiên sư Như Mãn ở Phật Quang, Lạc Kinh đáp những câu hỏi của vua Đường Thuận Tông.

Vua hỏi:

- Phật đản sanh từ phương nào đến? Khi nhập diệt đến phương nào? Đã nói ngài thường trụ ở đời. Vậy nay Phật ở đâu?

Sư đáp:

- Phật từ vô vi đến, khi diệt độ trở về với vô vi. Pháp thân đồng hư không, thường trụ chỗ vô tâm, có niệm về vô niệm, có trụ về vô trụ, đến vì chúng sanh đến, đi vì chúng sanh đi, trong sạch chân thật như biển, thể hằng vắng lặng. Người trí khéo xét biết, chớ sanh niệm hồ nghi.

Vua hỏi:

- Phật đản sanh tại vương cung khi nhập diệt giữa rừng song thọ, thuyết pháp bốn mươi chín năm, tại sao nói Phật không nói một pháp? Núi sông, biển lớn, trời đất, mặt trời, mặt trăng trải qua thời gian (thời chí) cũng đều hoại diệt, tại sao nói chẳng sanh, chẳng diệt? Những điều nghi ấy xin bậc trí khéo giản trạch.

Sư đáp:

- Thể tánh của Phật vốn vô vi, do mê tình (chúng sanh) vọng phân biệt, pháp thân đồng hư không, chưa từng có sanh diệt, có duyên Phật ra đời, hết duyên Phật nhập diệt. Những nơi giáo hóa chúng sanh cũng như bóng trăng hiện trong nước, chẳng phải thường

chẳng phải đoạn, chẳng phải sanh chẳng phải diệt; sanh cũng chưa từng sanh, diệt cũng chưa từng diệt. Thấy rõ chỗ vô tâm tự nhiên không có một pháp để nói.

Vua nghe xong rất vui vẻ và càng kính trọng Thiên tông.

Bình:

Ngài chỉ thẳng Phật pháp thân không sanh diệt đến đi, có đến đi là thuộc hóa thân, tuy hiện có sanh diệt đến đi mà thể hằng vắng lặng, như bóng trăng trong nước không thể nói có hay không. Nếu thấy được chỗ không tâm thì Phật thường hiện tiền, nhận được chỗ không tâm liền thấy *Phật không nói pháp*. Phải khéo nhận kỹ chớ kẹt trên ngôn từ!

13. Từ trong ấy ra

Thiền sư Hy Thiên ở núi Nam Nhạc, Thạch Đầu.

Sư con nhà họ Trần, quê ở Cao Yếu, Đoan Châu. Ban đầu đến Tào Khê đăng độ. Khi Sư chưa thọ giới cụ túc lại gặp lúc Lục Tổ thị tịch. Vâng lời di chúc, Sư đến yết kiến ngài Thanh Nguyên và xin y chỉ. Một hôm Thanh Nguyên hỏi Sư:

- Có người nói Lãnh Nam (nơi Lục Tổ ở) có tin tức (đại đạo) phải chăng?

Sư thưa:

- Có người chẳng nói Lãnh Nam có tin tức.

- Nếu thế ấy Đại tạng, Tiểu tạng từ đâu mà ra?

- Từ trong ấy mà ra.

Ngài Thanh Nguyên gật đầu chấp nhận.

Bình:

Cái gì là trong ấy?

Ba đời chư Phật thâm hộ niệm!

14. Đãi gạo

Ở Động Sơn, Tuyết Phong đang đãi gạo, Khâm Sơn hỏi:

- Đãi cát bỏ gạo hay đãi gạo bỏ cát?

Sư đáp:

- Gạo cát đồng thời bỏ.

Khâm Sơn hỏi:

- Đại chúng lấy gì ăn?

Sư bèn lật úp thau đãi gạo. Khâm Sơn nói:

- Cứ theo nhân duyên này huynh hợp ở Đức Sơn.

Trong đây ai có thể đáp một câu để khỏi bị người kiểm điểm xem?

Bình:

Gạo là gạo cát là cát, chẳng dính dáng gì đến việc kia!



ĐÔI LỜI NHẮN NHỦ

Các huynh đệ thân mến!

Ghi xong ba tập Nhật Lá Bò-đề, chúng tôi có đôi lời khuyến khích các huynh đệ. Với một số tài liệu này đã đủ chúng ta soi sáng trên bước đường tu tiến không còn gì phải lo lắng nữa. Vậy điều cần yếu là chúng ta hãy đọc cho thật kỹ, nhận sâu vào để có một niềm tin vững mạnh, tiếp theo đó là chân thực hành trong sự sáng suốt của chính mình. Bởi vì chúng ta có thật tu, thật sáng thì mới có thể nếm mùi pháp vị, mới chứng thật con đường giải thoát khổ đau mà Phật tổ đã nhiều kiếp nhọc nhằn trải qua và chỉ lại cho chúng ta. Kỳ nhất là những ai chỉ biết học cho nhiều để làm giàu miệng lưỡi mà lý luận với người hay bám giữ lời Phật tổ cho là chỗ thấy của mình rồi sanh ngã mạn cống cao, hoặc đem lời Phật tổ che đậy lỗi mình đó là chúng ta tự đọa mà không hay biết. Chư tổ vẫn thường quở những kẻ ấy là *thánh nhân văn tự* hay *thiên đầu môi*, rốt cuộc cũng là bụng trống lòng không, chọt cơn vô thường đến đâu tránh khỏi co đầu rút cổ, chân tay cuống quýt. Chừng ấy bao nhiêu cái thông minh thuở trước có dùng được gì?

Do vậy, hoàn tất tập ba này, ngang đây chúng tôi dừng lại, để nhường phần cho các huynh đệ thưởng thức vị ngon của đề hồ, nghĩa là tự tu tự tỉnh tự thành tự lấy mục đích cao thượng của người con Phật. Đường lối đã sáng tỏ, lý thật đã rộng bày, mỗi người ai ai cũng đều đủ “một việc lớn chưa từng có” chỉ còn chờ đợi chúng ta

có chịu nhận hay không mà thôi. Ngàn kinh muôn quyển đâu chẳng nhằm chỉ chúng ta quy về tánh thật, là mục đích chung của tất cả. Do đó, nếu chúng ta ôm của quý trong người mà không chịu lấy ra dùng thì lỗi ấy khỏi phải trách ai và nơi này, chốn nọ đói khát xin ăn, thật là điều đáng hổ thẹn!

Vậy giờ đây chư huynh đệ với chúng tôi hãy cùng nhau sẵn sàng tiến bước chớ để ngày tháng chóng qua, vô thường chợt đến mà quờ quạng trong không, uổng cả một đời. Mong rằng ba tập sách nhỏ này sẽ đem lại nhiều lợi ích cho các huynh đệ, chứ không phải những lời nói suông!

Chúc các huynh đệ thường sống với lẽ chân.

